ĐẠI TÙY CẦU PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

DẪN NHẬP

Đại Tùy Cầu Bồ Tát tên phạn là **Mahā-pratisāraḥ**, dịch âm là Ma Ha Bát La Để Tát Lạc, tức **Đại Tùy Cầu Bồ Tát**, lược xưng là Tùy Cầu Bồ Tát. Ngài là một Hóa Thân của **Quán Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) và là một Tôn trong Quán Âm Viện trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) của Mật Giáo.

Do Tôn này có Nguyện Lực rất thâm sâu, thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh khiến cho được viên mãn, lại diệt trừ Tội Vô Gián; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc…. nên có tên là **Đại Tùy Cầu** và là vị Bồ Tát thuộc tín ngưỡng trong thời Mạt Thế



_ Kinh **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** ghi nhận là: "Nếu như có người nào nghe thấy Chú này, liền hay tiêu diệt tội chướng. Nếu thọ trì đọc tụng, thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, chất độc chẳng thể hại, hay được sự hộ thủ của tất cả Hộ Pháp. Nếu viết chép Chú này đeo ở trên cánh tay và ở dưới cổ, thì người này thường hay được sự gia trì của tất cả Như Lai".

_ Trong **Phật nói Kinh Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** ghi nhận Công Đức của **Đại Tùy Cầu Bồ Tát Thần Chú** này là: “Đại Tùy Cầu này tức là Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú, hay ban cho chúng sinh sự an vui tối thắng, chẳng bị tất cả Dạ Xoa, La Sát và các bệnh điên loạn, cùi hủi, Quỷ đói, Quỷ Tắc Kiến Đà, các hàng Quỷ Thần gây não hại; cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại về chiến đấu oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trớ yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước thảy đều tiêu diệt, chất độc chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm, chẳng bị sấm chớp, sét đánh, gió ác, mưa bão không đúng thời…. gây tổn hại.

Nếu có người Thọ Trì Thần Chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc lành thanh tịnh tối thắng. Thường được Chư Thiên Long Vương ủng hộ. Lại được Chư Phật, Bồ Tát nghĩ nhớ, các Thiên Thần Chúng luôn luôn theo ủng hộ.

Nếu có người nữ Thọ Trì Thần Chú này sẽ có thế lực lớn, thường sinh con trai, Thọ Trì lúc mang thai thì thai được an ổn, khi sinh sản được an vui, không có các bệnh tật. Mọi tội tiêu diệt nhất định không còn nghi ngờ gì, do lực Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận, thường được tất cả điều cung kính”

.)Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3 ghi nhận là:

“Lại nói Pháp Tam Ma Địa. Thời A Xà Lê quán tưởng chữ **Bát-lam** (:Praṃ) biến thành Đại Trí, Đại Trí hoá thành **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát** (Mahā-pratisāra-bodhisatva) có tám cánh tay, bốn mặt, mỗi mặt đều có ba con mắt. Thân hiện màu vàng ròng, đủ Uy Đức lớn, làm thế Cống Cao không sợ hãi. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm bánh xe, tay thứ ba cầm cây Tam Xoa, tay thứ tư cầm mũi tên. Bên trái: tay thứ nhất cầm chày Kim Cương, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây búa, tay thứ tư cầm cây cung. Ngồi ở trên hoa sen, phóng ánh sáng lớn như một ngàn mặt trời, hay trừ các ác

Pháp Tam Ma Địa này. Hết thảy người nữ có con bị chết trong bào thai thời A Xà Lê y theo Pháp quán tưởng thân mình là **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī) cầm cái bình Át Già của các Hiền Thánh bên trong Mạn Noa La bí mật ấy rưới lên đỉnh đầu của người nữ, lại tưởng hết thảy đức con có Phước mỏng chẳng phải là người trong bào thai của người nữ ấy. Dùng Ấn với Chân Ngôn làm Phát Khiển Tịnh Trừ tội chướng xong, lại tưởng bào thai ấy nhiếp nhập đứa con có Phước, thời người nữ kia được đứa con an ổn.

Đây gọi là **Quán Sát Nhất Thiết Thai Tạng Tuỳ Cầu Đại Trí Tối Thắng Kim Cương Tam Ma Địa**”.

.)Phật Thuyết Du Già Đại Giáo Vương Kinh, quyển 3 ghi nhận là:

“Bấy giờ Đức Thế Tôn Đại Biến Chiếu Kim Cương Như Lai lại nhập vào **An Ổn Nhất Thiết Thai Tạng Biến Hoá Kim Cương Tam Ma Địa**. Ra khỏi Định này xong, nói **Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“Án, ma ni đạt lý (1) phộc nhật-lý ni (2) ma hạ bát-la để tát lý, sa-phộc hạ (3)”

Oṃ_ Maṇi-dhārī-vajrīṇi mahā-pratisārī svāhā

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Chân Ngôn này xong, thời hết thảy tất cả Ma Oán đại ác với các hàng Đại Lực Quỷ Thần thường ở nhân gian xâm hại Hựu Tình, ăn đứa con trong bào thai ấy…nghe Đại Minh này thảy đều kinh sợ như lửa thiêu đốt thân, đi đến chỗ Đức Phật ngự thảy đều lễ bàn chân của Phật rồi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các Ma chúng con thọ nhận Tam Muội của Phật. Từ nay về sau chẳng hại chúng sinh, chẳng ăn đức con trong bào thai, ủng hộ hữu tình làm cho an ổn”

.)Liên quan đến Linh Nghiệm ấy, căn cứ theo sự ghi nhận của Kinh **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tịnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tùy Cầu Đà La Ni** là: "Ở trong đại thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc **La Hầu La** Đồng Tử (Rāhula) còn nằm trong thai mẹ thì mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara) bị ném vào trong hầm lửa, bất chợt La Hầu La nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy bỗng nhiên hóa thành ao Sen.

….. Ở thành **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyện Thủ** (Pratisāra-pāni) không có con, dùng Đà La Ni này viết chép đeo ở dưới cổ phu nhân mà cuối cùng thỏa mãn được ước nguyện"

….. Nếu có nơi nào lưu truyền Đại Tùy Cầu Đà La Ni này, nên dùng Hương Hoa, Phướng, Lọng mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp hoặc để trên đầu cây Phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiễu quanh cúng dường, chân thành lễ bái thì mọi mong cầu ước nguyện đều được đầy đủ.

Nếu hay y Pháp viết chép, đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở được an vui"

_ Trong **Tùy Cầu Bồ Tát Cảm Ứng Truyện**, quyển 3 có ghi chép các loại Linh Nghiệm có liên quan đến Đại Tùy Cầu Đà La Ni này...

_ Trong "**Đại Tùy Cầu Tức Đắc Đại Đà La Ni Minh Vương Sám Hối Pháp**" có ghi chép "**Tùy Cầu Bát Ấn**". Căn cứ vào sự ghi chép thì: Xưa kia Đức Thế Tôn tu học khổ hạnh, vì còn có tội, sám hối chẳng thể hết được, mới liền kết Khế Ấn này sám hối, nên hết thảy chướng nạn nhất thời diệt hết, được mười phương Chư Phật thọ ký, đời sau có tên là **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākya-muṇi-buddha)

Về các Bản Thư liên quan đến Pháp Đại Tùy Cầu thì có rất nhiều (hơn 21 loại) nhưng tôi chỉ có thể biên dịch một số Bản được ghi chép trong Mật Tạng Quyển 3, Đại Tạng Kinh tập 61, Đồ Tượng Quyển 3, 5, 6, 9 nên vẫn chưa được hoàn chỉnh. Riêng Bài **Đại Chân Ngôn** và bài **Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni** thì tôi xin mạo muội phục hồi và ghi chép lại nghĩa thú của từng câu Chân Ngôn.

Vào năm 1998, tôi đã lưu hành các bản ghi chép này nhưng không thể sao chép được phần Phạn văn. Nay nhờ sự giúp đỡ của Thầy **Thích Pháp Quang** và em **Tống Phước Khải** nên tôi đã chèn thêm được phần Phạn văn vào các bài Chú cần thiết, đồng thời hiệu chỉnh lại các Kinh Bản đã dịch… nhằm giúp cho người đọc có thể tự đọc được chữ **Tất Đàn** (Siddhaṃ) và dễ dàng tham cứu các Kinh Bản do nước ngoài lưu truyền.

Điều không thể tránh khỏi là bản ghi chép này vẫn còn sự sai sót. Do vậy tôi chân thành xin các Bậc Tiền Bối, các Bậc Long Tượng trong Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo cho chúng tôi sửa chữa kịp thời những lỗi lầm của mình ngỏ hầu giúp ích cho những người cầu học Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cám ơn em Mật Trí (**Tống Phước Khải**), em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý**), các con tôi đã hỗ trợ tài liệu, đánh một số Kinh Bản và scan hình ảnh để giúp tôi hoàn thành tập ghi chép này

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Ngọc Thắng**, vợ chồng em **Thông Toàn**, em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong từng thời gian soạn dịch và hiệu chỉnh Kinh Bản.

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Giáp Ngọ (2014)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát có thân hình màu vàng đậm, đầu đội mão hoa báu bên trong có tượng Đức Phật, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, 8 cánh tay đeo vòng xuyến giơ cao lên theo dạng Vô Úy. Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm: Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa. Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm: Hoa sen bên trên có bánh xe (hoặc bánh xe), rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.... ngồi trên hoa sen màu đỏ.



_Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) viên mãn

.)**Đầu đội mão hoa báu bên trong có tượng Đức Phật** đại biểu cho năm Trí của Như Lai được gọm tụ trong **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn

.)**Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

.)Bên phải:

Tay chính cầm cái chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (Tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**). Hoặc có thể nói là chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính chẳng thể bị phá hoại, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng động chẳng lay, chẳng đến chẳng đi, chẳng dơ chẳng sạch như **Kim Cương** (Vajra)

Tay bên trên cầm cây kích đại biểu cho sự tồi phục quân Ma, đặc biệt chỉ **Ngoại Ma**

Tay ở giữa cầm cây búa đại biểu cho sự tồi phá tất cả Trọng chấp (sự chấp dính nặng nề)

Tay bên dưới cầm cây kiếm đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ tất cả Ngoại Đạo, Tà Pháp, Tà Tri, Tà Kiến

Bốn Pháp Khí này biểu thị cho Pháp **Giáng Phục** (Abhicāruka)

.)Bên trái:

Tay chính cầm bánh xe hoa sen đại biểu cho sự thanh tịnh không có nhiễm dính thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận

Tay bên trên cầm rương Kinh Phạn đại biểu cho Trí Tuệ sâu rộng như biển, vào sâu trong Kinh Tạng

Pháp Khí trong hai bàn tay này còn biểu thị cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika)

Tay ở giữa cầm cái lọng đại biểu cho Đại Bi âm thầm hộ giúp cho chúng sinh, đồng thời biểu thị cho Pháp **Tức Tai** (Śāntika)

Tay bên dưới cầm sợi dây đại biểu cho sự nhiếp nhận chúng sinh tiến vào Phật Đạo, lìa khổ được vui, đồng thời biểu thị cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa)

.)**Ngồi trên hoa sen màu đỏ** đại biểu cho Thiền Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên cốt tủy của Tâm Đại Bi

Toàn thể Tôn Tượng đại biểu cho ba Thân **Pháp, Báo, Hóa** của Đức Phật với bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục**





大随求菩萨




大隨求菩薩



_Theo Chùa Thiền Lâm thì tay bên phải cầm sợi dây, tay bên trái cầm Kích Xoa. Như vậy thì 2 vật khí này được ghi nhận trái ngược nhau. Nay căn cứ vào Bản PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH thì 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển thượng biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Vương Đại Tâm Chân Ngôn hàm chứa 4 tay Ấn: Ngũ Cổ Kim Cương Ấn, Phủ Việt Ấn, Sách Ấn, Kiếm Ấn. Còn 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển hạ biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Phi Đại Tâm Chân Ngôn bao hàm 4 tay Ấn : Luân Ấn, Tam Cổ Xoa Ấn, Như Ý Bảo Ấn, Đại Minh Tổng Trì Ấn. Do vậy thì vật khí bên trái chính là sợi dây và vật khí bên phải chính là Cây Kích.



_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tùy Cầu Bồ Tát** có thân màu vàng đậm, bốn mặt: mặt chính màu vàng, hai mặt bên phải theo thứ tự có màu trắng và xanh dương đậm, mặt bên trái màu đỏ, đội mão năm cánh sen, tám cánh tay: bốn tay bên phải theo thứ tự cầm cây kiếm, bánh xe, cây kích ba chia, mũi tên. Bốn tay bên trái theo thứ tự cầm: cây cung, sợi dây, cây búa, chày Kim Cương… nửa thân trên lõa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi trên hoa sen trắng.



སོ་སོར་འབྲང་མ 大隨求菩薩（清朝）

Ý nghĩa của Tôn Tượng:

.)**Thân màu vàng đậm** đại biểu cho **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) viên mãn

.)**Đầu đội mão năm cánh sen** đại biểu cho năm Trí của Như Lai, tượng trưng cho **Pháp Thân** (Dharma-kāya) viên mãn

.)**Bốn mặt** đại biểu cho bốn loại sự nghiệp Độ Sinh: **Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục**. Trong đó:

Mặt màu vàng biểu thị cho Công Đức **Giáng Phục**

Mặt màu trắng biểu thị cho Công Đức **Tức Tai**

Mặt màu xanh dương biểu thị cho Công Đức **Tăng Ích**

Mặt màu đỏ biểu thị cho Công Đức **Kính Ái**

.)**Tám cánh tay** đại biểu cho ngàn trăm ức **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya)

.)Bên phải:

Tay cầm cây kiếm đại biểu cho Trí Tuệ, phá trừ Tà Ma bên ngoài, diệt trừ Vô Minh phiền não bên trong

Tay cầm bánh xe đại biểu cho sự thường chuyển bánh xe Pháp, rộng độ Nghiệp lớn của chúng sinh không có cùng tận

Tay cầm cây kích ba chia đại biểu cho sự thuận theo **Tam Bảo** khắc phục được **Thân miệng Ý**

Tay cầm mũi tên đại biểu cho Trí Tuệ Đại Bi xuyên phá sự mê tín sai lầm

.)Bên trái:

Tay cầm cây cung đại biểu cho **Tính trống rỗng** (Śūnyatā:Không Tính) là phượng tiện khéo léo của Phật Pháp

Tay cầm sợi dây đại biểu cho sự cột buộc Tà Niệm, bắt trói Ma Chướng, dẫn dắt chúng sinh đi vào Chính Đạo

Tay cầm cây búa đại biểu cho sự phá bỏ Tà Ác, hủy diệt oán địch

Tay cầm cái chày Kim Cương đại biểu cho Tự Tính như Kim Cương, hay phá tất cả phiền não, lại chẳng bị phiền não làm cho lay động (tức **không có chỗ trụ mà sinh Tâm ấy**), biểu thị cho Giáo Pháp bất hoại của Đức Phật Đà

.)**Ngồi trên hoa sen màu trắng** đại biểu cho Thiền Định thâm sâu, trăm ngàn Tam Muội của Phật được biểu hiện trên thân Đại Bi thanh tịnh

_Truyền thống khác ghi nhận Tôn Tượng **Đại Tùy Cầu Phật Mẫu** có thân màu vàng đậm, ba mặt: mặt chính màu vàng, mặt bên phải màu trắng mặt bên trái màu đỏ, đội mão năm cánh sen, tám cánh tay: Bên phải: tay chính cầm bánh xe, ba tay còn lại theo thứ tự cầm cây kiếm, cây kích ba chia, mũi tên. Bên trái: tay chính cầm sợi dây, ba tay còn lại theo thứ tự cầm: chày Kim Cương, cây búa, cây cung… nửa thân trên lõa thể, cổ đeo chuỗi Anh Lạc, thân dưới mặc quần lụa màu, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này cũng tương tự như bên trên, chỉ có ba mặt đại biểu cho 3 Đức: Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Trong đó

Mặt màu vàng biểu thị cho Đức **Pháp Thân**

Mặt màu trắng biểu thị cho Đức **Bát Nhã**

Mặt màu đỏ biểu thị cho Đức **Giải Thoát**



_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận một số Man Đa La của Đại Tùy Cầu Phật Mẫu là:







CHỮ CHỦNG TỬ, TAM MUỘI GIA HÌNH, CHÂN NGÔN CỦA ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

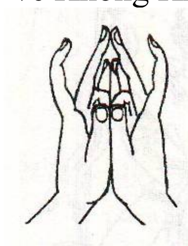
Đại Tùy Cầu Bồ Tát này có Mật Hiệu là **Dữ Nguyện Kim Cương**. Chủng Tử là PRA () biểu thị cho Chân Đế (_ PA: Nhất Nghĩa Đế) và Tục Đế (_ RA: Bụi của cõi tục) nên được xưng là **Lý Trí Bất Nhị Tôn**. Tam Muội Gia Hình là Rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp) là Lý biểu thị cho **Định Tuệ Nhất Thể**.

Ngoài ra Tôn này còn có các Chủng Tử khác là : SA (), VAṂ (), AḤ (), HŪṂ () với Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đỗ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.

Theo **Tùy Cầu Bát Ấn tinh** (và) **Thập Đại Ấn** (1 Quyển_ **Duy Cẩn_Từ Vận**) thì có 10 Ấn nhưng chỉ lưu truyền cho Thế Gian 8 Ấn. Tám Ấn này biểu thị cho 8 vật khí cầm tay, khi kết các Ấn này sẽ hiển hiện 8 tay của Bản Tôn. Trong đó 4 tay bên phải với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Vương**; 4 tay bên trái với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Phi**.

Tám Ấn Chân Ngôn là :

1. **Ngũ Cổ Kim Cương Xử Ấn** (Căn Bản Ấn): Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm lại thành quyền (Nội tương Xoa) hợp cứng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ ở sau ngón giữa và hơi co lại như móc câu. Đều hợp cứng 2 ngón út và 2 ngón cái rồi hơi co lại liền thành. Ấn này còn được gọi là Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương Ấn, Phát Bồ Đề Tâm Ấn, Sám Hối Ấn. Khi kết xong thì gia trì ở 5 nơi là: trái tim, đỉnh đầu, tam tinh, lông mày bên phải, lông mày bên trái. Chân Ngôn là A VIRA HŪṂ KHAṂ, trong đó A (: Trì quốc_ Giữ gìn đất nước), VĪ (: Đại Bi làm gốc), RA (: Phương tiện làm cứu cánh), HŪṂ (: Tấ cả Như Lai Bí Mật Thần Thông), KHAṂ (: Các Pháp chân thật_ Tất cả các Pháp rốt cuộc quy về Không Không) hoặc dùng **Đại Chân Ngôn**.



Đại Chân Ngôn tên Phạn là **Mahā-pratisāra-vidya-dhàraṇī** lại ghi là: Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni, Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni, Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn. Lược xưng là Tùy Cầu Đà La Ni. Đây là Chân Ngôn hay tiêu diệt tất cả tội chướng, phá trừ nẻo ác, tùy sự mong cầu liền được phước đức.

Câu chữ của Chân Ngôn này thì các Kinh ghi không giống nhau. Tuy vậy nội dung của Chân Ngôn thì không khác nhau bao nhiêu. Ví dụ Bản của Ngài Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG ghi là MAMA SARVA SATVĀNĀṂCA (: Tôi và tất cả chúng hữu tình) thì bản của Ngài BẢO TƯ DUY ghi là MAMAṢYA (: Nhóm chúng tôi) hoặc một vài câu có ghi trong bản này nhưng không được ghi trong bản kia. Tựu trung nội dung của Bài Đại Chân Ngôn có thể chia làm ba đoạn

Đoạn đầu biểu thị cho *lý Quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo*

Đoạn giữa diễn nói là ***Tùy Cầu Bồ Tát bạt tế hết thảy tội chướng, sự sợ hãi, bệnh tật của tất cả chúng sinh khiến cho thân tâm an vui, viên mãn sự mong cầu***

Đoạn cuối diễn nói là ***Người thọ trì Đà La Ni sẽ được các hàng Trời, Rồng, Quỷ Thần… thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai***.

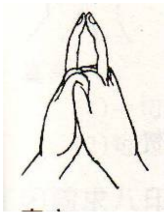
2. **Phủ Việt Ấn** : Tay trái úp, tay phải ngửa sao cho dính lưng nhau. 10 ngón tay cùng trợ nhau móc lưng như hình cái búa.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn:**

OṂ_ SARVA-TATHĀGATA-MŪRTTE PRAVARA VIGATI, BHAYE ŚAMAYAṂ SVAME BHAGAVATI, SARVA-PĀPEBHYAḤ SVASTIRBHAVATU, MUṆI MUṆI VIMUṆI CARE CALANI, BHAYA VIGATE, BHAYA HĀRAṆI, BODHI BODHI, BODHIYA BODHIYA, BUDHILI BUDHILI, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA JUṢṬAI SVĀHĀ

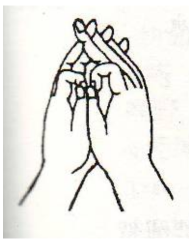
3. **Sách Ấn**: Hai tay nội tương xoa, dựng 2 ngón giữa rồi hơi co lại sao cho phần trên trụ dính nhau giống như hình sợi dây liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Ấn Chân Ngôn**:

OṂ_ VAJRA-VATI VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE, TATHĀGATA-MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRE SVĀHA

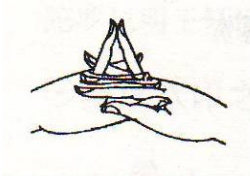
4**. Kiếm Ấn**: Chắp 2 tay, co lóng giữa của 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón cùng trụ nhau liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Bị Giáp Chân Ngôn**:

OṂ_ MUṆI MUṆI MUṆI VARE, ABHIṢIṂCA TUMĀṂ, SARVA-TATHĀGATA SARVA-VIDYA ABHIṢEKAI, MAHĀ-VAJRA-KAVACA-MUDRA MUDRITEḤ, SARVA-TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ

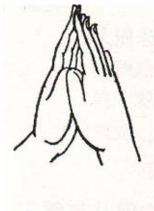
5. **Luân Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, hợp đứng 2 ngón vô danh, giao cứng 2 ngón út liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn**:

OṂ_ AMṚTA VARE, VARA VARA PRAVARA VIŚUDDHE, HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

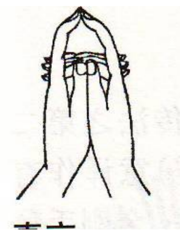
6. **Tam Cổ Xoa Ấn** : Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Các ngón còn lại hợp cứng như hình Tam Kích Xoa liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Kết Giới Chân Ngôn**:

OṂ_ AMṚTA-VILOKINI-GARBHA SAṂRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI, HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

7. **Như Ý Bảo Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, 2 ngón trỏ trụ như hình Báu, kèm cứng 2 ngón cái liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tâm Trung Tâm Chân Ngôn**:

OṂ_ VIMALE-JAYA-VARE-AMṚTE HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

8. **Đại Minh Tổng Trì Ấn**: Tay trái ngửa ngay trái tim, đem tay phải úp trên tay trái, cùng cài nhau khiến cho bằng phẳng liền thành.



Chân Ngôn là **Nhất Thiết Như Lai Tùy Tâm Chân Ngôn**:

OṂ_ BHARA BHARA SAṂBHARA SAṂBHARA INDRIYA VIŚODHANE NŪṂ HŪṂ RURU CALE SVĀHĀ

Tám Ấn Chân Ngôn này biểu thị cho Lý Trí. Riêng Ấn thứ tám (Phạn Khiếp Ấn) dung hòa 5 Trí của 2 Bộ. Tất cả chư Phật Pháp Tạng dùng 5 Trí làm gốc. 5 Trí của 2 Bộ hòa hợp biểu thị cho một Đại Pháp Giới, trong Cung Pháp Giới này dung nhiếp tám vạn Pháp Tạng. Đại Sư nói theo thứ tự là **Nghịch chuyển Tiểu Thừa, Thuận chuyển Đại Thừa**. Trong rương Kinh Phạn dung nạp nghĩa thú rõ ràng của tất cả Giáo Pháp về Đại Tiểu Thừa cho nên Ấn Ngôn này có công năng thù thắng. Do vậy Ấn Ngôn này thường được dùng để tác Bản Tôn gia trì. Ngoài ra tụng Tùy Tâm Chân Ngôn có thể làm ngưng các tai nạn, diệt tội chướng và tất cả nguyện cầu đều được mãn túc.Riêng Tùy Tâm Chân Ngôn thì Bản của Ngài Bảo Tư Duy có ghi thêm câu KURU CALE (: Làm cho lay động) vào cuối Bài Chú mà các Bản khác không có.

_Thông thường người tu Mật Pháp này hay trì tụng Lược Pháp của 8 Ấn Chân Ngôn là:

1. ?

OṂ VAJRĀYA SVĀHĀ (Ngũ Cổ)

2.

OṂ PRAŚŪ SVĀHĀ (Việt Phủ)

3.

OṂ PĀŚA SVĀHĀ (Quyến sách:sợi dây)

4.

OṂ KHAḌGA SVĀHĀ (Bảo Kiếm)

5.

OṂ CAKRA SVĀHĀ (Luân)

6.

OṂ TRIŚŪLA SVĀHĀ (Tam Cổ Xoa)

7.

OṂ CINTĀMAṆI SVĀHĀ (Bảo:viên ngọc Như Ý)

8.

OṂ MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ (Phạn Khiếp:Rương Kinh Phạn).

Tám Đạo Chú này đều được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đẳng chư Phật cùng nhau diễn nói, cùng nhau khen ngợi, cùng nhau tùy hỷ nên 8 Chân Ngôn này có thế lực lớn, hay giáng phục Ma Chúng. Nếu viết chép, đeo giữ, tâm thường ghi nhớ 8 Đạo Chú này thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc Bất Cát Tường chẳng phạm vào thân.

Đôi khi các bậc Đạo Sư lại gom 8 Đạo Chú trên thành môt câu và truyền dạy cho đệ tử là:

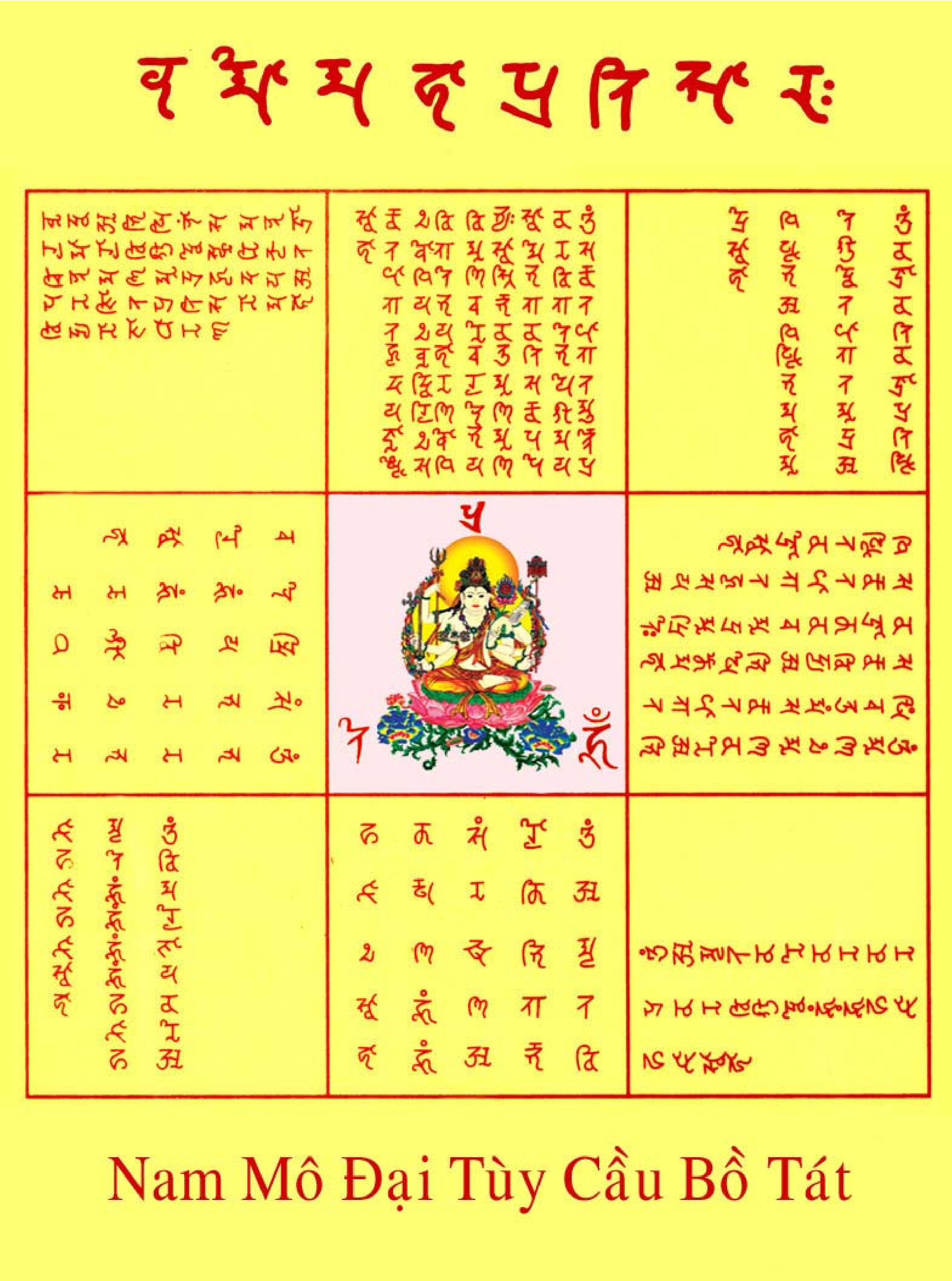
OṂ _ VAJRA PARAŚŪ PĀŚA KHAḌGA CAKRA TRIŚŪLA CINTÀ-MAṆI MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆI SVĀHĀ

Ngoài ra trong Kinh Tạng còn ghi nhận thêm một câu Chú khác của Đại Tùy Cầu Bồ Tát là:

OṂ _ MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRI SVĀHĀ

_Trong trang web dharanisangraha của Nepal có ghi nhận câu Chú của Đại Tùy Cầu (Pratisarā-dhāraṇī) là:

OṂ _ MAṆI-DHĀRI VAJRIṆI MAHĀ-PRATISĀRE HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ


Nam Mô Đại Tùy Cầu Bồ Tát

ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI CHÚ LUÂN

Chú Luân này là **Chú Văn** của **Đại Tùy Cầu Đà La Ni**. Đại Tùy Cầu Bồ Tát có tám cánh tay đều cầm Pháp Khí: chày Kim Cương, cây búa, sợi dây, cây đao, Ngọc Như Ý, bánh xe, cây kích, rương Kinh… ngồi trong hào quang tròn lớn, bên trong hào quang tròn ghi chép đầy đủ Đà La Ni bằng Phạn Văn

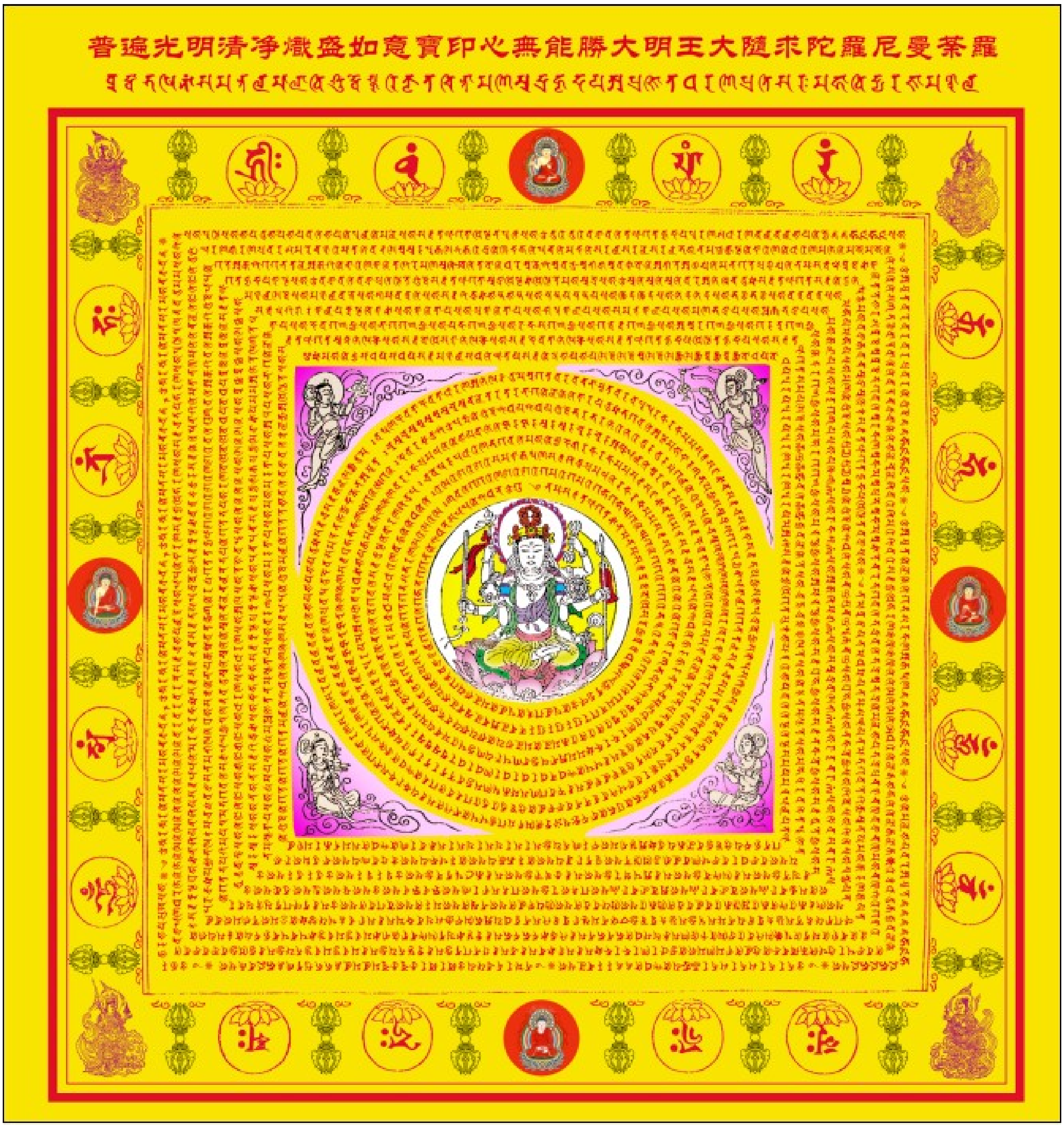
_Công Đức lợi ích của Đại Tùy Cầu Đà La Ni Chú Luân: Nếu người y theo Pháp viết chép Đại Tùy Cầu Đà La Ni này rồi đeo ở cổ, trên cánh tay thì nên biết

Người này là nơi mà tất cả Như Lai đã gia trì
Người này ngang bằng đồng với thân của tất cả Như Lai
Người này là thân Kim Cương bền chắc
Người này là thân của tất cả Như Lai Tạng
Người này là con mắt của tất cả Như Lai
Người này là thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai
Nên biết người này hay tồi phá tất cả Oán Địch
Người này hay thiêu đốt tất cả tội chướng
Người này hay tịnh hóa được nẻo Địa Ngục






普遍光明清淨熾盛如意寶印心無能勝大明王大隨求陀羅尼
金剛頂瑜伽最勝祕密成佛隨求即得神變加持成就陀羅尼
樂多–飛天馬的家
http://blog.roodo.com/flyhorse/


普遍光明清淨熾盛如意寶印心無能勝大明王大隨求陀羅尼曼荼羅

CÔNG HIỆU CỦA PHÁP ĐẠI TÙY CẦU

Do **Đại Tùy Cầu** cũng là ý tưởng **tất cả sự mong cầu đều được như nguyện**, cho nên Pháp Đại Tùy Cầu có Uy Lực thỏa mãn mọi nguyện cầu thuộc Thế Gian (tài phú, mạnh khỏe, sống sâu) với Xuất Thế Gian (cầu sinh về Tịnh Thổ, thành Phật). Công hiệu của Pháp Đại Tùy Cầu là:

1_Thành tựu tất cả Chân Ngôn Pháp

2_Hay tồi diệt tội nặng cực ác khó điều phục

3_Chiến đấu ở nơi nguy hiểm chẳng bị Oán Địch hủy hoại mà đều diệt hoại được kẻ địch, cuối cùng không có sợ hãi Oán Địch

4_Hoại diệt được các Quỷ Mỵ: mạnh ác, hút Tinh Khí, Quỷ Mỵ thường hại hữu tình

5_Chẳng bị các Pháp **Chú Trớ** gây hại, chẳng bị trúng **Cổ Độc**

6_Hết thảy tai nạn về: nước, lửa, dao gậy, chiến tranh, sấm sét, mưa đá sương mù, gió mạnh bạo, mưa ác… đều được giải thoát

7_Mọi sự cầu nguyện đều thành, tất cả ước nguyện thảy đều được như ý

8_Nếu người nữ mang thai, trì Đà La Ni này đều hay khiến cho thai nhi bình yên, sinh nở được an vui

9_Lời nói ra khiến người ưa thích nghe, đi đến chỗ nào đều nhận được sự cung kính

10_Chẳng gặp mộng ác, ngủ nghỉ được an lành

11_Giúp cho vong linh được sinh về cõi Trời

12_Hay ngưng dứt được sự đấu tranh kiện tụng

13_Hay trừ khử loài trùng gây hại cho nhà nông, khiến cho tất cả mầm lúa, hoa quả đều được tăng trưởng, có mùi thơm, vị ngon ngọt

14_Khi khí hậu khô hạn nắng lâu dài, do uy lực của Đà La Ni này thời Long Vương cùng nhau vui vẻ, tuôn mưa kịp thời giúp cho trăm họ

15_Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái

16_Hay lìa mọi loại Ma Nghiệp, hay đập tan tất cả Ma Chúng, hay chặt đứt sự ngăn trở của tất cả **Ma La** (Māra: loài Ma)

17_Hay chặt đứt tất cả Tập Khí

18_Hay khiến cho chúng sinh có Tâm ác, khởi lên Tâm **Đại Từ**

19_Hay ở tất cả nơi chốn được Đại Cúng Dường như Phật Đại Sư Lưỡng Túc Tôn

20_Người ngày ngày trì tụng, được Đại Thông Tuệ, Đại Uy Lực, Đại Cần Dũng, Đại Biện Tài thành tựu

21_Sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân, tăng thêm uy lực, thân tâm thường được vui thích

22_Nếu có loài Bàng Sinh, cầm thú mà lỗ tai được nghe qua Đà La Ni này thì nhóm ấy thảy đều đối với Vô Thượng Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng thoái lùi

23_Chứng Đại Niết Bàn

Tổng kết công hiệu của tất cả thì **Đại Tùy Cầu** có thể nói là không có điều gì chẳng thể làm được: Thế Gian với Xuất Thế Gian đều có công hiệu rất lớn. Trong nhiều loại Mật Chú là điều hiếm có. Nhân đây, **Đại Tùy Cầu** rất thích hợp với Cư Sĩ tại gia

Mật Tạng Bộ 3_ No.1153 (Tr.616_ Tr.621)

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

TỰA
_ PHẨM THỨ NHẤT_

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thế Tôn) ngự tại lầu gác trên đỉnh **Đại Kim Cương Tu Di Lô** (Mahā-vajra-sumeru), an trụ trong **Đại Kim Cương Tam Ma Địa** (Mahā-vajra-samādhi), dùng cây **Kiếp Thọ Đại Kim Cương Trang Nghiêm** (Kalpa-vṛkṣa-mahā-vajra-pramaṇḍita), nơi ánh sáng của hoa sen báu trong cái ao Đại Kim Cương chiếu soi cát Kim Cương mà rải bày trên mặt đất. Ở **cung điện Đế Thích** (Indra-pura) trong **Đạo Trường Kim Cương** (Vajra-maṇḍala) của **Đại Kim Cương gia trì** (Mahā-vajrādhiṣṭhana), dùng câu đê (Koṭi) na dữu đa (Nayuta) trăm ngàn **tòa Đại Kim Cương Sư Tử** (Mahā-vajra-siṃhāsana) trang nghiêm, nói **Thần Thông Xứ** của Pháp, là nơi mà Thần Lực của tất cả Như Lai đã gia trì, nhập vào **Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Xuất Sinh Tát Bà Nhã Trí** cùng với 84 câu đê na dữu đa Bồ Tát Chúng đến dự. Các Vị này đều là Bậc **Nhất Sinh Bổ Xứ** (Eka-jaṭi-pratibaddha) đối với **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), được thế lực lớn, thảy đều thị hiện **Đại Kim Cương Giải Thoát Tam Ma Địa** (Mahā-vajra-mokṣa-samādhi), thần thông của cõi Phật, trong khoảng sát na tùy tiện vào Tâm Hạnh của tất cả Hữu Tình, thành tựu mọi thứ đẹp đẽ màu nhiệm rộng lớn thâm sâu, khéo nói các Pháp, biện tài không ngăn ngại, được Đại Thần Thông đều hay cúng dường vô lượng Như Lai trong thế giới của Phật, Thần Thông tự tại của **Đại cúng dường vân hải giải thoát Tam Ma Địa** (Mahā-pūja-megha-samudra-mokṣa-samādhi), **Bất Cộng Giác Phần Đạo Chi**, tất cả **Địa Ba La Mật** (Pāramitā-bhūmi), **bốn Nhiếp** (Catvāri saṃgraha-vastūni) khéo léo, sức của **Từ** (Maitra) **Bi** (Kāruṇa) **Hỷ** (Pramoda) **Xả** (Upekṣa), xa lìa trong sự nối tiếp của Tâm thanh tĩnh.

Các vị ấy tên là: **Kim Cương Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-ākāśa-garbha), **Kim Cương Nhãn** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-netre), **Kim Cương Thân** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-kāya), **Kim Cương Tuệ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-mati), **Kim Cương Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi), **Kim Cương Tương Kích** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-praharaṇa), **Kim Cương Na La Diên** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-nārāyaṇa), **Kim Cương Du Hý** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tích** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-kuṭa), **Kim Cương Kế** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-jaṭa), **Kim Cương Diệu** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tràng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-ketu)...Các bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) như vậy cùng với chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đều đến dự.

_ Lại có **Chúng Đại Thanh Văn** (Mahatā-śrāvaka-saṃgha) đều là Bậc Đại A La Hán đã đoạn trừ **Hữu Kết** (quả báo của sinh tử), chấm dứt tất cả các **Lậu** (Āsrava), được ***Thiện Giải Thoát*** của Tâm ***Thiện Chính Tri***, đều hay thị hiện Du Hý Thần Cảnh Thông của sức Thần Thông chẳng thể nghĩ bàn, đều được thế lực lớn, không dính mắc vào sự thấy (Kiến vô trước), xa lìa tất cả cấu nhiễm, thiêu đốt hạt giống Tập Khí.

Các vị ấy tên là: **Cụ Thọ** (Àyusmata:Trưởng lão, Tôn Giả, Đại Đức…Lại xưng là *Tuệ Mệnh*) **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), Cụ Thọ **Mãn Từ Tử** (Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra), Cụ Thọ **Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphilena), Cụ Thọ **Ca Diệp Ba** (Kāśyapa), Cụ Thọ **Đại Ca Diệp Ba** (Mahā-kāśyapa), Cụ Thọ **Ưu Lâu Tần Loa Ca Diệp Ba** (Urubilvā-kāśyapa)...Các bậc Thượng Thủ như vậy cùng với chúng Đại Thanh Văn đều đến dự.

_ Lại có **Đại Tự Tại Thiên Tử** (Maheśvara-devaputra) là bậc Thượng Thủ cùng với vô lượng vô biên bất khả thuyết a tăng kỳ chúng **Tĩnh Cư Thiên Tử** (Śuddhāvāsa-devaputra) đều đến dự.

_ Lại có **Sa Ha Thế Giới Chủ** Đại Phạm Thiên Vương (Sāhaṃpati) là bậc Thượng Thủ cùng với **Phạm Chúng Thiên Tử** (Brāhma-Parsādyā-devaputra) đều đến dự .

_ Lại có **Tô Dạ Ma Thiên Tử** (Suyama-devaputra), **Hóa Lạc Thiên Tử** (Nirmāṇarati-devaputra), **Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử** (Para-nirmita-vaśa-vartin-devaputra), **Thiên Đế Thích** (Indra, hay Śakra) cùng với các **Thiên Tử** (Devaputra) dùng làm **quyến thuộc** (Parivāra) đều đến dự.

_ Lại có **Tỳ Ma Chất Đa La A Tô La Vương** (Vemacitra-asura-rāja), **Mạt La A Tô La Vương** (Vali-asura-rāja), **Linh Hoan Hỷ** A Tô La Vương, **Chiếu Diệu** A Tô La Vương, **La Hầu A Tô La Vương** (Rahu-asura-rāja). Các A Tô La Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên **A Tô La Vương** (Asura-rāja) dùng làm quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Sa Già La Long Vương** (Sāgara-nāga-rāja), **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), **Tô Phộc Chỉ Long Vương** (Vāṣuki-nāga-rāja), **Thương Khư Ba La Long Vương** (Śaṅkha-pāla-nāga-rāja), **Yết Cú Tra Ca Long Vương** (Karkoṭaka-nāga-rāja), **Liên Hoa Long Vương** (Padma-nāga-rāja), **Đại Liên Hoa Long Vương** (Mahā-padma-nāga-rāja). Nhóm Long Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên a câu đê chúng **Long Vương** (Nāga-rāja) đều đến dự.

_ Lại có **Thọ Khẩn Na La Vương** (Druma-kiṃnara-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Khẩn Na La Vương** (Kiṃnara-rāja) quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Trì Minh Tiên Vương** (Sarvārtha-siddhi-vidya-dhāra-ṛṣī-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Trì Minh Tiên Vương** (Vidya-dhāra-ṛṣī-rāja) quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Ngũ Kế Càn Thát Bà Vương** (Paṃca-jaṭa-gandharva-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Càn Thát Bà Vương** (Gandharva-rāja) quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Kim Ngân Nghiệt Lộ Trà Vương** cùng với vô lượng vô biên **Nghiệt Lộ Trà Vương** (Garuḍa-rāja) quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Đa Văn Dược Xoa Vương** (Vaiśravaṇa-yakṣa-rāja), **Bảo Hiền Dược Xoa Vương** (Maṇi-bhadra-yakṣa-rāja), **Mãn Hiền Dược Xoa Vương** (Pūrṇa-bhadra yakṣa-rāja), **Bán Chi Ca Dược Xoa Vương** (Pañcika- yakṣa-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Dược Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Ha Lợi Đế Mẫu** (Hārtye Mātṛ) cùng với 500 người con dùng làm quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có 7 vị **Hộ Thế Mẫu Thiên** , 7 vị **Đại La Sát Mẫu**, 7 vị **Tiên Thiên** dạo chơi trên hư không, 9 vị **Chấp Diệu Thiên**, **Phương Ngung Địa Thiên**, **Biện Tài Thiên Nữ** (Sarasvati-devi) cùng với quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Bộ Đa** (Bhūta). Tất cả đều là bậc có Đại uy đức cùng với quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có tất cả **Sơn Vương** (Parvata-rāja), tất cả **Hải Vương** (Sāgara-rāja), **Hộ Thế Vương** (Loka-pāla-rāja), **Thủy Thiên** (Varuṇa-deva), **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣtra-devarāja), **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūḍhaka-devarāja), **Ác Mục Thiên Vương** (Virūpakṣa-devarāja), **Trì Bổng La Sát Chủ** (Daṇḍa-dhāra-rākṣasādhipati), 7 vị **Phong Thiên** (Vāyu-deva), **Y Xá Na Thiên** (Īśāna-deva) với các bà vợ cùng với 1000 câu đê na dữu đa quyến thuộc đều đến dự .

_ Lại có **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva) cùng với quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có Nại Đa Ca Na Ma Ca, Lỗ Hạ Ca, Đại Già Na Bát Để, Di Cù La Ca.... **Tỳ Na Dạ Ca Vương** (Vināyaka-rāja) của nhóm như vậy cùng với vô lượng vô biên **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) dùng làm quyến thuộc đều đến dự .

_ Lại có 60 vị **Du Hành chư Thành Bảo Vương** với quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **bốn chị em Thần Nữ** (Caturbhaginī) với người anh là quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Kim Cương Thương Yết La Nữ** (Vajra-śaṃkaranī) cùng với 64 vị **Kim Cương Nữ** (Vajriṇī) dùng làm quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Kim Cương Quân Đồng Tử** (Vajra-sena-kumāra), **Tô Ma Hô Đồng Tử** (Subāhu-kumāra), Đỉnh Hạnh Đồng Tử cùng với vô lượng vô biên **Kim Cương Tộc** (Vajra-kuāàya) dùng làm quyến thuộc đều đến dự.

_ Lại có hàng tin tưởng trong sạch nơi **Phật** (Buddha), **Pháp** (Dharma), **Tăng** (Saṃgha) là: **Trời** (Deva), **Rồng** (Nàga), **Dược Xoa** (Yaksa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hộ La Già** (Mahoraga), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **A Bát Sa Ma La**, (Apasmāra), **Ốt Ma Na** (Unmāda), Sa Đình Sa, Tứ Lý Ca, **Ô Tát Đa La Ca** (Ostakara), Nhật Nguyệt Thiên Tử, Thần Triêu Thiên, Nhật Ngọ Thiên, Hoàng Hôn Thiên, Trung Dạ Thiên, Nhất Thiết Thời Thiên cùng với vô lượng vô biên a tăng kỳ quyến thuộc đều đến dự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khéo chuyển bánh xe Pháp, làm xong việc Phật, viên mãn **Phước Đức Trí Tuệ cứu cánh**, khéo nhiếp thọ **Nhất Thiết Trí Đại Bồ Đề**, đắc được **Xí Thịnh Địa Ba La Mật**, dùng 32 tướng Đại Trượng Phu trang nghiêm **Pháp Thân** (Dharma-kāya), dùng 84 vẻ đẹp trang nghiêm tất cả chi phần, Tướng mà tất cả Hữu Tình không có chỗ **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka), vượt hơn hẳn tất cả **Ma La** (Māra), thông đạt **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jña-jñāna), đầy đủ năm loại mắt, thành tựu tất cả Tướng, thành tựu **Nhất Thiết Trí Trí**, thành tựu tất cả Phật Pháp, đập nát dị luận của tất cả **Ma** (Māra), hiển cao danh xưng **Đại Hùng Mãnh Sư Tử Hống**, phá hoại vô minh hắc ám. Dùng chỗ đã gom chứa các **Ba La Mật** (Pāramiāà): **Thí** (Dāna), **Giới** (Śīla), **Nhẫn** (Kṣānti), **Cần Dũng** (Vīrya), **Tĩnh Lự** (Dhyāna), **Bát Nhã** (Prajña), **Phương Tiện** (Upāya), **Nguyện** (Praṇidhana), **Lực** (Bala), **Trí** (Jñāna), **Khổ Hạnh** (Duṣkara, hay Tapas) khó hành trong vô lượng vô biên a tăng kỳ trăm ngàn câu đê na dữu đa kiếp, chuyển được 32 tướng Đại Nhân, 84 vẻ đẹp trang nghiêm.

Thân ấy ngồi trên Tòa **Đại Bảo Kim Cương Liên Hoa Tạng Sư Tử** (Mahā-ratna-vajra-padma-garbha-siṃhāsana). Tòa ngồi đó được trang nghiêm bằng vô lượng Kim Cương, võng lưới ngọc báu… khi gió nhẹ thổi qua đều phát ra âm thanh màu nhiệm. Dùng vô lượng **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) an trụ Thần Túc. Dùng vô

lượng báu Kim Cương trang nghiêm cho viên ngọc đỏ do con **cá Ma Kiệt** (Makāra) phun ra và dùng miệng ngậm lại. Dùng vô lượng báu trang sức nhuỵ hoa sen. Dùng **Hổ Phách** (?Lohita-mukta:Xích chu), **Đại Hổ Phách** (Mahā-lohita-mukta), **Đế Thanh** (Indra-nīla-muktā), **Đại Đế Thanh** (Mahendra-nīla-muktā), **Bổ Sa La Già**…trang nghiêm cái lưới ánh sáng rộng khắp đoan nghiêm. Dùng vô lượng báu Kim Cương trang nghiêm cái cán của cây phan cây lọng. Dùng bóng mát của vô lượng câu đê na dữu đa trăm ngàn cây **Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa) trang nghiêm

Tòa ngồi ấy rộng lớn như **Tu Di** (Sumeru) giống như ngọn núi vàng tỏa ánh hào quang rực rỡ sáng chói tốt lành vượt hẳn một ngàn mặt trời.

Mặt đất của nơi ấy tròn đầy giống như mặt trăng trong sạch khiến cho các Hữu Tình vui thích ngắm nhìn Pháp của Như Lai, như hoa hé nở của cây **Đại Kiếp Thọ** (Mahā-kalpa-vṛkṣa) ấy. Pháp màu nhiệm đã nói: Ban đầu, khoảng giữa, chặng cuối đều tốt lành. Lời nói về nghĩa thâm sâu của Pháp ấy rất khéo léo, thanh tĩnh, tinh khiết, thuần nhất không pha tạp.

Khi ấy từ **Đỉnh đầu** (Uṣṇīṣa) và **Hào Tướng** (Ūrṇa) của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng này chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới cho đến như hằng hà sa số Thế Giới của Phật. Hết thảy Như Lai ở Thế Giới đó ngồi trên Tòa Sư Tử được trang nghiêm bằng vô lượng báu, ngự bên trong lầu gác đại trang nghiêm, nói Pháp cùng với tất cả Bồ Tát, Đại Thanh Văn, Bật Sô, Bật Sô Ni, Tịnh Tín Nam, Tịnh Tín Nữ, Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tô La, Nghiệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hộ La Già…thảy đều được chiếu diệu mà hiển hiện rõ ràng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì khắp tất cả mà nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ Tụng) là :

_ Nay Ta nói **Tuỳ Cầu** (Pratisāra)
Thương nhớ các Hữu Tình
Đại Đà La Ni (Mahā-dhāraṇī) này
Hay đập kẻ khó phục
Các tội nặng cực ác
_ Nếu mới được nghe qua
Tuỳ Cầu Đà La Ni (Pratisāra-dhāraṇī)
Tất cả tội tiêu diệt
An vui các Hữu Tình
Giải thoát tất cả bệnh
Đại Bi vì chúng sinh
Nên Đức Thế Tôn nói
Làm cho được giải thoát
Xa lìa các nẻo ác
_ Nếu vào **cung Tu La** (Asura-pura)
Cung **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa)
Bộ Đa (Bhūta), **Rồng** (Nāga), **Quỷ** (Preta), **Thần** (Devatā)
Các cung điện như vậy
Tùy ý vào được cả
Đều dùng **Đại Minh** (Mahā-vidya) này
Mà làm nơi gia hộ
_ Nơi chiến đấu hiểm nguy
Chẳng bị oán trớ hại
Với các hàng Quỷ My
Do xưng **Đà La Ni** (Dhāraṇī)
Các My đều hoại diệt
_ Sa Kiển (Skandha), **Ốt Mạt Na** (Unmāda)

Tất Xá (Piśāca), **Noa Cát Nễ** (Ḍakiṇī)
Mãnh ác hút Tinh Khí
Thường hại loài Hữu Tình
Thảy đều bị diệt hết
Do Đức **Tùy Cầu** diệt
Địch đều bị diệt hoại
_ Đã làm Pháp Chú Trớ
Yểm Đảo đều vô hiệu
Định nghiệp chẳng thọ báo
Chẳng bị trúng Cổ Độc
Nước, lửa với đao, gậy
Sấm sét, sương, mưa đá
Gió bão, mưa bạo ác
Các nạn đều được thoát
Oán địch đều giáng phục
_ Nếu người trì **Minh** (Vidya) này
Hoặc đeo cổ, đeo tay
Mọi nguyện cầu đều thành
Tất cả điều mong ước
Thảy đều được như ý
Thiên Vương (Deva-rāja) đều gia hộ
Với các **Đại Long Vương** (Mahā-nāga-rāja)
Bồ Tát (Bodhisatva), **Đại Cần Dũng** (Mahā-vīra)
Duyên Giác (Pratyeka-buddha) và **Thanh Văn** (Śrāvaka)
Tất cả các **Như Lai** (Tathāgata)
Minh Phi (Vidya-rājñī), **Đại Uy Đức** (Mahā-teja)
Thảy đều cùng ủng hộ
_ Người thọ trì **Tùy Cầu** (Pratisāra)
Kim Cương Bí Mật Chủ (Vajra-guhyakādhipati)
Bốn Thiên Vương (Catvāsraḥ-mahā-rājikāḥ) **Hộ Thế** (Loka-pāla)
Đối với người Trì tụng
Ngày đêm thường gia hộ
Chúng **Đế Thích** (Indra), **Đao Lợi** (Trāyastriṃśa)
Phạm Vương (Brahma-rāja), **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu)
Với **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara)
Chúng sinh **Câu Ma La** (Kumàra)
Đại Hắc (Mahà-kàla), **Hỷ Tự Tại** (Nāndikeśvara)
Tất cả chúng **Thiên Mẫu** (Mātṛ-gaṇa)
Với các **Ma Chúng** (Māra-gaṇa) khác
Khổ Hạnh Uy Đức Tiên
Cùng với **Mật Ngữ Thiên** (Guhya-vāk-deva)
Thảy đều đến ủng hộ
_ Người trì **Tùy Cầu** này
Minh Phi (Vidya-rājñī), **Đại Bi Tôn** (Mahā-kāruṇa-nātha)
Dũng mãnh đủ thần lực
Ma Ma (Māmaki), **Tỳ Câu Đê** (Bhṛkuṭi)
Đa La (Tārā), **Ương Câu Thi** (Aṃkuśe)
Cùng với **Kim Cương Tỏa** (Vajra-śaṃkhara)
Bạch Y (Paṇḍara-vāsini), **Đại Bạch Y** (Mahā-paṇḍara-vāsini)

Thánh **Ma Ha Ca Ly** (Mahā-kāli)
Sứ Giả (Ceṭa), **Kim Cương Sứ** (Vajra-ceṭa)
Diệu Sách (Su-pāśa), **Kim Cương Sách** (Vajra-pāśa)
Chấp Luân (Cakra-dhāra) **Đại Lực Giả** (Mahā-bala)
Kim Cương Man Đại Minh (Vajra-māle-mahā-vidya)
Cam Lộ Quân Trà Lợi (Amṛta-kuṇḍali)
Vô Năng Thắng Minh Phi (Apārajita-vidya-rājñī)
Hắc Nhĩ (Kṛṣṇa-karna), **Cát Tường Thiên** (Śrī-devī)
Đại Phước Uy Đức Tôn (Mahā-puṇya-teja-nātha)
Liên Hoa Quân Trà Lợi (Padma-kuṇḍali)
Hoa Xỉ (Puṣpa-danti) với **Châu Kế**
Kim Man, Chất Nghiệt La
Đại Uy Đức Cát Tường
Với **Điện Trang Nghiêm Thiên**
Nhất Kế Đại La Sát (Eka-jaṭa-mahā-rākṣasa)
Với **Phật Địa Hộ Tôn** (Buddha-dhara-pālaṇi)
Ca Ba Lợi Minh Nữ
Lăng Già Tự Tại Tôn (Laṅkeśvara)
Với nhiều loại Chúng khác
Nhóm ấy đều ủng hộ
_ Do ***Đại Minh*** tại tay
Ha Lợi Đế (Hāṛtye) với con
Đại Tướng **Bán Chi Ca** (Pañcika)
Thương Khí Ni (Saṃkhini)**, Tích Xỉ** (Kuṭa-danti)
Cát Tường (Śrī) và **Biện Tài** (Sarasvatī)
Do trì ***Mật Ngôn*** này
Ngày đêm thường đi theo
_ Nếu có các người nữ
Trì **Đà La Ni** này
Kẻ ấy đều thành tựu
Trai Gái ở trong thai
Thai an ổn tăng trưởng
Sinh nở đều an vui
Tất cả bệnh đều trừ
Các tội đều tiêu diệt
Phước lực thường đầy đủ
Lúa gạo với tài bảo
Thảy đều được tăng trưởng
Lời nói khiến vui nghe
Nơi đến, được cung kính
Nam tử với nữ nhân
Thanh tịnh hay thọ trì
Thường ôm Tâm Từ Bi
Cứu giúp các Hữu Tình
Nguyện họ được an vui
Khiến họ lìa bệnh tật
Quốc Vương và Hậu Cung
Đều sinh Tâm cung kính
Cát Tường thường xí thịnh

Nhóm Phước đều tăng trưởng
Tất cả Pháp Chân Ngôn
Thảy đều được thành tựu
Thành nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)
Được thành **Tam Muội Gia** (Samaya)
_ Như Lai thành thật nói
Chẳng hay gặp mộng ác
Đều diệt trừ các tội
Phiền não và oán địch
Diệt tai họa Chấp Diệu
Đại Trí Tự Tại nói
Hay mãn nguyện ước khác
Vì thế nay Ta nói
Đại Chúng đều nghe kỹ

"Nẵng mô tát phộc đát tha nga đa nam (NAMO SARVA TATHĀGATĀNĀṂ)

Nẵng mô nẵng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đa-phộc _ Một đà, đạt ma, tăng khế tỳ dược (NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVA_ BUDDHA, DHARMA, SAṂGHEBHYAḤ)

Án (OṂ)
Vĩ bổ la nghiệt bệ (VIPULA GARBHE)
Vĩ bổ la, vĩ ma lê, nhạ dã nghiệt bệ (VIPULA VIMALE JAYA GARBHE)
Phộc nhật-la, nhập-phộc la, nghiệt bệ (VAJRA JVALA GARBHE)
Nga để, nga hạ nãnh (GATI GAHANE)
Nga nga nẵng, vĩ thú đà ninh (GAGANA VIŚODHANE)
Tát phộc bá bả, vĩ thú đà ninh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
Án (OṂ)
Ngu noa, phộc để (GUṆA VATI)
Nga nga lị ni (GAGARIṆI)
Nghĩ lị, nghị lị (GIRI GIRI)
Nga ma lị, nga ma lị (GAMĀRI GAMĀRI)
Ngược hạ, ngược hạ (GAHA GAHA)
Nghiệt nga lị, nghiệt nga lị (GARGĀRI GARGĀRI)
Nga nga lị, nga nga lị (GAGARI GAGARI)
Nghiêm bà lị, nghiêm bà lị (GAMBHARI GAMBHARI)
Nga để, nga để (GATI GATI)
Nga ma nãnh, nga lệ (GAMANI GARE)
Ngu lỗ, ngu lỗ, ngu lỗ ni (GŪRU GŪRU GŪRUṆE)
Tả lệ, a tả lệ, mẫu tả lệ (CALE ACALE MUCALE)
Nhạ duệ, vĩ nhạ duệ (JAYA VIJAYA)
Tát phộc bà dã, vĩ nga đế (SARVA PĀPA VIGATE)
Nghiệt bà, tam bà la ni (GARBHA SAMBHARANI)
Tất lị, tất lị (SIRI SIRI)
Nhĩ lị, nhĩ lị (MIRI MIRI)
Chi lị, chi lị (GHIRI GHIRI)
Tam mãn đá, ca la-sái ni (SAMANTA AKARṢAṆI)
Tát phộc thiết đốt-lỗ, bát-la ma tha nãnh (SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI)
La khất-sái, la khất-sái (RAKṢA RAKṢA)

Ma ma (Tôi, họ tên....) (MAMA .....)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANĀṂCA)
Vĩ lị, vĩ lị (VIRI VIRI)
Vĩ nga đá (VIGATA)
Phộc la noa bà dã nẵng xả nãnh (AVARAṆI BHAYA NĀŚANI)
Tô lị, tô lị (SURI SURI)
Tức lị (CILI)
Kiếm ma lê, vĩ ma lê, nhạ duệ (KAMALE VIMALE JAYE)
Nhạ dã, phộc hề (JAYA VAHE)
Nhạ dã phộc để, bà nga phộc để (JAYA VATI BHAGAVATI)
La đát-nẵng ma củ tra, ma la đà lị (RATNA MAKUṬA MĀLĀ-DHĀRI)
Ma hộ, vĩ vĩ đa , vĩ tức đát-la, phệ sái, lỗ bạt, đà lị ni (BAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRAṆĪ)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)
Ma hạ vĩ nễ-dã, nê vĩ (MAHĀ VIDYA DEVI)
La khất-sái, la khất-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi, tên là.....) (MAMA.......)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANĀṂCA)
Tam mãn đá, tát phộc đát-la (SAMANTA SARVATRĀ)
Tát phộc bá bả, vĩ thú đà nãnh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
Hộ lỗ, hộ lỗ (HULU HULU)
Nhược khất-sát đát-la, ma la, đà lị ni (NAKSATRA MÀLÀ-DHÀRANÌ)
La khất-sái hàm (RAKṢA MĀM)
Ma ma (Tôi, tên là....) (MAMA......)
A nẵng tha tả (ANĀTHAṢYA)
Đát-la noa, bả la gia noa tả (ATRĀṆA PARĀYAṆAṢYA)
Bả lị mô tả, dã minh (PARIMOCA YĀ ME)
Tát phộc nậu khế tỳ dược (SARVA DUḤKHEBHYAḤ)
Chiến ni, chiến ni, tán nị nãnh (CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI)
Phệ nga phộc để (VEGA VATI)
Tát phộc nột sắt-tra, nãnh phộc la ni (SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆI)
Thiết đốt-lỗ, bạc khất-xoa (ŚATRŪ PAKṢA)
Bát-la mạt tha nãnh (PRAMATHANI)
Vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh (VIJAYA VĀHINI)
Hộ lỗ, hộ lỗ (HURU HURU)
Mẫu lỗ, mẫu lỗ (MURU MURU)
Tổ lỗ, tổ lỗ (CURU CURU)
A dục, bá la nãnh, tô la (AYUḤ PĀLANI SURA)
Phộc la, mạt tha nãnh (VARA MATHANI)
Tát phộc, nê phộc đá (SARVA DEVATĀ)
Bố tỉ đế (PŪJITE)
Địa lị, địa lị (DHIRI DHIRI)
Tam mãn đá phộc lộ chỉ đế, bát la bệ (SAMANTA AVALOKITE PRABHE)
Bát-la bệ, tô bát-la bà (PRABHE SUPRABHA)
Vĩ truật đệ (VIŚUDDHE)
Tát phộc bá bả, vĩ thú đà ninh (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
Đạt la, đạt la, đạt la ni (DHARA DHARA DHARAṆI)
La la đạt lệ (RARA DHARE)

Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Lỗ lỗ tả lê (RURU CALE)
Tả la gia, nô sắt-lãng (CALĀYA DUṢṬA)
Bố la dã mính, a thiêm, thất-lị (PŪRAYA ME ĀŚAṂ ŚRĪ)
Phộc bổ đà nam (VAPUDHANAṂ)
Nhạ dã, kiếm ma lê (JAYA KAMALE)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát la ni, tát la năng củ thế (VARADE VARADA AṄKUŚE)
Án (OṂ)
Bát nột-ma, vĩ truật đệ (PADMA VIŚUDDHE)
Thú đà dã, thú đà dã (ŚODHAYA ŚODHAYA)
Thuấn đệ (ŚUDDHE)
Bạt la, bạt la (BHARA BHARA)
Tỷ lị, tỷ lị (BHIRI BHIRI)
Bộ lỗ, bộ lỗ (BHURU BHURU)
Mộng nga la, vĩ thuấn đệ (MAṂGALA VIŚUDDHE)
Bạt vĩ đát-la, mục khế (PAVITRA MUKHE)
Khát nghĩ ni, khát nghĩ ni (KHARGAṆI KHARGAṆI)
Khư la, khư la (KHARA KHARA)
Nhập-phộc lý đa, thủy lệ (JVALITA ŚIRE)
Tam mãn đa, bát-la sa lị đá, phộc bà tất đa, truật đệ (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA ŚUDDHE)
Nhập-phộc la, nhập-phộc la (JVALA JVALA)
Tát phộc, nê phộc nga noa, tam ma đa, ca la-sái ni (SARVA DEVAGAṆA SAMATĀ AKARṢAṆI)
Tát để-dã phộc đế (SATYA VATI)
La hộ, la hộ (LAHU LAHU)
Hộ nộ, hộ nộ (HUNU HUNU)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc nghĩ-la hạ, bạc khất-sái ni (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)
Vĩnh nga lý, vĩnh nga lý (PIṂGALI PIṂGALI)
Tổ mẫu, tổ mẫu (CUMU CUMU)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Tổ mẫu tả lệ (CUVI CARE)
Đa la, đa la (TĀRA TĀRA)
Nẵng nga, vĩ lộ chỉ nãnh, đa la dã, đổ hàm (NĀGA VILOKITE TĀRĀYA TUMAṂ)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)
A sắt-tra ma hạ bà duệ tỳ dược (AṢṬA MAHĀ BHAYEBHYAḤ)
Tam muộn nại-la (SAMUDRA)
Sa nga la (SĀGARA)
Bát lị-dần đảm, bá đá la, nga nga nẵng, đát lãm (PRATYANTĀṂ PĀTĀLA GAGANA TALAṂ)
Tát phộc đát la (SARVATRĀ)
Tam mãn đế nẵng (SAMANTENA)
Nễ xả, mãn đệ nẵng (DIŚA BANDHENA)
Phộc nhật-la, bát-la ca la (VAJRA PRĀKĀRA)
Phộc nhật-la, bá xả, mãn đà mật nẵng (VAJRA PĀŚA BANDHANE)

Phộc nhật-la,nhập phộc-la, vĩ truật đệ (VAJRA JVALA VIŚUDDHE)
Bộ lị, bộ lị (BHURI BHURI)
Nghiệt bà, phộc để (GARBHA VATI)
Nghiệt bà, vĩ thú đà nãnh (GARBHA VIŚODHANE)
Câu khất-sử, tam bố la ni (KUKṢI SAṂPŪRAṆI)
Nhập phộc-la, nhập phộc-la (JVALA JVALA)
Tả la, tả la (CALA CALA)
Nhập phộc-lý nãnh (JVALAṆI)
Bát-la vạt sát đổ, nê phộc (PRAVAṢATU DEVA)
Tam mãn đế nãnh (SAMANTENA)
Nễ miểu ná kế nãnh (DIDHYODAKENA)
A mật-lật đa, phộc la-sái ni (AMṚTA VARṢAṆI)
Nê phộc đá phộc đá la ni (DEVA DEVA-DHĀRAṆĪ)
A tỵ tru giả mính (ABHIṢIṂCA TUME)
Tô nga đa (SUGATA)
Phộc tả nẵng, mật-lật đa (VACANA AMṚTA)
Phộc la, phộc bổ sái (VARA VAPUṢPE)
La khất-sái, la khất-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi tên là.....) (MAMA........)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀṂCA)
Tát phộc đát-la (SARVATRĀ)
Tát phộc ná (SARVADĀ)
Tát phộc bà duệ tỳ-dược (SARVA BHAYEBHYAḤ)
Tát mạo bát nại-la phệ tỳ-dược (SARVOPADRAVEBHYAḤ)
Tát mạo bả tăng nghê tỳ-dược (SARVOPASAGREBHYAḤ)
Tát phộc nột sắt-tra, bà dã, tỵ đát tả (SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTAṢYA)
Tát phộc ca lị, ca la hạ, vĩ nghiệt la hạ (SARVA KĀLI KALAHA VIGRAHA)
Vĩ phộc ná (VIVĀDA)
Nậu tát-phộc bả-nan nột nãnh nhĩ đá (DUḤSVAPNĀṂ DURNI MINTA)
Mộng nga la (AMAṂGALLYA)
Bá bả (PĀPA)
Vĩ nẵng xả nãnh (VINĀŚANI)
Tát phộc dược khất-xoa (SARVA YAKṢA)
La khất-sái sa (RĀKṢASA)
Nẵng nga (NĀGA)
Nãnh phộc la ni (NIVĀRAṆI)
Tát la ni, sa lệ (SARAṆI SARE)
Ma la, ma la, ma la phộc để (BALA BALA _ BALA VATI)
Nhạ dã, nhạ dã (JAYA JAYA)
Nhạ dã đổ hàm (JAYA TUMAṂ)
Tát phộc tát-la (SARVATRĀ)
Tát phộc la lam (SARVA KĀRAṂ)
Tất đệ đổ mính (SIDDHE TUME)
Ế hàm, ma hạ vĩ niệm, sa đà dã (IMĀṂ MAHĀ-VIDYA SĀDHAYAT)
Sa đà dã, tát phộc mạn noa la (SĀDHAYAT SARVA MAṆḌALA)
Sa đà nãnh già đa dã (SĀDHANI GHĀTAYA)

Tát phộc vĩ cận-nãnh (SARVA VIGHNAṂ)
Nhạ dã, nhạ dã (JAYA JAYA)
Tất đệ, tất đệ (SIDDHE SIDDHE)
Tô tất đệ (SUSIDDHI)
Tất địa-dã, tất địa-dã (SIDDHYA SIDDHYA)
Một địa-dã, một địa-dã (BUDDHYA BUDDHYA)
Bố la dã, bố la dã (PŪRAYA PŪRAYA)
Bố la ni, bố la ni (PŪRAṆI PŪRAṆI)
Bố la dã, mính, a thiêm (PŪRAYA ME ĀŚAṂ)
Tát phộc vĩ nễ dã (SARVA VIDYA)
Địa nga đa (ADHIGATA)
Một lật-đế (MŪRTTE)
Nhạ dụ đa lị (JAYOTTARI)
Nhạ dạ phộc để (JAYA VATI)
Để sắt-xá, để sắt-xá (TIṢṬA TIṢṬA)
Tam ma dã ma nỗ bá la dã (SAMAYAM ANUPĀLAYA)
Đát tha nghiệt đa, ngật-lị nãi dã (TATHĀGATA HṚDAYA)
Thuấn đệ (ŚUDDHE)
Nhĩ-dã phộc lộ ca dã hàm (VYĀVALOKAYA MĀṂ)
A sắt-tra tỵ, ma hạ ná lỗ noa bà (AṢṬA MAHĀ DĀRUṆA BHAYE)
Tát la, tát la (SARA SARA)
Bát-la sa la, bát-la sa la (PRASARA PRASARA)
Tát phộc phộc la noa, tỵ thú đà nãnh (SARVA AVARAṆA VIŚODHANE)
Tam mãn đá, ca la, man noa la, vĩ thuấn đệ (SAMANTA KĀRA MAṆḌALA VIŚUDDHE)
Vĩ nga đế, vĩ nga đế, vĩ nga đa, ma la, vĩ thú đà nãnh (VIGATE VIGATE VIGATA MĀRA VIŚODHANE)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc bá bả, vĩ thuấn đệ (SARVA PĀPA VIŚUDDHE)
Ma la, vĩ nghiệt đế (MĀRA VIGATE)
Đế nhạ phộc để (TEJA VATI)
Phộc nhật-la phộc để (VAJRA VATI)
Tát-lạt lộ chỉ-dã, địa sắt-xỉ đế, sa-phộc hạ (TRAILOKYA ADHIṢṬITE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha, một đà, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀ BUDDHA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc mạo địa tát đa-phộc, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc nê phộc đa, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha nga đa, cật-lị nãi dạ, địa sắt xỉ đa, hột-lị nãi duệ, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA HṚDAYA ADHIṢṬITA HṚDAYE _ SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha nga đa, tam ma dã, tất đệ, sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE_ SVĀHĀ)
Ấn nại-lệ, ấn nại-la phộc để, ấn nại-la, nhĩ-dã phộc lộ chỉ đế, sa-phộc hạ (INDRE INDRAVATI INDRA VYĀVALOKITE _ SVĀHĀ)
Một-la hám-mính, một-la hám-ma, để-dữu sử đế, sa-phộc hạ (BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE _ SVÀHÀ)

Vĩ sắt-nỗ, nẵng mạc tắc cật-lị đế, sa-phộc hạ (VIṢṆU NAMASKṚTE_ SVĀHĀ)

Ma hệ thấp-phộc la, mãn nễ đa, bố nhĩ đá duệ, sa-phộc hạ (MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYE_ SVĀHĀ)

Phộc nhật-la đà la, phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ lị-dã, địa sắt-xỉ đế, sa-phộc hạ (VAJRADHĀRA VAJRAPĀṆI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE_ SVĀHĀ)

Địa-lã đa la sắt-tra-la dã, tát-phộc hạ (DHṚTARĀṢṬRĀYA_ SVĀHĀ)

Vĩ lỗ trà ca dã, tát-phộc hạ (VIRŪḌHAKĀYA_ SVĀHĀ)

Phệ thất-la ma noa dã, tát-phộc hạ (VAIŚRAVAṆĀYA_ SVĀHĀ)

Tạt đốt ma hạ la nhạ nẵng mạc tắc-cật-lị đá dã, tát-phộc hạ (CATUR MAHĀ RĀJA NAMASKṚTĀYA_ SVĀHĀ)

Diễm ma dã, tát-phộc hạ (YAMĀYA_ SVĀHĀ)

Diễm ma bố nhĩ đa, nẵng mạc tắc-cật-lị đá dã_ tát-phộc hạ (YAMA PŪJITA NAMASKṚTĀYA_ SVĀHĀ)

Phộc lỗ noa dã_ Tát-phộc hạ (VARUṆĀYA _ SVĀHĀ)

Ma lỗ đá dã _ Tát-phộc hạ (MARŪTĀYA_ SVĀHĀ)

Ma ha ma lỗ đá dã_ Tát-phộc hạ (MAHĀ MARŪTĀYA_ SVĀHĀ)

A ngân-nẵng duệ_ Tát-phộc hạ (AGNAYE_ SVĀHĀ)

Nẵng nga vĩ lộ chỉ đá dã_ Tát-phộc hạ (NĀGAVILOKITĀYA_ SVĀHĀ)

Nê phộc, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (DEVA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Nẵng nga, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (NĀGA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Dược khất-sái, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (YAKṢA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

La kất-sái sa nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (RĀKṢASA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ngạn đạt phộc tát nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GANDHARVA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A tô la nga nãi tỳ-dược_Tát-phộc hạ (ASURA GANṆBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GARUḌA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Khẩn na la nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (KIṂNARA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ma hộ la nga nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (MAHORAGA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ma nộ sái tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (MANUṢYEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A ma nộ sái tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (AMANUṢYEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tát phộc nghiệt-la hệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tát phộc bộ đế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (SARVA BHŪTEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Bật lị đế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (PRETEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tỳ xả tế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (PIŚĀCEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A bả sa-ma lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (APASMĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Cấm bạn nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (KUṂBHĀṆḌEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Án _ Độ lỗ, độ lỗ_ Tát-phộc hạ (OṂ_ DHURU DHURU_ SVĀHĀ)

Án _ Đổ lỗ, đổ lỗ_ Tát-phộc hạ (OṂ_ TURU TURU_ SVĀHĀ)

Án_ Mẫu lỗ, mẫu mẫu_ Tát-phộc hạ (OṂ_ MURU MURU_ SVĀHĀ)

Hạ nẵng, hạ nẵng, tát phộc thiết đổ-lỗ nẫm_ Tát-phộc hạ (HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀṂ_ SVĀHĀ)

Ná hạ, ná hạ tát phộc nột sắt-tra, bát-la nột sắt-tra nẫm_ Tát-phộc hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA _ PRADUṢṬANĀṂ_ SVĀHĀ)

Bát tá, bát tá tát phộc bát-la để dã dịch ca, bát-la để-dã nhĩ đát-la nẫm (PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRAṆĀṂ)

Duệ ma ma (YE MAMA)

A tứ đế sử noa (AHITEṢINA)

Đế sam, tát phệ sam, xả lị lãm, nhập-phộc la dã , nột sắt-tra tức đá nẫm_ Tát-phộc hạ (TEṢAṂ SARVESĀṂ ŚARIRAṂ JVALĀYA _ ADUṢṬA CITTĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

Nhập-phộc lý đá dã _ Tát-phộc hạ (JVALITĀYA_ SVĀHĀ)

Bát-la nhập-phộc lý đá dã_ Tát-phộc hạ (PRAJVALITĀYA_ SVĀHĀ)

Nễ bát-đá nhập-phộc la dã_ Tát-phộc hạ (DĪPTA JVALĀYA_ SVĀHĀ)

Tam mãn đa nhập-phộc la dã_ Tát-phộc hạ (SAMANTA JVALĀYA_ SVĀHĀ)

Ma ni bạt nại-la dã_ Tát-phộc hạ (MAṆIBHADRĀYA _ SVĀHĀ)

Bố la-noa bả nại-la dã_ Tát-phộc hạ (PŪRṆABHADRĀYA_ SVĀHĀ)

Ma hạ ca la dã_ Tát-phộc hạ (MAHĀ KĀLĀYA_ SVĀHĀ)

Ma để-lị nga noa dã_ Tát-phộc hạ (MĀTṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ)

Dã khất-sử ni nẫm_ Tát-phộc hạ (YAKṢAṆĪṆĀṂ_ SVĀHĀ)

La khất-ma tỷ nẫm_ Tát-phộc hạ (RĀKṢASĪṆĀṂ_ SVĀHĀ)

A ca xả ma để-lị nẫm_ Tát-phộc hạ (ĀKĀŚA MĀTṚNĀṂ_ SVĀHĀ)

Tam mẫu nại-la phộc tỷ nãnh nẫm_ Tát-phộc hạ (SAMUDRA VĀSINĪṆĀṂ_ SVĀHĀ)

La để-lị, tả la nẫm_ Tát-phộc hạ (RĀTṚ- CARĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

Nễ phộc sa, tạt la nẫm_ Tát-phộc hạ (DIVASA CARĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

Để-lị tán-đình, tạt la nẫm_ Tát-phộc hạ (TRISANTYA CARĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

Vĩ la, tạt la nẫm_ Tát-phộc hạ (VELA CARĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

A vĩ la, tạt la nẫm_ Tát-phộc hạ (AVELA CARĀNĀṂ_ SVĀHĀ)

Nghiệt bà ha lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GARBHA HĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Nghiệt bà tán đá la ni. Hộ lỗ, hộ lỗ_ Tát-phộc hạ (GARBHA SANDHĀRAṆI_ HURU HURU_ SVĀHĀ)

Án_ Tát-phộc hạ (OṂ_ SVĀHĀ)

Tát phộc_ Tát-phộc hạ (SVĀḤ_ SVĀHĀ)

Bộc_ Tát-phộc hạ (BHŪḤ_ SVĀHĀ)

Bộ phộc_ Tát-phộc hạ (BHŪVĀḤ_ SVĀHĀ)

Án, bộ la-bộ phộc, tát-phộc_ Tát-phộc hạ (OṂ_ BHŪR-BHŪVĀḤ SVĀḤ_ SVĀHĀ)

Tức trưng, tức trưng_ Tát-phộc hạ (CITI CITI_ SVĀHĀ)

Vĩ trưng, vĩ trưng_ Tát-phộc hạ (VITI VITI_ SVĀHĀ)

Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHĀRAṆĪ_ SVĀHĀ)

Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHARAṆI_ SVĀHĀ)

A ngận-nãnh_ Tát-phộc hạ (AGNI_ SVĀHĀ)

Đế tổ, phộc bổ_ Tát-phộc hạ (TEJO VAPU_ SVĀHĀ)

Tức lị, tức lị _ Tát-phộc hạ (CILI CILI_ SVĀHĀ)

Tất lý, tất lý_ Tát-phộc hạ (SILI SILI_ SVĀHĀ)

Một đình, một đình_ Tát-phộc hạ (BUDDHYA BUDDHYA_ SVĀHĀ)

Tất đình, tất đình_ Tát-phộc hạ (SIDDHYA SIDDHYA_ SVĀHĀ)

Mạn noa la tất đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA SIDDHE_ SVĀHĀ)
Man noa la mãn đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA BANDHE_ SVĀHĀ)
Tỷ ma mãn đà nãnh_ Tát-phộc ha (ŚĪMA BANDHANI_ SVĀHĀ)
Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm, tiệm bà tiệm bà_ Tát-phộc hạ (SARVA ŚATRŪNĀṂ_ JAMBHA JAMBHA_ SVĀHĀ)
Sa đảm-bà dã, sa đảm-bà dã _ Tát-phộc hạ (STAMBHĀYA STAMBHĀYA_ SVĀHĀ)
Thân ná, thân ná_ Tát-phộc hạ (CCHINDA CCHINDA_ SVĀHĀ)
Tẫn ná, tẫn ná_ Tát-phộc hạ (BHINDA BHINDA_ SVĀHĀ)
Bạn nhạ, bạn nhạ_ Tát-phộc hạ (BHAÑJA BHAÑJA_ SVĀHĀ)
Mãn đà, mãn đà_ Tát-phộc hạ (BANDHA BANDHA_ SVĀHĀ)
Mãng hạ dã, mãng hạ dã_ Tát-phộc hạ (MOHAYA MOHAYA_ SVĀHĀ)
Ma nĩ , vĩ thuấn đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆI VIŚUDDHE _ SVĀHĀ)
Tố lị-duệ, tố lị-duệ, tố lị-dã, vĩ thuấn đệ, vĩ thú đà nãnh_ Sa-phộc hạ (SŪRYE_ SŪRYE_ SŪRYA_ VIŚUDDHE VIŚODHANE_ SVĀHĀ)
Chiến niết-lệ, chiến niết-lệ, bố la-noa chiến niết-lệ_ Tát-phộc hạ (CANDRE CANDRE PŪRṆA CANDRE_ SVĀHĀ)
Nghiệt-la nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GRAHEBHYAḤ_ SVĀHĀ)
Nhược khất-sát để-lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (NAKṢATREBHYAḤ_ SVĀHĀ)
Thủy phệ_ Tát-phộc hạ (ŚIVE_ SVĀHĀ)
Phiến để_ Tát-phộc hạ (ŚĀNTI_ SVĀHĀ)
Tát phộc sa để-dã dã nãnh_ Tát-phộc hạ (SVASTYA YANE _ SVĀHĀ)
Thủy noan yết-lị. phiến để yết lị, bổ sắt-trí yết lị, ma la mạt đạt nãnh_ Tát-phộc hạ (ŚIVAṂ KARI_ ŚĀNTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI_ SVĀHĀ)
Thất-lị yết lị_ Tát-phộc hạ (ŚRĪ-KARI_ SVĀHĀ)
Thất-lị dã mạt đạt nãnh_ Tát-phộc hạ (ŚRĪYA VARDHANI_ SVĀHĀ)
Thất-lị dã nhập-phộc la nãnh_ Tát-phộc hạ (ŚRĪYA JVALAṆI_ SVĀHĀ)
Nẵng mẫu tỷ_ Tát-phộc hạ (NAMUCI_ SVĀHĀ)
Ma lỗ tỷ_ Tát-phộc hạ (MARUCI_ SVĀHĀ)
Phệ nga phộc để_ Tát-phộc hạ (VEGA VATI_ SVĀHĀ)
*)
Án_ tát phộc đát tha nga đa một lị-đế (OṂ_ SARVA TATHĀGATA MŪRTTE)
Bát-la phộc la vĩ nga đa (PRAVARA VIGATI)
Bà duệ xả ma dã (BHAYE ŚAMAYA)
Tát-phộc mính (SVAME)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)
Tát phộc bá bế tỳ-dụ sa-phộc sa-để bà phộc đổ (SARVA PĀPEBHYAḤ SVĀSTIRBHAVATU)
Mẫu nãnh, mẫu nãnh, vĩ mẫu nãnh (MUṆI MUṆI VIMUṆI)
Tả lệ tả la ninh (CARE CALANE)
Bà dã vĩ nga đế (BHAYA VIGATE)
Bà dã ha la ni (BHAYA HĀRAṆI)
Mạo địa, mạo địa (BODHI BODHI)
Mạo đà dã, mạo đà dã (BODHIYA BODHIYA)
Một địa lý, một địa lý (BUDHILI BUDHILI)

Tát phộc đát tha nga đa hột-lã nãi dã, túc sắt tai- Tát-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA HṚDAYA JUṢṬAI_ SVĀHĀ)

*)

Án_ phộc nhật-la phộc để (OṂ_ VAJRA VATI)

Phộc nhật-la bát-la đề sắt-xỉ đế (VAJRA PRATIṢṬITE)

Thuấn đệ (ŚUDDHE)

Đát tha nga đa mẫu nại-la, địa sắt xá-nẵng, địa sắt xỉ-đế (TATHĀGATA MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

Tát-phộc hạ (SVĀHĀ)

*)

Án_ mẫu nãnh, mẫu nãnh, mẫu nãnh phộc lệ (OṂ_ MUṆI MUṆI MUṆI VARE)

A tị tru tá đổ hàm (ABHIṢIṂCA TUMAṂ)

Tát phộc đát tha nghiệt đa (SARVA TATHĀGATA)

Tát phộc vĩ nễ-dã tị sái kế (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)

Ma hạ phộc nhật-la ca phộc tá mẫu nại-la (MAHĀ VAJRA KAVACA MUDRA)

Mẫu nại-lị đới (MUDRITEḤ)

Tát phộc đát tha nga đa khất-lã nãi dạ, địa sắt-xỉ đa (SARVA TATHĀGATA HṚDAYA ADHIṢṬITA)

Phộc nhật-lê_ Sa-phộc hạ (VAJRE _ SVĀHĀ)

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm nói **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tĩnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Tuỳ Cầu Đại Đà La Ni** này xong, lại bảo nhóm Đại Phạm rằng: "Này Đại Phạm! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào vừa mới nghe qua Đà La Ni này thì hết thảy tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Nếu hay đọc tụng thọ trì tại Tâm, nên biết người đó là thân kiên cố của Kim Cương, lửa chẳng thể đốt, đao chẳng thể hại, độc chẳng bị trúng.

_ Này Đại Phạm! Vì sao biết là Lửa chẳng thể thiêu đốt được? Ở đại thành **Ca Tỳ La** (Kapilavastu), lúc **La Hầu La Đồng Tử** (Rāhula-kumāra) còn nằm trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara), vốn là người nữ thuộc dòng **Thích Ca** (Śākya), bà bị ném vào hầm lửa. Lúc đó La Hầu La nằm trong thai mẹ nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy liền tự trong mát, biến thành ao sen. Tại sao thế? Vì Đà La Ni này là lực gia trì của tất cả Như Lai vậy. Đại Phạm nên biết, do nhân duyên đấy mà lửa chẳng thể thiêu đốt được.

_ Lại nữa Đại Phạm! Chất độc chẳng thể gây hại. Như cái thành **Thiện Du** có người con của vị Trưởng Giả **Phong Tài** (Bhogavatī), trì tụng Mật Ngôn do **Thế Thiên** nói. Người đó dùng sức Trì Minh câu triệu Long Vương **Đức Xoa Ca** (Takṣaka) mà quên **Kết Giới** (Śīma-bandhana) Hộ Thân. Vị Long Vương ấy giận dữ nghiến răng làm cho người kia chịu nỗi đau khổ nặng nề và sắp sửa mất mạng. Rất nhiều người Trì Minh trợ giúp nhưng chẳng thể cứu hộ được. Ở trong cái thành ấy, có một vị **Ưu Bà Di** (Upāsika: Cận Sự Nữ) tên là **Vô Cấu Thanh Tĩnh** (Amala-viśuddhe) thường trì **Tùy Cầu Đại Minh Đà La Ni** này. Vị Ưu Bà Di đó đã thành tựu **Đại Bi**, khởi lòng thương xót đi đến nơi ấy dùng Đà La Ni này gia trì cho. Vừa mới tụng một biến thì chất độc kia liền bị tiêu diệt và người kia được bình phục như cũ. Khi đó người con của vị Trưởng Giả ở chỗ của vị **Vô Cấu Thanh Tĩnh** thọ nhận Đà La Ni này và ghi nhớ tại Tâm. **Đại Phạm** nên biết đó là chất độc chẳng thể gây hại được.

_ Lại nữa Đại Phạm! Ở thành **Phiệt La Nại Tư** (Vārāṇasī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Vua nước lân cận là kẻ có thế lực lớn nên đã khởi bốn loại binh đến chinh phạt Phạm Thí. Thời vị cận thần liền tâu với vua Phạm Thí rằng: *"Đại Vương! Nay quân địch đi đến chiếm đoạt thành ấp của chúng ta. Mong Đại Vương ban lệnh cho chúng tôi phải dùng kế sách nào để đẩy lui quân địch ấy?"*

Lúc đó, Phạm Thí bảo quần thần rằng: "*Nay các ngươi đừng vội chống cự. Ta có **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni**. Do uy lực của Đà La Ni này hay đập tan quân địch khiến cho chúng giống như đám tro tàn vậy"*

Các quần thần liền cúi đầu tâu rằng: *"Đại Vương! Bọn hạ thần chúng tôi chưa từng nghe qua điều này"*

Đức vua lại bảo rằng: "*Nay các ngươi sẽ thấy sự hiệu nghiệm ngay lập tức"*.

Khi ấy, **Phạm Thí** liền dùng nước thơm tắm gội, mặc áo mới sạch, y theo Pháp viết chép Đà La Ni này, bỏ vào trong cái hộp rồi đặt ở trong búi tóc trên đầu. Nhà vua dùng **Đại Tuỳ Cầu Đà La Ni** này hộ thân, mặc áo giáp rồi đi ngay vào quân trận. Một mình nhà vua đánh nhau với bốn loại binh, giáng phục và khiến chúng quy hàng.

_ Đại Phạm nên biết **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này là nơi gia trì của tất cả **Như Lai Tâm Ấn** nên có sự thần nghiệm to lớn. Ông nên thọ trì và phải biết Đà La Ni này ngang bằng với chư Phật. Sau này vào thời Mạt Pháp sẽ vì những Hữu Tình: đoản mệnh, kém phước, không có phước, chẳng chịu tu phước…. mà làm lợi ích cho họ vậy.

_ Này Đại Phạm! **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** này, y theo Pháp viết chép rồi cột trên cánh tay hoặc đeo dưới cổ. Nên biết người đó là ***nơi gia trì của tất cả Như Lai***. Nên biết người đó ngang đồng với ***Thân của tất cả Như Lai***. Nên biết người đó là ***thân bền chắc của Kim Cương***. Nên biết người đó là ***Thân của tất cả Như Lai Tạng***. Nên biết người đó là ***con mắt của tất cả Như Lai***, nên biết người đó là ***Thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai***. Nên biết người đó là ***giáp trụ bất hoại***. Nên biết người đó hay đập nát tất cả oán địch. Nên biết người đó hay thiêu đốt tất cả tội chướng. Nên biết người đó hay làm cho nẻo Địa Ngục được thanh tịnh.

Này Đại Phạm! Vì sao lại biết được như thế ? Khi xưa có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu: Tỳ Khưu) mang Tâm hoại niềm tin trong sạch (Tĩnh Tín), làm nhiều điều vi phạm Chế Giới của Như Lai, ăn trộm tài vật của Tăng hiện tiền với vật của Tăng Kỳ Chúng, vật của Tứ Phương Tăng đem dùng làm của riêng. Sau đó bị bệnh nặng phải chịu sự khổ não lớn lao. Thời vị Bật Sô ấy không có người cứu tế nên kêu gào to tiếng.

Tức ở xứ đó có một vị **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka: Cận Sự Nam) thuộc dòng **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) nghe tiếng kêu gào liền đi đến chỗ vị Bật Sô bị bệnh kia, khởi Tâm xót thương rộng lớn, liền vì vị Tăng ấy viết chép **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni** này rồi đeo dưới cổ vị Tăng. Vị Bật Sô ấy đều dứt hết mọi sự khổ não, chết ngay và bị đọa vào Địa Ngục **Vô Gián**. Thi hài của vị Bật Sô ấy được đưa vào trong cái Tháp nhưng trên thân vẫn đeo Đà La Ni đó. Do nhân ấy, khi vị Bật Sô vừa mới đọa vào Địa Ngục thì bao nhiêu sự đau khổ của kẻ thọ tội đều được chặn đứng, thảy đều được an vui. Bao nhiêu ngọn lửa mạnh mẽ của **Địa Ngục A Tỳ** (Avīci) do sức Uy Đức của Đà La Ni này thảy đều tiêu diệt.

Bấy giờ **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yamapāla-purūṣā) nhìn thấy hiện tượng đó thì rất kinh ngạc, liền đến trình báo với **vua Diêm Ma** (Yama-rāja) và nói **Già Đà** (Gātāa: Kệ Tụng) rằng :

"Nay Đại Vương nên biết
Việc này rất đặc biệt

Ở nơi hiểm ách lớn
Khổ não đều ngưng nghỉ
Nghiệp ác của chúng sinh
Ngọn lửa mạnh đều diệt
Cưa cắt tự dừng đứng
Đao kiếm chẳng thể hại
Cây đao và rừng kiếm
Các nỗi khổ giết mổ
Nồi nước nóng, ngục khác
Khổ não đều ngưng trừ
***Diêm Ma** (Yama) là **Pháp Vương** (Dharma-rāja)*
Dùng Pháp trị Hữu Tình
Nhân duyên này chẳng nhỏ
Xin giúp tôi trừ nghi"

_ Thời Đức vua Diêm La
Từ **Vô Bi Ngục Tốt**
Nghe việc như vậy xong
Liền nói lời như vầy :
" Việc này thật kỳ lạ!
Đều do nghiệp sở cảm
Ngươi đến thành Mãn Túc
Xét xem việc thế nào?"

_Ngục tốt nhận sắc lệnh
Ngay vào lúc đầu đêm
Phía Nam thành Mãn Túc
Nhìn Tháp của Bật Sô
Liền thấy trên thi hài
Đeo Chú **Đại Minh Vương**
Tuỳ Cầu Đà La Ni
Tỏa ánh hào quang lớn
Rực rỡ như đám lửa
Trời, Rồng với Dược Xoa
Chúng Tám Bộ vây quanh
Cung kính mà cúng dường
Thời **Ngục Tốt Diêm Ma**

Đặt hiệu ***Tháp Tuỳ Cầu*** (Pratisāraḥ: Đây là tên cái Tháp chứa thi hài của vị Tăng)

Khi ấy **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yamapāla-purūṣā) quay về nơi vua ngự, trình bày đầy đủ sự việc trên với vua Diêm Ma: "Vị Bật Sô kia nương theo uy lực của Đà La Ni này mà tội chướng đều được tiêu diệt và được sinh về cõi **Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃśa-deva). Nhân vì thân trước, mà vị Trời này có hiệu là **Tuỳ Cầu Thiên Tử** (Pratisāra-devaputra)

_ Đại Phạm nên biết Đà La Ni này có uy lực to lớn. Ông nên thọ trì, viết chép, đọc tụng, y theo Pháp mà đội đeo ắt thường được xa lìa tất cả khổ não, tất cả nẻo ác và chẳng bị sấm sét gây thương hại.

Làm sao mà biết được?

Này Đại Phạm! Ở thành **Hình Ngu Mật Đàn** có vị Trưởng Giả tên là **Vĩ Ma La Thương Khư** (Vimala-śaṅkha). Ông là nhà cự phú, kho tàng cất chứa đầy dẫy vàng bạc với rất nhiều tiền gạo. Khi ấy Vị Trưởng giả đó là một vị thương chủ, ông dùng chiếc thuyền lớn đi vào biển để tìm kiếm báu vật. Lúc ở giữa biển lớn, ông gặp con cá **Đề Di** muốn phá nát thuyền. Vị Long Vương trong biển ấy lại sinh tâm giận dữ, khởi sấm sét lớn, gào thét tạo ra mây sấm và mưa đá Kim Cương.

Thời các thương nhân nhìn thấy cơn mưa đá sấm sét này đều buồn rầu phiền não và rất sợ hãi liền gấp rút kêu gọi cầu cứu nhưng vẫn không có ai đến cứu giúp. Bấy giờ chúng thương nhân đến gặp vị thương chủ, khóc lóc bi than và nói rằng: "*Nhân Giả có kế sách nào cứu giúp cho chúng tôi xa lìa khỏi nỗi lo âu sợ hãi này chăng?!...*"

Lúc đó vị thương chủ không hề sợ hãi. Nhờ chí tính kiên cố, có đại Trí tuệ nên khi thấy các thương nhân bị sợ hãi bức bách .Ông liền bảo rằng: *"Này các thương nhân! Các ông đừng sợ mà hãy khởi tâm mạnh mẽ cứng cáp. Nay tôi sẽ giúp các ông miễn trừ sự sợ hãi này"*

Các thương nhân ấy sinh tâm cứng mạnh, lại nói rằng: *"Đại thương chủ! Nguyện xin mau chóng nói phương cách trừ tai nạn, khiến cho chúng tôi bảo tồn được mạng sống "*

Vị thương chủ ấy liền bảo các thương nhân rằng: *"Tôi có Đại Minh Vương tên là Tùy Cầu Đà La Ni, có thần thông to lớn hay giáng phục các điều khó điều phục. Nay tôi giúp các ông thoát khỏi sự ưu não này"*

Vị thương chủ liền viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này đặt trên đầu cây phướng. Tức thời con cá Đê Di nhìn thấy chiếc thuyền này tỏa ánh sáng rực rỡ như đám lửa mạnh mẽ. Do ***Đại Uy Lực Trí Hỏa*** của Đà La Ni này thiêu đốt, con cá Đê Di liền tiêu tan. Các hàng Long Vương ấy nhìn thấy tướng này đều khởi Tâm từ, liền bay từ trên hư không xuống, rộng làm cúng dường và đưa chiếc thuyền này đến bãi chứa vật báu.

Này Đại Phạm ! Điều này đều do **Đại Trí Đại Minh Đại Tùy Cầu** dùng nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai cho nên có tên là **Đại Minh Vương** (Mahā-vidya-rāja).

Nếu có người viết chép Đà La Ni này, đặt ở đầu cây phướng trên thuyền thì hay chặn đứng tất cả gió ác, mưa đá, nóng lạnh không đúng thời tiết, sấm chớp, sét đánh. Hay chặn đứng sự kiện cáo tranh đấu của tất cả chư Thiên. Hay trừ tất cả muỗi mòng, Hoàng Trùng (loài sâu ăn lúa mạ) với các loài ăn lúa mạ khác…thảy đều lui tan. Hay làm cho tất cả loài thú mạnh ác có móng vuốt sắc bén chẳng thể gây hại. Hay khiến cho tất cả lúa mạ, hoa quả, cỏ thuốc thảy đều tăng trưởng hương vị và có thân thể tốt đẹp trơn láng. Nếu đất nước bị nạn khô hạn chẳng thể điều phục, do uy lực của Đà La Ni này thì Long Vương vui vẻ tuôn mưa đúng thời tiết.

Lại nữa Đại Phạm! Nếu có nơi lưu bố Đại Tùy Cầu Đà La Ni này thì các Hữu Tình đã biết điều này, nên dùng hương hoa, phướng, lọng, mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp, hoặc đặt trên đầu cây phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiễu quanh cúng dường, chân thành lễ bái. Ắt mọi việc suy tư, ước vọng mong cầu trong Tâm của các Hữu Tình ấy đều được mãn túc.

_ Nếu có thể y theo Pháp viết chép rồi đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được . Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở an vui.

Này Đại Phạm ! Làm sao mà biết được ? Xưa kia ở nước **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyện Thủ** (? Pratisāra-pāṇi). Do nhân duyên gì mà có tên là **Thí Nguyện Thủ**? Lúc vị vua ấy sinh ra, liền giơ tay nắm bầu vú của mẹ. Do bàn tay

chạm vào vú mẹ thì bầu vú mẹ biến thành màu vàng, vú mẹ tăng trưởng tự nhiên và tuôn chảy sữa. Nếu có chúng nhân đi đến cầu xin thì nhà vua duỗi bàn tay phải, ***khởi niềm tin trong sạch nơi Phật Bồ Tát*** thì chư Thiên nghiêng rót mọi thứ trân bảo màu nhiệm đều nhập vào bàn tay của nhà vua mà ban cho người cầu xin. Tùy theo sự tu hành của người ấy mà đều được đầy đủ và đều thành tựu mọi sự an vui. Do nhân duyên ấy nên có tên là **Thí Nguyện Thủ.**

Vị vua ấy vì cầu con nên cúng dường chư Phật với các Tháp Miếu nhưng cầu con chẳng được. Nhà vua giữ gìn Trai Giới, rộng bày **Vô Già Thí Hội**, rộng tu phước nghiệp hộ trì Tam Bảo, tu sửa chùa chiền bị phá hoại trong tương lai, làm một kho cất chứa.

Tại sao thế? Này Đại Phạm! Ta nhớ về thời quá khứ, ở quốc cảnh Ma Già Đà này trong thành **Câu Thi Na** (Kuśinagara), phần lớn tụ lạc Đại Lực Sĩ đều theo giáo Pháp của Như Lai. Khi ấy có một vị Trưởng Giả tên là **Pháp Tuệ** (Dharma-mati) đối với tất cả chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, vì các Hữu Tình nói Pháp yếu của Đại Tùy Cầu Đà La Ni này.

Ngay thời ấy, ở trong nhà Trưởng Giả có một người nghèo nghe được Pháp màu nhiệm này thì nói với Trưởng Giả Tử rằng: *"Trưởng Giả Tử! Tôi ở trong nhà của ông làm việc, thường vui nghe Pháp. Tôi sẽ cúng dường Pháp này"*

Người nghèo túng ấy ở nhà của vị Trưởng Giả, làm đủ mọi việc, lại cúng dường Pháp. Về sau, lúc Trưởng Giả Tử ấy trao cho một đồng tiền vàng. Nhận xong, người ấy phát Tâm Bồ Đề muốn cứu giúp chúng sinh, rồi dùng Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Người ấy liền đem đồng tiền vàng có được, cúng dường Đại Tùy Cầu Đà La Ni này và phát nguyện rằng: *"Dùng Phước xả thí này, nguyện cho tất cả Hữu Tình cắt đứt được nghiệp nghèo túng".*

Do nhân duyên này mà Phước xả thí ấy không hề chấm dứt. Như vậy phần lớn nhân duyên gieo trồng Phước là cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Vì phước nghiệp này, Tĩnh Cư Thiên Tử hiện ở trong mộng báo cho nhà vua rằng: *"Nay Đại Vương có thể y theo Pháp, viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này, khiến cho Đại Phu Nhân giữ Trai Giới và đeo giữ, ắt có con cái".*

Khi tỉnh giấc, nhà vua cho triệu thỉnh một người xem tướng với chúng Bà La Môn có Trí, chọn ngày trực của Tú Diệu tốt, y theo Pháp giữ Trai Giới, viết chép Đà La Ni này khiến cho Phu Nhân đeo dưới cổ. Lại liền cúng dường Tháp Tốt Đổ Ba (Stūpa:Tháp nhiều tầng), chư Phật Bồ Tát, rộng hành xả thí… Ứng thời có mang, đầy đủ ngày tháng sinh ra một đứa con đầy đủ sắc tướng đoan nghiêm thù thắng, người nhìn thấy đều vui vẻ.

Đại Phạm nên biết đây là uy lực của **Vô Năng Thắng Vô Ngại Đại Tùy Cầu Bảo Ấn Tâm Đại Minh Vương Đà La Ni**, là nơi cúng dường của tất cả Như Lai. Ai có mong cầu đều được vừa ý"

Lại bảo Đại Phạm: "Người nghèo làm công cho nhà Trưởng Giả Tử **Pháp Tuệ** lúc ấy chẳng phải ai xa lạ mà chính là Vua Thí Nguyện Thủ vậy. Do đời quá khứ xả thí một đồng tiền vàng, cúng dường Đại Tùy Cầu Đà La Ni này rồi hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Do nhân duyên ấy mà được Phước vô tận, nên thân đời sau được làm quốc vương, tin tưởng trong sạch nơi Tam Bảo, Tâm chẳng thoái lui, rộng hành xả thí, thành tựu **Đàn Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bố Thí Ba La Mật)"

PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM
VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
Đến nghe Phật Pháp nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Xa lìa các khổ về Viên Tịch
Hằng dùng Hướng Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc



Mật Tạng Bộ 3_ No.1153 (Tr.621_ Tr.632)

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI

QUYỂN HẠ

(**Bách Thiên Ấn Đà La Ni Kinh**, đồng quyển, dịch khác)

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Lại nữa Đại Phạm! Lúc **Thiên Đế Thích** (Śakra) đánh nhau với **A Tô La** (Asura) thì **Thiên Đế Thích** thường đem Đà La Ni này đeo giữ ở trong búi tóc trên đỉnh đầu nên chúng của Trời Đế Thích chẳng bị thương tổn, thường đắc thắng và an ổn quay về Cung.

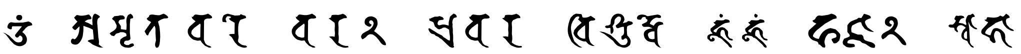
Bồ Tát mới phát Tâm cho đến Bồ Tát ở **Cứu Cánh Địa**, đeo giữ thì hay xa lìa mọi thứ chướng nạn, nghiệp Ma.

Nếu có người đeo Đà La Ni này tức là nơi gia trì của tất cả Như Lai, là nơi hộ niệm của tất cả Bồ Tát. Tất cả người, Trời, quốc vương, vương tử, đại thần, Bà La Môn, trưởng giả thường luôn cung kính lễ bái thừa sự. Tất cả hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Gia** (Mahoraga), **Nhân** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya) đều cung kính người đeo giữ ấy.Tám Bộ Trời Rồng của nhóm ấy đều nói ***người đó là bậc*** **Đại Trượng Phu** (Mahā-puruṣa)

Đức Như Lai lại nói: "*Kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều hay đập nát tất cả Ma Chướng, xa lìa tất cả bệnh tật, xa lìa tất cả tai hoạnh, trừ tất cả ưu não, luôn là nơi thủ hộ của tất cả Trời Rồng* ".

_ Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm! Lại có bốn Đà La Ni gọi là **Vô Năng Thắng Phi Đại Tâm Chân Ngôn.** Nếu có ai viết chép, đeo móc trên thân thì thường nên tụng trì, thâm tâm suy tư **Quán Hạnh** ắt hay trừ bỏ mộng ác, việc chẳng lành, đều được thành tựu tất cả sự an vui.

_ "Án, A mật-lị đa, phộc lệ, phộc la phộc la, bát-la phộc la, vĩ thú đệ, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ"



OṂ_ AMṚTA VARE_ VARA VARA PRAVARA VIŚUDDHE_ HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ_ SVĀHĀ

_"Án, A mật-lị đa, vĩ lô chỉ nãnh, nghiệt bà, tăng la khất-sái ni, a yết lị-sái ni, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ"



OṂ_ AMṚTA VILOKINI GARBHA_ SAṂRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI_ HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ_ SVĀHĀ

_“Án, vĩ ma lê, nhạ dã, phộc lệ, a mật-lị đế, hồng hồng hồng hồng, phả tra phả tra phả tra phả tra, sa-phộc hạ”



OṂ_ VIMALE JAYA VARE AMṚTE_ HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_ SVĀHĀ

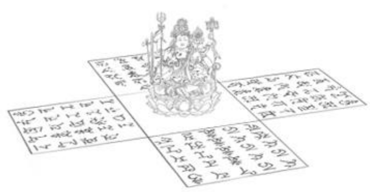
_“Án, bả la, bả la, tam bả la tam bả la, ấn nại-lị dã, vĩ thú đà nãnh, hồng hồng, lỗ lỗ tả lệ, sa-phộc hạ”



OṂ_ BHARA BHARA _ SAMBHARA SAMBHARA_ INDRIYA VIŚODHANE_ RURU CALE_ SVĀHĀ

Vừa mới nói bốn Đại Đà La Ni này xong thì tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Thanh Văn khác miệng cùng lời nói **Đại Tùy Cầu Đại Minh Vương Vô Năng Thắng Đà La Ni Giáp Trụ Mật Ngôn Cú** này. Dùng Ấn của tất cả Như Lai, ấn lên. Đà La Ni này rất khó được nghe huống chi là viết chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói. Chính vì thế cho nên biết đó là Đại Phật sự.





Đức Như Lai khen ngợi khôn cùng, nói lời tùy hỷ, rất khó được nghe tên của **Đại Tùy Cầu Đại Vô Năng Thắng Đà La Ni** này, rất khó được nghe, rất ư khó được, hay diệt hết các tội. Đại lực dũng kiện, đủ đại Uy Đức Thần Lực, hay sinh vô lượng Công Đức, hay đập nát tất cả Ma chúng, hay cắt đứt tất cả nhóm tập khí với Ma chướng. Hay trừ tất cả Chân Ngôn khác, chất độc, yểm đảo, *Dược Pháp* (Pháp về thuốc men), *Tướng Tăng Pháp* (Pháp trợ nhau oán ghét), *Giáng Phục Pháp*. Hay khiến cho chúng sinh có Tâm ác khởi Tâm Đại Bi. Hay giúp đỡ yêu thích người cúng dường chư Phật Bồ Tát Thánh chúng. Hay hộ giúp kẻ viết chép thọ trì đọc tụng, lắng nghe Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahā-yāna), lại hay mãn túc việc tu **Phật Bồ Đề**.

Này Đại Phạm! Trì **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Minh** này chẳng bị hoại nát, ở tất cả nơi được đại cúng dường giống như **Phật Đại Sư Lưỡng Túc Tôn**. Làm sao biết được **Minh Vương** này hay nghiền nát tất cả Ma?

Đại Phạm! Vào thời quá khứ có Đức Phật tên là **Quảng Bác Vi Tiếu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương** (Vipūla-pratita-vadana-sūktva-maṇi-kanaka-ratna-jvala-raśmi-prabha-abhyuṅgata-rāja) **Như Lai Ứng Chính Giác**, lúc mới thành Đạo đi đến **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa, hay Bodhi-gayā) muốn chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra), tất cả Như Lai xưng tán.

Bấy giờ tất cả Ma với vô lượng câu chi na dữu đa quyến thuộc vây quanh, hiện mọi loại hình, phát ra âm thanh đáng sợ, bày ra mọi loại Ma cảnh, hiện làm Thần Thông, tuôn mưa đủ loại khí trượng tràn khắp bốn phương để gây chướng nạn.

Khi ấy **Quảng Bác Vi Tiếu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang Diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương Như Lai** trong phút chốc tịch nhiên an trú, ý tụng **Đại Tùy Cầu Đại Minh Vương Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này bảy biến.

Vừa tụng Đà La Ni này xong, trong khoảng sát na thì tất cả **Ma Ba Tuần** (Māra-pāpman, hay Māra-pāpīyān) nhìn thấy từ mỗi một lỗ chân lông của Đức Như Lai ấy tuôn ra vô lượng câu chi trăm ngàn na dữu đa **Kim Cương sứ giả** (Vajra-ce.ca), thân mặc giáp trụ tỏa ánh hào quang lớn, đều cầm đao kiếm, búa, dây, gậy, côn, Tam Kích Xoa…. đều phát ra lời nói như vầy: *"Bắt trói Ác Ma, nghiền nát loài có Tâm ác, chém đứt mạng của chúng, tán nát chư Ma đã gây chướng nạn cho Đức Như Lai, tức là tất cả ác Ma khó điều phục ấy"*

Dùng Đại Uy Lực của Như Lai, ở trong lỗ chân lông hiện ra vị **Đại Trượng Phu** (Puruṣa). Các Chúng Ma ấy buồn thảm té lăn ra đất, đều bị mất: Tự Tính, Thần Thông, Biện Tài…. bỏ chạy tứ tán. Đức Như Lai dùng ***cây kiếm Đại Từ*** (Mahā-maitra-khaḍga) thắng được Ma cảnh thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), liền chuyển ***bánh xe Pháp của tất cả Như Lai*** (Sarva-tathāgata-dharma-cakra) giống như tất cả Phật. Tất cả loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), các Ma ác… thảy đều bị tồi hoại. Đức Như Lai liền chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra) vượt khỏi biển lớn sinh tử đến được **bờ bên kia** (Pāramita: ý nói là bờ giải thoát).

Như vậy Đại Phạm! Đà La Ni này có thế lực lớn, hay được Thần Thông đi đến bờ bên kia. Nếu vừa mới nghĩ nhớ thì ở nơi hiểm nguy đều được giải thoát, vui thích thanh tịnh, Hữu Tình có **Tâm Ác** (Duṣṭa-citta)liền khởi **Tâm Đại Từ** (Mahā-maitra-citta). Chính vì thế cho nên, Đại Phạm thường nên ghi nhớ, **tác ý như lý**, y theo Pháp viết chép mà thường đeo giữ.

_ Lại nữa Đại Phạm! Tại thành **Ô Thiền Na** (Ujayanī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Thời ấy có một người phạm vào tội nặng, nhà vua ra lệnh giết chết kẻ ấy. Người nhận lệnh đem tội nhân ấy vào trong núi giết chết. Khi vào hang núi, người áp giải tội nhân liền vung đao tính chém chết thì Tội nhân kia, lúc trước có đeo **Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này ở cánh tay phải, nay Tâm lại ghi nhớ. Do uy lực của Đại Minh này nên cây đao ấy lóe ra ánh sáng giống như đám lửa rồi gãy ra từng mảnh giống như bụi nhỏ.

Khi nhìn thấy hiện tượng này, người đao phủ kinh ngạc chưa từng có. Liền trình báo đầy đủ cho nhà vua hay. Đức vua nghe xong, rất tức giận lại sai đao phủ đem tội nhân ấy đẩy vào hang Dược Xoa, ở trong hang ấy có rất nhiều **Dược Xoa** (Yakṣa) khiến cho chúng ăn thịt tội nhân này. Người áp lãnh nhận sắc của vua xong, liền đem tội nhân đẩy vào hang Dược Xoa. Khi tội nhân mới vào hang thì chúng Dược Xoa vui vẻ thích thú chạy vội đến phía trước muốn ăn thịt tội nhân ngay. Do tội nhân ấy đeo Đại Tùy Cầu, vì sức Uy Đức cho nên chúng Dược Xoa nhìn thấy trên thân thể của tội nhân ấy có ánh hào quang rực rỡ chiếu soi. Các chúng Dược Xoa rất sợ hãi đều nghĩ rằng: *"Lửa này muốn thiêu cháy chúng ta"*. Chúng Dược Xoa ấy thấy việc đấy xong thì rất kinh sợ, liền đẩy tội nhân ra ngoài của hang rồi vây quanh lễ bái.

Khi ấy, Sứ giả lại trình báo đầy đủ cho vua hay. Nghe xong, nhà vua càng giận dữ hơn nữa, lại sai sứ giả cột tội nhân lại ném xuống sông sâu. Sứ giả vâng lệnh thi hành. Lúc tội nhân ấy vừa rơi xuống sông thì nước sông liền khô cạn giống như đất bằng (lục địa) và tội nhân kia liền đứng trên bờ, sợi dây cột trói tội nhân mỗi mỗi đứt đoạn từng mảnh.

Nhà vua nghe qua việc này thì rất kinh ngạc, vui vẻ mỉm cười, sinh đại kỳ đặc liền kêu tội nhân đến hỏi duyên cớ: *"Vì sao ngươi lại thoát được nạn?"*

Tội nhân đáp: *"Tâu Đại Vương! Tôi không có thể tự giải thoát được (Sở dĩ tôi được thoát nạn) vì trên thân của tôi có đeo* ***Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đà La Ni****"*

Vua liền khen ngợi: *"Thật là lạ lùng! Đại Minh này quả là vi diệu hay dẹp tan tội chết"*. Rồi nói **Già Đà** (Gāthā) rằng :

"**Đại Minh** thật vi diệu !
Hay phá tan tội chết
Nơi chư Phật gia trì
Cứu giúp các Hữu Tình
Hay giải thoát bệnh khổ
Uy Đức của Đại Minh
Giải thoát sự chết yểu
Đại Bi Tôn đã nói
Hay chận bệnh tật lớn
Mau chứng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi)"

Bấy giờ nhà vua vui mừng hớn hở liền lấy **Tùy Cầu** đó cúng dường lễ bái và đem vải lụa cột trên đầu người bị tội, ban cho dây lụa Quán Đỉnh và xưng là **Thành Chủ** (Pháp của 5 nước Thiên Trúc. Nếu nhận vinh dự của chức quan (quan vinh) đều dùng vải lụa cột trên đầu, Quán Đỉnh, sau đó mới nhận chức)

Như vậy Đại Phạm! **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này. Nếu có người đeo cột thì ở tất cả nơi chốn đều được đại cúng dường. Nếu chúng sinh có Tâm ác khó điều phục, đều khởi Tâm Từ và cùng nhau thuận phục. Vì thế nên thường đeo giữ Đại Đà La Ni này.

_ Lại nữa Đại Phạm! Nếu muốn đeo Đà La Ni này thì nên lựa ngày tốt, Tú tốt, giờ tốt… y theo Pháp viết Đà La Ni này

Thời Đại Phạm Vương nghe lời dạy đó xong thì rất vui vẻ, cúi năm vóc sát đất, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Dùng phương pháp nào để viết chép **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này?"

Bấy giờ Đức Như Lai liền nói **Già Đà** bảo Đại Phạm rằng:

"_ Đại Phạm! Ông nên biết
Nay Ta vì ông nói
Thương nhớ các Hữu Tình
Khiến được an vui lớn
Mau lìa nghiệp bức bách
Giải thoát các bệnh tật
Phụ nữ được mang thai (*người cầu con được như ý*)
Hữu Tình lìa nghèo túng
Nghiệp khốn khó đều trừ
_ Nên vào giờ **cát Tú** (Sao Tú trực tốt)
Bày *sa tú* (Tinh tú làm bằng cát) tương ứng
Cần phải giữ Trai Giới

Mà cúng dường chư Phật
Phát Tâm Đại Bồ Đề
Lại sinh Tâm Bi Mẫn
Với khởi Tâm Đại Bi
Nghĩ lợi ích cho người
Khắp các loại Hữu Tình
Hương Long Não, **Chiên Đàn** (Candana)
Dùng nước hương này tắm
Mặc quần áo mới sạch
Liền đốt hương xông ướp
Nên dùng **Cù Ma Di** (Komayī: phân bò)
Tô **Mạn Trà La** (Maṇḍala) nhỏ
Nên lấy năm Hiền Bình
Đều chứa đầy nước thơm
Cắm các loại hoa quả
Đặt ở bốn góc Đàn
Còn một cái giữa Đàn
Vòng hoa với hương đốt
Với hương xoa màu nhiệm
Nên đốt Ngũ Vị Hương
Đàn hương, **Táp Tất Ca**
Tô Hợp, Trầm, Thạch Mật
Hòa hợp rồi thiêu đốt
Đủ mọi thứ diệu hoa
Các hoa quả, hạt giống
Tùy thời đem cúng dường
Hương xoa dùng nghiêm sức
Tô, Mật với sữa, Lạc
Miến, Lúa và cháo sữa
Chứa đầy vật cúng dường
Ứng lượng đều tốt lành
Dùng chén bát sứ chứa
Bốn góc đầy mùi thơm
Cọc gỗ **Khư Đà La** (Khadira)
Đóng ở bốn góc Đàn
Dùng chỉ Ngũ Sắc cột
_ Ở ngoài bốn góc Đàn
Đại Phạm dùng Nghi này
Nếu cầu xin **Tất Địa** (Siddhi)
Nên ăn *Tam Bạch Thực* (3 thức ăn màu trắng)
Vẽ **người Tùy Cầu** này
Nên ngồi ở trong Đàn
Trải chiếu bằng tranh cói
Y Pháp mà tô vẽ
Hoặc lụa trắng, lụa màu
Hoặc dùng vỏ cây hoa
Hoặc lá hoặc vật khác
Viết **Đà La Ni** này

_ Người nữ cầu xin con
Nên dùng **Ngưu Hoàng** vẽ
Chính giữa đặt **Đồng Tử** (Kumāra)
Anh Lạc trang nghiêm thân
Bát chứa đầy trân bảo
Dùng tay trái cầm giữ
Ngồi ngay trên hoa sen
Lá sen đều nở rộng
Lại ở góc phía Tây
Tô vẽ bốn núi báu
Dùng vàng báu tô núi
Ân cần nên tô vẽ
Hay khiến thai an ổn

_ Trượng Phu cầu xin con
Nên dùng **Uất Kim** (màu vàng nghệ) vẽ
Ắt việc mong cầu ấy
Thảy đều được thành tựu

_ Ở bốn mặt Chân Ngôn
Nên vẽ mọi loại Ấn
Lại vẽ đóa hoa sen
Hoặc hai, hoặc ba, bốn
Cho đến năm hoa sen
Hoa ấy đều hé nở
Tám cánh đủ râu nhụy
Cuống hoa dùng lụa buộc
Trên hoa vẽ **Tam Kích**
Trên **Kích** lại buộc lụa
Lại vẽ cây búa lớn (Phủ việt)
Cũng ở trên hoa sen
Lại vẽ hoa sen trắng
Bên trên vẽ cây kiếm
Lại ngay trên hoa sen
Tô vẽ ngay **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)
Các hoa sen đã vẽ
Đều ở trong ao báu

_Nếu Trượng Phu đeo giữ
Chẳng nên vẽ Đồng Tử
Nên vẽ hình người Trời
Mọi thứ báu trang nghiêm

_ Nếu Đế Vương đeo giữ
Chính giữa nên tô vẽ
Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokiteśvara)
Lại ở nơi bốn mặt
Vẽ mọi loại Ấn Khế

_ Nếu là Bật Sô (Bhikṣu: Tỳ khưu) đeo
Nên vẽ **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Phải: cầm chày Kim Cương
Quyền trái dựng ngón trỏ
Nghĩ loài khó điều phục
Lại nên ở bốn góc
Vẽ bốn vị Thiên Vương

_ **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) đeo giữ
Tô vẽ **Y Xá Na** (Īśana: Tự Tại Thiên)

_ Nếu **Sát Lợi** (Kṣatriya) đeo giữ
Vẽ **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara: Đại Tự Tại Thiên)

_ Nếu **Tỳ Xá** (Vaiśya) đeo giữ
Tô vẽ **Thiên Đế Thích** (Indra)
Hoặc vẽ **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa)

_ Nếu **Thủ Đà** (Śūdra) đeo giữ
Nên vẽ **Na La Diên** (Nārāyaṇa)

_ Đồng nam hoặc đồng nữ
Vẽ **Ba Xà Ba Đề** (Prajāpati: Sinh Chủ, tên của vị Phạm Thiên)

_Người nữ sắc xanh, đeo
Vẽ **Lô Đà La Thiên** (Rudra)

_ Người nữ sắc trắng, đeo
Nên vẽ **Danh Xưng Thiên**

_ Nếu người nữ mập béo
Nên vẽ **Bảo Hiền Tướng** (Maṇi-bhadra)

_Người nữ gầy ốm, đeo
Vẽ **Mãn Hiền Dược Xoa** (Pūrṇa-bhadra-yakṣa)

_ Nếu phụ nữ mang thai
Nên vẽ **Đại Hắc Thiên** (Mahā-kāla)
Hoặc vẽ **Phạm Thiên Vương** (Brahma-deva-rāja)

_ Như vậy các loại người
Đều vẽ Bản Sở Tôn
Y Pháp mà vẽ chép
Thường đeo ở trên thân
Mong cầu đều như ý

_ Vàng, đồng làm Hoa Sen
Ở trên đặt **Bảo Châu**
Như Ý (Cintā-maṇi), hình rực lửa

Đặt trên đầu cây phướng
Ở trong viên ngọc này
An trí **Đại Tùy Cầu**
Ở trong Tùy Cầu đấy
Vẽ vị **Chủ Ấp Thành**

_ Nếu nhà cửa của mình
Dựng **Tùy Cầu Sát** (cây cột Tùy Cầu) này
Thì vẽ *Bản gia chủ* (chủ nhà)
Ở bốn mặt Tùy Cầu
Chung quanh vẽ hoa sen
Ở trên nhụy thai hoa
Vẽ một **sợi dây lụa** (Pāśa)
Chày Kim Cương (Vajra), **bánh xe** (Cakra)
Cây bổng (Daṇḍa), **Xước Khất Để** (Śakti)
Các Khế Ấn như vậy
Đều ngay trên hoa sen
Trên **Sát** (cây cột) treo phan lụa
Nên như Pháp cúng dường
Do **Tùy Cầu Sát** (cây cột Tuỳ Cầu) này
Hay hộ nước, thành, ấp
Với hộ giúp gia tộc
Trừ diệt hết tai hoạ
Ôn dịch, các bệnh tật
Đói khát chẳng lưu hành
Kẻ địch khó xâm hại
Quốc thổ đều an vui

_ Nếu gặp trời quá nắng
Hoặc lúc mưa ứ trệ
Nên vẽ Rồng chín đầu
Trên đầu có *bảo châu*
Tỏa ra ánh lửa mạnh
Ngay trên tim của Rồng
Vẽ một chày Kim Cương
Ở bốn mặt thân Rồng
Vẽ **Đại Tùy Cầu** này
Đặt ở trong cái rương
Cũng đặt trên cột phướng
Ứng thời tuôn mưa ngọt (Cam Vũ)
Mưa ứ trệ liền tạnh

_Thương Chủ dẫn mọi người
Hoặc dưới nước trên bờ
Các thương nhân đeo giữ
Nên vẽ hình Thương Chủ
Như trước đặt trên cột
Lìa giặc cướp, sợ hãi
Thảy đều đến bờ kia

Vì thế nên siêng năng
Đeo giữ và đọc tụng
Cát tường diệt các tội

_ Nếu là người niệm tụng
Nên vẽ Tôn của mình

_ Nếu **Nhật** (Sūrya), **Nguyệt** (Soma), **Huỳnh Hoặc** (Aṅgāraka: Hỏa Tinh)
Thần Tinh (Budha: Thuỷ Tinh) với **Tuế Tinh** (Vṛhaspati: Mộc Tinh)
Thái Bạch (Śukra:Kim Tinh) và **Trấn Tinh** (Śanaiścara: Thổ Tinh)
Tue (Ketu: Sao chổi) và **La Hầu Diệu** (Rāhu: Hoàng Phan Tinh, Thực Thần)
Nhóm **Cửu Chấp** (Nava-graha) như vậy
Lấn bức ***Bản Mệnh Tú***
Gây ra các tai họa
Thảy đều được giải thoát

_ Hoặc có người Thạch Nữ (Phụ nữ không thể sinh con)
Phiến Xá Bán Xá Ca
Các loại người như vậy
Do đeo Đại Tùy Cầu
Liền có thể có con
Nếu loại này đeo giữ
Nên vẽ **Cửu Chấp Diệu** (Nava-graha)
Hai mươi tám Tú Thiên (Aṣa-viṃśatīnāṃ-nakṣatrānāṃ)
Giữa vẽ hình người đó
Mong cầu đều như ý
Như Thế Tôn đã nói
Đắc được nơi tối thắng
Đời này và đời khác
Thường được vui thù thắng
Ba mươi ba cung Trời
Tùy ý liền sinh vào
Vui thích **Thiểm Bộ Châu** (Jaṃbu-dvīpa)
Nhà Tộc Tính tối thắng
Được sinh vào Tộc ấy
Hoặc sinh **Sát Lợi Thiên**
Hoặc nhà **Bà La Môn**
Do đeo Đại Tùy Cầu
Sinh nơi thù thắng này
_ Viết chép, giữ, đọc tụng
Y Pháp mà đeo giữ
Sinh về **cõi An Lạc** (Sukhavatī: Cực Lạc)
Hóa sinh trong hoa sen
Quyết định chẳng nghi ngờ
Tất cả chư Như Lai
Khen ngợi công đức này
Xưng dương không cùng tận
Đóng chặt cửa Địa Ngục
Hay mở các lối Trời (Thiên thú)

An vui đều thành tựu
Trí Tuệ đều viên mãn
Chư Phật và Bồ Tát
Thường an ủi người ấy
Thân thường nhận khoái lạc
Mạnh khỏe có Đại lực
Như Lai thành thật nói
Sẽ được **Chuyển Luân Vị** (Địa vị Chuyển Luân Thánh Vương)
An ủi chúng Trời người
Loài Tâm ác kinh sợ

_Tu **Đà La Ni** này
Chẳng lâu sẽ đắc được
Chẳng bị đao gây thương
Thuốc độc và nước, lửa
Thảy đều chẳng thể hại
Phi mệnh và chết yểu
Các tội đều xa lìa
Thấy, nghe và chạm thân
Ở tất cả thời xứ
Quỷ Mỵ với đấu tranh
Sợ hãi… đều tiêu diệt
Trùng ác với rắn độc
Ngục tù đều giải thoát
Mọi loại tật bệnh nặng
Thảy đều trừ diệt hết

_ Do tu trì **Minh** này
Ở các chúng **Ma La** (Māra: chướng ngại, loài Ma)
Không ngại, được thông đạt
Hay ở tất cả chốn
Đều được cúng dường lớn
Trong người được tối thắng
Gia hộ tu Chân Ngôn

TU HÀNH TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI
_PHẨM THỨ HAI _

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Phạm, nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ Tụng) rằng:
"_ Nay Ta vì ông nói
Người tu hành Trì Minh
Nói nghi tắc gia hộ
Thương nhớ các Hữu Tình
Do sự ủng hộ này
Đắc được thành tựu lớn
Các phương xứ cư ngụ
Dùng làm **Gia Trì** này

Đắc được *Vô Chướng Ngại* (không có chướng ngại)
Tâm quyết định không nghi
Không sợ không nhiệt não
Trừ diệt tất cả Mỵ
Tùy thuận nơi **Tú** (Nakṣatra) **Diệu** (Grahā)
Hay đoạn Nghiệp *câu tỏa* (xiềng xích cột trói)
Ác thực (thức ăn ác), *ác khiêu mạch* (việc ác đột ngột xảy ra)
Yếm Thư… đều tiêu diệt
Chẳng bị các **oan gia** (Śatrū)
Lấn hiếp gây thương tích
Ác thị (mắt nhìn lộ vẻ hung ác) với áp đảo
Chú, thuốc với Cổ Độc
Nơi nguy hiểm, địch quân
Nơi oán địch đáng sợ
Tất cả đều tiêu dung

_ Do sức Đại Tùy Cầu
Chư Phật đều ủng hộ
Nhất Thiết Trí Bồ Tát
Thảy đều làm gia hộ
Duyên Giác và Thanh Văn
Với nhiều chủng loại khác
Trời Rồng đại uy đức
Đều cùng nhau ủng hộ

_ Người tụng Mật Ngôn này
Do mới nghe điều này
Minh Vương Tối Thắng Tôn
Tất cả nơi Vô úy (không sợ hãi)
Mâu Ni (Muṇi) nói điều này
Mộng ác, việc làm ác
Sự bức bách cực ác
Bệnh tật vây quấn thân
Bệnh gầy tiêu xương thịt
Với nhiều loại bệnh khác
Đinh sang (Ung nhọt) các độc thũng (Gân thịt sưng vù lên)
Ác chú (bệnh về mùa Hè) với tai họa
Cắn nhai các Hữu Tình
Làm Hữu tình tổn hại
Việc đáng sợ, hại lớn
Thảy đều được trừ diệt
Do gia hộ Đại Minh
Dùng **Minh** này gia hộ
Sắp chết, được giải thoát

_Nếu dùng dây lụa đen
Đem đến **cung Diêm Ma** (Yama-pura)
Mệnh lại tăng tuổi thọ
Do viết đeo **Đại Hộ**

_ Nếu người hết tuổi thọ
Sau bảy ngày sẽ chết
Vừa vẽ đeo Minh này
Vô Thượng Đại Gia Hộ

_ Hoặc nếu vừa nghe qua
Y theo Pháp gia trì
Nơi nơi được an ổn
Tùy ý nhận an vui

_Sáu mươi tám Câu Chi
Một trăm Na Dữu Đa
Ba mươi ba chư Thiên
Trợ giúp cho Đế Thích
Đến hộ giúp người này
Tùy đi theo gia hộ
_Bốn **Đại Hộ Thế Vương** (Mahā-loka-pāla-rāja)
Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi), **Đại Lực** (Mahā-bala)
Một trăm **Minh Tộc Chúng** (Vidya-kulāya-gaṇa)
Thường gia hộ người ấy
_Nhật Thiên (Āditya-deva) và **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)
Phạm Vương (Brahma-rāja) và **Tỳ Nữu** (Viṣṇu)
Tự Tại (Īśana), **Dạ Ma Thiên** (Yama-deva)
Bảo Hiền (Maṇi-bhadra) với **Lực Thiên** (Bala-deva)
Mãn Hiền (Pūrṇa-bhadra), **Đại Dũng mãnh** (Maha-vira)
Ha Lị Đế (Hāṛtye) cùng Con
Bán Già La (Pañcala), **Bán Chi** (Pañcika)
Câu Ma La Chúng Chủ (Kumāra-gaṇapati)
Cát Tường Đại Minh Phi (Śrī-mahā-vidya-rājñī)
Đa Văn (Vaiśravaṇa) và **Biện Tài** (Sarasvatī)
Thương Khí Ni (Śaṃkhini), **Hoa Xỉ** (Puṣpa-danti)
Nhất Kế (Eka-jaṭa), **Đại Uy Đức** (Mahā-teja)
Đại Dược Xoa (Mahā-yakṣa) như vậy
Thường thường sẽ ủng hộ

_ Thạch nữ ngưng sinh con
Mang thai đều tăng trưởng
Thường gia hộ người ấy
Cho đến giữ thọ mệnh

_ Trượng Phu thường được thắng
Nơi chiến đấu sợ hãi
Do mãn các nguyện này
Do y **Tịnh Tín Thiên**
Các tội đều tiêu diệt

_ Do viết **Đại Minh** này
Chư Phật thường quán sát

Đại uy đức Bồ Tát
Danh xưng ấy tăng trưởng
Phước thọ cũng như thế
Tài cốc (tiền của lúa gạo) đều phong thịnh
Đắc được thảy không nghi
Ngủ nghỉ và thức tỉnh
Thảy đều được an vui
Oan gia và Quỷ Thần
Đều chẳng dám hủy hoại
Lúc đang ở chiến trường
Thường đều được đắc thắng

_ Nếu lúc tu Mật Ngôn
Hộ này là tối thắng
An vui tu các **Minh**
Đều được không chướng ngại
Tất cả **Mật Ngôn Giáo**
Thảy đều được thành tựu
Thâm nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)
Mau thành **Tam Muội Gia** (Samaya)
Cho đến ở đời sau
Chư Phật đều ủy ký (giao phó việc)

_ Do trì **Đại Hộ** này
Các Cát tường đều mãn
Ý nguyện đều thành tựu

_ Do mới viết **Minh** này
Tất cả vui (lạc) phong thịnh
An vui buông tuổi thọ
Ắt sinh về nẻo lành (Thiện Thú)

_ Muốn sinh cực lạc quốc
Trì đeo **Minh Vương** này
Quyết định không nghi hoặc

_ Đấu tranh nơi kiện cáo
Trong chiến trận đáng sợ
Đều xa lìa sợ hãi
Như Phật thành thật nói
Thường được **Túc Mệnh Trí**
Đời đời đều không nghi
Quốc vương đều vui vẻ
Quyến thuộc với Hậu Cung
Hết thảy thường cung kính
Thường hoà cùng người thiện
Thảy đều sinh thương xót
Người cùng với chư Thiên
Khiến chở che giúp đỡ

Suốt cả ngày lẫn đêm
Đại Hộ Thành Tựu Minh
Đẳng Chính Giác đã nói

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm liền nói **Tuỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni** là:

“**Nẵng mô mẫu đà gia** (NAMO BUDDHĀYA)
Nẵng mô đạt ma dã (NAMO DHARMĀYA)
Ná mạc tăng già dã (NAMAḤ SAṂGHĀYA)
Nẵng mô Bà nga phộc đế, xả chỉ-dã mẫu nẵng duệ, ma ha ca lỗ ni ca dã, đát tha nghiệt đá dạ la-ha đế, tam miệu tam mẫu đà dã (NAMO BHAGAVATE ‘ŚĀKYAMUṆĀYE MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA)
Ná mạc táp đáp tỳ-dược tam miệu tam một đệ tỳ-dược (NAMAḤ SAPTEBHYAḤ_ SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ)
Ế sam, ná mạc sa khất-lị đát-phộc (EṢĀṂ NAMAḤ SKṚTVA)
Mẫu đà xả bà nẵng vật-lã đà duệ (BUDDHA ŚASANA VṚDHAYE)
A hạ nhĩ ná nãnh-dần (AHAMIDĀNYĀṂ)
Tam bát-la phộc khất-sái mính (SAṂPRAVA KṢA ME)
Tát phộc tát đát-phộc nộ kiếm bả dạ (SARVA SATVĀ DAKAṂPAYA)
I hàm vĩ niệm, ma hạ đế nghệ (IMĀṂ VIDYA MAHĀ TEJĪ)
Ma hạ ma la bả la khất-la hàm (MAHĀ MĀLA PARĀKRA MĀṂ)
Duệ thấp bà sử đam ma đát-la diễm (YE ṢYAṂ BHIṢITAṂ MĀTRĀYAṂ)
Phộc nhật-la sa nẵng ma nãnh sử tị (VAJRĀSANA MANĪṢIBHI)
Cật-la hạ tát phệ vĩ nẵng dã ca (GRAHA SARVE VINĀYAKA)
Thất-chế phộc đắc khất-sái noa, vĩ la dựng tát đá (ŚCA VATA KṢAṆA VIRAYAM GATA)
Đát nễ dã tha (TADYATHĀ)
Nghi lị, nghi lị, nghi lị ni (GIRI GIRI GIRIṆI)
Nghi lị phộc để (GIRI VATI)
Ngu noa phộc để (GUṆA VATI)
A ca xả phộc để (ĀKĀŚA VATI)
A ca xả truật đệ (ĀKĀŚA ŚUDDHE)
Bá bả vĩ nga đế (PĀPA VIGATE)
A ca thế nga nga nẵng đát lê (ĀKĀŚE GAGANA TALE)
A ca xả vĩ tá lị ni (ĀKĀŚA VICĀRIṆI)
Nhập-phộc lý đa thất lệ (JVALITA ŚIRE)
Ma ni mục khất-để khư (MAṆI MUKTI KHA)
Tức đa mạo lý đà lệ (CITTA BOLI DHARE)
Tô kế thế (SUKEŚE)
Tô phộc khất-đát-lê (SOVAKTRA)
Tô mật đát-lệ (SUNĪTRĪ)
Tô vạt la-noa mạo lý (SUVARṆA BOLI)
A để đế , a nỗ đáp-bán ninh ma nẵng nghiệt đế (ATĪTE AṆATMAṂNI MANA GATE)
Bát-la để-luật đáp-bán ninh (PRATYUTMAṂNI)
Nẵng mạc tát phệ sam mẫu đà nam (NAMAḤ SARVAṢĀṂ BUDDHĀNĀṂ)
Nhập-phộc lý đa đế nhạ tam mẫu đệ (JVALITA TEJA SAṂBUDDHE)

Tố mẫu đế (SUBUDDHE)
Bà nga phộc để (BHAGAVATE)
Tố la khất-sái mính (SURA KṢAṆI)
Tố khất-sái mính (SUKṢA ME)
Tố bát-la bệ (SUPRABHE)
Tố ná mính (SUDAME)
Tố nan đế (SUNĀṂTE)
Tả lệ (CARE)
Bà nga phộc để (BHAGAVATE)
Bả nại-la phộc để (BHADRA VATI)
Bả nại-lệ , tố bả nại-lệ (BHADRE SUBHADRE)
Vĩ ma lê nhạ dã bạt nại-lệ (VIMALE JAYA BHADRE)
Bát-la tán noa tán nị (PRACAṆḌA CAṆḌI)
Phộc nhật-la tán nị (VAJRA CAṆḌI)
Ma hạ tán nị (MAHĀ-CAṆḌI)
Kiểu lị (GAURI)
Hiến đà lị (GANDHĀRI)
Chế tán noa lý (CERI CAṆḌALI)
Ma đặng nghĩ (MATAṂGI)
Phó yết tư xả phộc lị nại-la nhĩ nị (PUKAṢI ŚAVARI DRAMIṆḌI)
Lao nại-lị ni (RAUDRIṆI)
Tát phộc la-tha sa đà nãnh (SARVĀRTHA SĀDHANE)
Hạ nẵng hạ nẵng, tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm (HANA HANA _ SARVA ŚATRŪNĀṂ)
Nhược hạ nhược ha (DAHA DAHA)
Tát phộc nột sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANĀṂ)
Tất lệ đa (PRETA)
Tỷ xá tả (PIŚĀCA)
Noa chỉ nãnh nam (ḌĀKIṆĪNĀṂ)
Ma nộ sái (MANUṢYA)
Ma nộ sái nẫm (AMANUṢYANĀṂ)
Bả tả bả tả (PACA PACA)
Hột-lị nãi diêm vĩ đà-võng sa dã nhĩ vĩ đam (HṚDAYA VIDHVAṂSAYA JĪVITAṂ)
Tát phộc nột sắt-tra ngật-la hạ nẫm (SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀṂ)
Nẵng xả dã nẵng xả dã (NĀŚAYA NĀŚAYA)
Tát phộc bá bả nãnh mính (SARVA PĀPAN IME)
La khất-sái, la khất-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MĀṂ)
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀṂCA)
Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỳ-dược (SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ)
Tát phộc nột sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANĀṂ)
Mãn đà năng củ lỗ (BANDHANAṂ KURU)
Tát phộc chỉ lý-vĩ sái nẵng xả nãnh (SARVA KILIṢA NĀŚANI)
Mạt đa nan nị ma nãnh nãnh, tả lê để trí để trí nãnh (MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TIṬI TIṬINI)
Đốt lai cụ la ni vị la ni (TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI)
Bát-la vạt la tam ma lệ (PRAVARA SAṂMARE)

Tán noa lý (CAṆḌALI)
Ma đặng kỳ (MATAṂGI)
Vạt tạt tư, tố mẫu lỗ yết tư xả phộc lị hướng ca lị nại-la vĩ nị (VACASI SUMURU PUKAṢI ŚĀVARI ŚAṂKARI DRAVIṆḌI)
Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mạt ná nãnh (DAHANI PACANI MADANI)
Tát la tát la lê (SARA SARALE)
Tát la lãm bệ tứ nẵng (SARALAṂBHE HĪNA)
Mạt địa-dữu đắc-khất sắt-tra (MADHYOKṚṢṬA)
Vĩ ná lị ni vĩ đà lị ni ma tứ lý (VIDĀRIṆI VIDHĀRIṆI MAHĪLI)
Ma hộ ma hộ lý nãnh (MAHO MAHOLINI)
Nghiệt nãi nãnh, nghiệt noa bạn tể (GAṆENI GAṆA PACE)
Mãn đế mãn đế nãnh (BATI BATINI)
Mãn đế chước khất-la chỉ nãnh (BATI CAKRA KINI)
Nhạ lê tổ lê (JALE CULE)
Xả phộc lị xả ma lị xả phộc lị (ŚAVARI ŚAMARI ŚĀVARI)
Tát phộc nhĩ-dã địa hạ la ni (SARVA VYADHI HĀRAṆI)
Tổ nị tổ nị nãnh (COṆḌI COṆḌINI)
Nãnh nhĩ nãnh nhĩ nãnh một (NIMI NIMINI NIMIṂ)
Đà lị để-lị lộ ca nhạ hạ nãnh (DHARI TRILOKA JAHANI)
Để-lị lộ ca lộ ca yết lị (TRILOKA LOKA KARI)
Đát-lạt đà đổ ca (TRAIDHĀTUKA)
Nhĩ-dã Phộc lộ chỉ nãnh (VYĀVALOKINI)
Phộc nhật-la bả la thú bả xả khát nga chước khất-la để-lị thú la chấn đá ma ni (VAJRA PARAŚŪ PĀŚA KHAḌGA CAKRA TRIŚŪLA CINTĀMAṆI)
Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni (MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆĪ)
La khất-sái, la khất-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MĀṂ)
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀṂCA)
Tát phộc đát-la , tát phộc sa-tha nẵng nghiệt đát tả (SARVATRĀ SARVA STHANA GATAṢYA)
Tát phộc nột sắt-tra bà duệ tỳ-dược (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
Tát phộc ma nộ sái ma nộ sái bà duệ tỳ-dược (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)
Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-dược (SARVA VYĀDHIBHYAḤ)
Phộc nhật-lệ phộc nhật-la phộc để (VAJRE VAJRA VATI)
Phộc nhật-la bá ni đà lệ (VAJRAPĀṆI DHĀRE)
Tứ lý tứ lý (HILI HILI)
Nhĩ lý nhĩ lý (MILI MILI)
Tức lý tức lý (CILI CILI)
Tất lý (SILI)
Phộc la phộc la phộc la nễ (VARA VARA VARANI)
Tát phộc đát-la nhạ dã lạp đệ_ Sa-phộc hạ (SARVATRĀ JAYA LAṂDHI _ SVĀHĀ)
Bá bả vĩ ná la ni (PĀPA VIDĀRAṆI)
Tát phộc nhĩ-dã địa ha la ni_ Sa-phộc hạ (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI_ SVĀHĀ)
Tát phộc đát-la bà dã hạ la ni_ sa-phộc hạ (SARVATRĀ BHAYA HĀRAṆI _ SVĀHĀ)

Bổ sắt-trí sa-phộc sa-để bà phộc đổ ma ma (….) Sa-phộc hạ [PUṢṬI SVASASTIRBHAVATU MAMA (……..) SVĀHĀ]
Phiến để_ Sa-phộc hạ (ŚĀNTI SVĀHĀ)
Bổ sắt-trí_Sa-phộc hạ (PUṢṬI SVĀHĀ)
Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc để (JAYA TUJAYE JAYAVATI)
Nhạ dã vĩ bổ la vĩ ma lê_Sa-phộc hạ (JAYA VIPULA VIMALE_SVĀHĀ)
Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-xá nẵng, bố la-để_Sa-phộc hạ (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI_SVĀHĀ)
Án_Bộ lị bộ lị phộc nhật-la phộc để (OṂ_ BHURI BHURI VAJRAVATI)
Đát tha nghiệt đa hột-lị nãi dã bố la ni tán đà la ni (TATHĀGATA HṚDAYA PURAṆI SANDHĀRANI)
Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ (BALA BALA JAYA VIDYE)
Hồng hồng (HŪṂ HŪṂ)
Phát tra phát tra (PHAṬ PHAṬ)
Sa-phộc hạ (SVĀHĀ)

Đức Phật bảo Đại Phạm: "Nếu có người dùng câu cú của Như Lai **Thân Minh Đà La Ni** làm cứu tế nhiếp thọ gia hộ, hay làm Pháp Tức Tai, làm Pháp Cát Tường che chận sự trách phạt, thành **Đại Gia Hộ.**

_ Nếu có người sắp hết thọ mệnh, tụng Chân Ngôn này lại được diên mệnh tăng thọ, mạng sống kéo dài rất lâu, thường được an vui, được **Đại Niệm Trì**.

_ Nếu dùng chày Kim Cương vừa tụng niệm gia trì, giả sử có bị tai họa, đại tật phi mệnh đều được giải thoát. Tất cả bệnh tật đều được trừ diệt.

_ Người bị bệnh hoạn lâu ngày, tụng Chân Ngôn này gia trì vào góc áo Cà Sa rồi đem phủi phất lên người đó thì bệnh liền được trừ khỏi.

_ Người trì tụng hàng ngày sẽ được Đại Thông Tuệ. Thành tựu được uy lực, đại cần dũng, biện tài. Tất cả tội chướng đã định theo nghiệp báo thảy đều trừ diệt. Tất cả Phật, Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa… đối với người thọ trì Đà La Ni này sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân để tăng thêm uy lực, làm cho Thân Tâm thường được vui thích.

Này Đại Phạm ! **Đại Minh Vương Đại Hộ Đà La Ni** này. Nếu có người cho đến loài bàng sinh, cầm thú được nghe qua tai thì hết thảy nhóm ấy vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi) huống chi là kẻ trai lành người nữ thiện có tịnh tín (niềm tin trong sạch). Bật Sô, Bật Sô Ni, Ô Bà Sách Ca, Ô Bà Tư Ca, Quốc Vương, Vương Tử, Bà La Môn, Sát Lợi với các loại khác … một lần nghe qua **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Đà La Ni** này. Nghe xong, Thân Tâm tịnh tín, cung kính viết chép, đọc tụng, sinh Tâm ân trọng tu tập, vì người khác rộng diễn lưu bố.

Đại Phạm nên biết người này thảy đều mau chóng xa lìa tám loại **Phi Mệnh** (chết chẳng đúng mạng). Trong thân người đó chẳng sinh bệnh tật. Người đó chẳng bị lửa, chất độc, đao, gậy, Cổ Độc, áp đảo, Chú Trớ, các pháp thuốc ác gây tổn hoại đồng thời chẳng bị đau nhức thân thể, đau nhức đầu, các bệnh sốt rét phát theo chu kỳ 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày phát ra một lần và cũng chẳng bị các bệnh điên cuồng, thần kinh.

Do người này chính niệm ngủ nghỉ, chính niệm giác ngộ nên mau chóng chứng Đại Niết Bàn. Đời này được đại phú quý tự tại. Khi sinh ra, ở khắp mọi nơi thường được **Túc Mệnh**. Tất cả Người, Trời thảy đều yêu kính. Dung nghi đoan chính, đều được thoát khỏi tất cả nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàng Sinh giống như mặt trời tỏa sáng chiếu soi tất cả Hữu Tình, ví như mặt trăng đem **Cam Lộ** (Amṛta) rưới vẩy lên thân của tất cả Hữu Tình khiến cho yêu thích người đó. Dùng Cam Lộ của Pháp nhập vào

trong sự tương tục trong Tâm của tất cả Hữu Tình… khiến cho tươi tốt, sáng bóng, vui vẻ. Tất cả hàng **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Điên Giản Quỷ** (Unmāda: Quỷ điên cuồng), **Noa Chỉ Ninh** (Ḍākiṇī), chư Mỵ, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) hung ác … thảy đều dùng uy lực Đại Hộ của Đại Tùy Cầu khiến cho chúng chẳng dám xâm não. Nếu đến vùng lân cận, nghĩ nhớ **Đại Hộ Minh Vương** này thì tất cả loài có Tâm ác đối với người trì tụng sẽ phát sinh lòng vui vẻ, thọ giáo rồi bỏ đi.

Do uy lực của **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương** này, cuối cùng không có oán địch sợ hãi vì các oán địch đó chẳng dám lấn bức.

_ Hoặc nếu có người lỡ bị phạm tội với Quốc Vương, Đại Thần, Bà La Môn, Trưởng Giả…mà bị xử tội chết. Vào lúc thọ hình sắp bị đao kiếm chặt chém, nếu vừa nghĩ nhớ đến **Đại Hộ Minh Vương** này thì cây đao ấy sẽ gẫy nát từng đoạn giống như bụi nhỏ. Người thọ tội ấy liền được tỏ ngộ sự bình đẳng của tất cả Pháp và được sức **Đại Niệm**.

Bấy giờ Đức Như Lai nói **Già Đà** (Gāthā) rằng:
"_ **Đại Hộ** gia trì này
Thanh Tĩnh diệt các tội
Hay tác **Tuệ Cát Tường**
Tăng trưởng các Công Đức
Hay mãn các **Cát Khánh** (điều may mắn tốt lành)
Hay gặp mộng tươi đẹp
Hay tịnh các mộng ác
_**Đại Minh Đại Hộ** này
Giúp Trượng Phu, người nữ
Trong khoảng khắc giải thoát
Nơi trống vắng hiểm nguy
Được các nguyện mong ước
Như Chính Đẳng Giác nói
_ Nếu bị mất lối đi
Niệm **Đại Minh Vương** này
Mau chóng được đường chính
Được ăn uống thù thắng
_ Dùng Nghiệp thân khẩu ý
Thời trước gây các tội
Chẳng hề làm nghiệp lành
Vừa nhớ đến **Minh** này
Thảy đều được tiêu diệt
_ Viết chép và thọ trì
Chuyển đọc và niệm tụng
Vì người khác tuyên nói
Các Pháp đều thông đạt
Như vậy được **Pháp Vị**
Các tội liền tiêu diệt
Tâm Ý cầu niềm vui
Các việc đều thành tựu
Trong cái chết, sợ hãi
Thảy đều được cứu hộ

_ Vua, Quan với nước, lửa
Sương, mưa đá, trộm cướp
Chiến đấu và kiện cáo
Nạn thú nanh vuốt bén
Tất cả đều tiêu dung
_ Do tụng **lạc xoa** biến (Lakṣa: một trăm ngàn lần)
Mau thành tựu **Minh** này
Tất cả chư Phật nói
Xưng tụng khiến vui vẻ
Mãn **tư lương** (Sambhāra: lương thực, hành trang cá nhân) **Bồ Đề** (Bodhi)
_ Tất cả nơi trú ngụ
Nếu dùng **Đại Minh** này
Tạo làm nơi gia trì
Muốn làm các sự nghiệp
Việc lợi ích Ta, Người
Nhậm vận được thành tựu
Dùng **Đại Hộ** không nghi

_ Đại Phạm ! Ông nên biết
Nay Ta lại tuyên nói
Vì người bị bệnh nặng
Nên làm **Tứ Phương Đàn** (Đàn vuông vức)
Cù Ma (Gomayī: phân bò) hòa bùn đất
Dùng phấn ngũ sắc vẽ
Mà làm Mạn Trà La (Maṇḍala)
Đặt bốn bình bốn góc
Bậc Trí y **Nghi Quỹ**
Rải các hoa trên Đàn
Nên đốt hương thù thắng
Dâng mọi thức ăn uống
Khiến người thấy *tịnh tín*
Như vậy dùng hương hoa
Y theo Pháp phụng hiến
Bốn góc cắm bốn **tiễn** (4 mũi tên)
Dùng chỉ ngũ sắc quấn
Khiến người bệnh tắm gội
Mặc quần áo thanh tịnh
Toàn thân bôi dầu thơm
Dẫn vào chính giữa Đàn
Ngồi đối mặt phương Đông
_ Bấy giờ người Trì Minh
Tụng **Đại Minh** này trước
Khiến đầy đủ bảy biến
Tự gia trì thân mình
Tiếp tụng hăm mốt biến (21 lần)
Gia trì cho người bệnh
Do tụng **Đại Hộ** này
Các bệnh đều ngưng trừ
_ Liền lấy một bình nước

Đầy hương hoa ẩm thực
Tác gia hộ bảy lần
Ném xa về phương Đông
Tiếp lấy bình phương Nam
Hương, hoa, thực (thức ăn) như Giáo
Như trước tụng bảy biến
Ném xa về phương Nam
Tiếp dùng bình phương Tây
Hương, hoa , thức ăn uống
Y Pháp gia trì trước
Phương Bắc cũng như thế
Bấy giờ người trì tụng
Ngửa mặt hướng phương trên
Tụng **Minh** này một biến
Thành gia trì thù thắng
_ Đại Phạm ! Làm xong rồi
Tất cả khổ đều trừ
Pháp gia trì như vậy
Thích Sư Tử (Śākya-siṃha) đã nói
Trong tất cả các Pháp
Không có gì sánh bằng
Thắng Hộ (hộ giúp hơn hẳn) trong ba cõi (Tam Giới)
Người đó không chết yểu
Không già cũng không bệnh
Khổ: ***Oán ghét, Ly Biệt***
_ Nếu hay tại **Lý Quán**
Tâm xa lìa buồn khổ
Với lìa khổ **Thọ Uẩn**
Chúng Diêm Ma cúng dường
Pháp Vương cõi Diêm Ma
Cung kính mà thừa sự
Bảo người Trì Minh ấy
Mau qua nơi **Thiên Thú** (cõi Trời)
Do **Đại Minh** này nên
Địa Ngục đều hết sạch
Ắt ngự Cung Điện diệu
Đủ uy lên trên Trời
Tất cả Người và Trời
Chúng Dược Xoa, La Sát
Hết thảy đều cúng dường
Thường sẽ được Phước này
Thế nên thường Thọ Trì
_ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva)
Bí Mật Dược Xoa Tướng
Đế Thích (‘Sakra), **Xá Chi Hậu** (Śaci: vợ của Đế Thích)
Chúng **Ha Lị Đế Mẫu** (Hāṛtye-mātṛ)
Bán Chi Ca Dược Xoa (Pañcika-yakṣa)
Hộ Thế Đại Uy Đức
Nhật (Āditya: mặt trời), **Nguyệt** (Candra: mặt trăng) và **Tinh Tú** (Nakṣatra)

Chấp Diệu (Grahā), loài mãnh ác
Tất cả **Đại Long Vương** (Mahā-nāga-rāja)
Chư Thiên (Devānāṃ) và **Tiên Chúng** (Ṛṣī-gaṇa)
A Tu La (Asura) với **Rồng** (Nāga)
Kim Xí (Garuḍa), **Càn Thát Bà** (Gandharva)
Khẩn Na (Kiṃnara), **Ma Hầu La** (Mahoraga)
Do viết đeo **Minh** này
Luôn luôn theo bên cạnh
Do y Pháp tụng trì
Đắc được *đại vinh thịnh* (hiển đạt hưng thịnh lớn lao)"

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong thời các Đại Bồ tát, chúng Đại Thanh Văn với Phạm Thiên Vương, tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, A Tô La, Càn Thát Bà, Nghiệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Người, Phi Nhân … đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN HẠ (Hết)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược Xoa
Đều nghe Phật Pháp nên chí tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu hữu tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Từ Tâm
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyện các thế giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Xa lìa các Khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI
(Bản này y theo Bản đời Minh cf.P.626)

1. **Nẵng mô mẫu đà dã** (NAMO BUDDHĀYA)
2. **Nẵng mô đạt ma dã** (NAMO DHARMĀYA)
3. **Ná mạc tăng già dã** (NAMAḤ SAṂGHĀYA)
4. **Nẵng mô bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)
5. **Xá chỉ-dã mẫu nẵng duệ** (ŚĀKYAMUṆĀYE)
6. **Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHĀ KĀRUṆIKĀYA)

7. **Đát tha nghiệt đá dạ** (TATHĀGATĀYA)
8. **La-hạ đế, Tam muội tam mẫu đà dã** (ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA)
9. **Ná mạc táp đáp Tỳ-dược Tam miệu tam một đề tỳ-dược** (NAMAḤ SAPTEBHYAḤ SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ)
10. **Ê sam ná mạc sa cật-lị đát-phộc** (EṢĀṂ NAMAḤ SKṚTVĀ)
11. **Mẫu đà xá sa nẵng vật-lã đà duệ** (BUDDHA ŚASANA VṚDHAYE)
12. **A hạ A ná nãnh-dần** (AHAM ADĀNYĀṂ)
13. **Bát-la phộc khất-sái mính** (PRAVAKṢA ME)
14. **Tát phộc tát đát-phộc nỗ kiến bả dạ** (SARVA SATVA ANUKAṂPAYĀ)
15. **I hàm _ vĩ niệm _ ma hạ đế cữu** (IMĀṂ VIDYA MAHĀ-TEJĪ)
16. **Ma hạ ma la bả la cật-la hàm** (MAHĀ-MĀLA PARĀKRAMĀṂ)
17. **Duệ xiêm bà sử đam ma tị đát-la diễm** (YE ṢYAṂ BHAṢITAṂ MĀTRĀYAṂ)
18. **Phộc nhật-la sa nẵng ma nãnh sử lị** (VAJRĀSANA MAṆI SIRI)
19. **Ngật-la hạ _ Tát phộc vĩ nẵng dã ca** (GRAHA SARVA VINĀYAKA)
20. **Thất-chế tát đát đắc-vĩ-sái noa vĩ la dựng nghiệt đá** (ŚCA VATA KṢAṆA VĪRAYAṂ GATA)
21. **Đát nễ dã tha** (TADYATHĀ)
22. **Nghĩ lị, nghĩ lị, nghĩ lị ni** (GIRI GIRI GIRIṆI)
23. **Nghĩ lị phộc đế** (GIRI VATI)
24. **Ngu noa phộc để** (GUṆA VATI)
25. **A ca xả phộc để** (ĀKĀŚA VATI)
26. **A ca xả la truật đệ _ Bá bả vĩ nga đế** (ĀKĀŚA ŚUDDHE_ PĀPA VIGATE)
27. **A ca thế nga nga nẵng đát lê** (ĀKĀŚE GAGANA TALE)
28. **A ca xả vĩ tá lị ni** (ĀKĀŚA VICĀRIṆI)
29. **Nhập-phộc lý đa thất-lê** (JVALITA ŚIRE)
30. **Ma ni mục cật-để khư, tức đa mạo lý đà lê** (MAṆI MUKTI KHA CITTA BOLI DHARE)
31. **Tô kế thế** (SUKEŚE)
32. **Tô phộc cật đát lê** (SUVAKTRĪ)
33. **Tô mật đát lê** (SUNĪTRĪ)
34. **Tô vạt la-noa mạo lý** (SUVARṆA BOLI)
35. **A để đế, A noa đáp-bán ninh, ma nẵng nghiệt đế** (ATĪTE AṆĀTMAṂNI MANA GATE)
36. **Bát la để-luật đáp-bán ninh** (PRATYUTMAṂNI)
37. **Nẵng mô tát phệ sam mẫu đà nam** (NAMO SARVEṢĀṂ BUDDHĀNĀṂ)
38. **Nhập-phộc lý đa đế nhạ tam mẫu đệ** (JVALITA TEJA SAṂBUDDHE)
39. **Tố mẫu đệ** (SUBUDDHE)
40. **Bà nga phộc để** (BHAGAVATE)
41. **Tố la khất-sái ni** (SURA KṢAṆI)
42. **Tố khất-sái mính** (SUKṢA ME)
43. **Tố bát-la bệ** (SUPRABHE)
44. **Tố ná mính** (SUDAME)
45. **Tố nam đế** (SUNĀṂTE)
46. **Ca lê** (CALE)
47. **Bà nga phộc để** (BHAGAVATE)
48. **Bạt nại-la Phộc-để** (BHADRA VATI)

49. **Bạt nại-lê** (BHADRE)
50. **Tố bạt nại-lê** (SUBHADRE)
51. **Vĩ ma lê nhạ dã bạt nại lê** (VIMALE JAYA BHADRE)
52. **Bát-la tán noa tán nị** (PRACAṆḌA CAṆḌI)
53. **Phộc nhật-la tán nị** (VAJRA CAṆḌI)
54. **Ma hạ tán nị** (MAHĀ-CAṆḌI)
55. **Kiểu lị** (GAURI)
56. **Hiến đà lị** (GANDHĀRI)
57. **Lai lý tán noa lý** (CERI CAṆḌALI)
58. **Ma đặng nghĩ** (MATAṄGI)
59. **Phú yết tư xả phộc lị nại-la nhĩ lị** (PUKASI ŚĀVARI DRAMIṆḌI)
60. **Lao nại-lị ni** (RAUDRIṆI)
61. **Tát phộc la-tha sa đà nãnh** (SARVĀRTHA SĀDHANE)
62. **Hạ nẵng Hạ nẵng** (HANA HANA)
63. **Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm, nhược hạ nhược hạ** (SARVA ŚATRŪNĀṂ DAHA DAHA)
64. **Tát phộc nột sắt-tra nam** (SARVA DUṢṬANĀṂ)
65. **Tất-lệ đa, Tỳ xá tả noa chỉ nãnh nam** (PRETA PIŚĀCA ḌĀKIṆĪNĀṂ)
66. **Ma nỗ sái ma nỗ sái nẫm** (MANUṢYA AMANUṢYANĀṂ)
67. **Bả tả Bả tả** (PACA PACA)
68. **Hột-lị nãi diêm, vĩ đà-võng sa dã nhĩ vĩ đam** (HṚDAYAṂ VIDHVAṂSAYA JĪVITAṂ)
69. **Tát phộc nột sắt-tra ngật-la hạ nẫm** (SARVA DUṢṬA GRAHANĀṂ)
70. **Nẵng xả dã, nẵng xả dã** (NĀŚAYA NĀŚAYA)
71. **Tát phộc bá bả nãnh mính la khất-sái la khất-sái hàm** (SARVA PĀPA NIME RAKṢA RAKṢA MĀṂ)
72. **Tát phộc tát đát-phộc nam tả** (SAVA SATVĀNAṂCA)
73. **Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỳ-dược** (SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ)
74. **Tát phộc nột sắt-tra nam mãn đà năng củ lỗ** (SARVA DUṢṬANĀṂ BANDHANAṂ KURU)
75. **Tát phộc chỉ lý-vĩ sái nẵng xả nãnh** (SARVA KILIṢA NĀŚANI)
76. **Mạt đa nam nị ma nãnh nãnh tả lê để trí để trí nãnh** (MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TIṬI TIṬINI)
77. **Đốt tại cụ la ni vị la ni** (TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI)
78. **Bát-la vạt la, tam ma le** (PRAVAVA SAṂMALE)
79. **Tán noa lý** (CAṆḌALI)
80. **Ma đăng kỳ** (MATAṄGI)
81. **Vạt tạt tư tố lỗ phó yết tư xả phộc lý hướng ca lị nạo-la vĩ lị** (VACASI SURU PUKASI ŚĀVARI ŚAṂKĀRI DRAVAṆḌI)
82. **Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mạt ná nãnh** (DAHANI PACANI MADAṆI)
83. **Tát la la, tát la lê** (SARALA SARALE)
84. **Tát la lãm bệ tứ nẵng** (SARALAṂBHE HĪNA)
85. **Mạt địa-dữu đắc-cật-lị sắt-tra** (MADHYOKṚṢṬA)
86. **Vĩ ná lị ni** (VIDĀRIṆI)
87. **Vĩ đà lị ni** (VIDHĀRIṆI)
88. **Ma tứ lý** (MAHĪLI)
89. **Ma hộ ma hộ lý nãnh** (MAHO MAHO LINI)

90. **Tát nãi nãnh tát noa bạn tễ** (GAṆENI GAṆA PACE)
91. **Mãn đế mãn để nãnh** (VATI VATINI)
92. **Mãn đế chước cật-la phộc chỉ nãnh** (VATI CAKRA VĀSINI)
93. **Nhạ lê tổ lê** (JALE CULE)
94. **Xả phộc lị xả ma lị xả phộc lị** (ŚĀVARI ŚAMARI ŚĀVARI)
95. **Tát phộc nhĩ -dã địa hạ la ni** (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI)
96. **Tổ nị tổ nị nãnh** (COṆḌI COṆḌINI)
97. **Nãnh nhĩ nãnh nhĩ** (NIMI NIMI)
98. **Nãnh mẫn đà lị để lị lộ ca nhạ hạ nãnh** (NIMIṂ DHARI TRILOKA JAHANI)
99. **Đệ-lị lộ ca lộ ca yết lị** (TRILOKA LOKA KARI)
100. **Đát-lạt đà đổ ca nhĩ-dã phộc lộ chỉ nãnh** (TRAIDHĀTUKA VYĀVALOKINI)
101. **Phộc nhật-la bả la thú bá xả Khát nga chước cật-la để lị thú la đá ma ni** (VAJRA PRAŚŪ PĀŚA KHAḌGA CAKRA TRIŚŪLA CINTĀMAṆI)
102. **Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni** (MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆĪ)
103. **La khất-sái la khất-sái Hàm _ Ma ma tát phộc tát đát-phộc nam tả** (RAKṢA RAKṢA MĀṂ MAMA SARVA SATVĀNĀṂCA)
104. **Tát phộc tát-la tất phộc sa-tha nẵng nghiệt đát tả** (SARVATRĀ SARVA STHANA GATASYA)
105. **Tát phộc nột sắt-tra bà duệ tỳ-dược** (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
106. **Tát phộc ma nỗ sái, ma nỗ sái bà duệ tỳ-dược** (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)
107. **Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-dược** (SARVA VYĀDHIBHYAḤ)
108. **Phộc nhật-lê phộc nhật-la phộc để** (VAJRE VAJRA-VATI)
109. **Phộc nhật-la bá ni đà lê** (VAJRA-PĀṆI DHĀRE)
110. **Tứ lý tứ lý** (HILI HILI)
111. **Nhĩ lý nhĩ lý** (MILI MILI)
112. **Tức lị tức lị** (CILI CILI)
113. **Tất lý tất lý** (SILI SILI)
114. **Phộc la phộc la phộc la nễ** (VARA VARA VARANI)
115. **Tát phộc đát-la nhạ dã lạp đệ _ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ JAYA LAṂVI SVĀHĀ)
116. **Bá bả vĩ ná la ni** (PĀPA VIDĀRAṆI)
117. **Tất phộc nhĩ-dã địa hạ la ni _ Sa-phộc hạ** (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI SVĀHĀ)
118. **Tát phộc đát-la bà dã, hạ la ni _ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ BHAYA HĀRAṆI SVĀHĀ)
119. **Sa-phộc Sa-để bà phộc đô ma ma** (……), s**a-phộc hạ** (SVASTIRBHAVATU MAMA….)
120. **Phiến để _ Sa-phộc hạ** (ŚĀNTI SVĀHĀ)
121. **Bổ sắt-trí_ Sa-phộc hạ** (PUṢṬI SVĀHĀ)
122. **Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc để** (JAYA TUJAYE JAYA-VATI)
123. **Nhạ dã vĩ bổ la vĩ ma lê_ Sa-phộc hạ** (JAYA VIPULA VIMALE SVĀHĀ)
124. **Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-xá nẵng bố la-để_ Sa-phộc hạ** (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI SVĀHĀ)
125. **Án _ Bộ lị, bộ lị _ Phộc nhật la phộc để** (OṂ_ BHURI BHURI VAJRA-VATI)

126. **Đát tha nghiệt đa hột lị nãi dã _ Bố la ni Tán đà la ni** (TATHĀGATA HṚDAYA PURAṆI SANDHARAṆI)

127. **Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ, hồng hồng, phát tra, phát tra, sa-phộc hạ** (BALA BALA JAYA VIDYE _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ_ SVĀHĀ)

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 15/04/2013



Mật Tạng Bộ 3_No.1153 (Tr.632 _ Tr.634)

ĐẠI TÙY CẦU ĐẠI ĐÀ LA NI

(Bản ghi chú từ trang 632 đến trang 634)

NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ
NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATTVA BUDDHA DHARMA SAṂGHEBHYAḤ
OṂ_ VIPRA GARBHE
VIPULA VIMALE VIMALA GARBHE
VIMALE JAYA GARBHE
VAJRA JVALĀ GARBHE
GATI GAHANE
GAGANA VIŚODHANE
SARVA PAPA VIŚODHANE
OṂ_ GUṆA-VATI VICĀRIṆI
GAGARIṆI GAGARIṆI
GIRIṆI GIRIṆI
BHAGARI GARDDHABHARI
GAMARI GAMARI
GAHARI GAHARI
GAHA GAHA
GARGĀRI GARGĀRI
GAGARI GAGARI
GAṂBHARI GAṂBHARI
GABHI GABHI
GAHI GAHI
GAMARI GAMARI
GARE GARE
GUHA GUHA
GURU GURU
GUBHA GUBHA
GURIṆI GURIṆI
CALA MUCALE SAMUCALE
JAYE VIJAYE
JAGAVATI APARĀJITE
SARVA BHAYA VIGATE
GARBHA SAṂBHARAṆI
ŚIRI ŚIRI
CIRI CIRI
MIRI MIRI
PIRI PIRI
GHIRI GHIRI
SARVA MANTRĀKARṢAṆI
SARVA ŚATRUN PRAMATHANĪ
RAKṢA RAKṢA
SARVA SATTVANĀÑCA
SARVA DĀ
SARVA BHAYEBHYAḤ

SARVA VYĀDHIBHYAḤ
SARVAPIDRAVEBHYAḤ
CIRI CIRI
VIRI VIRI
DIRI DIRI
VIGATĀVARAṆA VIŚODHANI
VIVIDHĀVARAṆA VINĀSANI
MUNI MUNI
MUCI MUCI
MULI MULI
CILI CILI
KILI KILI
MILI MILI
KAMALE VIMALE JAYE
JAYĀVAHE
JAYA VATI VIŚEṢA VATI BHAGAVATI
RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHARI VAJRA
VIVIDHA VICITR VEŚA DHĀRIṆI
BHAGAVATI MAHĀ VIDYĀ DEVI
RAKṢA RAKṢA
MAMA
SARVA SATTVĀNAÑCA
SAMANTĀ SARVA TRĀ _ SARVA PĀPA VIŚODHANĪ
HURU HURU
CURU CURU
MURU MURU
RAKṢA RAKṢA MAṂ
SARVA SATTVĀNĀÑCA
ANĀTHĀNTRAṆĀNALAYANĀNA PARĀYAṆĀNYA PARIMOCAYA
SARVA DUḤKHEBHYAḤ
CAṆḌI CAṆḌI
CAṆḌO CAṆḌO
CAṆḌINI CAṆḌINI
VEGA VATI
SARVA DUṢṬA NIVARANĪ VIJAYA VĀHINI
HURU HURU
MURU MURU
CURU CURU
TURU TURU
MĀYUPĀLINĪ SURA
VARA PRAMATHANĪ
SARVA DEVA GAṆA PŪJITE
CIRI CIRI
DHIRI DHIRI
SAMANTĀVALOKITE
PRABHE PRABHE_ SUPRABHE SUPRABHE VIŚUDDHE
SARVA PĀPA VIŚODHANI
DHARA DHARA_DHARAṆINDHARE
SURU SURU

SUMURU SUMURU
RURU CALE CĀRAYA_ RURUCALE CĀRAYA
SARVA DUṢṬĀN PURAYA_ SARVA DUṢṬAN PURAYA
ĀṢĀṂ MAMA_ SARVA SATTVĀNAÑCA
KURU KURU
ŚRĪ VASUNDHARE JAYA KAMALE
JULI JULI
VARA DĪKUSE
OṂ_ PADMA VIŚUDDHE
ŚODHAYA ŚODHAYA
ŚUDDHE ŚUDDHE
BHARA BHARA
BHIRI BHIRI
BHURU BHURU
MAÑGALA VIŚUDDHE PAVITRA MUKHI
KHAÑGIRI KHAÑGIRI
KHARA KHARA
JVARITA ŚIṢARE
SAMANTĀVALOKITA PRABHE
ŚUBHA ŚUBHA _PRAVIŚUDDHE
SAMANTA PRASĀRITA VABHĀSITA ŚUDDHE
JVALA JVALA
SARVA DEVAGAṆA SAMĀKARṢIṆI SATYA PRATE
OṂ_ HRĪ TRĀṂ
TARA TARA_ TĀRAYA TĀRAYA
MĀṆI SAPARIVĀRĀN_ SARVA SATTVĀNĀÑCA
NĀGA VILOKITE
HURU HURU
LAGHU LAGHU
HUTU HUTU
TUHU TUHU
KṢIṆI KṢIṆI
SARVA GRAHA BHAKṢIṆI
PIÑGALI PIÑGALI
MUCI MUCI
SUMU SUMU _ SUVICARE
TARA TARA
NĀGA VILOKINI TĀRA VANTUṂMAṂ SAPARIVĀRĀN
SARVA SATTVĀNAÑCA
SAṂSĀRṆA VĀHA GAVATI
AṢṬHA MAHĀ BHAYEBHYAḤ
SAŚA TRA_ SAMANTATENA
DI'SA VANDHENA
VAJRA PRĀKĀRA VANDHENA
VAJRA PAŚA VANDHENA
VAJRA JVĀLI
VAJRA JVĀLĀ VIŚUDDHENA
BHURI BHURI
BHAGAVATI

GARBHA VATI
GARBHA ŚODHANI
KUKṢI SAṂPŪRAṆI
JVALA JVALA
CALA CALA
OṂ_ JVALANI JVALANI
VARṢATU DEVA
SAMANTENA DIVYODAKENĀMṚTA VARṢAṆI
DEVATĀVATĀRAṆI _ABHIṢIÑCANTU
SUGATA
VARA VACANA _ AMṚTA VARA VAPŪṢE
RAKṢA RAKṢA
MAMA (........) SARVA SATTVĀNĀÑCA
SARVA TRA_ SARVA DĀ
SARVA BHAYEBHYAḤ
SARVAPODRAVEBHYAḤ
SARVOPASARGEBHYAḤ
SARVA VYĀDHIBHYAḤ
SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTEBHYAḤ
SARVA KALI KALAHA VIGRAHA
VIVĀDA DUḤKHA PRADURUNIMIRTTĀ
MAÑGALA PĀPA VIŚODHANĪ
KUKṢI SAṂPŪRAŚI
SARVA YAKṢA RAKṢASA NĀGA VIDĀRIṆI
CALA CALA
VALA VALA
VARA VATI JAYA_ VARA VATI JAYA
JAYANTUMAṂ
SARVA TRA_SARVA KĀLAṂ SIDHYANTUME
IYAṂ MAHĀ VIDYĀ SĀDHAYA
MAṆḌALA ANUGHĀTAYA VIGHNĀN
JAYA JAYA
SIDDHE SIDHYA_ SIDDHE SIDHYA
BUDDHYA BUDDHYA
PŪRAYA PŪRAYA
PŪRAṆI PŪRAṆI
PŪRAYĀŚĀṂ MAṂ SAPARIVĀRĀṂ
SARVA SATTVĀNĀÑCA
SARVA DIDYONGATA MŪRTTE JAYOTTARI
JAYA KARĪ
JAYA VATI
TIṢṬHA TIṢṬHA
BHAGAVATI SAMAYAM ANUPĀLAYA
TATHĀGATA HṚDAYA ŚUDDHE
VYAVALOKAYA MAMA SAPARIVĀRAṂ
SARVA SATTVĀNĀÑCA
ĀŚĀṂ PŪRAYA TRĀYA SVAMĀMĀṢṬHA
MAHĀ DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ
SARVĀSIPERI PŪRAYA TRĀYA SVAMĀṂ

MAHĀ BHAYEBHYAḤ
SARA SARA _ PRASARA PRASARA
SARVĀVARAṆA VIŚODHANI
SAMANTĀ KĀRA MANDALA VI'SUDDHE
VIGATE VIGATE _ VIGATA MALA
SARVA VIGATA MALA VIŚODHANI
KṢIṆI KṢIṆI
SARVA PĀPA VIŚUDDHE
MALA VIŚUDDHE
TEJA VATI _ TEJO VATI
VAJRE VAJRA VATI_ TRAILOKYĀDHIṢṬHITE _ SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA MŪRDDHNA BHIṢIKTE _ SVĀHĀ
SARVA BUDDHA BODHISATTVĀBHIṢIKTE _ SVĀHĀ
SARVA DEVATĀBHIṢIKTE _ SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA HṚDAYĀDHIṢṬHITA HṚDAYE _ SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA HṚDAYA SAMAYE SIDDHE _ SVĀHĀ
INDRE INDRAVATI VYAVALOKITE _ SVĀHĀ
BRAHME BRAHMĀDHYŪṢIṬE _ SVĀHĀ
VIṢṆU NAMASKṚTE _ SVĀHĀ
MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYAI _ SVĀHĀ
VAJRADHARA_ VAJRAPĀṆI VALA VĪRYĀDHIṢṬHITE _ SVĀHĀ
DHṚTARĀṢṬRĀYA _ SVĀHĀ
VIRŪḌHAKĀYA _ SVĀHĀ
VĪRŪPAKṢĀYA _ SVĀHĀ
VAIŚRAVAṆĀYA _ SVĀHĀ
CATUR MAHĀ RĀJA NAMASKṚTĀYA _ SVĀHĀ
JAMĀYA _ SVĀHĀ
JAMA PŪJITA NAMASKṚTĀYA _ SVĀHĀ
VARUṆĀYA _ SVĀHĀ
MARUTĀYA _ SVĀHĀ
MAHĀ MARUTĀYA _ SVĀHĀ
AGNAYE _ SVĀHĀ
NĀGAVILOKITĀYA _ SVĀHĀ
DEVAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
VĀYAVE _ SVĀHĀ
NĀGAVILOKITĀYA _ SVĀHĀ
DEVAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
NĀGAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
YAKṢAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
RĀKṢASAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
GANDHARVAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
APASMĀRAGAṆE BHYAḤ _ SVĀHĀ
ASURAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
GARUḌAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
KINNARAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
MAHORAGAGAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
MANUṢYA GAṆEBHYAḤ _ SVĀHĀ
AMANUṢYA GAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
SARVA GRAHEBHYAḤ _ SVĀHĀ

SARVA BHŪTEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA PRETEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA PIŚACEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA APASMĀREBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA KUMBHĀṆḌEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA PŪṬANEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA KATA PŪṬANEBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA DUṢṬA PRADUṢṬEBHYAḤ _ SVĀHĀ
OṂ_ DHURU DHURU (? thêm SVĀHĀ)
OṂ _ TURU TURU _ SVĀHĀ
OṂ_ KURU KURU _ SVĀHĀ
OṂ_ CURU CURU _ SVĀHĀ
OM_ MURU MURU _ SVÀHÀ
OṂ_ HANA HANA_ SVĀHĀ
SARVA ŚATRŪNĀṂ _ SVĀHĀ
OṂ_ PHAHA PHAHA SARVA DUṢṬĀNĀṂ _ SVĀHĀ
OṂ_ PACA PACA SARVA PRABHYARTHIKA PRABHYAMITRĀṂ_ SVĀHĀ
YE MAMA (.....) AHITAIRṢIṆAS TEṢĀṂ ŚARĪRAṂ JVĀLE _ SVĀHĀ
SARVA DUṢṬA CITTĀNĀṂ _ SVĀHĀ
JVALITĀYA _ SVĀHĀ
SAMANTA JVALĀYA _ SVĀHĀ
VAJRA JVĀLĀYA _ SVĀHĀ
MĀṆI BHADRĀYA _ SVĀHĀ
PŪRṆA BHADRĀYA _ SVĀHĀ
SAMANTA BHADRĀYA _ SVĀHĀ
MAHĀ MAHANTA BHADRĀYA _ SVĀHĀ
MAHĀ KĀLĀYA _ SVĀHĀ
MĀTṚGAṆĀYA _ SVĀHĀ
YAKṢIṆINĀṂ _ SVĀHĀ
RAKṢAŚINĀṂ _ SVĀHĀ
PRETA PIŚĀCA ḌĀKIṆINĀṂ _ SVĀHĀ
ĀKĀŚA MĀTṚṆĀṂ _ SVĀHĀ
SAMUDRA GĀMININĀṂ _ SVĀHĀ
SAMUDRA VĀSINĪNĀṂ _ SVĀHĀ
RĀTRI CARĀṆĀṂ _ SVĀHĀ
VELĀ CARĀṆĀṂ_ SVĀHĀ
AVELA CARĀṆĀṂ _ SVĀHĀ
GARBHA HAREBHYAḤ _ SVĀHĀ
GARBHĀHĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ
GARBHA SAMDHĀRAṆĪYE _ SVĀHĀ
HULU HULU _ SVĀHĀ
CULU CULU _ SVĀHĀ
OṂ_ SVĀHĀ
SVA _ SVĀHĀ
BHUḤ_ SVĀHĀ
TUVAḤ_ SVĀHĀ
OṂ_ BHŪR TVAḤ _ SVĀHĀ
CILI CILI _ SVĀHĀ

SILI SILI _ SVĀHĀ
BUDHYA BUDHYA _ SVĀHĀ
MAṆḌALA BANDHE _ SVĀHĀ
ŚĪMA VANDHYE _ SVĀHĀ
SARVA ŚATRŪNABHAÑJEYA _ SVĀHĀ
(JAMBHA JAMBHA) SVĀHĀ
STAMBHAYA STAMBHAYA _ SVĀHĀ
CCHINDHA CCHINDHA _ SVĀHĀ
BHINDHA BHINDHA _ SVĀHĀ
BHAÑJA BHAÑJA _ SVĀHĀ
VANDHA VANDHA _ SVĀHĀ
MOHAYA MOHAYA _ SVĀHĀ
MAṆI VIŚUDDHE _ SVĀHĀ
SŪRYA SŪRYA VIŚUDDHE ŚODHĀNIYE _ SVĀHĀ
VIŚODHANIYE _ SVĀHĀ
CANDRE CANDRE PŪRṆACANDRE _ SVĀHĀ
GRAHEBHYAḤ_ SVĀHĀ
NAKṢTREBHYAḤ _ SVĀHĀ
PIŚACEBHYAḤ_ SVĀHĀ
VIŚVEBHYAḤ_ SVĀHĀ
ŚIVEBHYAḤ_ SVĀHĀ
ŚĀNTIBHYAḤ_ SVĀHĀ
SVASTYAYANEBHYAḤ_ SVĀHĀ
ŚIVAṂ KARI _ SVĀHĀ
ŚAṂ KARI _ SVĀHĀ
ŚĀTIṂ KARI _ SVĀHĀ
PŪṢṬIṂ KARI _ SVĀHĀ
VALA VARDDHAṆI _ SVĀHĀ
ŚRĪ KARI _ SVĀHĀ
ŚRĪ VARDDHANI _ SVĀHĀ
ŚRĪ JVĀLINI _ SVĀHĀ
NAMUCI _ SVĀHĀ
MARUCI _ SVĀHĀ
VAGA VATI _ SVĀHĀ

01/06/1997

❒ ***NHẤT THIẾT PHẬT TÂM CHÚ*** :
OṂ_ SARVA TATHĀGATA MŪRTTE _ SVĀHĀ
PRAVARA VIGATA BHAYE SAMAYA SVAMĀṂ
BHAGAVATI SARVA PĀPĀN HṚDAYAḤ
SVASTIRBHAVATU MAMA SAPARIVĀRAṢYA
SARVA SATTVĀNĀÑCA
MUNI MUNI _ VIMUNI VIMUNI
CARI CALANE
BHAYA VIGATE
BHAYA HARIṆI
BODHI BODHI
BODHAYA BODHAYA
BUDDHILI BUDDHILI

CUMVILI CUMVILI
SARVA TATHĀGATA HṚDAYA JUṢṬE _ SVĀHĀ

❒ ***NHẤT THIẾT NHƯ LAI PHẬT TÂM ẤN CHÚ*** :
(Bản ghi chú không có Chân Ngôn này)

❒ ***QUÁN ĐỈNH CHÚ*** :
OṂ_ MUNI MUNI_ MUNI VARE
ABHISIÑCANTU MAMA SAPARIVĀRA SYA_ SARVA SATTVĀNAÑCA
SARVA TATHĀGATA_ SARVA VIDYĀBHIṢEKAIḤ
MAHĀ VAJRA KAVACA MUDRĀ MUDRITEḤ
SARVA TATHĀGATA HṚDAYA ADHIṢṬHITA VAJRA _ SVĀHĀ

❒ ***QUÁN ĐỈNH ẤN CHÚ*** :
OṂ_ AMṚTA VARE _ VARA VARA _ PRAVARA VIŚUDDHE
HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

❒ ***KẾT GIỚI CHÚ*** :
OṂ_ AMṚTA VILOKINI GARBHE SAṂRAKṢINI AKARṢAṆI
HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

❒ ***PHẬT TÂM CHÚ*** :
OṂ_ VIPULE VIMALE JAYA VALE AMṚTE
HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

❒ ***TÂM TRUNG TÂM CHÚ*** :
OṂ_ BHARA BHARA_ SAMBHARA SAMBHARA
INDRIYA VALA VIŚODHANI
HŪṂ HŪṂ_ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

❒ ***TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI*** :
NAMA BUDDHĀYA
NAMO DHARMĀYA
NAMAH SAṂGHĀYA
NAMO BHAGAVATE ŚAKYAMUṆAYE MAHĀ KĀRUṆIKĀYA TATHĀGATAYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA
NAMAḤ SAMASTEBHYAḤ SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ
BHĀVANAITAN NAMASKṚTYA
BUDDHA ŚASANA VṚDDHAYE
AHAṂ IDĀNĪṂ
PRAVAKṢYĀMI
SATTVĀNĀNUKAṂPAYĀ
IMĀṂ VIDYĀṂ _ MAHĀ TEJĀṂ
MAHĀ VALA PARĀKRAMĪDHVAṂ
YASYĀṂ _ BHĀṢITA MATRĀYĀṂ MUNĪNAṂ
VAJRA MAYĀSANE MĀRA KĀYĀŚCA
GRAHĀḤ SARVA VINĀYAKĀḤ
VIGHNĀŚCA SANTIYEKE CITTAT KṢANĀDVILAYAṂ GATĀḤ
TADYATHĀ: OṂ_ GIRI GIRI

GIRIṆI GIRIṆI
GIRI VATI
GUṆA VATI
ĀKĀŚA VATI
ĀKĀŚA VIŚUDDHE
SARVA PĀPA VIGATE
ĀKĀŚE GAGANA TALE
ĀKĀŚA VICĀRIṆI
JVALITA ŚISARE_MAṆI MAUKTIKA KHARI TAULIDHARE
SUKEŚE
SUVAJRA
SUNETRE
SUVARṆA
SUVEŚE_GAURE
ATITE_ANĀGATE_PRATYUTPANNE
NAMAḤ SARVE SĀṂBUDDHĀNĀṂ
JVALITA TEJA SĀṂBUDDHE
SUBUDDHE
BHAGAVATI
SURAKṢAṆI
AKṢAYE SUKṢAYE
SUKṢAME
SUPRABHE
SUDANE
SUDĀNTE
VADE VARADE SUVRATE
BHAGAVATI
BHADRAVATI
BHADRE
SUBHADRE
VIMALE JAYA BHADRE
PRACAṆḌE
CAṆḌE CAṆḌI CAṆḌI
VAJRA CAṆḌE
MAHĀ CAṆḌE
DYO GAURI
GAṂDHĀRI
CAṆḌĀLI
MATAÑGI
VACASI SUMATI
PUKKASI ŚAVARI ŚAṂKARI DRAMIDĪ
RAUDRIṆI
SARVĀRTHA SĀDHANI
HANA HANA SARVA ŚATRŪNA _ DAHA DAHA
SARVA DUṢṬĀN
PRETA_ PIŚĀCA _ ḌAKIṆINĀṂ
MANUṢYA _ AMANUṢYĀṆAÑCA
PACA PACA
HṚDAYAṂ VIDHVAṂSAYA JĪVITAM

SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀṂ
NĀŚAYA NĀŚAYA
SARVA PĀPA NIME BHAGAVATI RAKṢA RAKṢA MAṂ
SARVA SATTVĀNĀÑCA
SARVATRA SARVADĀ SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ
SARVA DUṢṬĀNĀṂ VAṂDHANAṂ KURU KURU
SARVA KILVISA NĀŚANĪ
MĀRKAṆḌE MṚTYUR DAṆḌANI VĀRAṆI MĀNA DAṆḌE
MĀNINI CALA VICALE
CITI CITI
VITI VITI
MITI MITI
NIDI NIDITE
DYORONĪ VIRIṆĪ
PRAVARA SAMARE
CAṆḌĀLI
MATAÑGI
RŪNDHASI SARA SIVACISA SUMATI PURKVASI ŚAVARI ŚAṂKARI DRAMIḌI
ḌHAHARI PACARI PĀCARI MARDDANĪ
SARALE
SARALAMBHE HĪNA
MADHYONKṚṢṬA
VIDĀRIṆI
VIDHĀRINI
MAHILE MAHILE
MAHĀ MAHILE
NIGAḌE NIGAḌABHAÑCA
MATTE MATTINI
DĀNTE CAKRE CAKRA VĀKINI
JVALE JVALE JVŪLE JVALINI
ŚAVARI ŚAVARI
SARVA VYĀDHI HARANI
CŪḌI CŪḌI CŪḌINI CŪḌINI MAHĀ-CŪḌINI
NIMI NIMI
NIMINDHARI TRILOKADAHANI
TRILOKĀLOKA KARI
TRAIDHĀTUKA VYAVALOKANI
VAJRA PARAŚU MUÑGARA KHANGA CAKRA TRIŚULA CINTAMAṆI MAKUṬA
MAHĀ VIDYA DHĀRAṆI
RAKṢA RAKṢA MAṂ SARVA SATTVĀNĀÑCA
SARVATRA SARVA STHĀNAGATAM
SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ
SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ
SARVA VYĀDHIBHYAḤ
VAJRE VAJRAVATI
VAJRAPĀṆI DHARE
HILI HILI

MILI MILI
KILI KILI
CILI CILI
SILI SILI
VARA VARA VARADE
SARVATRA JAYA LABDHE SVĀHĀ
GARBHA SAMBHARANI SVĀHĀ
SARVA ŚATRŪ HARAṆI SVĀHĀ
SVASTIRBHAVATU MAMA SARVA SATTVĀNĀÑCA SVĀHĀ
ŚĀNTI KARI SVĀHĀ
PUṢṬI KARI SVĀHĀ
VALA VARDDHANI SVĀHĀ
OṂ_ JAYATU JAYE JAYAVATI KAMALE VIMALE SVĀHĀ
VIPULE SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA MURTTE SVĀHĀ
OṂ_ BHŪRI MAHĀ-ŚĀNTI SVĀHĀ
OṂ_ BHŪḤ BHŪRI BHŪRI VAJRAVATI
TATHĀGATA HṚDAYA PŪRIṆI ĀYUḤ SANDHĀRAṆI
VARA VARA VALAVATI JAYA VIDYE _ HŪṂ HŪṂ_ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

(Bản Phạn ghi thêm Chân Ngôn dưới đây)
OṂ_ MAṆI DHARI VAJRINI MAHĀ-PRATIRE HŪṂ HŪṂ_ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ
OṂ_ MAṆI VAJRE HṚDAYA _ VAJRE MĀRA ŚAINYA VIDĀYANI_ HANA HANA SARVA ŚATRŪN _ VAJRA GARBHE _ TRĀŚAYA TRĀŚAYA _ SARVA MĀRA BHAYANĀNI_ HŪṂ HŪṂ_ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

01/06/1997

BUDDHA ABHIṢINĀṂ SAMANTA JVALA MĀLĀ VIŚUDDHE SPHURIKṚTA CINTĀMAṆI MUDRA HṚDAYA APRAJITA DHARAṆI PRATISARAḤ MAHĀ-VIDYA-RĀJA

Dịch âm Phạn văn : HUYỀN THANH

NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ

NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BODHISATVEBHYAḤ BUDDHĀ DHARMMA SAṂGHEBHYAḤ

TADYATHĀ : OṂ_ VIPULA GARBHE

VIPULA VIMALE JAYA-GARBHE

VAJRA JVALA-GARBHE

GATI GAHANE GAGANA VIŚODHANE

SARVA PĀPA VIŚODHANE

OṂ_ GUṆA-VATI

GAGARIṆI

GARI GARI

GAMARI GAMARI

GAHA GAHA

GARGĀRI GARGĀRI

GAGARI GAGARI

GAMBHARI GAMBHARI

GATI GATI

GAMANI GAMANI

GARE

GURŪ GURŪ GURUNE

CALE ACALE MUCALE

JAYE VIJAYE

SARVA BHAYA VIGATE

GARBHA SAṂBHARAṆI

SIRI SIRI

MIRI MIRI

GIRI GIRI

SAMANTA AKARṢAṆI

SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI

RAKṢA RAKṢA MAMA (......) SARVA SATVĀNĀṂCA

VIRI VIRI

VIGATA AVARAṆA BHAYA NĀŚANI

SURI SURI

CIRI CIRI

KAMALE VIMALE JAYE

JAYĀ VAHE

JAYA-VATI

BHAGAVATI

RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRIṆI

VAHU VIVIDHA VICITRA VESA RŪPA DHĀRIṆI

BHAGAVATI

MAHĀ VIDYADEVI

RAKṢA RAKṢA MAMA (......) SARVA SATVĀNĀṂCA

SAMANTĀ SARVATRA

SARVA PĀPA VIŚODHANE

HURU HURU

NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRIṆI

RAKṢA RAKṢA MĀṂ

MAMA (......)

ANĀTHASYĀ

TRĀṆAPARĀYAṆASYA

PARIMOCA YA ME

SARVA DUḤKHEBHYAḤ

CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI

VEGA VATI

SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆI

ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI

VIJAYA VĀHINI

HURU HURU

MURU MURU

CURU CURU

AYUḤ PĀLANI SURA

VARA MATHANI

SARVA DEVATĀ PŪJATE

DHIRI DHIRI

SAMANTA AVALOKITE

PRABHE PRABHE SUPRABHE VIŚUDDHE

SARVA PĀPA VIŚODHANE

DHARA DHARA DHARAṆI

DHARA DHARE

SUMU SUMU

RURU CALE

CĀLAYA DUṢṬA PURAYA ME

ĀŚĀṂ ŚRĪ VAPUDHANĀṂ

JAYA KAMALE

KṢIṆI KṢIṆI

VARADE VARADA AṂKUŚE

OṂ_PADMA VIŚUDDHE

ŚODHAYA ŚODHAYA

ŚUDDHE ŚUDDHE

BHARA BHARA

BHIRI BHIRI

BHURU BHURU

MAṂGALA VIŚUDDHE

PAVITRA MUKHI

KHARGAṆI KHARGAṆI

KHARA KHARA

JVALITA ŚIRE

SAMANTA PRASARITA AVABHĀSITA ŚUDDHE

JVALA JVALA

SARVA DEVA-GAṆA

SAMA AKARṢAṆI SATYA-VATI

TARA TARA TĀRAYA MĀṂ (.....)

NĀGA VILOKITE

LAHU LAHU

HUNU HUNU

KṢIṆI KṢIṆI

SARVA GRAHA BHAKṢANI

PIṂGALI PIṂGALI

CUMU CUMU

SUMU SUMU

CUVI CARE

TARA TARA

NĀGA VILOKITE TĀRAYA TUMĀṂ (......)

BHAGAVATI

AṢṬA MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ

SAMUDRA SĀGARA PRATYANTĀṂ PĀTĀLA

GAGANA TALAṂ

SARVATRA_ SAMANTANA

DIŚĀ BANDHENA

VAJRA PRAKĀRA

VAJRA PĀŚA BANDHANENA

VAJRA JVALA VIŚUDDHE

BHURI BHURI

GARBHA VATI

GARBHA VIŚODHANI

KUKṢI SAṂPURAṆI

JVALA JVALA

CALA CALA

JVALAṆI

PRAVARṢATU DEVA

SAMANTANA DIDHYODAKENA

AMṚTA VARṢAṆI

DEVATĀ DEVATĀ

DHARAṆI ABHIṢIṂCA TUME

SUGATA!

VARA VACANA AMṚTA VARA VAPUṢE

RAKṢA RAKṢA MAMA (......) SARVA SATVĀNĀṂCA

SARVATRA _ SARVADĀ
SARVA BHAYEBHYAḤ
SARVOPADRAVEBHYAḤ
SARVOPASARGEBHYAḤ
SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTASYA
SARVA KALI KĀLAHA VIGRAHA
VIVADĀ DUḤSVAPNĀṂ DURNI
MAHĀ-MAṂGALLYA PĀPA VINĀŚANI
SARVA YAKṢA_ RĀKṢASA_NĀGA NIVĀRAṆI
SARAṆI SARE
BALA BALA BALA-VATI
JAYA JAYA JAYA TUMĀṂ
SARVATRA_SARVA KARAṂ SIDDHYA TUME
IMĀṂ MAHĀ-VIDYAṂ SĀDHAYA
SĀDHAYA SARVA MAṆḌALA SĀDHANI GHATĀYA
SARVA VIGHNĀṂ
JAYA JAYA
SIDDHE SIDDHE SUSIDDHE
SIDDHYA SIDDHYA
BUDDHYA BUDDHYA
BODHAYA BODHAYA
PŪRAYA PŪRAYA

PŪRAṆI PŪRAṆI PURAYA ME

AŚĀṂ SARVA VIDYA ADHIGATA MŪRTTE JAYOTTARI JAYAVATI

TIṢṬA TIṢṬA

SAMAYAM ANUPĀLAYA TATHĀGATA-HṚDAYA ŚUDDHE

VYAVALOKAYA TUMĀṂ

AṢṬABHI MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ

SARA SARA

PRASARA PRASARA

SARVA AVARAṆA VIŚODHANI

SAMANTĀ KĀRA MAṆḌALA VIŚUDDHE

VIGATE VIGATE VIGATA MALA VIŚODHANI

KṢIṆI KṢIṆI

SARVA PĀPA VIŚUDDHE

MALA VIGATE

TEJA-VATI

VAJRA-VATI

TRALOKYA ADHIṢṬATE SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA MŪRDHNA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

SARVA DEVATA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA HṚDAYE SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ

INDRE INDRA-VATI INDRA VYAVALOKITE SVĀHĀ

BRAHME BRAHMA ADHYUṢITE SVĀHĀ

VIṢṆĪ NAMAḤSKṚTE SVĀHĀ

MAHEŚVARA VANMITA PŪJITAYAṂ SVĀHĀ

VAJRA-DHARA VAJRAPĀṆI BALAVĪRYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ

DHṚTARĀṢṬRAYA SVĀHĀ

VIRŪḌHAKĀYA SVĀHĀ

VIRŪPĀKṢĀYA SVĀHĀ

VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ

CATUR-MAHĀ-RĀJĀYA NAMAḤSKṚTĀYA SVĀHĀ

YAṂMĀYA SVĀHĀ

YAṂMA PŪJITA NAMAḤSKṚTĀYA SVĀHĀ

VARUṆĀYA SVĀHĀ

MARUTĀYA SVĀHĀ

MAHĀ-MARUTĀYA SVĀHĀ

AGNAYE SVĀHĀ

NĀGA VILOKITĀYA SVĀHĀ

DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

RAKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

GARUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

KINDARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ

MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ

AMANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ

SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ

SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ

SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ

PRETEBHYAḤ SVĀHĀ

PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ

APASMAREBHYAḤ SVĀHĀ

KUMBHĀṆḌEBHYAḤ SVĀHĀ

OṂ_DHURU DHURU SVĀHĀ

OṂ_TURU TURU SVĀHĀ

OṂ_MURU MURU SVĀHĀ

HANA HANA SARVA ŚATRŪṆĀṂ SVĀHĀ

DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬĀṆĀṂ SVĀHĀ

PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRĀṆĀṂ SVĀHĀ

YE MAMA (........)

AHI TEṢIṆAḤ TEṢĀ SARTREṢĀ ŚARIRAṂ JVALAYA ADUṢṬA CITTĀṆĀṂ SVĀHĀ

JVALITĀYA SVĀHĀ

PRAJVALITĀYA SVĀHĀ

DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ

SAMANTA JVALĀYA SVĀHĀ

MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ

PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ

MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ

MATṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ

YAKṢAṆĪṆĀṂ SVĀHĀ

RĀKṢASIṆĀṂ SVĀHĀ

ĀKĀŚA-MĀTRĪṆĀṂ SVĀHĀ

SAMUDRA VĀSINĪṆĀṂ SVĀHĀ

RĀTṚ-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

DIVASA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

TṚSANTYA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

VELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

AVELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

GARBHĀHĀREBHYAḤ SVĀHĀ

GARBHA- SANDHĀRAṆI SVĀHĀ

HULU HULU SVĀHĀ

OṂ SVĀHĀ

SVAḤ SVĀHĀ

BHŪḤ SVĀHĀ

BHUVAḤ SVĀHĀ

OṂ_ BHŪR BHUVAḤ SVAḤ   SVĀHĀ

CIṬI CIṬI SVĀHĀ

VIṬI VIṬI SVĀHĀ

DHĀRAṆI SVĀHĀ

DHĀRAṆI SVĀHĀ

AGNI SVĀHĀ

TEJO VAPU SVĀHĀ

CILI CILI SVĀHĀ

SILI SILI SVĀHĀ

BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ

SIDDHYA SIDDHYA SVĀHĀ

MAṆḌALA SIDDHE SVĀHĀ

MAṆḌALA BANDHE SVĀHĀ

SĪMĀ BANDHANI SVĀHĀ

SARVA ŚATRŪNĀṂ JAMBHA JAMBHA   SVĀHĀ

STAMBHAYA STAMBHAYA SVĀHĀ

CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ

BHINDA BHINDA SVĀHĀ

BHAÑJA BHAÑJA SVĀHĀ

BANDHA BANDHA SVĀHĀ

MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ

MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ
SŪRYE SŪRYE SŪRYA VIŚUDDHE VIŚODHANI SVĀHĀ
CANDRA SUCANDRA PURṆACANDRA SVĀHĀ
GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ
NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ
ŚIVE SVĀHĀ
ŚĀNTI SVĀHĀ
SVASYA YANE SVĀHĀ
ŚIVAṂ KARI_ ŚĀNTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI SVĀHĀ
ŚRĪ KARI SVĀHĀ
ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ
ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ
NAMUCI SVĀHĀ
MARUCI SVĀHĀ
VEGAVATI SVĀHĀ

10/07/1997

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

OṂ
SARVA TATHĀGATA MŪRTTE PRAVARA VIGATI
BHAYE ŚAMAYA SVAMAṂ
BHAGAVATI
SARVĀ PĀPEBHYAḤÏ SVASTIRBHAVATU
MUNI MUNI VIMUNI

CARE CALANI

BHAYA VIGATE

BHAYA HĀRAṆI

BODHI BODHI

BODHAYA BODHAYA

BUDDHILI BUDDHILI

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA JUṢṬAI- SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ _ VAJRA-VATI VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE

SARVA TATHĀGATA-MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬATE MAHĀ-MUDRE SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIMCƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN:

OṂ MUNI MUNI MUNI

CARE ABHIṢIṂCA TUMĀṂÏ

SARVA TATHĀGATA _SARVA VIDYA ABHIṢEKAI_MAHĀ-VAJRA KAVACA

MUDRĀ MUDRITEḤ

SARVA TATHĀGATA HṚDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ_AMṚTA VARE_ VARA VARA PRAVARA VIŚUDDHE HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ_ AMṚTA VILOKINI GARBHA SAṂRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ_ VIMALE JAYA VARE AMṚTE _ HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ, PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ_ BHARA BHARA _ SAṂBHARA SAṂBHARA _ INDRIYA VIŚODHANI_ HŪṂ HŪṂ _ RURU CALE _ SVĀHĀ

11/07/1997

TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMAḤ SAṂGHĀYA

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUNAYE MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

NAMAḤ SAPTABHYAḤ SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ

EṢĀṂ NAMAḤSKṚTVĀ

BUDDHA ŚASANA VṚDHAYE

AHAMIDĀNYĀṂ

SAMMṚAVA KṢAME

SARVA SATVA ANUKAṂPAYĀ

IMĀṂ VIDYĀṂ MAHĀ-TEJĪ

MAHĀ-MALA PARĀKRA MĀṂ

YE ṢYĀṂ BHIṢITAṂ MĀTRĀYAṂ

VAJRĀSANA MANĪṢIBHI

GRAHA SARVE VINĀYAKA

ŚCAVATA KṢAṆA VIRAYAṂ GATA

TADYATHĀ:

GĪRA GĪRA GIRIṆI

GIRI VATI

GUṆA-VATI

ĀKĀRA VATI

ĀKĀRA ŚUDDHE PĀPA VIGATE

ĀKĀŚE GAGANA TALE

ĀKĀŚA VICĀRIṆI

JVALATĀ ŚIRE

MAṆI MUKTIKHA_ CITA BOLI DHARE

SUKEŚE

SUVAKTRA

SUNĪTRĪ

SUVARṆA BOLI

ATĪTE AṆATMAṂNI MANA GATE

PRATYUTMAṂNI

NAMAḤ SARVEṢĀṂ BUDDHĀNĀṂ

JVALITA TEJĀ SAṂBUDDHE

SUBUDDHE

BHAGAVATI

SURA KṢAṆI

SUKṢAME
SUPRABHE
SUDAME
SUNĀṂTE
CARE
BHAGAVATI
BHADRE SUBHADRE
VIMALE JAYA BHADRE
PRACAṆḌA CAṆḌA
VAJRA CAṆḌA
MAHĀ-CAṆḌA
GAURI
GANDHĀRI
CERI CAṆḌALI MATAṂGI
PUKASI ŚAVARI DRAMIṆḌI
ROṂDRIṆI
SARVĀRTHA SADHANE
HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀṂ
DAHA DAHA SARVA DUṢṬANĀṂ
PRETA PIŚĀCA ḌĀKINĪNĀṂ
MANUṢYA AMANUṢYANĀṂ
PACA PACA

HṚDAYAṂ VIDHVAṂSAYA JĪVITAṂ

SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀṂ

NĀŚAYA NĀŚAYA

SARVA PĀPA NIME RAKṢA RAKṢA MĀṂ

SARVA SATVĀNĀṂCA

SARVA BHAYA UPADRAVEBHYAḤ

SARVA DUṢṬĀNĀṂ BANDHADAṂ KURU

SARVA KILLIṢA NĀŚANI

MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TIṬI TIṬINI

TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI

PRAVARA SAṂMARE

CAṆḌARI MATAṂGI

VACASI SUMURU PUKASI ŚAVARI ŚAṂKARI DRAVIṆḌI

DAHANI PACANI MADANI

SARALA SARALE

SARALAṂBHE HĪNAMADHYO KṚṢṬA

VIDĀRIṆI VIDHĀRIṆI

MAHĪLI MAHO MAHOLINI

GAṆENI GAṆA PACE

VATI VATINI

VATE CAKRA KINI

JALE CULE

ŚAVARI ŚAMARI ŚĀDHARI

SARVA VYADHI HARAṆI

COṆḌI COṆḌINI

NIMI NIMI NIMIṂDHARI

TRILOKA JAHANI

TRILOKA LOKA KARI

TRAIDHĀTUKA VYAVELOKINI

VAJRA PARAŚU PĀŚA KHARGA CAKRA TRIŚULA CINTĀMAṆI MAHĀ-VIDYĀ-DHĀRAṆI

RAKṢA RAKṢA MĀṂ _ SARVA SATVĀNĀṂCA

SARVATRA SARVA STHANA GATASYA

SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ

SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ

SARVA VYADHIBHYAḤ

VAJRE VAJRA-VATI

VAJRA-PĀṆI DHARE

HILI HILI

MILI MILI

CILI CILI

MILI

VARA VARA VARANI

SARVATRA JAYALAMVI SVĀHĀ

PĀPA VIDĀRAṆI_SARVA VYADHI HARAṆI SVĀHĀ

SARVATRA BHAYA HARAṆI SVĀHĀ

PUṢṬI SVĀHĀ

SVASTIRBHAVATU MAMA (......) SVĀHĀ

ŚĀNTI SVĀHĀ

PUṢṬI SVĀHĀ

JAYATUJAYE JAYAVATI VIPULA VIMALE SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI SVĀHĀ

OṂ_ BHURI BHURI_ VAJRAVATI TATHĀGATA HṚDAYA PURAṆI SAṂDHĀRAṆI _ BALA BALA _ JAYA VIDYE _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/02/2012

Mật Tạng Bộ 3_ No.1154 (Tr.637_ Tr.644)

PHẬT NÓI KINH
TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI TỰ TẠI ĐÀ LA NI THẦN CHÚ

Hán dịch: Đời Đường –Nước **Ca Thấp Di La** (Kaśmīra) thuộc Bắc Ấn Độ_Tam Tạng BẢO TƯ DUY dịch ở Chùa THIÊN CUNG

Việt Dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bà Già Bà** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ngự tại núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhakūṭa) ở Đại thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) cùng với các đệ tử dự hội nói Pháp

Bấy giờ vị Đại Phạm Thiên Vương là *Chủ của Thế Giới Sa Bà* (Sahaṃpati) đến chỗ Phật ngự nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, chắp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: "Nguyện xin Đức Thế Tôn vì lợi ích cho chúng sinh, nói Đà La Ni Thần Chú khiến cho khắp cả Trời Người được an vui"

Đức Phật nói: "Lành thay! Lành thay! Đại Phạm Thiên Vương! Ông hay thương xót tất cả chúng sinh mà hỏi về việc lợi ich này. Ông hãy suy nghĩ cho khéo! Ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn nói

Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú này hay ban cho tất cả chúng sinh sự an vui tối thắng. Chẳng bị tất cả **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa) với **bệnh điên loạn** (Unmāda), **quỷ đói** (Preta), quỷ **Tắc Kiến Đà** (Skandha), các hàng Quỷ Thần gây não hại, cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Ở nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại bởi đấu chiến oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trớ yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước đều được tiêu diệt. Chất độc chẳng thể gây hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm. Chẳng bị sấm sét (lôi điển, phích lịch) gió ác mưa bão không đúng thời ………gây tổn hại .

Nếu có người thọ trì Thần chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép Thần Chú rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc thanh tịnh tối thắng. Thường được **chư Thiên** (Devānāṃ), **Long Vương** (Nāga-rāja) ủng hộ. Lại được **chư Phật** (Buddhānāṃ), **Bồ Tát** (Bodhisatva) nghĩ nhớ. **Kim Cương Mật Tích** (Vajra-guhyaka), **Tứ Thiên Đại Vương** (Catvāsraḥ-mahā-rājikāḥ: 4 vị Đại Thiên Vương) Thiên Đế Thích (Indra, hay Śakra), **Đại Phạm Thiên Vương** (Maha-brahma-deva-rāja), **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu), **Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara), **Câu Ma La Quân Chúng** (Kumāra-sena-gaṇa), **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), **Đại Hắc Thiên** (Mahā-kāla), **Nan Đề Kê Thuyết Thiên** (Nāndikeśvara)….. ngày đêm thường theo ủng hộ người trì Chú này .

Lại được **Ma Đế Kiến Noa** (Mātṛ-gaṇa), **Thiên chúng** (Deva-gaṇa) với các **Thiên Thần chúng** (Devatā-gaṇa), **Tự Tại** (Īśvara) khác cũng ủng hộ như vậy.

Lại được các **Ma** (Māra), Thiên chúng với các quyến thuộc. Chư Thần, bậc có Uy Đức lớn của Thần Chú là: **Ương Câu Thi Thần** (Aṃkuśe), **Bạt Chiết La Thần** (Vajra), **Thương Yết La Thần** (Śaṃkhara), **Ma Mạc Kê Thần** (Māmakī), **Tỳ Câu Tri Thần** (Bhṛkuṭi), **Đa La Thần** (Tārā), **Ma Ha Ca La Thần** (Mahā-kāla), **Bộ Đa Thần** (Bhāta), **Chước Yết La Ba Ni Thần** (Cakra-pāṇi), **Đại Lực Thần** (Mahā-bala), **Trường Thọ Thiên**, **Ma Ha Đề Tỳ Thần** (Mahā-devī), **Ca La Yết Ni Thần**, **Hoa Xỉ Thần** (Puṣpa-danti), **Ma Ni Châu Kế Thần**, **Kim Kế Thần**, **Tân Nghiệt La La Khí Thần**, **Điện Man Thần**, **Ca La La Lợi Thần**, **Tỳ Câu Tri Thần** (Bhṛkuṭi), **Kiên Lao**

Địa Thần Dṛḍha-prthivī), **Ô Đà Kế Thi Thần**, **Thập Phiệt Lật Đa Na Na Thần**, **Đại Nộ Thần** (Mahā-krodha), **Chấp Kiếm Thần** (Khaḍga-dhāra), **Ma Ni Quang Thần** (Maṇi-prabha), **Xà Tri Ni Thần** (Jaṭini), **Nhất Xà Tra Thần** (Eka-jaṭa), **Phật Đà Đà La Ba Lợi Ni Thần** (Buddha-dhara-pàlani), **Lăng Kê Thuyết Thần** (Laṅkeśvara) và vô lượng các **Thiên Thần** (Devatā) khác ……Các Thiên chúng ấy đều đến ủng hộ.

Nếu Thần Chú này được đeo trên thân, bàn tay… thì **Quỷ Tử Phụ Mẫu** (Hāṛtye và Pañcika), **Ma Ni Bạt Đà Thần** (Maṇi-bhadra), **Lực Thiên** (Bala-deva), **Đại Lực Thiên** (Mahā-bala-deva), **Thắng Khí Ni Thần** (Saṃkhini), **Câu Tra Đàn Để Thần** (Kuṭa-danti), **Công Đức Thiên** (Śrī), **Đại Biện Thiên** (Sarasvatī)……..luôn luôn đi theo ủng hộ.

Nếu có người nữ nào thọ trì Thần Chú này sẽ có thế lực lớn, thường sinh con trai. Lúc thọ thai thì thai sẽ được an ổn, khi sanh sản được an vui, không có các bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, quyết định không nghi. Do sức của Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận. Thường được tất cả điều cung kính, nên phải khiết tịnh (trong sạch tinh khiết)

Nếu có người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ trì chú này sẽ được an vui, không có bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, sắc tướng đẹp đẽ mạnh khoẻ, viên mãn cát tường, phước đức tăng trưởng .

Nếu có người nam, hoặc người nữ, đồng nam, đồng nữ… trì Chú này sẽ được an vui, không có bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, sắc tướng đẹp đẽ mạnh khoẻ, viên mãn cát tường, Phước Đức tăng trưởng, tất cả Chú Pháp đều được thành tựu.

Người đeo Chú này tuy chưa vào Đàn, liền thành người đã vào tất cả Đàn, cùng đồng hạnh với người đã vào Đàn, chẳng bị ác mộng, tội nặng tiêu diệt. Nếu có kẻ khởi Tâm ác hướng đến thì chẳng thể làm hại cho người trì Chú này được. Tất cả lạc dục mong cầu đều được thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

1.**Na mâu tát bà đát tha nghiệt đa nẵng** (NAMO SARVA TATHĀGATĀNĀṂ)

2.**Na mâu bột đà đạt ma tăng chi biều** (NAMO BUDDHA DHARMA SAṂGHEBHYAḤ)

3. **Án** (OṂ)

4. **Tỳ bổ la nghiệt bệ** (VIPULA GARBHE)

5. **Tỳ mạt lê xà gia nghiệt bệ** (VIMALE JAYA GARBHE

6. **Phiệt chiết la thời phộc la nghiệt bệ** (VAJRA JVALA GARBHE)

7. **Nghiệt để già ha nê** (GATI GAHANE)

8. **Già già na tỳ du đạt nê** (GAGANA VIŚODHANE)

9. **Tát bà bả ba tỳ du đạt nê** (SARVA PĀPA VIŚODHANE)

!0. **Án** (OṂ)

11. **Cù noa bạt để** (GUṆA-VATI)

12. **Già già lị ni** (GAGARIṆI)

13. **Kỳ lị kỳ lị** (GIRI GIRI)

14. **Già mạt lị** (GAMĀRI)

15. **Già ha già ha** (GAHA GAHA)

16. **Già nghiệt lị già nghiệt lị** (GARGĀRI GARGĀRI)

17. **Già già lị, Già già lị** (GAGARI GAGARI)

18. **Kiềm bà lị, Kiềm bà lị** (GAMBHARI GAMBHARI)

19. **Nghiệt để, nghiệt để** (GATI GATI)

20. **Già mạt nê già lị** (GAMARI GARE)
21. **Cù lô cù lô, Cù lô ni** (GŪRU GŪRU GŪRUṆE)
22. **Chiết lệ chiết lệ, mâu chiết lệ** (CALE ACALE MUCALE)
23. **Thệ duệ, tỳ thệ duệ** (JAYE VIJAYE)
24. **Tát bà bà gia tỳ nghiệt để** (SARVA BHAYA VIGATE)
25. **Nghiệt bà tam bà la ni** (GARBHA SAMBHARAṆI)
26. **Bỉ lị tỷ lị** (SIRI SIRI)
27. **Dĩ lị dĩ lị** (MIRI MIRI)
28.**Tam mạn đa ca lị sa ni** (SAMANTA AKARṢAṆI)
29.**Thiết đổ tăng bát la mạt tha nễ** (ŚATRŪNĀṂ PRAMATHANI)
30. **Lạc xoa lạc xoa ma ma** (Tôi tên là….) **tả** (RAKṢA RAKṢA MAMAṢYA
31. **Tỳ lị tỳ lị** (VIRI VIRI)
32. **Tỳ nghiệt đa phiệt la ni** (VIGATA AVARAṆI)
33. **Bà gia bà xả tô lị tô lị** (BHAYA PĀŚA SURI SURI)
34. **Chất lý ca mạt lệ** (CILI KAMALE)
35. **Thị duệ** (JAYE)
36. **Thị gia bà hê** (JAYA VAHE)
37. **Thị gia bà để** (JAYA-VATI)
38. **Bà già bạt để** (BHAGAVATI)
39. **Hạt la đát na ma câu tra ma la đạt lị** (RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRI)
40. **Tỳ chất đa la bệ sa ba đà lị ni** (VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRIṆI)
41. **Bà già bạt để tất địa gia đệ tỳ** (BHAGAVATI VIDYA-DEVĪ)
42. **Lạc xoa đô ma** (Tôi tên là ….) **tả** (RAKṢA TUMAMṢYA)
43. **Tam mạn đa ca la tỳ du đạt nễ** (SAMANTA KARA VIŚODHANE)
44. **Hô lô hô lô** (HURU HURU)
45. **Nhược sát đát tả ma la đà lị ni** (NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRIṆĪ)
46. **Chiên noa chiên noa chiên ni** (CAṆḌA CAṆḌA CAṆḌI)
47. **Bệ già bạt để** (VEGA-VATI)
48. **Tát bà đột sắt tra nễ bà la ni** (SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆI)
49. **Thiết đốt lỗ bát xoa bát loa mạt tha nễ** (ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI)
50. **Tỳ xà gia bà tứ** (VIJAYA VĀHINI)
51**. Hổ lô hổ lô** (HURU HURU)
52. **Mẫu lô mẫu lô** (MURU MURU)
53. **Chu lô chu lô** (CURU CURU)
54. **A dữu ba thư nễ** (AYUḤ-PĀLANI)
55. **Tô la bà la ma thát nễ** (SURA VARA MATHANI)
56. **Tát bà đề bà đa bổ thị để** (SARVA DEVATĀ PŪJITE)
57. **Địa lị địa lị** (DHIRI DHIRI)
58. **Tam mạn đa bà lô cát đế** (SAMANTA AVALOKITE)
59. **Bát la bệ** (PRABHE)
60. **Tô bát la bà du nễ** (SUPRABHA ŚUDDHE)
61. **Tát bà bả ba tỳ du đạt nễ** (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
62. **Đà la đà la đà la ni** (DHARA DHARA DHARAṆI)
63. **Bạt la đà lệ** (VARA DHARE)
64. **Tô mẫu tô mẫu** (SUMU SUMU)
65. **Tô mẫu lô chiết lệ** (SUMURU CALE)
66. **Chiết lệ giá la gia đột sắt tra** (CALE CALĀYA DUṢṬA)

67. **Bộ la gia a thưởng** (PĀRAYA ĀŚĀṂ)

68. **Thi lị bà bô đà la chiết gia ca mạt lệ** (ŚRĪ-VAPUDHARA JAYA KAMALE)

69. **Khí sử ni khí sử ni** (KṢIṆI KṢIṆI)

70. **Tát bà đề ba đa bà la đà tả câu thí** (SARVA DEVATĀ VARADA AṄKUŚE)

71. **Án** (OṂ)

72. **Bát đặc ma tỳ du đề** (PADMA VIŚUDDHE)

73. **Du đạt nễ du đề** (ŚODHANE ŚUDDHE)

74. **Bà la bà la** (BHARA BHARA)

75. **Tỳ lị tỳ lị** (BHIRI BHIRI)

76. **Bộ lô bộ lô** (BHURU BHURU)

77. **Mãng ngải la nhiếp bật đề** (MAṂGALA VIŚUDDHE)

78. **Bạt bậc đa la mục khế** (PAVITRA MUKHE)

79. **Khương ca lị** (KHARGARI)

80. **Khư la khư la** (KHARA KHARA)

81. **Thời phộc lật đa thất lệ** (JVALITA ŚIRE)

82. **Tam mạn đa bát la tát lị đa bà bà chí đa du đề** (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA ŚUDDHE)

83. **Thời phộc la thời phộc la** (JVALA JVALA)

84. **Tát bà đề bà đề noa tam ma yết lị sa ni** (SARVA DEVA-GAṆA SAMA AKARṢAṆI)

85**. Tát để gia phiệt để** (SATYA-VATI)

86. **Đát la đát la** (TĀRA TĀRA)

87. **Na già tỳ lô yết nễ** (NĀGA VILOKINI)

88. **La hô la hô** (LAHU LAHU)

89. **Hô nỗ hô nỗ** (HUNU HUNU)

90. **Sát ni sát ni** (KṢIṆI KṢIṆI)

91. **Tát bà nghiệt la ha bạc sát ni** (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)

92. **Thỉ nghiệt la thỉ nghiệt la** (PIṂGALA PIṂGALA)

93. **Chu mẫu chu mẫu, tô mẫu tô mẫu** (CUMU CUMU SUMU SUMU)

94. **Tỳ chiết lệ** (VICALE)

95. **Đát la đát la** (TĀRA TĀRA)

96. **Đa la gia đổ ma** (Tôi tên là….) **tả. Ma ha bội gia** (TĀRĀYA TUMAMṢYA MAHĀ-BHAYA)

97. **Tam mâu đạt la, sa già la, bát lị diễn đa, ba đa la, già già na** (SAMUDRA-SĀGARA PRATYANTĀṂ PĀTĀLA GAGANA)

98. **Sa man để na** (SAMANTENA)

99. **Bạt chiết la thời phộc la tỳ du đạt nễ** (VAJRA-JVALA VIŚODHANE)

100. **Bộ lị bộ lị** (BHURI BHURI)

101. **Nghiệt bà phiệt để nghiệt bà tỳ du đạt nễ** (GARBHA-VATI GARBHA VIŚODHANE)

102. **Câu khí sử tam bộ la ni** (KUKṢI SAPĀRAṆI)

103. **Xà la giá la xà lật nễ** (CALA CALA JVALINI)

104. **Bát la phiệt lị sa đổ đề bà sa mạn đế na** (PRAVAṢATU DEVA SAMANTENA)

105. **Điệt tỳ dụ đà kế na** (DIDHYODAKENA)

106. **A mật lật đa phiệt lị sa ni** (AMṚTA VARṢAṆI)

107. **Đề ba đa bà đa lật ni** (DEVA DEVA DHĀRIṆI)
108. **A tỳ tru giá đổ mê** (ABHIṢIṂCA TUME)
109. **A mật lật đa bạt la bà bộ sái** (AMṚTA VARA VAPUṢPE)
110. **Lạc xoa, lạc xoa ma ma** (Tôi tên là…) **tả** (RAKṢA RAKṢA MAMAṢYA)
111. **Tát bà đát la** (SARVATRĀ)
112. **Tát bà đà** (SARVADĀ)
113. **Tát bà bà duệ biều** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
114. **Tát bồ ô ba đạt la bệ biều** (SARVA UPADRAVEBHYAḤ)
115. **Tát bồ ô bát tát kỳ biều** (SARVA UPASARGEBHYAḤ)
116. **Tát bà đột sắt tra bà duệ tỳ đát tả** (SARVA DUṢṬA BHAYE BHĪTAṢYA)
117. **Tát bà yết lị yết la ha** (SARVA KĀLI KALAHA)
118. **Tỳ yết la ha tỳ bà đà** (VIGRAHA VIVĀDA)
119. **Đột táp phạp bát na** (DUḤSVAPNĀṂ)
120. **Đột lật nễ mật đa, a mãng ngải lược dạ** (DURNI MINTA AMAṂGALLYA)
121. **Bả ba tỳ na thiết nễ** (PĀPA VINĀŚANI)
122. **Tát bà dược phu la sát sa nễ bà la ni** (SARVA YAKṢA RĀKṢASA NIVĀRAṆI)
123. **Sa la ni tát lệ** (SARAṆI SARE)
124. **Bà la bà la** (BALA BALA)
125. **Bà la bạt để** (BALA-VATI)
126. **Xà gia xà gia đổ ma** (Tôi tên là….) **tả** (JAYA JAYA TUMAM ṢYA)
127. **Tát bà đát la** (SARVATRĀ)
128. Tát bà ca lam (SARVA KĀRAṂ)
129. **Tất đoạn đổ bật địa gia sa đà gia** (SIDDHYANTUME VIDYA SĀDHAYAT)
130. **Tát bà mạn trà la sa đạt nễ** (SARVA MAṆḌALA SĀDHANI)
131. **Xà gia tất đề** (JAYA SIDDHE)
132. **Tất đề, tô tất đề** (SIDDHE SUSIDDHE)
133. **Tất đà gia tất đà gia** (SIDDHYA SIDDHYA)
134. **Bột địa gia, bột địa gia** (BUDDHYA BUDDHYA)
135. **Bô la ni, bô la ni** (PŪRAṆI PŪRAṆI)
136. **Tát bà bật địa gia địa nghiệt đá mẫu lật đê** (SARVA VIDYA ADHIGATA MŪRTTE)
137. **Xà du đát lệ xà gia bạt để** (JAYOTTARI JAYAVATI)
138. **Sắt xá để** (ṢṬHATI)
139. **Để sắt xá để sắt xa** (TIṢṬA TIṢṬA)
140. **Tam muội gia ma nỗ ba lại gia** (SAMAYAM ANUPĀLAYA)
141. **Đát tha nghiệt đa du đề** (TATHĀGATA ŚUDDHE)
142. **Tỳ gia bà lô ca gia đô ma** (Tôi tên là….) **ta** (VYĀVALOKAYA TUMAMṢYA)
143. **A sắt tra bật hiệt lam , ma ha bà gia đà lỗ ni** (AṢṬA BHIRIRAṂ MAHĀ-BHAYA DĀRUṆI)
144. **Tát la tát la** (SARA SARA)
145. **Bát la tát la, bát la tát la** (PRASARA PRASARA)
146. **Tát bà phiệt la noa tỳ du đạt nễ** (SARVA AVARAṆA VIŚODHANE)

147. **Tam mạn đa ca la man trà la du đề** (SAMANTA KĀRA MAṆḌALA ŚUDDHE)
148. **Tỳ nghiệt đê, tỳ nghiệt đê** (VIGATE VIGATE)
149. **Tỳ nghiệt đa mạt lê du đạt nễ** (VIGATA MĀRE ŚODHANE)
150. **Khí sử ni, khí sử ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
151. **Tát bà bạt ba tỳ du đề** (SARVA PĀPA VIŚUDDHE)
152. **Mạt la tỳ du đề** (MĀRA VIGATE)
153. **Đế xà bạt để, bạt chiết la bạt để** (TEJA-VATI VAJRA-VATI)
154. **Đề lệ lô chỉ gia địa sắt xỉ để, sa ha** (TRAILOKYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
155. **Tát bà đát tha nghiệt đa mẫu la đà tỳ sắc ngật để, sa ha** (SARVA TATHĀGATA MŪRDDHA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
156. **La bà bồ đề tát đỏa , tỳ sắc ngật để, sa ha** (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
157. **Tát bà đề bà đa, tỳ sắc ngật đề, sa ha** (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
158. **Tát bà đát tha nghiệt đa hiệt lật đà lệ, địa sắt xỉ để, sa ha** (SARVA TATHĀGATA-HṚDAYE ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
159. **Tát bà đát tha nghiệt đa tam muội gia tất đệ, sa ha** (SARVA TATHĀGATA-SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ)
160. **Ấn điệt lệ, ấn đà la bạt để, ấn đà la tỳ gia bà lô cát để, sa ha** (INDRE INDRA-VATI INDRA-VYAVALOKITE SVĀHĀ)
161. **Bột la ế mê, bột la ế mê, bột la ha ma địa du sắt để, sa ha** (BRAHME BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE SVĀHĀ)
162. **Tỷ sắt nỗ na ma tất cát lật để, sa ha** (VIṢṆU NAMASKṚTE SVĀHĀ)
163. **Ma hê thấp phộc la na ma tất cát lật để, sa ha** (MAHEŚVARA NAMASKṚTE SVĀHĀ)
164. **Bạt chiết la đà la , bạt chiết la ba ni, bà la tỳ lê gia, địa sắt xỉ để, sa ha** (VAJRA-DHĀRA VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
165. **Tiểu lị để la sắt tra la gia, sa ha** (DHṚTA-RĀṢṬRĀYA SVĀHĀ)
166. **Tỳ lô trà ca gia, sa ha** (VIRŪḌHAKĀYA SVĀHĀ)
167. **Tỳ lô ba xoa gia, sa ha** (VIRŪPĀKṢAYA SVĀHĀ)
168. **Bùi thất la mãn noa gia, sa ha** (VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ)
169. **Chiết đốt lặc ma ha la xà, na ma tất cát lật đa gia, sa ha** (CATUR MAHĀ-RĀJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)
170. **Bà lỗ noa gia, sa ha** (VARUṆĀYA SVĀHĀ)
171. **Na già tỳ lô chỉ đa gia, sa ha** (NĀGA-VILOKITĀYA SVĀHĀ)
172. **Đề bà nghiệt nãi biều, sa ha** (DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
173. **Na già nghiệt nãi biều, sa ha** (NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
174. **Dược xoa nghiệt nãi biều, sa ha** (YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
175. **Kiện đạt bà nghiệt nãi biều, sa ha** (GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
176. **A tô la nghiệt nãi biều, sa ha** (ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
177. **Già lỗ trà nghiệt nãi biều, sa ha** (GURUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
178. **Khẩn na la nghiệt nãi biều, sa ha** (KIṂNARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
179. **Ma hô la già nghiệt nãi biều, sa ha** (MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
180. **Hạt la sát sa nghiệt nãi biều, sa ha** (RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
181. **Ma nỗ sái biều, sa ha** (MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)

182. **A ma nỗ sái biều, sa ha** (AMANUṢYEBHYAḤ SVÀHĀ)
183. **Tát bà già lạc hê biều,sa ha** (SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)
184. **Tát bà bộ để biều , sa ha** (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ)
185. **Bế lệ để duệ biều, sa ha** (PRETEBHYAḤ SVĀHĀ)
186. **Tất xá chế biều, sa ha** (PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ)
187. **Ang ba tát ba lệ biều, sa ha** (APASMĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
188. **Cát lý nãi biều , sa ha** (KUMBHĀṆḌEBHYAḤ SVĀHĀ)
189.**Án** (OṂ)
190.**Độ lô độ lô, sa ha** (DHURU DHURU SVĀHĀ)
191. **Đổ lô đổ lô, sa ha** (TURU TURU SVĀHĀ)
192. **Mâu lô mâu lô, sa ha** (MURU MURU SVĀHĀ)
193. **Ha na tát bà thiết đổ lỗ ấp ma ma tả, sa ha** (HANA SARVA ŚATRŪNĀṂ MAMAṢYA SVĀHĀ)
194. **Đà ha đà ha tát bà đột sắt tra, bát la đột sắt tra, ma ma** (Tôi tên là…) **tả, sa ha** (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA MAMAṢYA SVĀHĀ)
195. **Bát già bát già tát bà bát la để gia thiết ca, bát la để gia mật đa la, ma ma** (Tôi tên là….) **tả, sa ha** (PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRA MAMAṢYA SVĀHĀ)
196. **Thời phộc lật đa gia, sa ha** (JVALITĀYA SVĀHĀ)
197. **Bát la thời phộc lật đa gia, sa ha** (PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)
198. **Địa bát đa thời phộc la gia, sa ha** (DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ)
199.**Tam mạn đa bát la thời phộc lật đa gia, sa ha** (SAMANTA PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)
200. **Ma ni bạt đạt la gia, sa ha** (MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ)
201. **Bố lật noa bạt đà la gia, sa ha** (PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ)
202. **Ma ha ca la gia, sa ha** (MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ)
203. **Ma để lị già noa gia, sa ha** (MĀTṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ)
204. **Dược khất sử ni ấp , sa ha** (YAKṢIṆĪNĀṂ SVĀHĀ)
205. **Hạt la sát tư ấp, sa ha** (RĀKṢASĪNĀṂ SVĀHĀ)
206. **A ca xa ma để ấp, sa ha** (ĀKĀŚA-MĀTṚNĀṂ SVĀHĀ)
207. **Tam mãn đạt la nễ bà tất nễ ấp, sa ha** (SAMUDRA NIVĀSINĪNĀṂ SVĀHĀ)
208. **Hạt la để lị chiết lam , sa ha** (RĀTṚ-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
209. **Địa bà sa chiết lam, sa ha** (DIVASA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
210. **Để lị tán địa gia chiết lam, sa ha** (TRISANTYA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
211. **Bệ la chiết lam, sa ha** (VELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
212. **A bệ la chiết lam, sa ha** (AVELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
213. **Hạt bà chiết lệ biều, sa ha** (GARBHĀHĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
214. **Hạt bà tán đà la ni , hô lô hô lô, sa ha** (GARBHA-SANDHĀRAṆI HULU HULU SVĀHĀ)
215. **Án, sa ha** (OṂ SVĀHĀ)
216. **Tát bà, sa ha** (SVĀḤ SVĀHĀ)
217. **Bộ phiệt, sa ha** (BHŪḤ SVĀHĀ)
218. **Bộ lỗ bộ phiệt, sa ha** (BHŪR-BHŪVAḤ SVĀHĀ)
219. **Chất tán chất tán, sa ha** (CIṬI CIṬI SVĀHĀ)
220. **Phí tán phí tán, sa ha** (VIṬI VIṬI SVĀHĀ)
221. **Đà la ni, sa ha** (DHĀRAṆĪ SVĀHĀ)
222. **Đà la ni, sa ha** (DHARAṆI SVĀHĀ)

223. **Ác kỳ nễ, sa ha** (AGNI SVĀHĀ)
224. **Đế thù bà bố, sa ha** (TEJO VĀYU SVĀHĀ)
225. **Chỉ lý chỉ lý, sa ha** (CILI CILI SVĀHĀ)
226. **Tỷ lý tỷ lý, sa ha** (SILI SILI SVĀHĀ)
227. **Bột địa gia, bột địa gia, sa ha** (BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ)
228. **Mạn trà la tất địa duệ, sa ha** (MAṆḌALA SIDDHYE SVĀHĀ)
229. **Mạn trà la bạn đà duệ, sa ha** (MAṆḌALA BANDHAYE SVĀHĀ)
230. **Tư ma bạn đạt ni, sa ha** (SĪMĀ BANDHANI SVĀHĀ)
231. **Chiêm bà chiêm bà, sa ha** (JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ)
232. **Tất đam bà, tất đam bà, sa ha** (STAMBHA STAMBHA SVĀHĀ)
233. **Sân đà, sân đà , sa ha** (CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ)
234. **Tần đà tần đà, sa ha** (BHINDA BHINDA SVĀHĀ)
235. **Bạn đà bạn đà, sa ha** (BANDHA BANDHA SVĀHĀ)
236. **Mâu hối già mâu hối già, sa ha** (MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ)
237. **Ma ni tỳ dụ đề, sa ha** (MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ)
238. **Tố lật duệ, tố lật duệ, tô lị gia, tỳ dụ đề, sa ha** (SŪRYE SŪRYE SŪRYA VIŚUDDHE SVĀHĀ)
239. **Chiến điệt lệ, tô chiến điệt lệ, bố lật noa chiến điệt lệ, sa ha** (CANDRE SUCANDRE PŪRṆA-CANDRE SVĀHĀ)
240. **Nhạ sát đa la gia, sa ha** (NAKṢATRĀYA SVĀHĀ
241. **Thất phệ, sa ha** (ŚIVE SVĀHĀ)
242. **Phiến để duệ, sa ha** (ŚĀNTIYE SVĀHĀ)
243. **Tô phộc tất để dã, dã nễ, sa ha** (SVASATYA YANE SVĀHĀ)
244. **Thi phạm yết lị, phiến để yết lị, bố sắt trí bạt lạt đà nễ, sa ha** (ŚIVAṂ KARI , ŚĀNTI KARI, PUṢṬI BALA VARDHANI SVĀHĀ)
245. **Thất lị yết lệ, sa ha** ŚRĪ KĀRE SVĀHĀ)
246. **Thất lị gia bạt lị đà nễ, sa ha** (ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ)
247. **Thất lị gia thời phộc la nễ, sa ha** (ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ)
248. **Na mâu chi, sa ha** (NAMUCI SVĀHĀ)
249. **Ma lỗ chi, sa ha** (MURUCI SVĀHĀ)
250. **Bệ già phiệt để, sa ha** (VEGA VATI SVĀHĀ)

Phần bên trên là **Căn bản Chú**

_Nhất Thiết Phật Tâm Chú:

1. **Án** (OṂ)
2. **Tát bà đát tha nghiệt đa mộ lật để** (SARVA TATHĀGATA-MŪRTTE)
3. **Bạt la phiệt la nghiệt đa bà duệ** (PRAVARA GATA BHAYE)
4. **Xa ma diễn đổ ma ma** (Tôi tên là….) **tả, tát bà bả bế biều** (ŚAMAYAMTU MAMAṢYA _ SARVA PĀPEBHYAḤ)
5. **Sá tất để la bà phiệt đổ** (SVĀSTIRBHAVATU)
6. **Mâu chi, mâu chi, tỳ mâu chi** (MUṂI MUṆI VIMUṆI)
7. **Giá lị, giá lị, giá la nễ** (CALE CALE CALANE)
8. **Nghiệt đế** (GATI)
9. **Bà đà la nãi** (BHAYA HĀRAṆI)
10**. Bộ địa bộ địa** (BODHI BODHI)
11. **Bộ đà gia, bộ đà gia** (BODHIYA BODHIYA)
12. **Bột địa lợi, bột địa lam** (BUDHILI BUDHILAṂ)

13. **Tát bà đát tha nghiệt đa hiệt lật đà gia** (SARVA TATHĀGATA HṚDAYA)
14. **Thụ sắt lai** (JUṢṬAI)
15. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **Bạt chiết la bạt để** (VAJRA-VATI)
3. **Bạt chiết la bát la để sắt xỉ đa du đề** (VAJRA PRATIṢṬITA ŚUDDHE)
4. **Đát tha nghiệt đa mẫu đà la** (TATHĀGATA-MUDRA)
5. **Địa sắt xá na, địa sắt xỉ để, sa ha** (ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE_ SVĀHĀ)

_Quán Đỉnh Chú :
1. **Án** (OṂ)
2. **Mâu nễ, mâu nễ, mâu nễ phiệt lệ** (MUṆI MUṆI MUṆI VARE)
3. **A tỳ tru giả đô mê** (ABHIṢIṂCA TUME)
4. **Tát bà đát tha nghiệt đa ma hồng** (Tôi tên là….) (SARVA TATHĀGATA MĀṂ)
5. **Tát bà bật tha gia tỳ sái kế** (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)
6. **Ma ha bạt chiết la phiệt gia, mẫu đà la, mẫu địa lị để** (MAHĀ-VAJRA KAVACA-MUDRA MUDRITEḤ)
7. **Đát tha nghiệt đa hiệt lật đà gia** (TATHĀGATA-HṚDAYA)
8. **Địa sắt xỉ đa, bạt chiết lệ, sa ha** (ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ)

_Quán Đỉnh Ấn Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **A mật lật đa phiệt lệ** (AMṚTA VARE)
3. **Phộc la phộc la** (VARA VARA)
4. **Bát la phộc la tỳ du đề** (PRAVARA VIŚUDDHE)
5. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
6. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Kết Giới Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **A mật lật đa phiệt lệ** (AMṚTA VARE)
3. **Nghiệt bà lạc sát ni** (GARBHA RAKṢAṆI)
4. **A yết la sa ni** (ĀKARṢAṆI)
5. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
6. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Phật Tâm Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **Tỳ ma lệ** (VIMALE)
3. **Xà gia phiệt để** (JAYA-VATI)
4. **A mật lật để** (AMṚTE)
5. **Hàm hàm hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ)

6. **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_*Tâm Trung Tâm Chú:*
1. **Án** (OṂ)
2. **Bạt la bạt la** (BHARA BHARA)
3. **Tâm bạt la** (SAṂBHARA)
4. **Ấn địa lật gia** (INDRIYA)
5. **Tỳ du đạt nễ** (VIŚODHANE)
6. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
7. **Tằng lô già lệ** (KURU CALE)
8. **Sa ha** (SVĀHĀ)

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Thần Chú này xong, liền bảo Đại Phạm rằng: "Nếu có ai tạm nghe Đà La Ni này thì tất cả mọi tội chướng của kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều được trừ diệt.

_ Nếu hay tụng trì thì nên biết người ấy tức là thân của Kim Cương (Vajra-kāya), lửa chẳng thể thiêu đốt được.

Này Đại Phạm! Ông nên biết việc này: Tại Đại Thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc Đồng Tử **La Hầu La** (Rāhula) ở trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Yaśodhara) vốn là người nữ thuộc dòng tộc **Thích Ca** (Śākya). Khi bà bị ném vào hầm lửa thì lúc đó, La Hầu La đang nằm trong thai mẹ, nghĩ nhớ đến Chú này, cho nên hầm lửa lớn kia liền biến thành ao hoa sen. Đây là uy lực của Thần Chú này, do nhân duyên ấy mà lửa chẳng thể thiêu đốt được"

_ Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm! Chất độc chẳng thể hại người ấy được. Như ở thành **Thiện Du** có người con của vị Trưởng Giả **Phong Tài** (Bhogavatī), khéo trì tất cả **Cấm Chú** khác. Khi trì *Chú lực* nhiếp triệu vua Rồng **Đức Xoa Ca** (Takṣaka) lại quên **Kết Giới** (Sīma-bandhana). Vị Long Vương ấy giận dữ nghiến răng gây tổn hại khiến cho người đấy phải chịu khổ não lớn. Trong khoảng khắc, mệnh không có ai có thể cứu vãn được.

Ở trong cái thành ấy, có vị **Ưu Bà Di** (UpĀsika: Cận Sự Nữ) tên là **Vô Cấu** (Amala) thường trì **Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** này. Vị Ưu Bà Di ấy khởi Tâm Đại Từ Bi, sinh lòng thương xót, liền đi đến nơi đó dùng Chú này cứu chữa. Bà mới tụng Chú một biến thì chất độc kia liền bị tiêu diệt làm cho người ấy được hoàn lại Bản Tâm. Thời người con của Vị Trưởng Giả ở bên bà **Vô Cấu** thọ trì Chú này, ghi nhớ tại Tâm. Vì thế nên biết chất độc chẳng thể hại được.

_ Lại nữa Đại Phạm! Ở thành **Ba La Nại** (Vārāṇasī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Lúc đó, vị vua của nước lân cận có uy lực lớn, khởi bốn loại binh đến chinh phạt vua Phạm Thí. Khi bốn loại binh vào đến thành Ba La Nại thì vua Phạm Thí đã biết rồi. Ngài ban sắc lệnh cho mọi người trong Thành rằng: "*Các ngươi đừng sợ hãi ! Ta có Thần Chú tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni**. Thần Chú này có sức mạnh hay đập nát kẻ địch với bốn loại binh*".

Khi đó vua Phạm Thí tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới sạch, viết chép Chú này đeo ở trên thân rồi lao vào chiến trận. Một mình vua giao tranh với giặc, giáng phục bốn loại binh khiến chúng quy hàng vua Phạm Thí.

Đại Phạm nên biết Đại Thần Chú này có uy lực lớn, được Như Lai ấn khả, thường nên nhớ niệm. Nên biết sau khi Đức Phật nhập diệt thì Chú này rất lợi ích cho chúng sinh.

_ Lại nữa Đại Phạm! Nếu có người đeo Chú này, nên biết Như Lai dùng sức Thần Thông ủng hộ cho người đó. Nên biết người đó là **Thân của Như Lai**. Nên biết người đó là **Thân của Kim Cương**. Nên biết người đó là **Thân của Như Lai Tạng**. Nên biết người đó **là con mắt của Như Lai**. Nên biết người đó mặc áo giáp Kim Cương. Nên biết người đó là **Thân Quang Minh**. Nên biết người đó là **Thân Bất Hoại**. Nên biết người đó hay tồi phục tất cả oán địch. Nên biết hết thảy tội chướng của người đó đều được tiêu diệt. Nên biết Chú đó hay trừ nạn khổ của Địa Ngục.

Đại Phạm nên biết, có vị Tỳ Khưu ít Tín Tâm, đối với Giới của Như Lai có sự khuyết phạm, lại ăn trộm đồ vật của Tăng hiền tiền, vật của Tăng thường trụ, vật của Tăng đi bốn phương mà dùng riêng cho mình. Sau này vị Tỳ Khưu đó bị bệnh nặng chịu nhiều khổ não.

Lúc ấy có một vị **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka: Cận Sự Nam) thuộc dòng **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) khởi Đại Từ Bi, viết Thần Chú này, đeo dưới cổ vị Tỳ Khưu bị bệnh. Khi đeo xong thì tất cả bệnh khổ thảy đều tiêu diệt. Sau khi hết thọ mệnh, vị Tỳ Khưu này bị đọa vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci). Thi hài của vị Tỳ Khưu ấy được an táng trong cái Tháp và để Thần Chú lên trên thi hài. Ngày nay cái Tháp của vị Tỳ Khưu ấy còn tồn tại ở phía Nam của Thành **Mãn Túc**.

Vị Tỳ Khưu này tạm vào Địa Ngục thì hết thảy nỗi đau khổ của các kẻ chịu tội đều được ngừng dứt, khắp mọi người đều an vui, hết thảy đám lửa trong Địa Ngục cũng đều tiêu diệt.

Lúc đó, Ngục Tốt nhìn thấy hiện tượng đấy thì rất kinh ngạc lạ lùng, liền đem việc ấy thưa trình với **vua Diêm La** (Yama-rāja).

Thời vua Diêm La bảo Ngục Tốt rằng: *"Đây là Xá Lợi thuộc thân đời trước của bậc có Uy Đức lớn. Các ngươi có thể đến phía Nam của thành Mãn Túc tìm xem có việc gì?"*.

Ngục Tốt nhận lệnh đi ngay, đầu đêm đến cái Tháp đó liền nhìn thấy cái Tháp tỏa hào quang như đám lửa lớn. Nhìn vào trong Tháp thì thấy ở trên thi hài của vị Tỳ Khưu có đặt Thần Chú **Tùy Cầu Tức Đắc Đại Đà La Ni**, lại có chư Thiên vây quanh thủ hộ. Lúc ấy, Ngục Tốt nhìn thấy sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn của Chú này liền đặt tên hiệu cho cái Tháp đó là **Tùy Cầu Tức Đắc** (Pratisāraḥ)

Bấy giờ Ngục Tốt quay trở về trình báo mọi việc đã nhìn thấy cho vua Diêm La. Vị Tỳ Khưu ấy nương theo sức mạnh của Chú này mà tội chướng đều trừ diệt, liền được sinh về cõi **Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃśa-deva). Nhân vậy mà vị Trời này có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Thiên Tử** (Pratisāra-devaputra)

_ Đại Phạm nên biết, nếu biết như Pháp viết chép Chú này, đeo giữ trên Thân thì thường không có khổ não, lợi ích cho tất cả và trừ bỏ mọi sự sợ hãi.

Lại nữa Đại Phạm! Như ở trong thành **Tiêu A Nguy** có vị Trưởng Giả tên là **Tỳ Lam Bà** (Vilambā). Kho tàng của ông đầy tràn, vàng bạc sung mãn, tiền của lúa đậu cực nhiều. Vị Trưởng Giả ấy là một Thương Chủ, ông dong chiếc thuyền to đi vào biển lớn. Ở trong cái biển lớn ấy, gặp một con cá **Đê Di Lê** muốn phá hư thuyền. Vị vua Rồng trong biển lại sinh giận dữ, khởi sấm sét lớn, tuôn mưa đá cứng như Kim Cương. Lúc đó, mọi người rất sợ hãi lo lắng.

Khi ấy, vị Thương Chủ bảo các Thương Nhân rằng: *"Các ông đừng sợ hãi! Tôi có phương kế quyết định thoát khỏi ách nạn này"*.

Chúng Thương Nhân nói: *"Lành thay! Lành Thay!"*.

Bấy giờ Vị Thương Chủ liền đúng như Pháp viết chép Chú này đặt trên đầu cây phương. Tức thời con cá kia nhìn thấy chiếc thuyền này có vầng hào quang lớn như

đám lửa rực nên thoái lui. Các hàng Rồng kia nhìn thấy tướng ấy liền khởi Tâm Từ. Khi ấy vị Thương Chủ với các Thương Nhân sinh Tâm cực vui vẻ và đến được nơi cất chứa vật báu.

Vì thế, Đại Phạm! Nên chép Chú này đặt trên đầu cây phướng sẽ hay trừ bỏ tất cả trận gió ác. Mọi hiện tượng rét lạnh chẳng đúng thời. Trời chợt nổi mây đen tuôn mưa sương mưa đá …. thảy đều ngừng dứt. Tất cả muỗi mòng, **Hoàng Trùng** với các loài khác…ăn phá lúa mạ tự nhiên sẽ lui tan. Tất cả giống thú ác, loài có nanh bén vuốt nhọn chẳng thể gây hại được. Tất cả lúa mạ, hoa quả, cỏ thuốc đều được tăng trưởng. Quả trái có vị ngon ngọt, chín mùi tuỳ theo thời. Các hàng **Long Vương** (Nāga-rāja) giáng mưa đúng thời tiết.

_ Lại nữa Đại Phạm! Nếu có người mong cầu thì cần phải như Pháp viết chép Chú này, ắt mọi điều cầu nguyện đều được thành tựu. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, khéo giữ gìn bào thai, đứa con trong thai được an ổn, đủ ngày đủ tháng sinh sản an vui.

Đại Phạm nên biết, ở nước **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Từ Mẫn Thủ** (? Pratisāra-pāṇi). Lúc mới sinh ra, vị vua ấy liền duỗi bàn tay phải nắm lấy vú mẹ thì hai bầu vú của mẹ biến thành màu vàng ròng và tự tuôn chảy sữa. Ở trong bàn tay của vị vua đó lại tuôn ra vô lượng châu báu ban cho các chúng sinh. Do nhân duyên ấy mà vị vua ấy có tên là **Từ Mẫn Thủ** .

Vị vua ấy không có con, vì muốn cầu con nên vua thiết lập Hội Thí to lớn cúng dường chư Phật và các Tháp Miếu nhưng chẳng được như nguyện. Sau đó, trong đêm vị vua nằm mộng thấy **Tĩnh Cư Thiên Tử** (Śuddhāvasa-devaputra) đi đến bảo với vua rằng: *"Đại Vương nên biết, có Đại Thần Chú tên là* ***Tùy Cầu Tức Đắc****. Đại Vương có thể như Pháp viết chép rồi cho Đại Phu Nhân đeo dưới cổ ắt sẽ có con"*

Lúc tỉnh giấc, vị vua chờ đến sáng sớm liền như Pháp viết chép Đại Thần Chú này và cho Phu Nhân đeo vào cổ. Tức thời bà có thai, đủ ngày đủ tháng sinh ra một đồng tử có đầy đủ sắc tướng uy nghiêm thù thắng, ai nhìn thấy cũng đều vui vẻ.

_ Đại Phạm nên biết, Thần Chú này có sức mạnh khiến cho mọi sự nguyện cầu đều được vừa ý.

Lại nữa Đại Phạm! Khi **Thiên Đế Thích** (Śakra) đánh nhau với **A Tu La** (Asura), thời **Thiên Vương Đế Thích** đeo Thần Chú này nên **Đế Thích Thiên Chúng** chẳng bị thương tổn, thường được thắng lợi quay về cung an ổn.

_ Lại nữa Đại Phạm! Nếu có người đeo Thần Chú này trên Thân thì tất cả Chư Phật đều dùng Thần Lực gia bị cho người ấy, là nơi mà các Bồ Tát đã khen ngợi. Ở tất cả nơi, tất cả chỗ tranh tụng, luận bàn tranh cãi đều được chiến thắng, thường không có bệnh tật, tất cả tai nạn thình lình chẳng thể gây hại được, Tâm không có lo âu phiền muộn, luôn được chư Thiên thủ hộ.

Nếu ai viết chép tám Đạo Chú này đeo giữ, Tâm thường nhớ niệm thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc chẳng tốt lành chẳng thể phạm vào thân. **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni Thần Chú** này được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đẳng chư Phật cùng nhau tuyên nói, cùng nhau ấn khả, cùng nhau khen ngợi, cùng chung hoan hỷ. Chú này có thế lực lớn, có đại uy quang, có công dụng lớn, tất cả chúng Ma thảy đều bị giáng phục. Đại Thần Chú này rất khó có thể được.

_Lại nữa Đại Phạm! Thời quá khứ có Đức Phật tên là **Khai Nhan Hàm Tiếu Ma Ni Kim Bảo Hách Dịch Quang Minh Xuất Hiện Vương Như Lai**, ngồi trên **Tòa Kim Cương** (Vajrāsana) trong **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa). Lúc mới thành Chính Giác thì có vô ương số **Ma** (Māra) với các **quyến thuộc** (Parivāra) đến chỗ Phật ngự, hiện các Thần Lực gây các chướng nạn, hiện các tướng ác, tạo hình sân nộ, tuôn mưa khí trượng (Vũ Khí, Đao, Gậy….).

Bấy giờ Đức Thế Tôn điềm nhiên ngồi yên, dùng sức của căn lành hiền thiện nhớ niệm Chú này. Vừa mới nhớ niệm xong thì các **Ma Chúng** ấy nhìn thấy ở trong mỗi một lỗ chân lông của Đức Thế Tôn tuôn ra trăm ngàn vạn ức **Binh Chúng**, thân mặc áo giáp, phóng ánh sáng lớn, du hành tự tại trên hư không, thời các Ma Chúng bị mất Thần Thông, phải bỏ chạy tứ tán.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Ở thành **Ô Thiền Na** (Ujayanī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Lúc ấy có một người vì mạo phạm đến nhà vua nên bị xử tội chết. Vị vua ban lệnh đem tội nhân vào trong núi xử tử. Lúc Đao Phủ vung đao tính chém thì trước kia Tội Nhân ấy có đeo Chú này ở cánh tay phải, do sức mạnh của Chú này mà cây đao bị bốc lửa, tự nhiên tan hoại như bụi nhỏ.

Vị Pháp Quan nhìn thấy việc này xong thì kinh ngạc chưa từng có, liền đến bạch với vua, trình tấu đủ mọi việc. Vị Vua bảo Pháp Quan rằng: *"Ở trong núi kia có hang Dạ Xoa, trong hang đó có vô lượng Dạ Xoa trú ngụ. Ngươi có thể đưa Tội Nhân vào trong hang ấy"*.

Vị Pháp Quan vâng theo lời dạy, đem Tội Nhân đến hang. Khi các Dạ Xoa đi đến muốn ăn thịt. Do uy lực của Chú này nên các nhóm Dạ Xoa đều nhìn thấy thân thể của người đó tỏa ra ánh sáng rực rỡ, thời các Dạ Xoa liền đưa Tội Nhân này ra bên ngoài hang động và cung kính lễ bái.

Khi ấy, vị Pháp Quan lại đem việc này trình tấu đầy đủ với nhà vua. Đức vua lại bảo: *"Hãy đem tội nhân này ném xuống con sông lớn"*

Vị Pháp Quan vâng lệnh ném người ấy xuống sông, nhưng tội nhân ấy chẳng bị nước nhận chìm tựa như có mặt đất che phủ trên nước. Vị Pháp Quan lại đem việc ấy khải tấu với Đại Vương.

Đức vua rất kinh ngạc liền kêu Tội Nhân lên hỏi: *"Ngươi dùng điều gì mà có thể thoát được nạn như vậy?"*

Tội Nhân đáp: *"Tâu Đại Vương! Thần không có cách giải thoát, chỉ nhờ trên Thân có đeo Thần Chú **Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni** thôi"* .

Đức vua nghe xong, lấy làm lạ lùng, khen ngợi vô lượng.

_Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm! Như các việc đã nói như trên, ông có thể biết về sức mạnh của Thần Chú đó, đều nên viết chép đeo giữ trên Thân".

_ Lại bảo Đại Phạm: "Nếu có người muốn đeo Chú này thì nên như Pháp mà viết chép"

Bấy giờ, Đại Phạm bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu muốn viết chép Chú này thì phải làm theo phép tắc nào?"

Đức Phật bảo Đại Phạm: "Trước tiên nên kết Đàn. Ở bốn góc Đàn đều đặt một cái bình chứa đầy nước thơm. Bên trong Đàn vẽ làm hai Hoa Sen, hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 đóa sen. Bốn mặt chung quanh đều tạo râu nhụy hoa sen.

Lại làm một hoa sen hé nở lớn, cuối cọng hoa treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, trên mỗi một cánh hoa làm một cây kích Tam Xoa, trên cuối cọng hoa treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, ở giữa Tâm Hoa làm một cái chày Kim Cương, trên mỗi một cánh hoa cũng làm một cái chày, trên cuối cọng hoa ấy treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, trên mỗi một cánh hoa đều làm một cây búa

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một cây đao, cuối cuống hoa ấy cũng treo lụa đẹp.

Lại vẽ làm một cây kiếm, ở trên vỏ kiếm vẽ hoa, trên cuối cuống hoa ấy cũng treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một vỏ ốc (Loa)

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một sợi dây lớn (Quyến sách)

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một trái châu rực lửa (Hỏa Diễm Châu)

Sau đó đốt hương, rải hoa, dâng thức ăn uống quả trái, mọi loại cúng dường.

_ Nếu có người muốn viết chép, đeo Chú này, cần phải y theo Pháp kết Đàn như vậy, còn phương pháp của Đàn khác chẳng được xen lẫn vào. Sai người viết Chú, trước tiên phải tắm gội sạch sẽ mặc áo mới sạch, ăn 3 loại Bạch Thực là : Sữa, Lạc, cơm gạo tẻ. Không cứ là giấy, lụa, trúc, vải, các vật… mỗi loại đều được phép dùng để viết chép Chú này.

Nếu có phụ nữ cầu sinh con trai thì dùng Ngưu Hoàng viết chép trên tấm lụa. Trước tiên hướng bốn mặt viết Thần Chú này, bên trong vẽ một Đồng Tử có báu Anh Lạc trang nghiêm cái cổ, bàn tay nâng một cái bát bằng vàng chứa đầy châu báu. Lại ở bốn góc đều vẽ một thân Đồng Tử mặc áo giáp.

_ Lại làm mọi loại ẤN cho người đeo Chú này

Nếu Chuyển Luân Vương đeo Chú này, thì ở trong Tâm của Chú vẽ hình **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) với hình **Đế Thích** (Indra). Lại ở bên trên làm mọi loại Phật Ấn, các Thiện Thần Ấn thảy khiến cho đầy đủ. Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Thiên Vương với mọi báu trang nghiêm đều y theo *Bản Phương* (Phương Vị của mỗi Tôn)

Nếu vị Tăng đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ một vị **Kim Cương Thần** (Vajra-dhāra) với mọi báu trang nghiêm. Bên dưới vẽ một vị Tăng chắp tay quỳ thẳng lưng. Vị Kim Cương duỗi bàn tay án trên đỉnh đầu vị Tăng này.

Nếu **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Đại Tự Tại Thiên** (Īśana)

Nếu **Sát Lợi** (Kṣatriya) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ma Hê Thủ La Thiên** (Maheśvara)

Nếu **Tỳ Xá** (Vaiśya) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa)

Nếu **Thủ Đà** (Śūdra) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Chước Yết La Thiên** (Na La Diên Thiên : Nārāyaṇa)

Nếu đồng nam đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Câu Ma La Thiên** (Kumāra)

Nếu đồng nữ đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ba Xà Ba Đề Thiên** (Prajāpati: Sinh Chủ, tên của vị Phạm Thiên)

Từ đây trở lên là nghi tắc của người đeo Chú. Ở trong Tâm của Chú vẽ các Thiên Thần đều có hình trạng thiếu niên có diện mạo vui tươi

_ Nếu có người muốn trì đeo Thần Chú này đều phải mỗi mỗi tự mình y theo Bản Pháp

Nếu phụ nữ mang thai đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ma Ha Ca La Thiên** (Mahā-kāla: Đại Hắc Thiên) với khuôn mặt màu đen

Nếu có người treo Chú này trên cây phướng cao, thì nên ở nơi có địa thế cao dựng một cây phướng cao. Ở trên đầu cây phướng đặt một trái Hỏa Diễm Châu, lại đặt Thần Chú này ở bên trong trái châu ấy thì hết thảy các chướng ngại ác với các bệnh dịch đều được tiêu diệt.

Nếu gặp lúc nắng hạn thì ở trong Tâm của Chú vẽ một con rồng 9 đầu

Nếu lúc mưa quá nhiều cũng vẽ con Rồng 9 đầu này và nên đặt trong nước có Rồng ắt nắng hạn sẽ tuôn mưa, còn lúc mưa quá nhiều sẽ được quang tạnh ngay.

Nếu Thương Nhân đeo Thần Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ hình Thương Chủ với các Thương Chúng đi theo, ắt đều được an vui

Người trì Chú này, tự mình muốn đeo thì ở trong Tâm của Chú vẽ một **Nữ Thiên**, lại ở bên trong vẽ các vì sao (Tinh Thần), mặt trời, mặt trăng.

Nếu Phàm Nhân đeo Chú này thì chỉ nên viết chép Chú này, rồi đeo giữ"

_ Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm! Nếu các người hay như Pháp viết chép , trì đeo thì thường được an vui… Hết thảy việc đã làm đều được thành tựu. Đời này an vui, đời sau sinh lên Trời, hết thảy tội chướng đều được tiêu diệt. Người thường thọ trì luôn được Chư Phật Bồ Tát hộ niệm. Ở trong giấc mộng thường được nhìn thấy Phật, cũng được cả sự tôn kính của mọi người. Ông nên thọ trì khiến cho lưu bố rộng rãi "

Đức Phật nói Kinh này xong thời Đại Phạm Thiên Vương nghe điều Đức Phật đã nói, Tâm rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH TUỲ CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI ĐÀ LA NI THẦN CHÚ
Hết

Các bài Chú Đà La Ni dưới đây đều y theo bản của nhà Minh cf.P.638a

1. **Na Ma tát dát tha nghiệt đa nam** (NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ)
2. **Na mô bột đà đạt ma tăng kỳ biều** (NAMO BUDDHA DHARMA SAṂGHEBHYAḤ)
3. **Án** (OṂ)
4. **Tỳ bổ la nghiệt bệ** (VIPULA GARBHE)
5. **Tỳ mạt lệ xà gia nghiệt bệ** (VIMALE JAYA GARBHE)
6. **Phạt thiệt la thập phộc la nghiệt bệ** (VAJRA-JVALA GARBHE)
7. **Nghiệt để già ha nê** (GATI GAHANE)
8. **Già già na tỳ du đạt nê** (GAGANA VIŚODHANE)
9. **Tát bà bá ba tỳ du đạt nê** (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
10. **Án** (OṂ)
11. **Cù noa phạt để** (GUṆA-VATI)
12. **Già già lị nê** (GAGARINI)
13. **Kỳ lị kỳ lị** (GIRI GIRI)
14. **Già mạt lị** (GAMĀRI)
15. **Già ha già ha** (GAHA GAHA)
16. **Già nghiệt lị, già nghiệt lị** (GARGĀRI GARGĀRI)
17. **Già già lị, già già lị** (GAGARI GAGARI)
18. **Kiềm bà lị. Kiềm bà lị** (GAMBHARI GAMBHARI)
19. **Nghiệt để nghiệt để** (GATI GATI)
20. **Già mạt nê nghiệt lệ** (GAMANI GARE)
21. **Cù lỗ, cù lỗ, cù lỗ ni** (GŪRU GŪRU GŪRUNE)

22. **(Chiết lê lệ) chiết lệ, mâu chiết lệ** (CALE ACALA MUCALE)
23. **Xã duệ, tỳ xã duệ** (JAYE VIJAYE)
24. **Tát bà bà gia tỳ nghiệt đế** (SARVA BHAYA VIGATE)
25. **Nghiệt bà tam bà la nê** (GARBHA SAMBHARANI)
26. **Thi lị, thi lị, mật lị, mật lị, dĩ lị , dĩ lị** (SIRI SIRI_ MIRI MIRI_ GHIRI GHIRI)
27. **Tam mạn đa ca lị sa ni** (SAMANTA AKARṢAṆI)
28. **Tát bà thiết đổ lỗ bát la mạt tha nễ** (SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI)
29. **Lạc xoa, lạc xoa, ma ma** (Tôi tên là…) **tả** (RAKṢA RAKṢA MAMAṢYA)
30. **Tỳ lợi, tỳ lợi, tỳ nghiệt đa la ni** (VIRI VIRI VIGATA AVARAṆI)
31. **Bà gia na xá nê** (BHAYA NĀŚANI)
32. **Tô lị, tô lị** (SURI SURI)
33. **Chất lị, ca mạt lệ** (CILI KAMALE)
34. **Xã duệ** (JAYE)
35. **Vi xã gia, xã gia phộc hê** (VIJAYA JAYA VAHE)
36. **Xã gia phạt để** (JAYA-VATI)
37. **Bạc già phạt để** (BHAGAVATI)
38. **Yết la đát na ma câu tra ma la đạt lị** (RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRI)
39. **Tỳ chất đa la bệ sa lô bi đà lị ni** (VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRAṆI)
40. **Bạc già phạt để, bật địa gia đề tỳ** (BHAGAVATI VIDYA-DEVĪ)
41. **Lạc xoa đổ mạn, ma ma** (Tôi tên là…) **tả** (RAKṢA TUMAM MAMAṢYA)
42. **Tam mạn đa ca la tỳ du đạt nễ** (SAMANTA KĀRA VIŚODHANE)
43. **Hổ lỗ hổ lỗ** (HURU HURU)
44. **Nhạ sát đát la ma la đà lị ni** (NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRIṆI)
45. **Chiên noa, chiên noa, chiên trĩ nễ** (CAṆḌA CAṆḌA CAṆḌINI)
46. **Bệ già phạt để** (VEGA VATI)
47. **Tát bà đột sắt tra nễ phộc la ni** (SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆI)
48. **Thiết đổ lỗ bác xoa bát la mạt địa nễ** (ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI)
49. **Tỳ xá gia bà tứ nễ** (VIJAYA VĀHINI)
50. **Hổ lỗ hổ lỗ** (HURU HURU)
51. **Mẫu lỗ mẫu lỗ** (MURU MURU)
52. **Chủ lỗ chủ lỗ** (CURU CURU)
53. **A dữu ba bát nễ** (ĀYUḤ PĀLANI)
54. **Tô la bà la mạt tha nễ** (SURA VARA MATHANI)
55. **Tát bà đề phạt đa bổ thi đê** (SARVA DEVATĀ PŪJITE)
56. **Địa lị địa lị** (DHIRI DHIRI)
57. **Tam mạn đà bà lô cát đế** (SAMANTA AVALOKITE)
58. **Bát lạp bệ, bát lạp bệ** (PRABHE PRABHE)
59. **Tô bát lạp ba truật đề** (SUPRABHE ŚUDDHE)
60. **Tát bà bả ba tỳ du đạt nễ** (SARVA PĀPA VIŚODHANE)
61. **Đà la, đà la, đà la ni** (DHARA DHARA DHARAṆI)
62. **Bạt la đà lệ** (VARA DHARE)
63. **Tô mẫu tô mẫu** (SUMU SUMU)
64. **Tô mẫu lỗ chiết lệ** (SUMURU CALE)
65. **Chiết lệ giá la gia đột sắt tra** (CALE CALĀYA DUṢṬA)
66. **Bô la gia , a thưởng** (PŪRAYA ĀŚĀṂ)

67. **Thất lị bà bổ đà la xã gia ca mạt lệ** (ŚRĪ VAPUDHANAṂ JAYA KAMALE)

68. **Khí sử ni, khí sử ni** (KṢIṆI KṢIṆI)

69. **Tát bà đề bà đa phộc la đà ưởng câu thi** (SARVA DEVATĀ VARADA AṄKUŚE)

70. **Án** (OṂ)

71. **Bát đầu ma tỳ truật đề** (PADMA VIŚUDDHE)

72. **Du đạt nễ truật đề** (ŚODHANE ŚUDDHE)

73. **Bà la bà la** (BHARA BHARA)

74. **Tỳ lị tỳ lị** (BHIRI BHIRI)

75. **Bộ lỗ bộ lỗ** (BHURU BHURU)

76. **Mộng nghiệp la nhiếp bật đề** (MAṂGALA VIŚUDDHE)

77. **Ba bật đa la mộc khê** (PAVITRA MUKHE)

78. **Sai ca lị** (KHARGARI)

79. **Khư la khư la** (KHARA KHARA)

80. **Thập phộc lật đa thất lệ** (JVALITA ŚIRE)

81. **Tam mạn đa bát la tát lị đa phộc bà tất đa truật đề** (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA ŚUDDHE)

82. **Thập phộc la, thập phộc la, tát bà đề phộc nghiệt nỗ** (JVALA JVALA SARVA DEVA-GAṆA)

83. **Tam ma nghiệt lật sa ni** (SAMA AKARṢAṆI)

84. **Tát để phạt để** (SATYA-VATI)

85. **Đát la đát la** (TĀRA TĀRA)

86. **Ná già tỳ lỗ cát nễ đế** (NĀGA VILOKINITE)

87. **La hổ la hổ** (LAHU LAHU)

88. **Hổ nỗ hổ nỗ** (HUNU HUNU)

89. **Sát ni sát ni** (KṢIṆI KṢIṆI)

90. **Tát bà nghiệt la ha bạc sát ni** (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)

91. **Tân nghiệt lị. Tân nghiệt lị** (PIṂGALI PIṂGALI)

92. **Chủ mẫu, chủ mẫu, tô chủ mẫu** (CUMU CUMU SUCUMU)

93. **Tỳ chiết lệ** (VICALE)

94. **Đát la đát la** (TĀRA TĀRA)

95. **Đa la gia đổ mạn, ma ma** (Tôi tên là…) **tả, ma ha bà gia** (TĀRĀYA TUMAṂ MAMAṢYA MAHĀ-BHAYA)

96. **Tam muội đạt la , sa già la, bát lợi diễn đa, ba bả la, già già na** (SAMUDRA-SĀGARA PRATYANTĀṂ PĀTĀLA GAGANA)

97. **Tam mạn đế na** (SAMANTENA)

98. **Phạt chiết la thập phộc la tỳ truật đề** (VAJRA-JVALA VIŚUDDHE)

99. **Bệ lị bệ lị** (BHURI BHURI)

100. **Nghiệt bà phạt để, nghiệt bà phì du đạt nễ** (GARBHA-VATI_ GARBHA VIŚODHANE)

101. **Câu khí sử tam bổ la ni** (KUKṢI SAPŪRAṆI)

102. **Giả la, giả la, giá lật nễ** (CALA CALA JVALANI)

103. **Bát la phạt lật sa đổ đề ba tam mạn đế na** (PRAVAṢATU DEVA SAMANTENA)

104. **Đạt phiếu du độ kế na** (DIDHYODAKENA)

105. A mật lật đa phạt lật sa ni (AMṚTA VARṢAṆI)

106. **Đề phạt đa a phạt đa la ni** (DEVATĀ AVA DHĀRAṆI)

107. **A tỳ tru giả đổ man** (ABHIṢIṂCA TUMAṂ)
108. **A mật lật đa bà la bà bổ sái** (AMṚTA VARA VAPUṢPE)
109. **Lạc xoa, ma ma** (Tôi tên là….) **tả** (RAKṢA MAMAṢYA)
110. **Tát bạt đát la** (SARVATRĀ)
111. **Tát bạt đà** (SARVADĀ)
112. **Tát bà bà duệ biều** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
113. **Tát bổ ô ba đạt la bệ biều** (SARVA UPADRAVEBHYAḤ)
114. **Tát bổ ô bát tát kỳ biều** (SARVA UPASARGEBHYAḤ)
115. **Tát bà đột sắt tra bà già tệ** (SARVA DUṢṬA-BHAYEBHYAḤ)
116**. Tỳ đát tả** (BHĪTAṢYA)
117. **Tát bà yết lị yết la ha** (SARVA KĀLI KALAHA)
118. **Tát yết la, tỳ phộc đà** (VIGRAHA VIVĀDA)
119. **Đột táp phạp bát na** (DUḤSVAPNĀṂ)
120. **Lật đột nễ mật đa a mang ngải biều** (DURNI MINTA AMAṂGALLYABHYAḤ)
121. **Bả ba tỳ na xả nễ** (PĀPA VINĀŚANI)
122. **Tát bà dược xoa, la sát, nễ bà la ni** (SARVA YAKṢA RAKṢASA NIVĀRAṆI)
123. **Sa la ni tát lệ** (SARAṆI SARE)
124. **Bà la bà la** (BALA BALA)
125. **Bà la phạt để** (BALA-VATI)
126. **Xà gia, xà gia, đổ mạn, ma ma** (Tôi, họ tên…) **tả** (JAYA JAYA TUMAṂ MAMAṢYA)
127. **Tát bát đát la** (SARVATRĀ)
128. **Tát bà ca lam** (SARVA KĀRAṂ)
129. **Tất diện đồ bật địa gia sa đà gia** (SIDDHYANTU VIDYA-SĀDHAYAT)
130. **Tát bà mạn trà la sa đạt nễ** (SARVA MAṆḌALA SĀDHANI)
131**. Xã gia tất đề** (JAYA SIDDHE)
132. **Tất đề, tô tất đề** (SIDDHE SUSIDDHE)
133.**Tất địa gia, tất địa gia** (SIDDHYA SIDDHYA)
134. **Bột địa gia, bột địa gia** (BUDDHYA BUDDHYA)
135. **Bô la ni, bô la ni** (PŪRAṆI PŪRAṆI)
136. **Tát bà bật địa gia địa nghiệt la mộ lật đê** (SARVA VIDYA ADHIGATA MŪRTTE)
137. **Xà du đát lệ** (JAYOTTARI)
138. **Xà gia phạt để** (JAYA-VATI)
139. **Để sắt tra, để sắt tra** (TIṢṬA TIṢṬA)
140. **Tam ma gia ma nô ba lại gia** (SAMAYAM ANUPĀLAYA)
141. **Đát tha nghiệt đa truật đề** (TATHĀGATA ŚUDDHE)
142. **Tỳ gia bà lô ca gia đổ man, ma ma** (Tôi tên là…) **ta** (VYĀVALOKAYA TUMAṂ MAMAṢYA)
143. **A sắt tra hật hiệt lam ma ha bà gia đà lỗ ni** (AṢṬA BHIRI MAHĀ-BHAYA DĀRUṆI)
144. **Tát la tát la** (SARA SARA)
145. **Bát la tát la, bát la tát la** (PRASARA PRASARA)
146. **Tát bà phộc la noa tỳ du đạt nễ** (SARVA AVĀRAṆA VIŚODHANE)
147. **Tam mạn đa ca la mạn trà la truật đề** (SAMANTA KĀRA MAṆḌALA ŚUDDHE)

148. **Tỳ nghiệt đế, tỳ nghiệt đế** (VIGATE VIGATE)
149. **Tỳ nghiệt đa mạt lị đạt nễ** (VIGATA VARDHANI)
150. **Khí ni, khí ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
151. **Tát bà bả ba tỳ truật đề** (SARVA PĀPA VIŚUDDHE)
152. **Mạt la tỳ truật đề** (MĀRA VIŚUDDHE)
153. **Đế xã phạt để phạt chiết la phạt để** (TEJA-VATI VAJRA-VATI)
154. **Trất lệ lô ca địa sắt xỉ đế, sa ha** (TRAILOKYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
155. **Tát bà đát tha nghiệt đa mộ la đà tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA TATHĀGATA MURDHA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
156. **Tát bà bồ đề tát đỏa tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
157. **Tát bà đề phạt đa tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
158. **Tát bà đát tha nghiệt đa hiệt lị đà gia, địa sắt xỉ đế, sa ha** (SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
159. **Tát bà đát tha nghiệt đa tam muội gia tất đề, sa ha** (SARVA TATHĀGATA-SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ)
160. **Ấn điệt lệ, ấn đà la phạt để, ấn đà la biều bà lô cát đế, sa ha** (INDRE INDRA-VATI INDRA VYĀVALOKITE SVĀHĀ)
161. **Bột la hê mê, bột la hê mê, bột la ha ma địa du sắt đế, sa ha** (BRAHME BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE SVĀHĀ)
162. **Tỵ sắt nỗ na ma tất cát lật đế, sa ha** (VIṢṆU NAMASKṚTE SVĀHĀ)
163. **Ma hê thấp phộc la na ma tất cát lật đế, sa ha** (MAHEŚVARA NAMASKṚTE SVĀHĀ)
164. **Phạt chiết la đạt la, phạt chiết la bả ni, ba la phì lị gia địa sắt xỉ đế, sa ha** (VAJRA-DHĀRA VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
165. **Điệt lị để tra sắt tra la gia, sa ha** (DHṚTA-RĀṢṬRĀYA SVĀHĀ)
166. **Tỳ lô trạch ca gia, sa ha** (VIRŪḌHAKĀYA SVĀHĀ)
167. **Tỳ lô bác xoa gia, sa ha** (VIRŪPĀKṢĀYA SVĀHĀ)
168. **Bùi thất la hạt noa gia, sa ha** (VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ)
169. **Chiết đốt ma ha la xà na ma tất cát lị đa gia, sa ha** (CATUR-MAHĀ-RĀJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)
170. **Bà lô noa gia, sa ha** (VARUṆĀYA SVĀHĀ)
171. **Diêm ma bố xà, na ma tất cát lị đa gia, sa ha** (YAMA PŪJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)
172. **Phộc lỗ noa gia, sa ha** (VARUṆĀYA SVĀHĀ)
173. **Ná già tỳ lỗ chỉ đa gia, sa ha** (NĀGA-VILOKITĀYA SVĀHĀ)
174. **Đề bà nghiệt nễ biều, sa ha** (DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
175. **Ná già nghiệt nễ biều, sa ha** (NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
176. **Dược xoa nghiệt nễ biều, sa ha** (YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
177. **Kiền đạt bà nghiệt nễ biều, sa ha** (GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
178. **A tô la nghiệt nễ biều, sa ha** (ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
179. **Bà lỗ trà nghiệt nễ biều , sa ha** (GARUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
180. **Khẩn na la nghiệt nễ biều, sa ha** (KIṂNARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
181. **Ma hô la già nghiệt nễ biều, sa ha** (MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)
182. **La sát sa nghiệt nễ biều, sa ha** (RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

183. **Ma nô sái biều, sa ha** (MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)
184. **A ma nô sái biều, sa ha** (AMANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)
185. **Tát bà nghiệt lạc hê biều, sa ha** (SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)
186. **Tát bà bồ đế biều, sa ha** (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ)
187. **Bế lệ đế biều, sa ha** (PRETEBHYAḤ SVĀHĀ)
188. **Tất xá chế biều, sa ha** (PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ)
189. **A bát tát ma lệ biều, sa ha** (APASMĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
190. **Cam bàn trệ biều, sa ha** (KUMBHĀṆḌEBHYAḤ SVĀHĀ)
191. **Án, đổ lỗ đổ lỗ, sa ha** (OṂ_ DHURU DHURU SVĀHĀ)
192. **Án, đô lỗ đô lỗ, sa ha** (OṂ_ TURU TURU SVĀHĀ)
193. **Án, mẫu lỗ mẫu lỗ, sa ha** (OṂ_ MURU MURU SVĀHĀ)
194. **Ha na ha na tát bà thiết đổ lỗ nam, ma ma** (Tôi tên là…) **tả, sa ha** (HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀṂ MAMAṢYA SVĀHĀ)
195. **Đà ha đà ha tát bà đột sắt tra , bát la đột sắt tra, ma ma** (Tôi tên là…) **tả, sa ha** (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA MAMAṢYA SVĀHĀ)
196. **Bát giả bát giả tát bà bát lật để thiết lam, bát lạt để mật đa la, ma ma** (Tôi tên là…) **tả, sa ha** (PACA PACA SARVA PRATYATHIKA PRATYĀMITRANĀṂ MAMAṢYA SVĀHĀ)
197. **Thập phộc lật đa gia, sa ha** (JVALITĀYA SVĀHĀ)
198. **Bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)
199. **Chập bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (DĪPTA JVALITĀYA SVĀHĀ)
200. **Tam mạn đa bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (SAMANTA PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)
201. **Ma ni bạt đạt la gia, sa ha** (MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ)
202. **Bố lật noa bạt đà la già, sa ha** (PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ)
203. **Ma ha ca la gia, sa ha** (MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ)
204. **Ma để lị già noa gia, sa ha** (MĀTṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ)
205. **Dược khí ni nam, sa ha** (YAKṢAṆĪNĀṂ SVĀHĀ)
206. **La sát tử nam, sa ha** (RĀKSASĪNĀṂ SVĀHĀ)
207. **A ca xá ma để lị nẫm, sa ha** (ĀKĀŚA-MĀTṚNĀṂ SVĀHĀ)
208. **Tam mộ đà la nễ bà tát la nẫm, sa ha** (SAMUDRA NIVĀSINĪNĀṂ SVĀHĀ)
209. **Hạt la để lị chiết la lam nẫm, sa ha** (RĀTṚ-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
210. **Địa phạt sa chiết la nẫm, sa ha** (DIVASA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
211. **Để lị san địa chiết la nẫm, sa ha** (TRISANTYA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
212. **Bệ la chiết la nẫm, sa ha** (VELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
213. **A bệ la chiết la nẫm, sa ha** (AVELA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
214. **Nghiệt bà chiết lệ biều, sa ha** (GARBHAHĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
215. **Nghiệt bà san đà la ni, hổ lỗ hổ lỗ, sa ha** (GARBHA SANDHĀRAṆI HULU HULU SVĀHĀ)
216. **Án, sa ha** (OṂ SVĀHĀ)
217. **Tát bà bộ, sa ha** (SVĀḤ BHŪḤ SVĀHĀ)
218. **Bộ phộc , sa ha** (BHŪVĀḤ SVĀHĀ)
219. **Bồ lạc bộ phộc, sa ha** (BHŪR-BHŪVĀḤ SVĀHĀ)
220. **Chất trí chất trí, sa ha** (CIṬI CIṬI SVĀHĀ)
221. **Phí trí phí trí, sa ha** (VIṬI VIṬI SVĀHĀ)
222. **Đà la ni, sa ha** (DHĀRAṆĪ SVĀHĀ)
223. **Tỳ la ni, sa ha** (DHIRAṆI SVĀHĀ)

224. **A kỳ nễ, sa ha** (AGNI SVĀHĀ)
225. **Đế thú bà bố, sa ha** (TEJO VĀYU SVĀHĀ)
226. **Chỉ lị chỉ lị, sa ha** (CILI CILI SVĀHĀ)
227. **Nễ lị nễ lị, sa ha** (DILI DILI SVĀHĀ)
228. **Tứ lị tứ lị, sa ha** (HILI HILI SVĀHĀ)
229. **Bột địa gia, bột địa gia, sa ha** (BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ)
230. **Mạn trà la tất đề duệ, sa ha** (MAṆḌALA SIDDHIYE SVĀHĀ)
231. **Mạn trà la bạn đề duệ, sa ha** (MAṆḌALA BANDHEYE SVĀHĀ)
232. **Tư ma bạn đạt nễ, sa ha** (SĪMĀ BANDHANE SVĀHĀ)
233. **Chiêm bà chiêm bà, sa ha** (JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ)
234. **Tất đam bà , tất đam bà, sa ha** (STAMBHA STAMBHA SVĀHĀ)
235. **Sân đà sân đà, sa ha** (CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ)
236. **Tần đà tần đà, sa ha** (BHINDA BHINDA SVĀHĀ)
237. **Bạn đà bạn đà, sa ha** (BANDHA BANDHA SVĀHĀ)
238. **Mâu ha gia, mâu ha gia, sa ha** (MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ)
239. **Ma ni tỳ truật đề, sa ha** (MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ)
240. **Tố lật duệ, tố lật duệ, Tô lị gia tỳ truật đề, sa ha** (SŪRYE SŪRYE SŪRYA VIŚUDDHE SVĀHĀ)
241. **Chiến điệt lệ, tô chiến điệt lệ, bố lật noa chiến điệt lệ, sa ha** (CANDRE SUCANDRE PŪRṆA-CANDRE SVĀHĀ)
242. **Nhạ sát đát la gia, sa ha** (NAKṢATRĀYA SVĀHĀ)
243. **Thấp phệ, sa ha** (ŚIVE SVĀHĀ)
244. **Phiến để duệ, sa ha** (ŚĀNTIYE SVĀHĀ)
245. **Tô phạt tất để nễ, sa ha** (SVASTYA YANE SVĀHĀ)
246. **Thủy phạm yết, Phiến dạ yết, Bố sắt trí phạt lật đà nễ, sa ha** (ŚIVAṂ KĀRI_ ŚĀNTI KĀRI_ PUṢṬI VARDHANI SVĀHĀ)
247. **Thất lị yết lị, sa ha** (ŚRĪ KĀRI SVĀHĀ)
248. **Thất lị gia phạt lật đà nễ, sa ha** (ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ)
249. **Thất lị gia thập phộc la nễ, sa ha** (ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ)
250. **Na mâu chi, sa ha** (NAMUCI SVĀHĀ)
251. **Ma lỗ chi, sa ha** (MARUCI SVÀHÀ)
252. **Bệ già phạt để, sa ha** (VEGA VATI SVĀHĀ)

_Nhất thiết Phật Tâm Chú:

1. **Án** (OṂ)
2. **Tát bà đát tha nghiệt đa mô lật đế** (SARVA TATHĀGATA-MŪRTTE)
3. **Bát lạt phộc la nghiệt đa bà duệ** (PRAVARA GATA BHAYE)
4. **Xá ma đổ diễn, ma ma** (Tôi tên là….) **tả, tát bà bà bế biều** (ŚAMAYA TUMAṂ MAMAṢYA _ SARVA PĀPEBHYAḤ)
5. **Tát bà bà duệ biều** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
6. **Sa tất để hạt la bà phạt đổ** (SVĀSTIRBHAVATU)
7. **Mâu chi mâu chi** (MUṆI MUṆI)
8. **Tỳ mâu chi** (VIMUṆI)
9. **Chiết lị chiết la nễ nghiệt đế** (CALE CALANE GATE)
10. **Bà gia ha la nễ** (BHAYA HĀRAṆI)
11. **Bộ địa bộ địa** (BODHI BODHI)
12. **Bộ đà gia, bộ đà gia** (BODHIYA BODHIYA)
13. **Bột địa lị, bột địa lị** (BUDHILI BUDHILI)

14. **Tát bà đát tha nghiệt đa tứ lị đà gia** (SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA)
15. **Thụ sắt lai** (JUṢṬAI)
16. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Nhất Thiết Như Lai Phật Tâm Ấn Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **Phạt thiệt la phạt để** (VAJRA-VATI)
3. **Phạt thiệt la bát lạt để sắt xỉ đế truật đề** (VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE)
4. **Đát tha nghiệt đa mộ đà la** (TATHĀGATA-MUDRA)
5. **Địa sắt xá na, địa sắt xỉ đế, sa ha** (ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)

_Quán Đỉnh Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **Mẫu nễ, mẫu nễ, mẫu nễ phạt lệ** (MUṆI MUṆI MUṆI VARE)
3. **A tỳ tru giả đổ mê** (ABHIṢIṂCA TUME)
4. **Tát bà đát tha nghiệt đa mạn, ma ma** (Tôi tên là…) **tả** (SARVA TATHĀGATĀNĀṂ MAMAṢYA)
5. **Tát bà bật địa gia tỳ sái kê** (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)
6. **Ma ha phạt chiết la ca phạt giá, mộ đà la mộ địa lị đế** (MAHĀ-VAJRA KAVACA-MUDRA MUDRITEḤ)
7. **Đát tha nghiệt đa tứ lị đà gia** (TATHĀGATA-HṚDAYA)
8. **Địa sắt xỉ đa phạt chiết lệ, sa ha** (ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ)

_Quán Đỉnh Ấn Chú
1. **Án** (OṂ)
2. **A mật lật đa** (AMṚTA)
3. **Phạt lệ phộc la phộc la** (VARE VARA VARA)
4. **Bát la phộc la** (PRAVARA)
5. **Tỳ truật đề** (VIŚUDDHE)
6. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
7. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
8. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Kết Giới Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **A mật lật đa tra lô yết nễ** (AMṚTA VILOKINI)
3. **Nghiệt bà lạc sát ni** (GARBHA RAKṢAṆI)
4. **A nghiệt lật sa ni** (AKARṢAṆI)
5. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
6. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_Phật Tâm Chú:
1. **Án** (OṂ)
2. **Tỳ ma le** (VIMALE)
3. **Xà gia phạt đế** (JAYA-VATI)
4. **A mật lật đế** (AMṚTE)
5. **Hàm hàm hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ)

6. **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVĀHĀ)

_*Tâm Trung Tâm Chú:*
1. **Án** (OṂ)
2. **Tô lỗ tô lỗ** (SURU SURU)
3. **Bạt la bạt la** (BHARA BHARA)
4. **Tam bạt la, tam bạt la, ấn niết lị gia** (SAṂBHARA SAṂBHARA INDRIYA)
5. **Tỳ dụ đạt nễ** (VIŚODHANE)
6. **Hàm hàm** (HŪṂ HŪṂ)
7. **Lỗ lô giá lệ** (RURU CALE)
8. **Ca lỗ giá lệ, sa ha** (KURU CALE SVĀHĀ)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 26/08/2011



Mật Tạng Bộ 3_ No.1155 (Tr.644_ Tr. 649)

KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ TỐI THẮNG BÍ MẬT THÀNH PHẬT TÙY CẦU TỨC ĐẮC THẦN BIẾN GIA TRÌ THÀNH TỰU ĐÀ LA NI NGHI QUỸ

Hán dịch: Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ **Diệt Ac Thú Bồ Tát** (Sarva-apāya-jahaḥ) ở trong Đại Tập Hội của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con vì chúng sinh trong nẻo ác của Thế Giới tạp nhiễm thuộc thời Mạt Pháp ngày sau, mà nói **Diệt Tội Thành Phật Đà La Ni**, tu **ba Mật Môn**, chứng **Niệm Phật Tam Muội**, được sinh về Tịnh Thổ. Dùng phương tiện nào để cứu khổ ban vui cho chúng sinh bị tội nặng Con muốn tế độ tất cả chúng sinh đau khổ"

Khi ấy Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: "Đối với chúng sinh không biết ăn năn, không biết xấu hổ, Tà Kiến, buông lung thì không có Pháp tế độ. Lúc sống thì nhận chịu mọi điều khốn ách, lúc chết thì bị rơi vào Địa Ngục **Vô Gián** (Avīci), chẳng được nghe tên của Tam Bảo. Huống chi là chẳng nhìn thấy Phật thì làm sao mà được có lại thân người?!…"

Diệt Ác Thú Bồ Tát lại bạch rằng: "Phương tiện của Đức Như Lai chẳng thể đo lường được, Đức Như Lai có Thần Lực vô tận. Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Pháp bạt khổ bí mật. Đức Phật là cha mẹ của tất cả chúng sinh. Xin hãy vì chúng sinh năm trược mà nói Pháp **Quyết định thành Phật**"

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: "Ta có Pháp bí mật, là điều hiếm có trên đời, là Pháp tối thắng bậc nhất để **diệt tội thành Phật**. Pháp ấy tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**.

Nếu có người mới nghe qua **Đề Danh** (tên đầu đề) của Chân Ngôn này, hoặc tụng Đề Danh thì người gần gũi với người tụng Đề Danh, hoặc cùng ở một nơi thì người đấy đều được tất cả hàng Thiên Ma, Quỷ ác, tất cả Thiện Thần Vương đi đến ủng hộ. Giả sử người đó ăn ngũ tân, giết hại cá, dâm dục với chị em gái, hoặc tất cả súc sinh nữ thì các **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) cũng chẳng thể gây chướng ngại mà đều tùy thuận, ngày đêm thủ hộ, dứt trừ tai nạn khiến được an ổn, huống chi là tự mình niệm tụng.

Nếu tụng đầy đủ thì tất cả tội nặng đều được tiêu diệt, được vô lượng Phước Đức. Khi chết ắt sinh về **Thế Giới Cực Lạc** (Sukha-vatī). Tuy đã gây ra tội cực nặng cũng chẳng bị đọa vào Địa Ngục. Nếu giết hại cha mẹ, giết **A La Hán** (Arahat), phá sự hòa hợp của chư Tăng, làm cho thân Phật chảy máu, thiêu đốt Kinh Tượng, làm ô uế chốn **Già Lam** (Saṃghārāma), chê bai mọi người, khinh chê các lời dạy, khen mình chê người. Dù đã gây ra các tội như vậy vẫn quyết định sinh về cõi Cực Lạc, tự được **Thượng Phẩm**, tự hóa sinh trong hoa sen chẳng còn sinh trong bào thai. Có điều người mau thành Phật vì trước kia từng nghe Chân Ngôn này, người chậm thành Phật vì đời đời chẳng được nghe Chân Ngôn này.

Nếu người Nam, người Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ trì Đề Danh của Chân Ngôn này sẽ được an vui, không có các bệnh tật, sắc tướng đầy đủ sự rực rỡ, viên mãn cát tường, đều được thành tựu tất cả **Chân Ngôn Pháp**.

Nếu đem Đề Danh của Chân Ngôn này, hoặc 1 chữ, 2 chữ cho đến 10 chữ. Hoặc đem 1 câu, 2 câu cho đến 10 câu cùng một biến của Chân Ngôn để vào trong ngọc, vàng, bạc, lưu ly rồi đội trên đỉnh đầu thì người ấy tuy chưa vào Đàn liền thành người đã vào tất cả Đàn, thành kẻ **Đồng Hạnh** với người đã vào Đàn, ngang bằng với chư

Phật không có sai khác, chẳng gặp mộng ác, tội nặng được tiêu diệt. Nếu kẻ có Tâm ác hướng tới người ấy thì cũng chẳng làm hại được, tất cả việc đã làm đều thành tựu.

Đức Phật nói **Phổ Biến Diễm Man Thanh Tĩnh Xí Thịnh Tư Duy Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Tổng Trì Đại Tùy Cầu Đà La Ni**:

Nẵng mạc tát phộc đát tha nghiệt đá nam (Quy mệnh nghiệp Thân Khẩu Ý của Tỳ Lô Giá Na Phật tràn đầy khắp hư không diễn nói Giáo thâm sâu của **Kim Cương Nhất Thừa** thuộc ba Mật Môn của Như Lai)

[NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ]

Nẵng mô nẵng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đát-phộc tỳ-dược (Quy mệnh Tâm Bản Giác, Pháp Thân Thường Trụ, đài sen Tâm của Pháp màu nhiệm, Đức của *ba Thân* trang nghiêm xưa nay, trụ Tâm của 37 Tôn thành các Tam Muội nhiều như số bụi nhỏ của Phổ Môn, **Pháp Nhiên** của *Nhân Quả* với *xa lìa Nhân Quả*, đầy đủ vô biên gốc của biển Đức, viên mãn quay trở lại chư Phật của Tâm mà Con đỉnh lễ)

[NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ]

Một đà đạt ma tăng kỳ tỳ-dược (Nam mô Diệt Ác Thú Bồ Tát, Bậc cứu khổ ban vui cho Hữu Tình trong ba đường và khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa khổ được vui)

[BUDDHA DHARMA SAṂGHEBHYAḤ]

Đát nhĩ-dã tha (Lời ấy nói rằng)

[TADYATHĀ]

[OṂ VIPULA GARBHE]

Vĩ bổ la vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh diệt tội)

[VIPULA VIMALE]

Nhạ dã nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh ban cho báu Như Ý)

[JAYA GARBHE]

Phộc nhật-la nhập-phộc la nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh đoạn trừ phiền não)

[VAJRA JVALA GARBHE]

Nga để nga ha ninh (Tất cả chúng sinh thành tựu sự mong cầu)

[GATI GAHANE]

Nga nga nẵng vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh Từ Bi che chở giúp đỡ)

[GAGANA VIŚODHANE]

Án, tát phộc bá bả vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh trong Thế Giới không có Phật Từ Bi che chở giúp đỡ)

[OṂ SARVA PĀPA VIŚODHANE]

Án, ngu lỗ noa phộc để nga nga lị ni (Tất cả chúng sinh cắt đứt sự khổ sinh trong Thai)

[OṂ GUṆA-VATI GAGARIṆI]

Nghĩ lị, nghĩ lị nghiêm ma lị nghiêm ma lị (Tất cả chúng sinh ban cho thức ăn uống)

[GIRI GIRI GAMĀRI GAMĀRI]

Ngược hạ ngược hạ (Tất cả chúng sinh ban cho quần áo)

[GAHA GAHA]

Nghiệt nga lị nghiệt nga lị (Tất cả chúng sinh khiến cho mãn ***Chúng sinh Ba La Mật***)

[GARGĀRI GARGĀRI]

Nghiêm ba lị nghiêm ba lị (Tất cả chúng sinh mãn ***Nhẫn Nhục Ba La Mật***)

[GAMBHARI GAMBHARI]

Nga để nga để nga ma nãnh nga lệ (Tất cả chúng sinh mãn ***Tinh Tiến Ba La Mật***)
[GATI GATI GAMANA GARE]
Ngu lỗ ngu lỗ ni (Tất cả chúng sinh mãn ***Thiền Ba La Mật***)
[GŪRU GŪRUṆE]
Tả lê, a tả lê (Tất cả chúng sinh mãn ***Tuệ Ba La Mật***)
[CALE ACALE]
Mẫu tả lê, nhạ duệ vĩ nhạ duệ (Tất cả chúng sinh mãn ***Phương Tiện Ba La Mật***)
[MUCALE JAYE VIJAYE]
Tát phộc bà dã vĩ nga đế nghiệt bà tam bà la ni (Tất cả chúng sinh mãn ***Nguyện Ba La Mật***)
[SARVA BHAYA VIGATE GARBHA SAMBHARAṆI]
Tất lị tất lị nhĩ lị kỳ lị kỳ lị tam mãn đá ca la-sái ni (Tất cả chúng sinh mãn ***Lực Ba La Mật***)
[SIRI SIRI MIRI GHIRI GHIRI SAMANTA AKARṢAṆI]
Tát phộc thiết đốt-lỗ bát-la mạt tha nãnh (Tất cả chúng sinh mãn ***Trí Ba La Mật***)
[SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI]
La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
[RAKṢA RAKṢA]
Ma ma (Cứu cánh)
[MAMA]
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa oán)
[SARVA SATVĀNĀṂCA]
Vĩ lị vĩ lị vĩ nga đá phộc la noa ba dã nẵng xả nãnh (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tham Dục)
[VIRI VIRI VIGATA AVARAṆI BHAYA NĀŚANI]
Tô lị tô lị tức lị kiếm ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tâm ngu si)
[SURI SURI CILI KAMALE]
Vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về ăn uống)
[VIMALE]
Nhạ duệ nhạ dã phộc hề nhạ dạ (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về nước)
[JAYE JAYAVAHE JAYA]
Phộc để bà nga phộc để (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về lửa)
[VATI BHAGAVATI]
La đát-nẵng ma củ tra ma la đà lị ni, phộc hộ, vĩ vĩ đà, tức đát-la (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa sự sợ hãi về giặc cướp binh lính)
[RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRAṆĪ BAHU VIVIDHA CITRA]
Phệ sái, lỗ bả, đà lị, bà nga phộc để, ma hạ vĩ nhĩ-dã nễ vĩ (Tất cả chúng sinh an ổn thân tâm)
[VEṢA RŪPA DHĀRI BHAGAVATI MAHĀ-VIDYA-DEVĪ]
La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
[RAKṢA RAKṢA]
Ma ma (Cứu cánh)
[MAMA]
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh, cha mẹ đời quá khứ khiến cho thành Phật)

[SARVA SATVĀNĀṂCA]
Tam mãn đá tát phộc đát-la (Tất cả chúng sinh, cha mẹ trong 7 đời khiến cho thành Phật)
[SAMANTA SARVATRĀ]
Tát phộc bá bả vĩ thú đà nãnh (Tất cả chúng sinh, cha mẹ vĩnh viễn cắt đứt sự khổ về sinh tử)
[SARVA PĀPA VIŚODHANE]
Hộ lỗ hộ lỗ (Tất cả chúng sinh, cha mẹ được trường thọ)
[HURU HURU]
Nặc khất-sái đát-la (Tất cả chúng sinh không có bệnh hoạn)
[NAKṢATRA]
Ma la, đà lị ni (Tất cả chúng sinh khiến cho phát Tâm Bồ Đề)
[MĀLĀ DHĀRAṆĪ]
La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
[RAKṢA RAKṢA]
Hàm (Quyết định)
[MĀṂ]
Ma ma (Cứu cánh)
[MAMA]
A nẵng tha tả đát-la noa bả la dã noa tả (Diệt tội sát sinh)
[ĀNATHAṢYA ATRAṆA PARĀYANAṢYA]
Bả lị mô tả, dã minh, tát phộc nậu khế tỳ-dược, tán ni (Diệt tội trộm cắp)
[PARIMOCA YĀME SARVA DUḤKHEBHYAḤ CAṆḌI]
Tán ni, tán ni nãnh, phệ nga phộc để (Diệt tội Dâm Dục)
[CAṆḌI CAṆḌINI VEGA-VATI]
Tát phộc nột sắt-tra, nãnh phộc la ni, thiết đốt-lỗ, bạc khất-sái, bát-la mạt tha nãnh, vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh (Diệt tội nói dối)
[SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆI ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI VIJAYA VĀHANI]
Hộ lỗ hộ lỗ (Diệt tội buôn bán rượu)
[HURU HURU]
Tổ lỗ tổ lỗ (Diệt tội khen mình chê người)
[CURU CURU]
A dục bá la nãnh tô la phộc la mạt tha nãnh (Diệt tội tham lam keo kiệt)
[ĀYUḤ PĀLANI SURA VARA MATHANI]
Tát phộc nễ phộc đá bố tư đế (Diệt tội giận dữ)
[SARVA DEVATĀ PŪJITE]
Địa lị địa lị (Diệt tội phỉ báng)
[DHIRI DHIRI]
Tam mãn đá phộc lộ chỉ đế (Diệt tội uống rượu)
[SAMANTA AVALOKITE]
Bát-la bệ bát-la bệ [Diệt tội ăn Ngũ Tân (Hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ)]
[PRABHE PRABHE]
Tố bát-la bà vĩ thuấn đệ (Diệt tội hại chim cá để ăn thịt)
[SUPRABHA VIŚUDDHE]
Tát phộc bá bả vĩ thú đà ninh (Diệt tội Phá Giới, làm cho đầy đủ Giới)
[SARVA PĀPA VIŚODHANE]
Đạt la, đạt la, đạt la ni, đạt la, đạt lệ (Diệt tội chẳng dậy dỗ)
[DHARA DHARA DHARAṆI_ DHARA DHARE]

Tô mẫu tô mẫu [Diệt tội của ***ba Độc*** (Tham, Sân, Si)]
[SUMU SUMU]
Lỗ lỗ tả lê [Diệt tội của ***ba Lậu*** (Dục Lậu, Hữu Lậu, Vô Minh Lậu)]
[RURU CALE]
Tá la dã, nộ sắt-thiêm, bố la dã [Diệt tội của **ba điều không thật** (Nhân Thành Giả, Tương Tục Giả, Tương Đãi Giả)]
[CALĀYA DUṢṬAM PŪRAYA]
Minh a thiêm [Diệt tội của ***ba Hữu*** (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới)]
[ME ĀŚĀṂ]
Thất-lị phộc bổ đà nan nhạ dã kiếm ma lê [Diệt tội của ***bốn Thức Trụ*** (Sắc Thức Trụ, Thọ Thức Trụ, Tưởng Thức Trụ, Hành Thức Trụ)]
[ŚRĪ VAPUDHANAṂ JAYA KAMALE]
Khất-sử ni, khất-sử ni [Diệt tội của ***bốn giòng chảy*** (tứ Lưu: Kiến Lưu, Dục Lưu, Hữu Lưu, Vô Minh Lưu)]
[KṢIṆI KṢIṆI]
Phộc la nễ phộc la năng củ thế [Diệt tội của ***bốn sự chọn lấy*** (tứ Thủ: Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, Ngã Ngữ Thủ)]
[VARADE VARADA AṄKUŚE]
Án bát nạp-ma vĩ thuấn đe [Diệt tội của ***bốn Báo*** (hiện báo, sinh báo, hậu báo, vô báo)]
[OṂ PADMA VIŚUDDHE]
Thú đà dã, thú đà dã, vĩ thuấn đệ [Diệt tội của ***bốn Duyên*** (Nhân Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Tăng Thượng Duyên)]
[ŚODHAYA ŚODHAYA VIŚUDDHE]
Bả la bả la [Diệt tội của ***bốn Đại*** (đất, nước gió, lửa)]
[BHARA BHARA]
Tị lị tị lị [Diệt tội của ***bốn sự cột trói*** (tứ Phộc: Dục Ai Thân Phộc, Sân Khuể Thân Phộc, Giới Đạo Thân Phộc, Thân Kiến Thân Phộc)]
[BHIRI BHIRI]
Bộ lỗ bộ lỗ [Diệt tội của ***bốn cách ăn*** (tứ Thực: Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực)]
[BHURU BHURU]
Mộng nga la vĩ thuấn đệ [Diệt tội của ***bốn cách Sinh*** (tứ sinh: Noãn Sinh, Thai Sinh, Thấp Sinh, Hoá Sinh)]
[MAṂGALA VIŚUDDHE]
Bả vĩ đát-la mục khí [Diệt tội của ***năm Trụ Địa*** (Kiến Nhất Thiết Trụ Địa, Dục Ai Trụ Địa, Sắc Ai Trụ Địa, Hữu Ai Trụ Địa)]
[PAVITRA MUKHE]
Khát nghĩ ni, khát nghĩ ni [Diệt tội của ***năm Thọ Căn*** (khổ, yêu thích, lo, vui vẻ, buông bỏ)]
[KHARGAṆI KHARGAṆI]
Khứ la khứ la [Diệt tội của ***năm sự che lấp*** (ngũ Cái: Tham Dục Cái, Sân Khuể Cái, Hôn Miên Cái, Trạo Cử Ac Tác Cái, Nghi Cái)]
[KHARA KHARA]
Nhập-phộc lị đa thủy lệ (Diệt tội của ***năm loại kiên cố***)
[JVALITA ŚIRE]
Tam mãn đa bát-la sa lị đá [Diệt tội của ***năm Kiến*** (Thân Kiến, Biên Chấp Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến)]
[SAMANTA PRASARITA]

Phộc bà tất đa thuấn đệ [Diệt tội của ***năm Tâm*** (Suất Nhĩ Tâm, Tầm Cầu Tâm, Quyết Định Tâm, Nhiễm Tịnh Tâm, Đẳng Lưu Tâm)]

[AVABHAṢITA ŚUDDHE]

Nhập-phộc la, nhập-phộc la (Diệt tội của ***Vân Tình Căn***)

[JVALA JVALA]

Tát phộc nễ phộc nga noa [Diệt tội của **sáu Thức** (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức)]

[SARVA DEVA-GAṆA]

Tam ma ca la-sái ni [Diệt tội của ***sáu Tướng*** (Tổng Tướng, Biệt Tướng, Đồng Tướng, Dị Tướng, Thành Tướng, Hoại Tướng)]

[SAMA AKARṢAṆI]

Tát để-dã phộc đế [Diệt tội của ***sáu Ái*** (sáu sự yêu thương được sinh ra khi sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần)]

[SATYA-VATI]

Đa la [Diệt tội của ***sáu Hạnh*** (Thập Tín Hạnh, Thập Trụ Hạnh, Thập Hành Hạnh, Thập Hồi Hướng Hạnh, Thập Địa Hạnh, Đẳng Giác Hạnh)]

[TĀRA]

Đá la dã hàm (Diệt tội của ***sáu Ái***)

[TĀRĀYA MAṂ]

Nẵng nga vĩ lộ chỉ đế la hộ la hộ (Diệt tội của ***sáu điều nghi ngờ***)

[NĀGA-VILOKITE LAHU LAHU]

Hộ nỗ hộ nỗ [Diệt tội của ***bảy Lậu*** (Kiến Lậu, Tu Lậu, Căn Lậu, Ac Lậu, Thân Cận Lậu, Thọ Lậu, Niệm Lậu)]

[HUNU HUNU]

Khất-sử ni, khất-sử ni (Diệt tội của ***bảy điều nghĩ định***)

[KṢIṆI KṢIṆI]

Tát phộc ngật-la hạ bạc khất-sái ni [Diệt tội của ***tám Đáo*** (Đất mà tám phương đã đến tức bốn phương bốn góc)]

[SARVA GRAHA BHAKṢAṆI]

Băng nghiệt lị, băng nghiệt lị [Diệt tội của **tám nỗi Khổ** (Sinh Khổ, Lão Khổ, Bệnh Khổ, Tử Khổ, Ai Biệt Ly Khổ, Oán Tăng Hội Khổ, Cầu Bất Đắc Khổ, Ngũ Am Thịnh Khổ)]

[PIṂGALI PIṂGALI]

Tổ mẫu tổ mẫu, tố mẫu tố mẫu {Diệt tội của ***tám loại vọng tưởng*** (bát cấu: Niệm Phiền Não, Bất Niệm Phiền Não, Niệm Bất Niệm Phiền Não, Ngã Phiền Não, Ngã Sở Phiền Não, Tự Tính Phiền Não, Sai Biệt Phiền Não, Nhiếp Thọ Phiền Não)]

[CUMU CUMU_ SUMU SUMU]

Tố vĩ tả lệ (Diệt tội của ***chín ách nạn ngang trái***)

[CUVI CARE]

Đa la đa la, nẵng nga vĩ lộ chỉ nãnh (Diệt tội của ***chín điều sửa trị***)

[TĀRA TĀRA NĀGA-VILOKINA]

Đá la dã đổ hàm (Diệt tội của ***chín Thượng Duyên***)

[TĀRĀYA TUMAṂ]

Bà nga phộc đế (Diệt tội của ***mười loại Phiền Não***)

[BHAGAVATI]

A sắt-tra ma ha đát lỗ ná bà duệ tỳ-dược (Diệt tội của ***mười sự cột trói***)

[AṢṬA MAHĀ-DĀRUṆE BHAYEBHYAḤ]

Tam mẫu nại-la sa nga la (Diệt tội của ***mười một Biến Sử***)

[SAMUDRA SĀGARA]

Bát lị-diễn đảm (Diệt tội của ***mười sáu Tri Kiến***)
[PRATYANTĀṂ]
Bá đá la nga nga nẵng đát lam (Diệt tội của ***mười tám Giới***)
[PĀTĀLA GAGANA TALAṂ]
Tát phộc đát-la tam mãn đế nẵng (25 Ngã)
[SARVATRĀ SAMANTENA]
Trị xả mãn đệ nẵng phộc nhật-la bát-la ca la (60 Cánh)
[DIŚA BANDHENA VAJRA PRĀKĀRA]
Phộc nhật-la bá xả, mãn đản nịnh nẵng (Kiến đế tư duy 98 Sử 108 Phiền Não)
[VAJRA PĀŚA BANDHANE]
Phộc nhật-la nhập-phộc la vĩ thuấn đệ (Hai ***Tuệ Minh***, ba ***Tân Lãng***)
[VAJRA JVALA VIŚUDDHE]
Bộ lị bộ li (Quảng Tứ Đẳng Tâm = Tâm của 4 nhóm rộng rãi)
[BHURI BHURI]
Nghiệt bệ phộc để (20 Trụ Diệp)
[GARBHE-VATI]
Nghiệt bà vĩ thú đà nãnh (Diệt 4 nẻo Ác, được 4 Vô úy)
[GARBHA VIŚODHANE]
Cộc khất-sử tam bố la ni (Hoá độ ***năm đường***:Địa Ngục, quỷ đói, súc sinh, người, Trời)
[KUKṂI SAṂPŪRAṆI]
Nhập-phộc la, nhập-phộc la (hộ vệ ***năm Căn***: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân)
[JVALA JVALA]
Tả la tả la (Tịnh ***năm loại mắt***: Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Tuệ Nhãn, Pháp Nhãn, Phật Nhãn)
[CALA CALA]
Nhập-phộc lị nãnh (Thành ***năm Phần***)
[JVALINI]
Bát-la vạt sái đổ nễ phộc (Đầy đủ ***sáu Thần Thông***)
[PRAVAṢATU DEVA]
Tam mãn đế nẵng (Mãn túc Nghiệp của ***sáu Độ*** :Bố Thí Độ, Trì Giới Độ, Nhẫn Nhục Độ, Tinh Tiến Độ, Thiền Định Độ, Trí Tuệ Độ)
[SAMANTENA]
Nễ nhĩ-dữu ná kế nẵng (Chẳng sáu Trần mê hoặc)
[DIDHYODAKENA]
A mật-lật đa phộc la-sái ni [Thường hành ***sáu Diệu Hạnh*** (đồng với sáu Hạnh Quán)]
[AMṚTA VARṢAṆI]
Nễ phộc đá phộc đá la ni (Đời đời kiếp kiếp ngồi trên bảy đoá hoa trong sạch)
[DEVA DEVA DHĀRAṆI]
A tị săn tả, đổ minh, tô nga đa, phộc la, phộc tả nẵng (8 loại nước tẩy rửa bụi trần)
[ABHIṢIṂCA TUME SUGATA VARA VACANA]
A mật lật đa, phộc la, phộc bổ sái (Đầy đủ ***9 Đoạn Trí***)
[AMṚTA VARA VAPUṢPE]
La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
[RAKṢA RAKṢA]
Ma ma (Cứu cánh)
[MAMA]

Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Thành ***Hạ Địa Hạnh***)
[SARVA SATVĀNĀṂCA]
Tát phộc đát-la tát phộc ná (***11 Không Giải***, thường dùng để trụ Tâm Tự Tại)
SARVATRĀ SARVADĀ
Tát phộc bà duệ tỳ-dược (Hay chuyển ***Trung Nhị Hạnh Luân***)
[SARVA BHAYEBHYAḤ]
Tát mạo bát nại-la phệ tỳ-dược (Đầy đủ ***18 Pháp Bất Cộng***)
[SARVOPADRAVEBHYAḤ = SARVA-UPADRAVEBHYAḤ]
Tát mạo bả dược nghê tỳ-dược (Viên mãn vô lượng tất cả Công Đức)
[SARVOPASARGEBHYAḤ = SARVA-UPARARGEBHYAḤ]
Tát phộc nộ sắt-tra bà dã tị đát tả [Đời đời kiếp kiếp cắt đứt ***sự ngăn che của Kiêu Mạn*** (kiêu mạn chướng)]
[SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTAṢYA]
Tát phộc ca lị ca la ha (Làm khô cạn dòng nước Ai Dục)
[SARVA KĀLI KALAHA]
Vĩ tát-la ha, vĩ phộc ná (Diệt ngọn lửa giận dữ)
[VIGRAHA VIVĀDA]
Nỗ sa-phộc bả-nan, nột la nãnh nhĩ đá, mộng nghiệt-lý dã lô già dã, bả vĩ nẵng xả nãnh (Vĩnh viễn nhổ cắt hết ***Si Tưởng***)
[DUḤSVAPNĀṂ DURNI MINTA AMAṂGALLYA PĀPA VINĀŚANI]
Tát phộc dược khất-xoa, la khất-xoa sa (xé nát lưới võng của ***các Kiến***)
[SARVA YAKṢA RĀKṢASA]
Nẵng nga nãnh phộc la ni (Khéo tu Đạo bền chắc của con người)
[NĀGA NIVĀRAṆI]
Tát la ni tát lệ ma la ma la ma la phộc để (Chính hướng Bồ Đề)
[SARAṆI SARE BALA BALA BALA-VATI]
Nhạ dã nhạ dã nhạ dã đổ hàm (Thành tựu Pháp ***37 Phẩm Trợ Đạo***)
[JAYA JAYA JAYA TUMAṂ]
Tát phộc đát-la tát phộc ca lam (Được Thân Kim Cương)
[SARVATRĀ SARVA KĀRAṂ]
Tất chiêu đổ minh, ế hàm, ma hạ vĩ niệm (Được thọ mệnh không cùng tận)
[SIDDHYANTUME IMĀṂ VIDYA]
Sa đà dã sa đà dã (Vĩnh viễn xa lià sự oán hận, không có Tâm giết hại)
SĀDHAYAT SĀDHAYAT
Tát phộc mạn noa la sa đà nãnh (Thường nhận được sự an vui)
[SARVA MAṆḌALA SĀDHANI]
Già đa dã tát phộc vĩ-cận nẵng (Nghe tên nghe tiếng đều trừ khủng bố)
[GHĀTAYA SARVA VIGHNAṂ]
Nhạ dã nhạ dã (Mãn túc sự mong cầu)
[JAYA JAYA]
Tất đệ, tất đệ, tố tất đệ (Ai biệt ly khổ)
[SIDDHE SIDDHE SUSIDDHE]
Tất-địa dã, tất-địa dã (Trừ tai hoạ, được an vui)
[SIDDHYA SIDDHYA]
Một-địa dã, một-địa dã (Trừ bệnh, được sống lâu)
[BUDDHYA BUDDHYA]
Mạo đà dã, mạo đà dã, bố la dã (Trừ nạn về quan quyền)
[BODHAYA BODHAYA]
Bố la ni, bố la ni (Sinh sản an ổn)

[PŪRAṆI PŪRAṆI]
Bố la dã minh a khổ (Trừ khử, giáng phục oán tặc)
[PŪRAYA ME ĀŚĀṂ]
Tát phộc vĩ nễ-dã vĩ nga đa một đế nhạ dụ đa lị (Khiến cho vua chúa kính yêu)
[SARVA VIDYA VIGATA MŪRTTE JYOTTARI]
Nhạ dạ phộc để (Mọi người kính yêu)
[JAYA VATI]
Để sắt-tra, để sắt-tra (Người Trời kính yêu)
[TIṢṬA TIṢṬA]
Tam ma dã ma nộ bá la dã (Hậu Phi kính yêu)
SAMAYAM ANUPĀLAYA
Đát tha nghiệt đa (Phụ Nhân kính yêu)
[TATHĀGATA]
Hột-lị nãi dã (Người nữ kính yêu)
[HṚDAYA]
Thuấn đệ (Bà La Môn kính yêu)
[ŚUDDHE]
Nhĩ-dã phộc lộ ca dã đổ hàm (Tể Quan kính yêu)
[VYĀVALOKAYA TUMAṂ]
A sắt-tra tỵ ma hạ ná lỗ noa bà duệ tỳ-dược (Đại Thần kính yêu)
[AṢṬA BHIRI MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ]
Tát la tát la (Cư Sĩ kính yêu)
[SARA SARA]
Bát-la tát la, bát-la tát la (Trưởng Giả, Trưởng Giả)
[PRASARA PRASARA]
Tát phộc phộc la noa, vĩ thú đà nãnh, tam mãn đá, ca la, mãn noa la, vĩ thuấn đệ (Đế Thích, Đế Thích)
[SARVA AVARAṆA VIŚODHANE SAMANTA KĀRA MAṆḌALA VIŚUDDHE]
Vĩ nghiệt đế, vĩ nghiệt đế (Phạm Vương, Phạm Vương)
[VIGATE VIGATE]
Vĩ nga đa ma la (Đại Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên)
[VIGATA MALA]
Vĩ thú đà nãnh (Thiên Đế Tướng Quân, Thiên Đế Tướng Quân)
[VIŚODHANE]
Khất-sử ni, khất-sử ni (Đồng nam đồng nữ, đồng nam đồng nữ)
[KṢIṆI KṢIṆI]
Tát phộc bá bả (Thiên Long, Thiên Long)
[SARVA PĀPA]
Vĩ thuấn đệ (Dạ xoa, Dạ Xoa)
[VIŚUDDHE]
Ma la vĩ nghiệt đế (Càn Thát Bà kính yêu)
[MĀRA VIGATE]
Đế nhạ phộc để (A Tu La, A Tu La)
[TEJA-VATI]
Phộc nhật-la phộc để (Ca Lâu La, Ca Lâu La)
[VAJRA-VATI]
Đát-lạt lộ chỉ-dã (***Tỳ Lô Giá Na*** hộ niệm)
[TRAILOKYA]

Địa sắt-xỉ đế (*Tăng Ích* thành tựu)
[ADHIṢṬITE]
Sa-phộc hạ (*Tức Tai* thành tựu)
[SVĀHĀ]
Tát phộc đát tha nghiệt đa một đà (*A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật* hộ niệm)
[SARVA TATHĀGATA BUDDHA]
Tỳ sắc khất đế (*Tăng Ích* thành tựu)
[ABHIṢIKTE]
Sa-bà hạ (*Tức Tai* thành tựu)
[SVĀHĀ]
[Từ đây trở xuống đều giống nhau cho nên không ghi chú. Bên trong một câu có 3 câu: Câu đầu là ***tên Phật hộ niệm***, câu giữa là ***Tăng Ích thành tựu***, câu cuối là ***Tức Tai thành tựu***. Ví dụ như **Tát phộc đát tha nghiệt đa một đà (**SARVA TATHĀGATA BUDDHA) là A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật hộ niệm. **Tỳ sắc khất đế** (ABHIṢIKTE) là Tăng Ích thành tựu. **Sa-bà ha** (SVĀHĀ) là Tức Tai thành tựu . Sau này dựa theo đấy đều có thể thấy]

Tát phộc mạo địa tát đát-phộc tỳ sắc khất-đế, sa-bà ha (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)

Tát phộc nễ phộc đa, tỳ sắc khất-đế, sa-bà ha (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ)

Tát phộc đát tha nghiệt đa hột-lị nãi dã, địa sắt xỉ đa hột-lị nãi duệ, sa-bà ha (SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA HṚDAYE SVĀHĀ)

Tát phộc đát tha nghiệt đa tam ma dã , tất đệ, sa-bà ha (SARVA TATHĀGATA-SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ)

Ấn nại-lệ, ấn nại-la phộc để, ấn nại-la nhĩ-dã phộc lộ chỉ đế, sa-bà ha (INDRE INDRA-VATI INDRA VYĀVALOKITE SVĀHĀ)

Một-la hám-minh, sa-bà ha (BRAHME SVĀHĀ)

Một-la hám-ma nễ-dữu sử đế, sa-bà ha (BRAHMA ADHYUṢṬE SVĀHĀ)

Vĩ sắt-noa nẵng mạc tắc khất-lị đế, sa-bà ha (VIṢṆU NAMASKṚTE SVĀHĀ)

Ma hê thấp-phộc la mãn nễ đa đa bộ nhĩ đá duệ, sa-bà ha (MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYE SVĀHĀ)

Phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ lị-duệ địa sắt-xỉ đế, sa-bà hạ (VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYE ADHIṢṬITE SVĀHĀ)

Địa-lị đa-la sắt tra-la sắt tra-la dã, sa-bà hạ (DHṚTA-RĀṢTRĀYA SVĀHĀ)

Vĩ lỗ trà ca dã, sa-bà hạ (VIRŪḌHĀKĀYA SVĀHĀ)

Vĩ lỗ bá khất-sái dã, sa-bà hạ (VIRŪPĀKṢĀYA SVĀHĀ)

Vĩ thất-la ma noa dã, sa-bà hạ (VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ)

Tạt đốt la ma hạ la nhạ ná mạc tắc khất-lị đá dã, sa-bà hạ (CATUR MAHĀ-RĀJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)

Diễm ma dã, sa-bà hạ (YAMĀYA SVĀHĀ)

Diễm ma bố nhĩ đa ná mạc tắc khất-lị đá dã, sa-bà hạ (YAMA PŪJITA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ)

Phộc lỗ noa (Thủy Thiên hộ niệm) **dã** (Tăng Ích thành tựu) **sa-bà hạ** (Tức Tai thành tựu) (VARUṆĀYA SVĀHĀ)

(Từ đây trở xuống dựa theo đấy mà thấy biết vậy)

Ma lỗ đá dã, sa-bà hạ (MARŪTĀYA SVĀHĀ)

Ma hạ ma lỗ đá dã, sa-bà hạ (MAHĀ-MARŪTĀYA SVĀHĀ)

A ngân-nẵng duệ, sa-bà hạ (AGNAYE SVĀHĀ)

Nẵng nga vĩ lộ chỉ đá dã, sa-bà hạ (NĀGA-VILOKITĀYE SVĀHĀ)

Nễ phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Nẵng nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Dược khất-sái nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

La khất-sái sa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Ngạn đạt phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

A tô la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GARUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Khẩn na la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (KIṂNARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Ma hộ la nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ)

Ma nộ sái tỳ-dược, sa-bà hạ (MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)

A ma nộ sái tỳ-dược, sa-bà hạ (AMANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ)

Tát phộc nghiệt-la hề tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)

Tát phộc ná khất-sái đát-lễ tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ)

Tát phộc bộ đế tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ)

Tất-lị đế tỳ-dược, sa-bà ha (PRETEBHYAḤ SVĀHĀ)

Tỷ xá tế tỳ-dược, sa-bà hạ (PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ)

A bả sa-ma lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (APASMĀREBHYAḤ SVĀHĀ)

Án, độ lỗ độ lỗ, sa-bà hạ (OṂ DHURU DHURU SVĀHĀ)

Án, đổ lỗ đổ lỗ, sa-bà hạ (OṂ TURU TURU SVĀHĀ)

Án, mẫu lỗ mẫu lỗ, sa-bà hạ (OṂ MURU MURU SVĀHĀ)

Hạ nẵng hạ nẵng tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm, sa-bà hạ (HANA HANA SARVA ŚATRŪNĀṂ SVĀHĀ)

Ná hạ ná hạ tát phộc nột sắt-tra bát-la nột sắt-tra nẫm, sa-bà hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA SVĀHĀ)

Bả tả bả tả tát phộc bát-la thất dịch ca ba-la để-dã nhĩ đát-la nẫm duệ ma. A tứ đế sử noa đế sam tát phệ sam thiết lị lam nhập-phộc la dã nột sắt-tra tức đá nẫm, sa-bà hạ (PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRANĀṂ YE MAMA AHITEṢINA TEṢAṂ SARVEṢĀṂ ŚARIRAṂ JVALĀYA ADUṢṬA-CITTĀNĀṂ SVĀHĀ)

Nhập-phộc lị đá tỳ dã, sa-bà hạ (JVALITĀYA SVĀHĀ)

Bát-la nhập-phộc lị đá dã, sa-bà hạ (PRAJVALITĀYA SVĀHĀ)

Nhĩ bả-đá nhập-phộc la dã, sa-bà hạ (DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ)

Tam mãn đa nhập-phộc la dã, sa-bà hạ (SAMANTA JVALĀYA SVĀHĀ)

Ma ni bạt nại-la dã, sa-bà hạ (MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ)

Bố la-noa bạt nại-la dã, sa-bà hạ (PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ)

Ma hạ ca la dã, sa-bà hạ (MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ)

Ma để-lị nga noa dã, sa-bà hạ (MĀTṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ)

Dược khất-sử ni nẫm, sa-bà hạ (YAKṢAṆĪNĀṂ SVĀHĀ)

La khất-sái tỷ nãnh nẫm, sa-bà hạ (RĀKṢASĪNĀṂ SVĀHĀ)

La để-lị tả la nẫm, sa-bà hạ (RĀTṚ-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)

Nhĩ phộc sa tả la nẫm, sa-bà hạ (DIVASA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)

Để-lị tán địa-dã tả la nẫm, sa-bà hạ (TRISANTYA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
Phệ la tả la nẫm, sa-bà hạ (VELA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
A phệ la tả la nẫm, sa-bà hạ (AVELA- CARĀṆĀṂ SVĀHĀ)
Nghiệt bà hạ lệ tỳ-dược , sa-bà hạ (GARBHA-HĀREBHYAḤ SVĀHĀ)
Nghiệt bà tán đá la ni, sa-bà hạ (GARBHA SANDHĀRAṆI SVĀHĀ)
Hộ lỗ hộ lỗ, sa-bà hạ (HURU HURU SVĀHĀ)
Án, sa-bà hạ (OṂ SVĀHĀ)
Sa-phộc, sa-bà hạ (SVĀḤ SVĀHĀ)
Bộc, sa-bà hạ (BHŪḤ SVĀHĀ)
Bộ phộc, sa-bà hạ (BHŪVĀḤ SVĀHĀ)
Án, bộ la-bộ phộc sa-phộc, sa-bà hạ (OṂ_ BHŪR-BHŪVĀḤ SVĀḤ SVĀHĀ)
Tức trí tức trí, sa-bà hạ (CIṬI CIṬI SVĀHĀ)
Vĩ trí vĩ trí, sa-bà hạ (VIṬI VIṬI SVĀHĀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHĀRAṆĪ SVÀHÀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHARAṆI SVĀHĀ)
A cật nãnh, sa-bà hạ (AGNI SVĀHĀ)
Đế đổ phộc bổ, sa-bà hạ (TEJO VĀYU SVĀHĀ)
Tức lị tức lị, sa-bà hạ (CILI CILI SVĀHĀ)
Tất lị tất lị, sa-bà hạ (SILI SILI SVĀHĀ)
Một địa-dã một địa-dã, sa-bà hạ (BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ)
Tất địa dã tất địa dã, sa-bà hạ (SIDDHYA SIDDHYA SVĀHĀ)
Mạn noa la tất đệ, sa-bà hạ (MAṆḌALA SIDDHE SVĀHĀ)
Mạn noa la mãn đệ, sa-bà hạ (MAṆḌALA BANDHE SVĀHĀ)
Tỷ ma mãn đà nãnh, sa-bà hạ (SĪMĀ BANDHANI SVĀHĀ)
Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm tiệm ba tiệm ba, sa-bà hạ (SARVA ŚATRŪNĀṂ JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ)
Sa-đảm bà dã sa-đảm bà dã, sa-bà ha (STAMBHĀYA STAMBHĀYA SVĀHĀ)
Thân na thân na, sa-bà hạ (CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ)
Tẫn na tẫn na, sa-bà hạ (BHINDA BHINDA SVĀHĀ)
Bạn nhạ bạn nhạ, sa-bà hạ (BHAÑJA BHAÑJA SVĀHĀ)
Mãn đà mãn đà, sa-bà hạ (BANDHA BANDHA SVĀHĀ)
Mãng hạ dã mãng hạ dã, sa-bà hạ (MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ)
Ma ni vĩ truật đệ, sa-bà hạ (MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ)
Tố lị-duệ tố lị-dã vĩ truật đệ vĩ thú đà nãnh, sa-bà hạ (SŪRYE SŪRYA VIŚODHANE SVĀHĀ)
Tán nại-lệ tô tán nại-lệ bố la-noa tán nại-lệ, sa-bà hạ (CANDRE SUCANDRE PŪRṆA-CANDRE SVĀHĀ)
Khư la hề tỳ-dược, sa-bà hạ (GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ)
Nhược khất-sát đát-lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ)
Thủy phệ, sa-bà hạ (ŚIVE SVĀHĀ)
Phiến để, sa-bà hạ (ŚĀNTI SVĀHĀ)
Sa-phộc sa để-dã dã minh, sa-bà hạ (SVASTYA YANE SVĀHĀ)
Thủy noan yết lị phiến để yết lị bổ sắt trí yết lị ma la mạt đạt nãnh, sa-bà hạ (ŚIVAṂ KARI_ ŚĀNTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI SVĀHĀ)
Thất-lị yết lị. Sa-bà hạ (ŚRĪ KARI SVĀHĀ)
Thất-lị dã mạt đạt nãnh, sa-bà hạ (ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ)

Thất-lị dã nhập-phộc la nãnh, sa-bà ha (ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ)
Nẵng mẫu tư, sa-bà hạ (NAMUCI SVĀHĀ)
Ma lỗ tư, sa-bà hạ (MURUCI SVĀHĀ)
Phệ nga phộc để, sa-bà hạ (VEGA VATI SVĀHĀ)

Chân Ngôn này là Trí Căn Bản của vô số ức hằng hà sa chư Phật. Là Chân Ngôn lưu xuất từ vô lượng chư Phật. Do trì Chân Ngôn này mà Đức Phật thành Đạo, cho nên chư Phật ba đời trải qua vô số vạn ức kiếp, Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathāgata) tự ở trong Pháp Giới Trí chấm dứt vô số kiếp để cầu được. Do đấy có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn.** Tất cả chư Phật chẳng được Chân Ngôn này thì chẳng thành Phật. Ngoại Đạo, Bà La Môn được Chân Ngôn này sẽ mau chóng thành Phật.

Tại sao thế ? Xưa kia tại nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha) có một vị **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) tên là **Câu Bác.** Vị Bà La Môn này chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, Chẳng có ***sáu Ba La Mật Hạnh***, chẳng có bốn ***Vô Lượng Trụ***. Ngày ngày giết các loài heo, dê, gấu, nai, ngỗng, gà, rùa… để ăn. Như vậy đều đều mỗi ngày từ 50 cho đến 100 sinh mạng. Trải qua 250 năm thì vị Bà La Môn này qua đời, liền từ bỏ nhân gian đi đến **cung của vua Diêm La** (Yama-pura)

Khi ấy **vua Diêm La** (Yama-rāja) bạch với **Đế Thích** (Indra) rằng: *"Tội nhân này được đem vào Địa Ngục nào? Tội nặng nhẹ như thế nào?"*

Đế Thích bảo rằng: "Tội của người này chẳng thể đo lường được, chẳng thể tính đếm số lượng được. **Thiện Kim Trát** (Cái trát bằng vàng dùng để ghi điều lành) không có ghi một điều lành nào, **Ác Thiết Trát** (Cái trát bằng sắt chuyên ghi điều ác) thì không thể tính đếm. Hãy mau tống giam hắn vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci)"

Khi Ngục Tốt vâng lệnh liền ném tội nhân vào Địa Ngục, tức thời Địa Ngục tự nhiên biến thành ao sen chứa đầy nước tám Công Đức. Trong ao ấy có mọi thứ hoa sen: xanh, trắng, hồng, tím với màu sắc vượt hẳn các thứ sen khác. Trên mỗi tòa ngồi của từng đóa sen đều có một tội nhân ngồi và tôi nhân này không hề có sự khổ đau.

Ngay lúc ấy **Ngục Tốt Đầu Trâu Đầu Ngựa** của vua Diêm La cùng nhau nói rằng: "*Ngục này lạ thay! Tội nhân này bị bắt lầm rồi! Địa Ngục biến thành Tịnh Thổ, Tội Nhân chẳng khác với Phật. Ta đã thấy nghe sự việc như vậy"*

Bấy giờ vua Diêm La đi đến **cung Đế Thích** (Indra-pura) bạch rằng: "*Câu Bác này chẳng phải là người có tội nên mới có Thần Thông như bên trên nói"*

Đế Thích đáp rằng: *"Lúc sống, hắn chưa từng làm một việc thiện nào cho dù nhỏ như hạt bụi. Quả thật Ta chẳng biết nổi điều này"*

Đế Thích liền đi đến cõi Phật bạch với **Đức Thích Ca Văn Phật** (Śākya-muṇi-buddha) rằng: *"Câu Bác đã làm việc thiện như thế nào mà lại có thần biến như thế?"*

Khi ấy Đức Phật bảo Đế Thích rằng: *"Ngay thuở sinh tiền Câu Bác chẳng hề làm một việc thiện nào. Hãy nhìn xem hài cốt của hắn ở nhân gian ra sao"*

Đế Thích liền đến nơi chon cất hài cốt của Câu Bác thì thấy cách nơi này một dặm về phía Tây có một cái **Tốt Đỗ Ba** (Stūpa: tháp nhiều tầng). Trong cái tháp ấy có để Chân Ngôn Căn Bản này. Do cái Tháp bị mục nát nên Chân Ngôn rơi rớt trên mặt đất. Một Chữ của bài văn ấy nương theo gió thổi dính trên hài cốt của Câu Bác.

Bấy giờ Đế Thích lại đến xem điều kỳ dị ở tám Địa Ngục thì thấy mỗi khi dời Câu Bác đến Địa Ngục nào tức thời nơi ấy liền biến thành nơi không có sự đau khổ. Lúc ấy Câu Bác và các tội nhân đều có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Một thời ở Thế Giới **Liên Hoa Đài Tạng** thành chư Phật Bồ Tát. Đức **Phật Vô Cấu** (Amala-buddha) ở Thế Giới nơi phương trên là **Câu Bác** vậy.

Công năng diệt tội còn như vậy, huống chi là tự mình trì tụng. Nếu người chí Tâm trì niệm thì còn có chút tội nào sao?!....Cho nên Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu**

Tức Đắc Thành Phật vậy. Cầu Phước Đức tự tại, cầu bảy báu tự tại vậy. Nhân đây Chân Ngôn này có 7 tên gọi là :

1) **Tâm Phật Tâm Chân Ngôn**:Trí Tâm trong Tâm Trí của Tỳ Lô Giá Na Như Lai

2) **Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn**: Ấn **Trí Tâm** thâm sâu của chư Phật

3) **Quán Đỉnh Chân Ngôn**: Quán đỉnh người trì niệm

4) **Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn**: Tẩy rửa phiền não, ấn Bồ Đề

5) **Kết Giới Chân Ngôn**: Trừ tội chướng, tịch trừ chư Ma

6) **Phật Tâm Chân Ngôn**: Tâm Trí chân thật của Phật

7) **Tâm Trung (Chân Ngôn)**: Không có gì vượt hơn được Pháp này

Người Trì Niệm cũng lại như vậy, như Đức Phật là Đấng thù thắng bậc nhất trong các Đấng **Pháp Vương** (Dharma-rāja)

Này Diệt Ác Thú! Chân Ngôn này hay cứu tất cả chúng sinh. Chân Ngôn này hay khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa các khổ não. Chân Ngôn này hay tạo sự lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, làm mãn sự ước nguyện. Như Đức Phật hay cứu tất cả chúng sinh bị khổ não. Như kẻ bị rét lạnh gặp được lửa sưởi ấm. Như kẻ trần truồng được quần áo mặc. Như con côi được gặp mẹ. Như kẻ vượt sông được thuyền bè. Như người bệnh tật được thuốc chữa. Như nơi tăm tối được đèn chiếu sáng. Như kẻ nghèo túng được của báu. Như ngọn đuốc diệt trừ ám tối.

Chân Ngôn này cũng lại như vậy, hay khiến cho chúng sinh xa lìa tất cả khổ với tất cả bệnh não, hay giải mở tất cả sự cột trói của sinh tử. Đây là thuốc hay cho người bệnh ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jaṃpu-dvīpa). Nếu người có bệnh được nghe Chân Ngôn này thì bệnh liền tiêu diệt.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện tạm nghe qua Chân Ngôn này thì hết thảy tất cả tội chướng đều được tiêu diệt. Hoặc tuy đã phạm dâm với tất cả người nữ thì vẫn chẳng chịu khổ đau nơi thai sinh. Tại sao vậy? Vì người trì Chân Ngôn gần gũi cúng dường hoặc nam hoặc nữ đều đã được chuẩn bị sẵn Thân Phật.

Nếu người hay trì tụng thì nên biết người đó tức là Thân Kim Cương, lửa chẳng thể đốt. Nên biết Như Lai dùng sức Thần Thông ủng hộ người đó. Nên biết người đó là Thân Như Lai. Nên biết người đó là Thân của Tỳ Lô Giá Na Như lai. Nên biết người đó là Kho Tàng của Như Lai. Nên biết người đó là con mắt của Như Lai. Nên biết người đó mặc giáp trụ Kim Cương. Nên biết người đó là Thân Quang Minh. Nên biết người đó là Thân bất hoại. Nên biết người đó hay tồi phục tất cả oán địch. Nên biết hết thảy tội chướng của người đó thảy đều tiêu diệt. Nên biết Chân Ngôn này hay trừ nỗi khổ của Địa Ngục.

Ta vì Phật Đạo, ở vô lượng cõi, từ xưa đến nay, rộng nói các Pháp chẳng thể đo lường được. Ở trong các Pháp đó thì Chân Ngôn này là tối thắng bậc nhất, chẳng có gì có thể so sánh được. Ở trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới tuy giết hại tất cả chúng sinh vẫn chẳng bị đọa vào nẻo ác. Tất cả đều do uy lực của Chân Ngôn này huống chi là phải chịu nạn khổ ở nhân gian. Thường khiến tuôn mưa bảy Báu, không có bệnh hoạn tai nạn, tất cả sự mong cầu đều được mãn túc, thân tâm an ổn, phước thọ vô lượng.

Này Diệt Ác Thú! Dưới đây có bảy Chân Ngôn nhỏ dành riêng cho người nào chẳng thể trì niệm. Tên riêng của Chân Ngôn Căn Bản, nếu có người nam, kẻ nữ chẳng thể trì nổi Đại Chân Ngôn thì tùy theo sức mà thọ trì các Chân Ngôn này vậy.”

Lại nói mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Tâm Phật Tâm Chân Ngôn** :

Ấn, tát phộc đát tha nghiệt đa một đệ (Thế Giới chín Hội của Tỳ Lô Giá Na Như Lai)

[OṂ SARVA TATHĀGATA MŪRTTE]

Bát-la phộc la vĩ nga đa bà duệ (Bốn Trí Như Lai)
[PRAVARA VIGATA BHAYE]
Xả ma dã bà-phộc minh (Nhất Thiết Trí của Như Lai)
[ŚAMAYA SVAME]
Bà nga phộc để tát phộc bá bế tỳ-dược (Bốn Trí, Nhất Thiết Trí)
[BHAGAVATI SARVA PĀPEBHYAḤ]
Sa-phộc sa để bà phộc đổ mẫu nễ mẫu nễ (37 Tôn)
[SVĀSTIRBHAVATU MUṆI MUṆI]
Vĩ mẫu nãnh tả lệ (Tất cả Trí của 37 Tôn)
[VIMUṆI CALE]
Tả la nãnh bà dã vĩ nga đế (16 Tôn Đời Hiền Kiếp)
[CALANA BHAYA VIGATE]
Bà dã hạ la ni (Nhất Thiết Trí)
[BHAYA HĀRAṆI]
Mạo địa mạo địa (Độ chúng sinh)
[BODHI BODHI]
Mạo đà dã mạo đà dã (Ban Trí Tuệ cho chúng sinh)
[BODHIYA BODHIYA]
Một địa lị một địa lị (Ban thuốc tốt lành cho chúng sinh)
[BUDHILI BUDHILI]
Tát phộc đát tha nghiệt đa (Ban trân bảo, thức ăn uống cho chúng sinh)
[SARVA TATHĀGATA]
Hột-lị nãi gia túc sắt-tai, sa-phộc hạ (Ban an vui cho chúng sinh)
[HṚDAYA JUṢṬAI SVĀHĀ]

_**Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn**:
Án, phộc nhật-la phộc để (Chư Phật ba đời)
[OṂ VAJRA-VATI]
Phộc nhật-la bát-la để sắt-xỉ đế, truật đệ. Tát phộc đát tha nga đa mẫu nại-la (Tất cả Trí Ấn thành tựu sáu Ba La Mật)
[VAJRA PRATIṢṬITE ŚUDDHE SARVA TATHĀGATA-MUDRA]
Địa sắt-xá nẵng địa sắt-xỉ đế ma hạ mẫu đát lệ, sa-phộc hạ (Thành tựu sự linh nghiệm của tất cả các Pháp ngay trong đời này)
[ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHĀ-MUDRE SVĀHĀ]

_ **Quán Đỉnh Chân Ngôn**:
Án, mẫu nãnh mẫu nãnh (Tất cả Như Lai đều tập hội)
[OṂ MUṆI MUṆI]
Mẫu nãnh phộc lệ (Tuôn ra nước Trí)
[MUṆI VARE]
A tỵ tru tả đổ hàm (Tất cả Như Lai duỗi cánh tay màu vàng)
[ABHIṢIṂCA TUMĀṂ]
Tát phộc đát tha nghiệt tha (Dùng nước Trí rưới lên đỉnh đầu)
[SARVA TATHĀGATA]
Tát phộc vĩ nễ-dã tỵ sái tứ diệm (Tẩy rửa **160 sở tri chướng phiền não** trong thân)
[SARVA VIDYA ABHIṢEKAI]
Ma hạ phộc nhật-la hạ phộc tả (Vĩnh viễn cắt đứt tất cả khổ của sinh tử)
[MAHĀ-VAJRA KAVACA]

Mẫu nại-la mẫu nại-lị đới (Nhập vào Ta)
[MUDRA MUDRITEḤ]
Tát phộc đa tha nga đa hột-lị nãi dạ địa sắt-xỉ đa, phộc nhật-lệ, sa-bà hạ (Ngang đồng với Thân tràn khắp Pháp Giới của Như Lai)
[SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ]

_**Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn**:
Án, a mật-lật đa phộc lệ (Chư Phật tập hội tuôn ra nước Trí, xoa đỉnh đầu hộ niệm thành tựu)
[OṂ AMṚTA VARE]
Phộc la phộc la (Thành tựu Bồ Đề)
[VARA VARA]
Bát-la phộc la vĩ truật đệ (Thành tựu Đẳng Chính Giác)
[PRAVARA VIŚUDDHE]
Hồng (Cắt đứt phiền não của chúng sinh)
[HŪṂ]
Hồng (Cắt đứt **sở tri chướng** của chúng sinh)
[HŪṂ]
Phát tra, phát tra, sa-bà hạ (Ta, Người thành tựu Niết Bàn)
[PHAṬ PHAṬ   SVĀHĀ]

_**Kết Giới Chân Ngôn**:
Án, a mật-lật đa vĩ lộ chỉ nãnh (Thành ngọn lửa nóng)
[OṂ AMṚTA VILOKINI]
Nghiệt bà tăng la khất-sái ni a yết sái ni (Thành lưới sắt vây quanh bức tường thành bằng sắt rực lửa)
[GARBHA SAṂRAKṢAṆI]
Hồng (Tịch trừ quỷ Thần)
]HŪṂ]
Hồng (Sát hại hết thảy Quỷ Thần)
[HŪṂ]
Phát tra phát tra (Tất cả Quỷ Thần đều thành hạt bụi nhỏ cũng chẳng thể sinh)
[PHAṬ PHAṬ]
Sa-bà ha (Thành tựu)
[SVĀHĀ]

_ **Phật Tâm Chân Ngôn**:
Án, vĩ ma lê (Trí Như Lai tràn khắp Pháp Giới)
[OṂ VIMALE]
Nhạ dã, phộc lệ, a mật-lật đế, hồng hồng hồng hồng, phát tra phát tra (Tất cả chúng sinh trong ba cõi đều có Phật Tính, thành tựu)
[JAYA VARE AMṚTE HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ]

_**Tâm Trung Tâm Chân Ngôn**:
Án, bả la bả la tam bạt la tam bạt la (Trí Tâm của Như Lai lợi ích cho chúng sinh)
[OṂ BHARA BARA SAṂBHARA SAṂBHARA]
Ấn nại-lị dã, vĩ thú đà nãnh, hồng hồng, lỗ lỗ tả sơ (Tâm, Phật, Chúng sinh... cả 3 điều này không có sai khác)

[INDRIYA VIŚODHANE HŪṂ HŪṂ RURU CALE]
Sa-bà ha
[SVĀHĀ]

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: "Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn** hay trừ tất cả tội nghiệp đẳng chướng, hay phá tất cả nỗi khổ của con đường uế ác

Này Diệt Ác Thú! Chân Ngôn này được vô số ức căng già sa câu chi trăm ngàn chư Phật cùng nhau tuyên nói. Người tùy vui thọ trì sẽ được Trí Ấn của Như Lai ấn lên, hay phá con đường uế ác cho tất cả chúng sinh, hay nhanh chóng đến cứu nạn khổ khiến cho chúng sinh bị đọa trong biển sinh tử được giải thoát. Vì chúng sinh đoản mệnh, kém phước không có người cứu hộ với các chúng sinh ưa tạo mọi nghiệp ác mà diễn nói.

Lại nữa Chân Ngôn này khiến cho các loại chúng sinh ở mọi nơi khổ đau như : Địa Ngục, nẻo ác…mọi loại đang lưu chuyển trong biển sinh tử, chúng sinh kém phước, kẻ bất tín đánh mất Chính Đạo… như vậy đều được giải thoát"

Bấy giờ Đức Phật bảo: "Này Diệt Ác Thú! Ta đem Chân Ngôn này phó chúc cho ông, dùng uy lực của Chân Ngôn này để cứu độ tất cả chúng sinh trong biển khổ. Diệt Ác Thú ! Ông nên trì niệm **quán hạnh** thủ hộ đừng để cho quên mất .

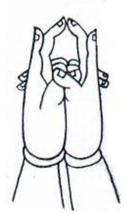
Này Diệt Ác Thú! Nếu có người trong phút chốc được nghe Chân Ngôn này thì một ngàn kiếp trở lại bao nhiêu nghiệp ác chướng nặng đã tạo tác gom chứa đáng nhận mọi thứ sinh tử lưu chuyển nơi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương Giới, thân A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần, Bố Đan Na, A Ba Sa Ma La, muỗi mòng, Rồng, Rùa, Chó, Trăn, Rắn, tất cả loài chim, các loài thú mạnh, tất cả loài hàm linh cựa quậy cử động cho đến thân của loài trùng, kiến….. ắt chẳng còn thọ nhận trở lại nữa, luôn được chuyển sinh ở cùng chỗ với vị Nhất Bổ Xứ Bồ Tát của chư Phật Như Lai, đồng với BỒ Tát cùng sinh vàm một nơi, hoặc được sinh vào nhà Đại Tính Bà La Môn, hoặc được sinh vào nhà giàu có tối thắng.

Này Diệt Ác Thú! Người này được sinh vào những nơi cao quý như trên đều do nghe được Chân Ngôn này, cho nên nơi chuyển sinh đều được thanh tịnh không có thoái chuyển.

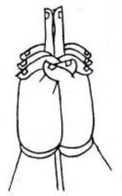
Này Diệt Ác Thú! Cho đến được đến nơi tối thắng của **Bồ Đề Đạo Trường** (Bodhi-maṇḍa) đều do khen ngợi công đức của Chân Ngôn này như vậy. Do nhân duyên đấy nên có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**.

_ Tiếp nói nhóm Mật Ấn
Mật tưởng năm Như Lai
Trước, dùng Ấn ấn tim
Tiếp liền đặt trên đỉnh
Tiếp ấn trán, Tam Tinh
Tiếp ấn hai lông mày
Bên phải rồi bên trái
Đây tức đã kết xong
Thân Ta thành **Biến Chiếu** (Vairocana)
Ở lưỡi quán **Kim Cương**
Trước, chắp tay Kim Cương
Liền thành **Kim Cương Phộc**
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như tháp nhọn

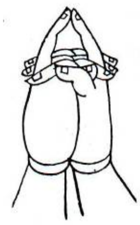
Tiến Lực (2 ngón trỏ) phụ ở lưng



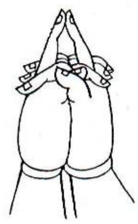
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) đứng như bát



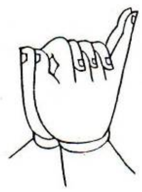
Co ngược như hình Báu



Dời co như hoa sen



Hợp mặt trong lòng tay
Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái)



Liền thành Ấn bí mật
Ngữ Bí Mật Ấn này
Là Mật ở trong Mật
Là Bí (sâu kín) ở trong Bí
Chẳng truyền kẻ không A (Nếu không phải là bậc A Xà Lê thì không truyền)
A Xà Lê nếu biết
Pháp, Đệ Tử, tùy Nghi
Mới làm Pháp Đàn ấy
Như **Nghi Quỹ Pháp Hoa** (chẳng nói ở đây)

Bấy giờ Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát: "Nay ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông tuyên nói. Thọ trì Chân Ngôn này cũng vì các chúng sinh đoản mệnh mà nói. Nên tắm gội, mặc áo mới sạch, ngày ngày trì niệm ***chín biến*** thì chúng sinh đoản mệnh kia lại

được tăng tuổi thọ vĩnh viễn xa lìa bệnh khổ. Tất cả nghiệp chướng thảy đều được tiêu diệt, cũng được giải thoát khỏi sự khổ đau của tất cả Địa Ngục. Các loài chim bay, súc sinh, hàm linh một lần được nghe Chân Ngôn này qua lỗ tai thì khi chấm dứt thân này ắt chẳng thọ nhận lại thân đó nữa.

Nếu gặp bệnh ác, nghe Chân Ngôn này liền được vĩnh viễn xa lìa. Tất cả các bệnh cũng được tiêu diệt. Nghiệp đáng bị đọa vào nẻo ác cũng được trừ diệt, liền được vãng sinh về Thế Giới tịch tĩnh. Từ Thân này trở về sau chẳng còn thọ thân trong bào thai mà được Hóa Sinh trong hoa sen, tất cả nơi sinh ra đều là hoa sen hóa sinh. Dù sinh ra ở nơi nào cũng ghi nhớ chẳng quên, thường biết Túc Mệnh.

Nếu có người trước kia đã gây tạo ra tất cả tội nghiệp cực nặng. Mệnh nương theo nghiệp ác ấy đáng bị đọa vào Địa Ngục, hoặc đọa vào cõi súc sinh, cõi Diêm La Vương, hoặc rơi vào cõi Ngạ Quỷ cho đến rơi vào Địa Ngục **Đại A Tỳ**, hoặc sinh vào loài thủy tộc, hoặc mang thân cầm thú hay thân của loài khác… mà nghe được Đề Danh của Chân Ngôn này cho đến một chữ, qua tai một lần thì chẳng bị thọ nhận sự khổ não của các cõi đã nói như vậy. Nghiệp chướng thảy đều tiệu diệt, mau chóng sinh về cõi Phật.

Nếu có người gần gũi người trì một chữ thì kẻ ấy được Đại Niết Bàn, lại tăng thọ mệnh, nhận được sự khoái lạc thù thắng. Khi bỏ thân này liền được vãng sinh về các cõi nước có mọi thứ vi diệu, thường cùng chư Phật tụ họp tại một nơi. Tất cả Như Lai luôn vì kẻ ấy diễn nói nghĩa vi diệu. Tất cả Thế Tôn liền thọ ký cho kẻ ấy. Thân thể của kẻ ấy tỏa ánh sáng chiếu soi tất cả cõi Phật.

Nay chỉ lược nói công lực của Chân Ngôn này như vậy.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Chân Ngôn, niệm niệm chẳng sinh nghi. Ngờ. Hoặc có kẻ trai lành, người nữ thiện sinh Tâm nghi hoặc thì đời đời chẳng được sự linh nghiệm của Chân Ngôn. Đời này bị bệnh ***Bạch Lại*** (lác, cùi hủi).

Ta vì lợi ích cho chúng sinh mới nói Chân Ngôn này. Vì chúng sinh bần cùng hạ tiện để lại Báu Ma Ni Như Ý này. Đây là Pháp Tạng thâm sâu, tất cả Trí Ấn của Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Người thường trì niệm cần phải cung kính như cung kính Đức Phật.

TÙY CẦU TỨC ĐẮC CHÂN NGÔN NGHI QUỸ
Hết

Nước Đại Đường, chùa Thanh Long, Nội Cúng Phụng Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa tạo dựng bản Chân Ngôn ghi trên bia

_ *Thất Thập Thiên Chân Ngôn* :

Nẵng mạc tam mạn đa mạo đa nam. Án, tát nhật phộc đệ bà đa nam duệ kế cơ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ OṂ SARVA DEVATĀ NĀYIKA _ KAḤ

_Nguyên Vĩnh, năm thứ hai, tháng 11, ngày mồng chín, giờ Ngọ viết xong
Ở mặt Tây của viện **Liên Tạng** duyệt xong. Cực Nguyệt (? tháng 12) ngày 28
TRỪNG GIÁC

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2014

Mật Tạng Bộ 3_ No.1156A (Tr.649_ Tr.650)

ĐẠI TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI ĐÀ LA NI MINH VƯƠNG SÁM HỐI PHÁP

Việt dịch: HUYỀN THANH

❒ Tám Ấn Tùy Cầu :

1) **SÁM HỐI ẤN** cũng có tên là **BỒ ĐỀ TÂM ẤN**:

Ngửa 2 bàn tay. Tay phải: đem ngón vô danh quấn phía sau lưng ngón giữa, lấy ngón trỏ móc đầu ngón vô danh. Tay trái cũng như thế. Đem 2 ngón cái đều vịn trên móng ngón út, 2 ngón giữa cùng trụ dính nhau. Ngửa lòng bàn tay hướng lên trên đặt ngay trái tim, tụng Chú.

2) **BỒ ĐỀ CĂN BẢN KHẾ** cũng có tên là **THỌ KÝ ĐỈNH KHẾ ẤN**:

Dựa theo Ấn trước. Sửa 2 ngón út giao nhau trong lòng bàn tay. Hai ngón cái, bên trái đè bên phải, đều vịn gốc ngón và đè trên móng ngón út. Hai ngón trỏ vịn lằn lóng trên của lưng ngón giữa

3) **NHƯ LAI BÌNH ĐẲNG KHẾ** cũng có tên là **THÍ THANH LƯƠNG KHẾ ẤN**:

Tay phải: duỗi thẳng 3 ngón trỏ, giữa, vô danh. Đem ngón cái vịn vằn thứ nhất trên lưng ngón út. Chẳng nói đến tay trái.

NHƯ LAI THANH TỊNH KHẾ: Trước tiên chắp 2 tay lại. Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái. Cả 3 ngón trỏ, giữa, vô danh đều hợp dính đầu ngón. Hai ngón cái cũng hợp đầu ngón, dấu trong lòng bàn tay.

4) **NHƯ LAI TIÊU NHẤT THIẾT ÁC ĐỘC KHẾ** cũng có tên là **NHẤT THIẾT HOAN HỶ KHẾ**:

Y theo Bình Đẳng Ấn. Giao 2 cổ tay, bên phải đè bên trái. Ngửa lòng bàn tay hướng lên trên. Nếu bên ngoài có việc thì hồi hướng ra ngoài từ chối. Đây là DIỆT ĐỘC KHẾ .

5) **NHẤT THIẾT TRÙNG** (Loài trùng) **ĐẮC PHẬT KÝ** (Thọ ký) **KHẾ**:

Trước tiên chắp 2 tay lại. Dựng đứng 2 ngón út, co 2 ngón vô danh vào trong lòng bàn tay. Hai ngón giữa cài ngược nhau, bên phải đè bên trái trong lòng bàn tay. Hai ngón trỏ đều móc 2 ngón giữa. Hai ngón cái đều vịn bên cạnh lằn giữa của ngón trỏ. Hai ngón út đều cong lại sao cho đừng dính vào ngón vô danh.

6) **BÍ MẬT KHẾ** cũng có tên là **TÂM TRUNG ẤN**:

Trước tiên chắp 2 tay lại. Các ngón trỏ, ngón vô danh, ngón út cùng cài ngược nhau trong lòng bàn tay. Đem dấu đầu ngón cái bên trong lòng bàn tay và vịn trên móng cả 3 ngón (trỏ, vô danh, út).

7) **GIẢI THOÁT KHẾ** cũng có tên là **HỘ NIỆM THẬP PHƯƠNG KHẾ**:

Trước tiên chắp 2 tay lại, để ngay trái tim. Hơi co 3 ngón trỏ, vô danh, út vào trong lòng bàn tay sao cho các móng tay chung lưng nhau. Đem dấu đầu ngón cái vào

trong lòng bàn tay và vịn bên cạnh lóng giữa của ngón vô danh. Ngón giữa giương mở ngang lóng tay cùng chung lưng

8) **NHƯ LAI TÂM KHẾ**:

Trước tiên ngửa lòng bàn tay phải. Dùng **Tịnh Tâm** quán. Đem ngón cái vịn bên cạnh vằn giữa của ngón vô danh. Bốn ngón còn lại nắm thành quyền.

_ Đức Phật bảo các Đại Chúng: "Sám Hối như vậy là tuân theo Bồ Đề sinh tất cả chư Phật. Lúc phát Tâm Bồ Đề thời tự mình chẳng khởi ý thấp kém, chẳng che dấu các tội, tức là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Này **Thiện Nam Tử** (Kulaputra)! Nên biết **Bồ Đề Tâm Khế** (Bodhi-citta-mudra) này chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao vậy? Ta nhớ về thời quá khứ, Ta tu Hạnh Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp, gom chứa Công Đức cũng vượt qua vô lượng kiếp. Tu học khổ hạnh như vậy trải qua ngàn hằng hà sa kiếp, nhưng rốt ráo vẫn không ghi được một điều nào. Tại sao thế? Vì Ta có Tâm Nguyện thấp kém và còn tội dư thừa (Hữu dư tội) nên kiếp kiếp *sám tạ* (sám hối cầu xin tha tội) vẫn chẳng hết được.Vì Sám chẳng hết nên dẫn đến tai họa. Vì tội lỗi của quá khứ nên dẫn đến việc gây ra chướng nạn khiến cho chẳng được thành Phật. Do tự tâm của Ta chân thật cầu chư Phật nên phát ra rất nhiều (Nhược Can) Thệ Nguyện. Phát Nguyện xong rồi, trong khoảng khắc Tịnh Tín (tin tưởng trong sạch) liền được Khế này, xưng là **Nhất Thiết Chư Phật Đại Bồ Đề Tâm** (Sarva-buddhānāṃ-mahā-bodhi-citta). Ta kết Khế này, lập Sám Hối ngay thì trong một thời đều dẹp tan được hết thảy chướng nạn. Mười phương chư Phật thọ ký, ban hiệu cho Ta trong tương lai được tên gọi là **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) có đầy đủ ***mười Lực*** và ***bốn Vô Sở Úy*** .

Này Thiện Nam Tử! Giả sử có chúng sinh làm cho: thân của 10 vị Phật đổ máu, thân của 100 vị Phật đổ máu, thân của 1000 vị Phật đổ máu, thân của một vạn vị Phật đổ máu, thân của trăm ngàn ức vị Phật đổ máu cho đến thân của hằng hà sa số vị Phật đổ máu, thân của bất khả số bất khả số vị Phật đổ máu… mà kết Ấn này của Ta, tụng **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni** của Ta ba biến, cứ một câu một biến, một lần xưng danh tự. Nếu kẻ đó còn có tội dư thừa lộ ra với chúng sinh thì không thể có chuyện này. Tại sao vậy? Nếu có tội còn dư thừa lộ ra với chúng sinh thì tất cả chư Phật liền mất Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có một người khởi Tâm Từ Bi, kết Khế này của Ta, rộng vì **Đại Thiên** xưng nói. Vì chúng sinh nâng Ấn, chỉ khắp mười phương Giới thì tất cả tội chướng, bệnh, khổ não… của hết thảy chúng sinh đều tiêu diệt trong một thời không còn dư sót, liền chứng **Sơ Địa** (Càn Tuệ Địa: Śukla-vidarśaṇā-bhūmi) mà tất cả chúng sinh cũng chẳng hay biết.

Nếu vào **cung Ma** (Māra-pura), kết trì Khế này thì **Ma Vương** (Māra-rāja) thuận phục, nhớ lại việc xưa mà buông bỏ **nghiệp Ma** (Māra-karma)

Nếu vào **cung vua** (Rāja-pura), kết trì Ấn này thì nhà vua liền khởi Từ Nhẫn, dùng chính pháp trị người

Nếu gặp nạn về vua chúa, vào châu huyện bị gông cùm xiềng xích. Kết trì Ấn này thì được giải thoát khỏi nạn gông cùm xiềng xích, vua quan tự khai ân, cả hai bên được hòa vui.

Nếu có người ngày ngày làm việc này thì tất cả Thế Gian không có việc gì không điều thuận được, Long Vương vui vẻ hay tuôn mưa xuống. Hết thảy kẻ có Tâm tàn độc trong tất cả Thế Gian đều hòa vui.

Nếu vào nơi chiến đấu, dùng Ấn này chỉ vào thì quân của hai bên liền hòa giải, không một bên nào bị tổn hại.

Thiện Nam Tử! Ta dùng Ấn này, chẳng thể lấy điều gì so sánh được, cho nên chỉ dùng một ví dụ để biết.

Này Thiện Nam Tử! Chư Thiên ở mười phượng, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của một vị **Na La Diên** (Nārāyaṇa). Các Na La Diên ở mười phương thế giới, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của một vị Bồ Tát. Tất cả Bồ Tát ở mười phương thế giới, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của đầu một sợi lông của một Đức Như Lai

Này Thiện Nam Tử! Giả sử một vị Phật hay làm mọi thứ sức lực chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng giống như sức lực của vô lượng chư Phật. Tại sao thế? Vì tất cả Như Lai cùng trụ trì, cùng tùy hỷ, cùng ấn khả cho nên tất cả Như Lai đều từ đây sinh ra. **Bồ Tát** (Bodhisatva), **Kim Cương** (Vajra) âm thầm hỗ trợ cho đến Bồ Đề không có **Nhị Kiến** *(tức **Đoạn Kiến** và **Thường Kiến**. Hoặc **Vô Kiến** và **Hữu Kiến**).*

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói về công dụng của Khế này thì trọn cả kiếp cũng chẳng thể nói hết được, cũng chẳng thể luận bàn được.Nếu có chúng sinh muốn đến **Phật Vị**, khởi đầu được chút ít về Khế này thì vẫn hơn Bậc Sơ Địa vì Bậc này cũng chưa nghe biết, cũng chẳng thể nói đủ được.

Căn Bản của Bồ Đề sinh từ một Tâm, sinh từ *một Pháp*, sinh từ *cái thấy sai khác* (Dị Kiến), sinh từ *sự chặt đứt yêu ghét*, sinh từ sự *xa lìa nghiệp giết chóc*, sinh từ *Tịnh Thổ vô thủy*, sinh từ *Pháp quyết định*, sinh từ *Chất Trực Vô Vi*, sinh từ *sự nhu hòa thuận nhẫn*, sinh từ *sự dũng mãnh tinh cần*, sinh từ *lòng thương xót tất cả chúng sinh*, sinh từ *Đại Từ Bi*, sinh từ *sự không sợ hãi* (vô úy), sinh từ *sự khổ đau của nạn*, sinh từ *sự chẳng buông bỏ chúng sinh*, sinh từ *sự kính dưỡng cha mẹ*, sinh từ *sự hiếu thuận với sư trưởng*, sinh từ *Tâm chẳng nóng nảy*, sinh từ *Tâm chẳng hèn kém*, sinh từ *sự tĩnh ba nghiệp*. Này Thiện Nam Tử Đây là **Bồ Đề Căn Bản Khế**

Thiện Nam Tử! Tất cả Thiên Tiên, Rồng, Thần, bốn vị Thiên Vương, Kim Cương, Thanh Văn, Bích Chi Phật, chúng Thánh của bốn Quả với Bồ Tát Ma Ha Tát hành việc của Bồ Tát mà được thông suốt đầy đủ thì không bao giờ có việc đó. Tại sao thế ? Như việc này là **Hạnh** (Caryā) của chư Phật, trừ khi Đức Phật dùng năng lực bên ngoài (ngoại năng) hành việc này tức là thân Phật chẳng thể nghĩ bàn cho nên đây chẳng phải là việc của Bồ Tát.

Này Thiện Nam Tử! Cho đến Bồ Tát, Kim Cương chẳng trì Khế này, giả sử đạt đến **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) cũng chẳng được **Thọ Ký** (Vyākaraṇa). Tại sao thế? Vì không có Bồ Đề vậy.

Thiện Nam Tử! Nếu có người hoặc tu một Pháp, trăm Pháp, ngàn vạn Pháp, bất khả số Pháp mà chẳng trì Ấn này thì không có phần của một Pháp, chúng Thánh chẳng vui, Thiên Thần chẳng giúp. Nghiệp **Linh** đã tu, chỉ được thông chút ít, cùng làm chung với Ma Vương, cũng chẳng phải **Chính Sĩ** (Bậc tu hành chân chính) .

Nếu trì Khế này không gián đoạn thì ***tịnh và bất tịnh***, **trì và chẳng trì**, ***cúng dường và chẳng cúng dường***, cho đến gây tạo đủ các nghiệp bất thiện mà có thể ở trong một niệm tạm nhớ Khế này, giữ gìn chẳng quên, ắt sau khi chết sẽ sinh về cõi Trời **Thiện Trụ** (Sutiṣṭa), chứng **Bồ Đề Vương** (Bodhi-rāja), cũng được làm **Quán Đỉnh Kim Luân Vương** của Đại Thiên Giới.

Nếu hay tịnh Tâm với Thân, một ngày 12 thời mà 10 thời tạo ác chỉ có hai thời ghi nhớ suy tư về **Niết Bàn của Pháp** chẳng sai lầm, chẳng thoái lui thì *nhục thân* (thân máu thịt) liền chứng Bồ Đề, bay bổng dạo chơi (du đãng) khắp mười phương giống như Phật, không sai khác.

Thiện Nam Tử! Như Khế này là nguồn gốc của hết thảy Ấn Khế trong mười phương thế giới. Thời Đại Thần, Đại Dược Xoa Vương, Bồ Tát, Kim Cương, tám Bộ Trời Rồng thường đến vệ hộ như Phật không khác, chỉ trừ Đức Như Lai ra không ai có

được sức lực này. Chư Hữu sở tu, liền tự cầm đến cũng không có thiếu sót chút nào. ***Trí Tuệ Môn văn Phật Trí Giả*** (Bậc theo môn Trí Tuệ nghe về Trí Tuệ của Phật) thảy đều hiểu thấu. Trí của Bồ Tát cũng chẳng thể nói đủ được.

Khế này không có bản lưu hành, bí mật chẳng được nói ra. Như Thần Thông này gia hộ thì đã bảo cho mọi người, tuy thấy chúng mà chẳng thấy người vay mượn. Tại sao thế ? Vì mệnh căn mỏi mệt vậy. Thần thông đắc được, chỉ tự mình biết thôi.

❒ BÁT GIA BÍ LỤC ghi rằng: "Đại Tùy Cầu Bát Ấn Pháp, một quyển (Duy Cẩn- Nhân Vận)

Bởi vì đảm nhận Pháp này. Diên Bảo năm thứ ba, năm Ất Mão, tháng Giêng ghi chép xong_ Kim Cương Thừa, Phật Tử TĨNH NGHIÊM (37 tuổi)

_ Thiên Minh cải nguyên, năm Tân Sửu, tháng năm nhuận _ Dùng Tạng bản của **Vũ Trị Tuệ Tâm** viện, viết chép xong_ Viện Trí Tích ĐÔNG VÕ TỪ NHẪN

_ Hưởng Hòa cải nguyên, mùa Thu năm Dậu, tháng bảy_ Dùng Bản này chép xong, liền đối chiếu với Quốc Tự (chữ Hán) sửa chữa và khắc lên bản gỗ để in_ Phong Sơn Sa Môn KHOÁI ĐẠO ghi, một lần kiểm tra xong

_ Hưởng Hòa năm thứ ba, tháng tư, ngày mồng năm_ Lúc trời rạng sáng, cầm bút ghi_ TỪ THUẬN

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 25/08/2001

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1156B (Tr.650_ Tr.651)

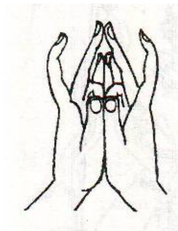
TÔNG QUYỂN TĂNG CHÍNH
ở nơi truyền khẩu của **Đường Quốc Sư**

Sưu tập Thủ Ấn và Việt dịch: HUYỀN THANH

1) **ĐẠI TÙY CẦU CĂN BẢN ẤN:**

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội tương xoa), hợp dựng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ phía sau lưng 2 ngón giữa rồi hơi co lại như móc câu. Hợp dựng 2 ngón út, 2 ngón cái rồi hơi co lại, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Phộc Nhật-La** (Vajra). Đời Đường dịch là **Ngũ Cổ Kim Cương** (Chày Kim Cương có 5 chấu)



2) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN:**

Úp tay trái, ngửa tay phải sao cho dính lưng nhau. Ngón giữa trợ lưng cùng móc cứng nhau như hình cây búa, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Bạt La Thú** (Paraśū). Đời Đường dịch là **Việt Phủ** (Cây Búa)

(**Ấn** ghi là: Dựng lưng 2 bàn tay, ngón giữa cùng móc nhau)



3) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN**:

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền. Dựng 2 ngón giữa dính đầu nhau rồi co lại khiến cho tròn trịa, liền thành

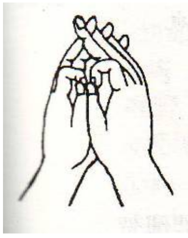
Tiếng Phạn nói **Bả La Bá xả** (Prapāśa). Đời Đường dịch là: **Sách** (sợi dây)



4) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIM CƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN ẤN**:

Chắp hai tay lại. Co lóng giữa của 2 ngón trỏ khiến bằng phẳng, đồng thời 2 đầu ngón dính nhau, liền thành.

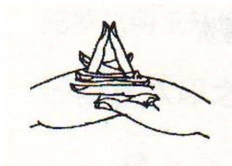
Tiếng Phạn nói **Kiệt Nga** (Khaḍga). Đời Đường dịch là **Kiếm** (cây kiếm)



5) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN ẤN:**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền (Ngoại tương xoa) Hợp dựng 2 ngón vô danh, đem 2 ngón út giao nhau, liền thành.

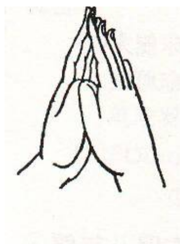
Tiếng Phạn nói **Chước Yết La** (Cakra). Đời Đường dịch là **Luân** (bánh xe)



6) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT GIỚI ẤN CHÂN NGÔN:**

Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Dựng hợp các ngón còn lại như hình Tam Kích Xoa (cây giáo có 3 chỉa) liền thành.

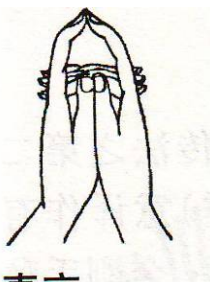
Tiếng Phạn nói **Để lị Thú La** (Triśūla). Đời Đường dịch là **Tam Cổ Xoa**



7) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN ẤN:**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền. Dựng 2 ngón trỏ trụ đầu ngón dính nhau như hình báu. Kèm cứng 2 ngón cái, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Tiến Đá Ma Ni** (Cintāmaṇi). Đời Đường dịch là **Bảo** (viên ngọc báu Như Ý)



8) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN ẤN:**

Ngửa tay trái đặt ngay trái tim, dương 5 ngón tay. Đem tay phải úp trên tay trái cùng hợp nhau bằng phẳng, liền thành.

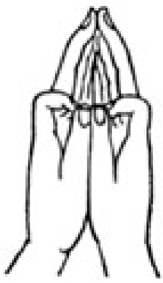
Tiếng Phạn nói **Ma Ha Vĩ Nễ-Dã Đà La Ni** (Mahā-vidya-dhāraṇī). Đời Đường dịch là **Đại Minh Tổng Trì** .



Từ Giác Đại Sư nói **Đại Tùy Cầu Ấn** chính là **Nội Phộc Ngũ Cổ Ấn**

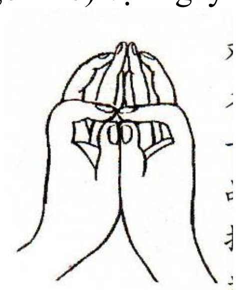
❒ **TÔN THẮNG PHẬT ĐỈNH ẤN:**

Chắp tay giữa rỗng, co 2 phong (2 ngón trỏ) sao cho móng ngón tay cùng đối nhau. Đem 2 Không (2 ngón cái) vịn bên cạnh 2 Phong (2 ngón trỏ) như thế búng ngón tay



❒ **VĂN THÙ CĂN BẢN ẤN :**

Chắp tay giữa rỗng, úp 2 Hỏa (2 ngón giữa) vịn 2 Thủy (2 ngón vô danh) sao cho đầu ngón trụ dính nhau. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn ngay trên 2 Không (2 ngón cái) .



Lại nói Nội Phộc. Hợp dựng 2 Địa (2 ngón út), co 2 Phong (2 ngón trỏ) đặt nằm ngang trên 2 Không (2 ngón cái) .

❒ **MÃN TÚC CÚ ẤN:**

Hợp 2 Địa (2 ngón út) như cây kim. Hai Thủy (2 ngón vô danh) móc nhau bên trong lòng bàn tay. Hai Hỏa (2 ngón giữa) như hình báu. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn trên 2 Không (2 ngón cái)

Chân Ngôn là**: "A vĩ la hồng khiếm"**

*) A VIRA HŪṂ KHAṂ

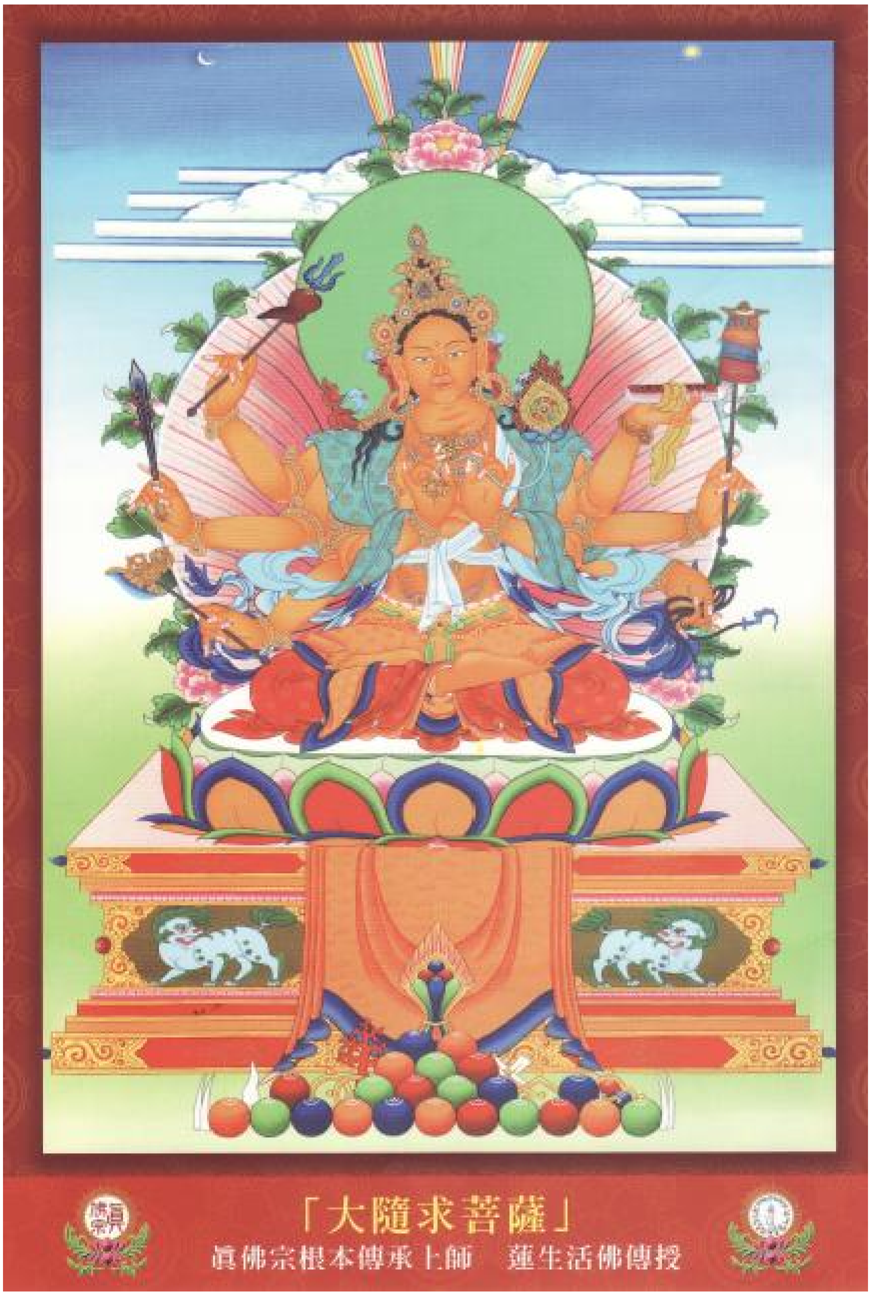
Trinh Quán năm thứ 19, tháng ba, ngày 12

Truyền **Đại Bi Tam Muội Gia Chân Ngôn** là:

"Quán Âm bát nột mang, sâm mãn đá cốt đà nẫm _ Át duệ thiền tá gia, tát la-bả tát đát-bả, xả dã tát đá , tát-bả ha"

AVALOKITEŚVARA-PADMAṂ _ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ AYIKATĀYA _ SARVA-SATVA SAYATNA SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/05/2014



Mật Tạng Đồ Tượng 9 (Tr.280_ Tr.284)

TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạn văn: HUYỀN THANH

NAMA SARVA TATHĀGATANĀṂ
NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHĀ BUDHISATVABHYAḤ _ BUDDHA DHARMA SAṂGHEBHYAḤ
TADYATHĀ: OṂ VIPURA GARBHE
VIPURA VIMARE JAYA GARBHE
VAJRA JVARA GARBHE
GATI GAHANE
GAGANA VIŚODHANE
SARVA PĀPA VIŚODHANE
OṂ GŪNṆ VATI
GAGARIṆI
GIRI GIRI
GAMĀRI GAMĀRI
GAHA GAHA
GARGARI GARGARI
GAGARI GAGARI
GARBHARI GARBHARI
GATI GATI
GAMANE GARE
GŪRU GŪRU GŪRUNE
CALE ACALE MUCALE
JAYA VIJAYA
SARVA BHAYA VIGATE
GARBHA SAṂBHARAṆI
SIRI SIRI
MIRI MIRI
GHIRI GHIRI
SAMANTA KARṢAṆI
SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI
RAKṢA RAKṢA _MAMA (.......) SYA
SARVA SATVĀNĀṂCA
VIRI VIRI
VIGATA AVARAṆA
BHAYA NĀŚANI
SURI SURI
CILI
KAMARE VIMARE JAYA
JAYA VAHE
JAYA VATI BHAGAVATI
RATNA MAKŪṬA MĀRA DHARIṆI
MAHU VIVIDHA VICITRA

VECA RUPA DHĀRIṆI
BHAGAVATI MAHĀ-VIDYĀ ṆIVI
RAKṢA RAKṢA_MAMA (......) SYA
SARVA SATVĀÑĀṂCA
SAMANTA _ SARVA TRA _SARVA PĀPA VIŚODHANI
HURU HURU
NAKṢATRA MALA DHĀRIṆI
RAKṢA RAKṢA MĀṂ
MAMA (.......) ANATHA SYA
ATRAṆAPARĀYAṆA SYA
PARIMOCA YA ME
SARVA DUḤKHEBHYAḤ
CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI
VAGA VATI
SARVA DUṢṬA NIVARAṆI
ŚATRŪ-PAKṢA PRAMATHANI
VIJAYA VAHINI
HURU HURU
MURŪ MURŪ
CURU CURU
AYUḤ PĀRANI SURA
VARA MARTHANI
SARVA DEVATA PUCITE
DHIRI DHIRI
SAMANTA AVALOKITE PRABHE
PRABHE SUPRABHA VIŚUDDHI
SARVA PĀPA VIŚODHANE
DHARA DHARA DHARANI
DHARA DHARE
SUMU SUMU
RURU CALE
CĀRAYA DUṢṬA PURAYA _ ME AŚĀṂ ŚRĪ
VAPUDHANAṂ
JAYA KAṂMALE
KṢIṆI KṢIṆI
VARADE VARADOṂKUŚE
OṂ_ PADMA VIŚUDDHE
ŚODHAYA ŚODHAYA ŚUDDHE
BHARA BHARA
BHIRI BHIRI
BHURU BHURU
MAṂGALA VIŚUDDHE
PACITRA MUḤKHI
KHARGAṆI KHARGAṆI
KHARA KHARA
JVALITA ŚIRE
SAMANTA PRASARITA VABHASITA ŚUDDHE
JVALA JVALA
SARVA VAGAṆA SAMA AKARṢAṆI

SATYA VATE
TARA TARA TĀRIYA MAṂ
NAGA VILOKITE
LAHU LAHU
HUNU HUNU
KṢIṆI KṢIṆI
SARVA GRAHA BHAKṢAṆI
PIṂGARI PIṂGARI
CUMU CUMU
SUMU SUMU
CUVI CARE
TARA TARA
NĀGA VILOKITE TĀRAYA TUMAṂ
BHAGAVATI
AṢṬA MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ
SAMUDRA SĀGARA PARYAṂTAṂ PĀTĀRA
GAGANA TARAṂ
SARVA TRA_ SAMANTENA
DIŚĀ BANTENA
VAJRA PRAKĀRA
VAJRA PĀŚA BANDHANENA
VAJRA JVARA VIŚUDDHE
BHURI BHURI
GARBHA VATI
GARBHA VIŚODHANI
KUKṢI SAPURAṆI
JVARA JVARA
CARA CARA
JVARINI PRAVARṢA TUDE
SAMANTENA DIBHYODAKENA
AMṚTA VARṢAṆI
DEVATA DEVATĀ DHARAṆI
ABHICICA TUME
SUGATA
VARA VACANA
AMṚTA VARA VAPUṢE
RAKṢA RAKṢA_MAMA (.......) SYA
SARVA SATVANAṂCA
SARVA TRA_ SARVA DA
SARVA BHAYEBHYAḤ
SARVOPADRAVEBHYAḤ
SARVA SARGEBHYAḤ
SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTA SYA
SARVA KARI KARAHĀ
VIVADA DUḤSVĀPNA ADṚNIMITA
AMAṂGALYA
PĀPA VINĀŚENI
SARVA YAKṢA RAKṢASA NAGA NIVARAṆI
SARAṆISARE

BALA BALA _ BALA VATI
JAYA JAYA JAYA _ JAYA TUMAṂ
SARVA TRA_ SARVA KARAṂ SIDDHYAṂ TUME
IMAṂ MAHĀ-VIDYAṂ SĀDHAYA
SĀDHAYA SARVA MAṆḌARA SĀDHANE GHĀTAYA
SARVA VIGHNAṂ
JAYA JAYA
SIDDHE SIDDHE
SUSIDDHE SUSIDDHE
SIDYA SIDYA
BODYA BODYA
BODHAYA BODHAYA
PURAYA PYRAYA
PURAṆI PURAṆI
PURAYA ME AŚAṂ
SARVA VIDYA DHIGATA MURTTE
JAYOTTARI JAYA VATI
TIṢṬA TIṢṬA
SAMAYAM ANUPĀRAYA
TATHĀGATA-HṚDAYA ŚUDDHE
VYAVAROKAYA TUMAṂ
AṢṬA BHI_ MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ
SARA SARA _PRASARA PRASARA
SARVA VARAṆA VIŚODHANI
SAMANTĀ KĀRA MAṆḌARA VIŚUDDHE
VIGATE VIGATE VIGATA
MARE VIŚODHANI
KṢIṆI KṢIṆI
SARVA PĀPA VIŚUDDHE
MARA VIGATE
TEJA VATI
VAJRA VATI
TRAILOKYA ADHIṢṬITE _ SVÀHÀ
SARVA TATHĀGATA BUDDHA NAVIṢIKTE_ SVĀHĀ
SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ
SARVA DEVATA ABHIṢIKTE _ SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA DHIṢṬITA HṚDAYE _ SVĀHĀ
SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE _ SVĀHĀ
INDRE_ INDRA VATI_ INDRA VYAVALOKITE_ SVĀHĀ
BRAHME BRAHMA DHIYIṢITA _ SVĀHĀ
VIŚUṢṆA NAMAḤ SKṚTA PUJITĀYE_ SVĀHĀ
VAJRA DHARA_ VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE _ SVĀHĀ
DHṚTA-RĀṢṬRA _ SVĀHĀ
VIRUḌHAKĀYA _ SVĀHĀ
VIRUPĀKṢAYA _ SVĀHĀ
VAIŚRAVAṆAYA _ SVĀHĀ
CATURA MAHA-RĀJA NAMASKṚTAYA _ SVĀHĀ
YAMĀYA _ SVĀHĀ
YAMĀ PUJITA NAMASKṚTAYA _ SVĀHĀ

VARUṆAYA _ SVĀHĀ
MARUTAYA _ SVĀHĀ
MAHĀ-MĀRUTAYA _ SVĀHĀ
AGNAYE _ SVĀHĀ
NAGA VIROKITE _ SVĀHĀ
DEVA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
NAGA- GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
YAKṢA- GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
RAKṢASA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
GANDHARVA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
ASURA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
GARUḌA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
KINDARA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
MAHORAGA-GAṆIBHYAH _ SVĀHĀ
MANUSYEBHYAḤ _ SVĀHĀ
AMANUSYEBHYAH _ SVĀHĀ
SARVA GRAHEBHYAH _ SVĀHĀ
SARVA NAKṢATREBHYAḤ _ SVĀHĀ
SARVA BHUTEBHYAḤ _ SVĀHĀ
PRETEBHYAḤ _ SVĀHĀ
PIŚASEBHYAḤ _ SVĀHĀ
APASMAREBHYAḤ _ SVĀHĀ
KŪMBHAṆḌIBHYAḤ _ SVĀHĀ
OṂ_ DHURU DHURU _ SVĀHĀ
OṂ_ TURU TURU _ SVĀHĀ
OṂ_ MURU MURU _ SVĀHĀ
HĀNA HĀNA SARVA ŚATRŪNAṂ_ SVĀHĀ
DĀHA DĀHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬAṆAṂ _ SVĀHĀ
PACA PACA SARVA PRANYALIKA PRATYAMITRANAṂ
YE_ MAMA (......)_AHITE ṢIṆA _ TEṢAṂ SARVEṢAṂ ŚARIRAṂ JVARAYA DUṢṬA CITTĀNAṂ _ SVĀHĀ
JVALITAYA _ SVĀHĀ
PRAJVALITĀYA _ SVĀHĀ
DĪPTA JVALĀYA _ SVĀHĀ
SAMANTA JVARAYA _ SVĀHĀ
MAṆI-BHADRAYA _ SVĀHĀ
PURṆA-BHADRĀYA _ SVĀHĀ
MAHĀ-KĀRĀYA _ SVĀHĀ
MATRI-GAṆAYA _ SVĀHĀ
YAKṢIṆĪNAṂ _ SVĀHĀ
RAKṢASĪNAṂ _ SVĀHĀ
AKAŚA MATRĪNAṂ_ SVĀHĀ
SAMUDRA VASIHĀ DIVASA-CARĀṆAṂ _ SVĀHĀ
TRISANTIYA-CARĀṆAṂ _ SVĀHĀ
VERĀ-CARAṆAṂ _ SVĀHĀ
AVERA-CARĀṆAṂ _ SVĀHĀ
GARBHA HĀREBHYAḤ _ SVĀHĀ
GARBHA SANTRAṆI _ SVĀHĀ
HURU HURU _ SVĀHĀ

OṂ _ SVĀHĀ
SVĀḤ _ SVĀHĀ
BHUḤ SVĀ BHUVAḤ _ SVĀHĀ
OṂ_ BHUR-BHUVAḤ SVĀḤ _ SVĀHĀ
CIṬI CIṬI _ SVĀHĀ
VIṬI VIṬI _ SVĀHĀ
DHARAṆI _ SVĀHĀ
DHARAṆI _ SVĀHĀ
AGNI _ SVĀHĀ
TEJO VAPU _ SVĀHĀ
CIRI CIRI _ SVĀHĀ
SIRI SIRI _ SVĀHĀ
BUDHYA BUDHYA _ SVĀHĀ
SIDHYA SIDHYA _ SVĀHĀ
MAṆḌARA SIDDHE _ SVĀHĀ
MAṆḌARA BANTE _ SVĀHĀ
SĪMA BANDHANI _ SVĀHĀ
SARVA ŚATRŪNĀṂ _ SVĀHĀ
JAMBHA JAMBHA _ SVĀHĀ
STAMBHAYA STAMBHAYA _ SVĀHĀ
CINDA CINDA _ SVĀHĀ
BHINDA BHINDA _ SVĀHĀ
BHAÑJA BHAÑJA _ SVĀHĀ
BANDHA BANDHA _ SVĀHĀ
MOHĀYA MOHĀYA _ SVĀHĀ
MAṆI VIŚUDDHE _ SVĀHĀ
SURYE _ SURYE _ SURYA _ VIŚUDDHE VIŚUDHANI _ SVĀHĀ
CANDRE_ SUCANDRE _ PURṆA-CANDRE _ SVĀHĀ
GRAHEBHYAḤ _ SVĀHĀ
NAKṢATREBHYAḤ _ SVĀHĀ
ŚIVE _ SVĀHĀ
ŚANTI _ SVĀHĀ
SDHYAYANE _ SVĀHĀ
ŚIVAṂ KARA _ ŚANTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI _ SVĀHĀ
ŚRĪ KARI _ SVĀHĀ
ŚRĪYA VARDHANI _ SVĀHĀ
ŚRĪYA JVARANI _ SVĀHĀ
NAMOCI _ SVĀHĀ
MARUCI _ SVĀHĀ
VEGA VATI _ SVĀHĀ

Ứng Vĩnh năm thứ 11, tháng bảy, ngày 19_ Viết xong_ HOẰNG PHẠM

Bảo Vĩnh năm thứ tám, Tân Mão, tháng ba, ngày Vọng_ Khiến kính tín ghi chép_ Khe suối Đâu Suất, chùa Kê Đầu _ Tự giảng NGHIÊM GIÁC

19/06/1998

ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KHÁM CHÚ

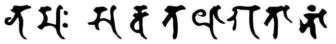
(Y theo bản dịch của BẤT KHÔNG, ngoài ra trợ thêm các văn)

Phạn Hán: Sa Môn MINH GIÁC
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH



BUDDHA (Phật) ABHIṢINĀṂ (thuyết, nói) SAMANTA (Phổ biến) JVALA (diễm, ánh lửa) MĀLĀ (Man, vòng hoa) VIŚUDDHE (thanh tịnh) SPHURIKṚTA (Xí thịnh. *Hoặc ghi là:* (*VISPHURITA). Đường Viện Văn Thù Tát ghi là:* (*SHURITA) nói là* ***duỗi khắp***) CINTĀMAṆI (Tư Duy Bảo) MUDRA (Ấn) HṚDAYA (Tâm) APRAJITA (**Vô Năng Thắng**. Bản khác ghi là: APARAJITA) DHARAṆI (**Tổng Trì**. Bản khác ghi là: (DHARAṆĪ) PRATISARĀ (Tùy Cầu) MAHĀ (Đại, to lớn) VIDYA (Minh) RĀJA (Vương)

_Phần trên là Đề Mục. Nghi Quỹ và Đường Bản không có. Bản khác dùng điều này làm Nội Đề. cuối cùng có câu (SAMĀPTA)



NAMAḤ (Kính lễ) SARVA TATHĀGATĀNĀṂ (Tất cả các Như Lai)



NAMO (Quy mệnh) NAMAḤ (Kính lễ) SARVA BUDDHĀ BODHISATVEBHYAḤ (Tất cả Phật Bồ Tát Đẳng. Chữ (TVA), **Kinh** ghi là **Đát-Phộc** xem sự thông biệt của Phạn Văn, bên dưới ghi (BHYAḤ) ắt bên trên có điểm (E) , đây gọi là Đẳng. Nay bên dưới ghi là **Tỳ-dược** cho nên trên chữ (TVA) có thể có điểm (E). Nếu như Đường Bản không có điểm (E) và chữ **Tỳ-dược** cũng có thể là việc như vậy) BUDDHĀ DHARMMA (?DHARMA) SAṂGHEBHYAḤ (nhóm Phật Pháp Tăng)



TADYATHĀ (như thường) OṂ (như thường) VIPULA (quảng bác, rộng rãi) GARBHE (Tạng)



VIPULA (quảng bác) VIMALE (vô cấu, không có dơ. Là nước) JAYA (Thắng) GARBHE (Tạng)



VAJRA JVALA-GARBHE (Kim Cương Diễm Tạng)



GATI GAHANE (**Tôn Thắng** ghi là: Rừng đông đúc của sáu nẻo) GAGANA VIŚODHANE (tĩnh trừ như hư không)



SARVA PĀPA VIŚODHANE (tĩnh trừ tất cả tội)

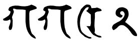
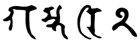
OṂ (như thường) GUṆA (Công Đức) VATI (cụ, đủ)


GAGARIṆI

GARI GARI

GAMARI GAMARI

GAHA GAHA

GARGĀRI GARGĀRI

GAGARI GAGARI

GAMBHARI GANBHARI (thậm thâm, sâu thẳm)

GATI GATI (Hành xứ, nơi đi đến)

GAMANI GAMANI

GARE

GURU GURU (tôn trọng, tôn trọng) GURUNE CALE

ACALE (Vô động, không có lay động) MUCALE

JAYE (Thắng) VIJAYE (Tối Thắng)

SARVA BHAYA (tất cả nỗi sợ) VIGATE (ly, xa lìa)

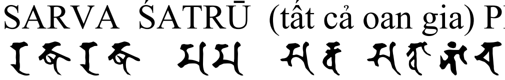
GARBHA SAṂBHARAṆI

SIRI SIRI

MIRI MIRI

GHIRI GHIRI

SAMANTĀ (phổ, khắp cả) KARṢAṆI [ (AKARṢAṆI) tức là *Nhiếp Triệu*]

SARVA ŚATRŪ (tất cả oan gia) PRAMATHANI (tồi phục)

RAKṢA RAKṢA (ủng hộ, ủng hộ) MAMA (Tôi, người thọ trì. Có thể xưng tên của mình hoặc tên của người khác) SARVA SATVĀNĀṂCA (tất cả các hàng chúng sinh. Liên kết với phần trên là: *Ủng hộ tôi....với tất cả hàng chúng sinh*)

VIRI VIRI

VIGATĀ (ly, xa lìa) VARAṆA [(AVARAṆA) là chướng] BHAYA (Bố úy, đáng sợ) NĀŚANI (trừ diệt)

SURI SURI

CILI CILI

KAMALE (như hoa sen) VIMALE (vô cấu, không có dơ) JAYE (thắng)

JAYĀ VAHE (Thắng thỉnh)

JAYA VATI (Cụ Thắng)

BHAGAVATI (Thế Tôn)

RATNA MAKUṬA (Mão báu) MĀLĀ DHĀRIṆI (Trì man, cầm vòng hoa)

BAHU (đa, nhiều) VIVIDHA (chủng chủng, mọi loại) VICITRA (tạp sắc) VEṢA (hình) RŪPA (sắc, hình chất) DHĀRIṆI (Tổng Trì)

BHAGAVATI (Thế Tôn)

MAHĀ (Đại, to lớn)

SARVA SATVĀNĀṂCA (Ủng hộ tôi....với tất cả hàng chúng sinh)

SAMANTĀ (Phổ biến, tràn khắp cả) SARVATRA (tất cả nơi chốn)

SARVA PĀPA (tất cả tội) VIŚODHANE (tĩnh trừ)

HURU HURU

NAKṢATRA (Tinh Tú) MĀLĀ-DHĀRIṆI (Trì man, cầm vòng hoa)

RAKṢA RAKṢA MĀṂ (Ủng hộ tôi)

MAMA (họ tên là......)

VIDYĀ (Minh) DEVI (Thiên Nữ)

RAKṢA RAKṢA MAMA (họ tên, tôi là.... Ở đây xưng tên của mình hoặc tên của người khác)

ANĀTHASYĀ

TRĀṆAPARĀYAṆASYĀ

PARI (Đều) MOCA (Giải thoát) YAME (nay tôi)

SARVA DUḤKHEBHYAḤ (tất cả nhóm khổ)

CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI

VEGA VATI

SARVA (tất cả) DUṢṬA (ác) NIVĀRAṆI (già, ngăn che)

ŚATRŪ-PAKṢA (oán đảng) PRAMATHANI (phá)

VIJAYA (tối thắng) VÀHINI

HURU HURU

ARA MURA

CURU CURU

ĀYUḤ (Thọ mệnh) PĀLANI (hộ giúp) SURA

VARA MATHANI

SARVA DEVATĀ (tất cả Thần) PŪJATE (cúng dường)

DHIRI DHIRI

SAMANTĀ (Phổ, khắp cả) VALOKITE [**Quán**. Chữ 𑖀 (A) đầu tiên ở trên chữ 𑖡𑖿𑖝𑖯 (NTĀ)]

PRABHE PRABHE (Quang, ánh sáng) SUPRABHE (Diệu Quang) VIŚUDDHE (Thanh tịnh)

SARVA PĀPA (tất cả tội) VIŚODHANE (tĩnh trừ)

DHARA DHARA (Trì, gìn giữ) DHARAṆI (Tổng trì)

DHARA DHARE

SUMU SUMU

RURU CALE

CĀLAYA DUṢṬA PURAYA ME

ĀŚĀṂ ŚRĪ VAPUDHANĀṂ

JAYA KAMALE (Thắng Liên Hoa, hoa sen thù thắng)

KṢIṆI KṢIṆI

VARADE (Dữ Nguyện) VARADĀṂKUŚE [(VARADA) là Dữ Nguyện- (AṂKUŚE) là móc câu. Đường Bản, Bản của Bảo Tư Duy đều ghi là (KUŚĀ)]

OṂ_ PADMA VIŚUDDHE (như hoa sen thanh tịnh)

ŚODHAYA ŚODHAYA (Tĩnh trừ, tĩnh trừ)

ŚUDDHE (Thanh tịnh)

BHARA BHARA

BHIRI BHIRI

BHURU BHURU

MAṂGALA VIŚUDDHE (Cát khánh thanh tịnh)

PAVITRA MUKHI

KHARGAṆI KHARGAṆI (Táp, cây giáo ngắn)

KHARA KHARA

JVALITA ŚIRE

SAMANTA (Phổ, khắp cả) PRASARITĀ (chủng chủng, mọi loại) VABHASITA (chiếu diệu) ŚUDDHE (thanh tịnh)

JVALA JVALA (Kinh **Tô Tất Địa** ghi là: phóng quang, phóng ánh sáng)

SARVA DEVA-GAṆA (tất cả Thiên Chúng)

SAMA AKARṢAṆI (bình đẳng nhiếp triệu) SATYA-VATI (Đế cụ, đủ sự chân thật)

TARA TARA TĀRAYA MĀṂ (cứu độ tôi)

NĀGA VILOKITE

LAHU LAHU

HUNU HUNU

KṢIṆI KṢIṆI

SARVA GRAHA (tất cả **Chấp**) BHAKṢAṆI

PIṂGALI PIṂGALI (soi sáng, soi sáng)

CUMU CUMU

SUMU SUMU

CUVI CARE

TARA TARA

NĀGA VILOKITE TĀRAYA TUMĀṂ (cứu độ tôi)

BHAGAVATI (Thế Tôn)

AṢṬA (tám) MAHĀ-RUṆA BHAYABHYAḤ (nhóm đáng sợ)

SAMUDRA (biển) SĀGARA (biển. Hợp với phần trên nói là biển) PRATYANTĀṂ PĀTĀLA

GAGANA TALAṂ

SARVATRA_ SAMANTENA (tất cả xứ phổ biến)

DIŚĀ BANDHENA (**Đại Phật Đỉnh** ghi là: mười phương kết)

VAJRA-PRAKĀRA (Kim Cương Tường, bức tường Kim Cương)

VAJRA-PĀŚA (Kim Cương Sách, sợi dây Kim Cương) BANDHANENA (cột buộc)

VAJRA JVALA VIŚUDDHE (Kim Cương Diễm thanh tịnh)

BHURI BHURI

GARBHA VATI (Tạng cụ, đầy đủ Tạng, Đại Tạng)

GARBHA VIŚODHUNI (Tạng thanh tịnh ? VIŚODHANI)

KUKṢI SAṂPURAṆI

JVALA JVALA

CALA CALA (động, lay động)

JVALAṆI

PRAVARṢATU DEVA

SAMANTANA DIDHYODAKENA

AMṚTA (Cam Lộ) VARṢAṆI (vũ, cơn mưa)

DEVATĀ DEVATĀ (Thần, Thiên Thần)

DHARAṆI (Tổng trì) ABHIṢIṂCA TUME (quán đỉnh tôi)

SUGATA (Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành)

VARA VACANĀ (ngôn giáo thù thắng) MṚTA [**Cam Lộ**. chữ (NĀ) bên trên kéo dài tức là có chữ (A) đầu tiên] VARA VAPUṢE

RAKṢA RAKṢA MAMA (......) SARVA SATVĀNĀṂCA (Ủng hộ ủng hộ tôi... với tất cả hàng chúng sinh)

SARVATRA _ SARVADĀ

SARVA BHAYE BHYAḤ (tất cả nhóm đáng sợ)

SARVOPADRAVEBHYAḤ

SARVOPASARGEBHYAḤ

SARVA DUṢṬA (tất cả ác) BHAYA (đáng sợ) BHĪTASYA

SARVA KALI KĀLAHA VIGRAHA

VIVADĀ DUḤ-SVAPNĀṂ (mộng ác) DURNI-MITTĀ [(Tướng ác) MAṂGALLYA (chẳng tốt lành. Chữ (A) ở trên chữ (TTĀ)]

PĀPA (Tội) VINĀŚANI (Diệt trừ)

SARVA (tất cả) YAKṢA (Dạ Xoa) RAKṢASA (La Sát) NĀGA (Rồng) NIVĀRAṆI (chướng)

SARAṆI SARE

BALA BALA (lực, sức mạnh) BALA-VATI (cụ lực, đủ sức mạnh)

JAYA JAYA (Thắng, thắng) JAYA TUMĀṂ (khiến cho tôi thắng)

SARVATRA (**Đại Nhật Nghĩa Thích** ghi là: tất cả xứ) SARVA KALAṂ (tất cả Thời) SIDDHYATUME (khiến tôi thành tựu)

IMĀṂ (Thử, điều này) MAHĀ (Đại, to lớn) VIDYAṂ (Minh) SĀDHAYA SĀDHAYA (thành tựu, thành tựu)

SARVA MAṆḌALA (tất cả Đàn Trường) SĀDHANI (thành tựu) GHATĀYA (**Sát**, bờ cõi đất nước)

SARVA VIGHNĀṂ (tất cả chướng nạn)

JAYA JAYA (thắng, thắng)

SIDDHE SIDDHE (thành tựu, thành tựu) SUSIDDHE (Diệu thành tựu)

SIDDHYA SIDDHYA (Sở thành, chỗ đã thành)

BUDDHYA BUDDHYA (Sở Giác, nơi đã hiểu)

BODHAYA BODHAYA (hay khiến cho giác ngộ, hay khiến cho giác ngộ)

PŪRAYA PŪRAYA (mãn túc, đầy đủ)

PŪRAṆI PŪRAṆI PURAYA ME ĀŚĀṂ (mãn mong cầu của tôi)

SARVA VIDYĀ (tất cả Minh) DHIGATA MŪRTTE JAYOTTARI (Thắng thượng) JAYA-VATI (cụ thắng)

TIṢṬA TIṢṬA (trụ, trụ)

SAMAYA (Bản Thệ) MANU (tùy theo) PĀLAYA (hộ giúp) TATHĀGATA-HṚDAYA (Như Lai Tâm) ŚUDDHE (thanh tịnh)

VYAVALOKAYA TUMĀṂ (Quán ngã, quán sát tôi)

AṢṬA (tám) BHI (Hoặc có Bản ghi là **Tỷ-lý**, hoặc có bản ghi là **Tỷ**. Nhìn chung Đường Bản không có chữ (BHI). Bản Phạn của Bảo Tư Duy ghi là: (AṢṬABHIRI). **Kinh** ghi là: A sắt-tra tỳ-phiêu) MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ (nhóm đáng sợ)

SARA SARA (kiên cố, bền chắc)

PRASARA PRASARA (cực kiên cố, rất bền chắc. Lại là Phổ Thiện, tốt lành khắp)

SARVA AVARAṆA (tất cả chướng) VIŚODHANI (tĩnh trừ)

SAMANTA KARA [**Nghĩa Thích** ghi là (AKĀRA) là hình tướng] MAṆḌALA VIŚUDDHE (Đạo Trường thanh tịnh)

VIGATE VIGATE (ly, lìa xa) VIGATA MALA (ly cấu, lìa dơ) VIŚODHANI (tĩnh trừ)

KṢIṆI KṢIṆI

SARVA PĀPA (tất cả tội) VIŚUDDHE (thanh tịnh)

MALA VIGATE (ly cấu, lìa dơ bẩn)

TEJA-VATI (cụ uy đức, đủ uy đức)

VAJRA-VATI (cụ Kim Cương, đầy đủ Kim Cương)

TRALOKYĀ (ba đời) DHIṢṬATE (nơi gia trì). Chữ (KYĀ) tức là đầu câu có chữ (A). SVĀHĀ (thành tựu. Lại là có thể xem xét)

SARVA TATHĀGATA (tất cả Như Lai) MŪRDHNĀ (Bồ Đề Trường Đà La Ni Kinh ghi là: đỉnh đầu) BHIṢIKTE (nơi quán đỉnh) SVĀHĀ

SARVA BODHISATVĀ (tất cả Hữu Tình) BHIṢIKTE SVĀHĀ

SARVA DEVATĀ (Tất cả Thần) BHIṢIKTE SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYĀ (tất cả Như Lai Tâm) DHIṢṬITA HṚDAYE (gia trì tâm) SVĀHĀ

SARVA TATHĀGATA-SAMAYA (tất cả Như Lai Tam Muội Gia) SIDDHE (thành tựu) SVĀHĀ

INDRE (Đế) INDRA-VATI (Đế vương) INDRA VYAVALOKITE (Đế sở quán) SVĀHĀ

BRAHME BRAHMA ADHYUṢITE SVĀHĀ

VIṢṆA NAMAḤSKṚTE (Người làm lễ) SVĀHĀ

MAHEŚVARA (Đại Tự Tại) VANMITA PŪJITĀYE (Người lễ bái cúng dường) SVĀHĀ

VAJRA-DHARA (Trì Kim Cương) VAJRA-PĀṆI (Kim Cương Thủ) BALA (lực, sức mạnh) VĪRYĀ (Tinh tiến) DHIṢṬITE (nơi gia trì) SVĀHĀ

DHṚTA-RĀṢṬRA (Trì Quốc Thiên) SVĀHĀ

VIRŪḌHAKĀYA (Tăng Trưởng Thiên) SVĀHĀ

VIRŪPĀKṢĀYA (Quảng Mục Thiên) SVĀHĀ

VAIŚRAVAṆĀYA (Đa Văn Thiên) SVĀHĀ

CATUR-MAHĀ-RĀJĀYA (bốn Thiên Vương) NAMAḤSKṚTĀYA (người làm lễ) SVĀHĀ

YAMĀYA (Diễm Ma) SVĀHĀ

YAMA PŪJITA NAMAḤSKṚTĀYA (Diễm Ma cúng dường tác lễ giả) SVĀHĀ

VARUṆĀYA (Thủy Thiên) SVĀHĀ

MARUTĀYA SVĀHĀ

MAHĀ-MARUTĀYA (Ma Lỗ Đa Hỏa. **Nghĩa Thích** ghi là: Phong Thảm Hỏa) SVĀHĀ

AGNAYE (Hỏa Thiên) SVĀHĀ

NĀGA VILOKITĀYA SVĀHĀ

DEVA (Thiên) GAṆE (Chúng) BHYAḤ (Đẳng) SVĀHĀ

NĀGA-GAṆEBHYAḤ (Long Chúng Đẳng) SVĀHĀ

YAKṢA-GAṆEBHYAḤ (Dược Xoa Chúng Đẳng) SVĀHĀ

RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ (La Sát Chúng Đẳng) SVĀHĀ

GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ (Tầm Hương Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ

ASURA-GAṆEBHYAḤ (Phi Thiên Chúng Đẳng) SVĀHĀ

GARUḌA-GAṆEBHYAḤ (Diệu Sí Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ

KINDARA-GAṆEBHYAḤ (Dược Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ

MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ (Đại Phúc Hành Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ

MANUṢYEBHYAḤ (Nhân Đẳng) SVĀHĀ

AMANUṢYEBHYAḤ (Phi Nhân Đẳng) SVĀHĀ

SARVA GRAHEBHYAḤ (tất cả Chấp đẳng) SVĀHĀ

SARVA NAKṢATREBHYAḤ (Tất cả Tú. Mọi Bản không có câu này, **Kinh** có ghi. Kinh của Bảo Tư Duy không có. Tại vì không có chứ không có mất) SVĀHĀ

SARVA BHŪTEBHYAḤ (tất cả các Bộ Đa Tư) SVĀHĀ

PRETEBHYAḤ (Ngạ Quỷ Đẳng) SVĀHĀ

PIŚĀCEBHYAḤ (Tỳ Xá Già Đẳng) SVĀHĀ

APASMAREBHYAḤ (A Bà Sa Ma La Đẳng) SVĀHĀ

KUMBHĀṆḌEBHYAḤ (Câu Bàn Noa Đẳng) SVĀHĀ

OṂ_DHURU DHURU SVĀHĀ

OṂ_TURU TURU SVĀHĀ

OṂ_MURU MURU SVĀHĀ

HĀNA HĀNA (Đánh, đánh) SARVA ŚATRĀNĀṂ (tất cả các oan gia) SVĀHĀ

DAHA DAHA (thiêu đốt, thiêu đốt) SARVA DUṢṬA PRADUṢṬAṆĀṂ (tất cả các ác, cực ác) SVĀHĀ

PACA PACA (nấu thổi, nấu thổi) SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRĀṆĀṂ SVĀHĀ

YE MAMA (........)

AHI TEṢIṆAḤ

TEṢĀṂ SARVEṢĀṂ (như vậy tất cả) ŚARĪRAṂ (thân) JVALAYA DUṢṬA-CITTĀṆĀṂ (các tâm ác) SVĀHĀ

JVALITĀYA SVĀHĀ

PRAJVALITĀYA SVĀHĀ

DĪPTA JVALĀYA (Uy Diệu Phóng Quang) SVĀHĀ

SAMANTA JVALĀYA (Phổ Diễm) SVĀHĀ

MAṆI-BHADRĀYA (Bảo Hiền) SVĀHĀ

PRARṆA (? PŪRṆA) BHADRĀYA (**Mãn Hiền**. Đường Bản ghi là (PRAṢṆA). Bản của Bảo Tư Duy là (PRARṆA) SVĀHĀ

MAHĀ-KĀLĀYA (Đại Hắc Thần) SVĀHĀ

MATṚ-GAṆĀYA (Mẫu Chúng) SVĀHĀ

YAKṢAṆĪṆĀṂ (các nữ Dược Xoa) SVĀHĀ

RĀKṢASĪṆĀṂ (các nữ La Sát) SVĀHĀ

ĀKĀŚA-MĀTRĪṆĀṂ SVĀHĀ

SAMUDRA-VĀSINĪṆĀṂ (các hải xứ) SVĀHĀ

RĀTṚ-CARĀṆĀṂ (Dạ Hành) SVĀHĀ

DIVASA-CARĀṆĀṂ (Trú Hành) SVĀHĀ

TRISANTYA-CARĀṆĀṂ (Tam Thời Hành) SVĀHĀ

VELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

AVELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ

GARBHĀHĀREBHYAḤ (Thực Thai Đẳng, nhóm ăn bào thai) SVĀHĀ

GARBHA SANDHĀRAṆI (Thai Kiên Trì Đẳng) SVĀHĀ

HULU HULU SVĀHĀ

OṂ SVĀHĀ

SVAḤ SVĀHĀ

BHŪḤ SVĀHĀ

BHUVAḤ SVĀHĀ

OṂ_ BHŪR BHUVAḤ SVAḤ SVĀHĀ

CIṬI CIṬI SVĀHĀ

VIṬI VIṬI SVĀHĀ

DHARAṆI SVĀHĀ

DHARAṆI (đất) SVĀHĀ

AGNI (lửa) SVĀHĀ

TEJO VAPU SVĀHĀ

CILI CILI SVĀHĀ

SILI SILI SVĀHĀ

BUDHYA BUDHYA (Sở giác, sở giác) SVĀHĀ

SIDDYA SIDHYA (Sở thành, sở thành) SVĀHĀ

MAṆḌALA SIDDHE (Đạo Trường thành tựu) SVĀHĀ

MAṆḌALA BANDHE (kết Đàn) SVĀHĀ

SĪMĀ BANDHANI (kết Giới) SVĀHĀ

SARVA ŚATRŪNĀṂ (tất cả các oan gia) JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ

STAMBHAYA STAMBHAYA (trấn hộ) SVĀHĀ

CCHINDA CCHINDA (chặt đứt, chặt đứt) SVĀHĀ

BHINDA BHINDA (xuyên thấu, xuyên thấu) SVĀHĀ

BHAÑJA BHAÑJA (đánh phá, đánh phá) SVĀHĀ

BANDHA BANDHA (cột buộc, trói buộc) SVĀHĀ

MOHAYA MOHAYA (mê hoặc, mê hoặc) SVĀHĀ

MAṆI VIŚUDDHE (như **Bảo thanh tịnh**) SVĀHĀ

SŪRYE SŪRYE (như mặt trời, như mặt trời) SŪRYA VIŚUDDHE (như mặt trời thanh tịnh) VIŚODHANI (tĩnh trừ) SVĀHĀ

CANDRE (như mặt trăng) SUCANDRE (như mặt trăng màu nhiệm) PURṆA-CANDRE (như trăng đầy) SVĀHĀ

GRAHEBHYAḤ (Chấp đẳng) SVĀHĀ

NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ

ŚIVE (Kính Ái) SVĀHĀ

ŚĀNTI (Tịch tĩnh) SVĀHĀ

SVASMA YANE (cát tường) SVĀHĀ

ŚIVAṂ KARI (tác kính ái) ŚĀNTI KARI (tác tịch) PUṢṬI KARI (tăng ích) BALA (lực, sức mạnh) VARDHANI (**Tây Thành Ký** ghi là:**Phạt Đàn Na** là *Tăng thêm*. cho nên nay nói là sức mạnh tăng thêm) SVĀHĀ

ŚRĪ KARI (tác cát tường) SVĀHĀ

ŚRĪYA VARDHANI (tăng điều tốt) SVĀHĀ

ŚRĪYA JVALANI (Cát Tường Quang Diễm) SVĀHĀ

NAMUCI SVĀHĀ

MARUCI SVĀHĀ

VEGA-VATI SVĀHĀ

10/07/1997

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ

SARVA TATHĀGATA (tất cả Như Lai) MŪRTTE PRAVARA (**Nghĩa Thích** ghi là: Sở chứng) VIGATI (ly, xa lìa)

BHAYE (đáng sợ) ŚAMAYAṂ (trừ) SVAME (nơi tôi)

BHAGAVATI (Thế Tôn)

SARVĀ PĀPEBHYAH (tất cả tội khổ) SVASTIRBHAVATU (đều hộ giúp tốt lành)

MUNI MUNI (tịch, tịch) VIMUNI (thích vắng lặng)

CARE [**hành**. Hoặc tác là (CALE) tức là động. Đường Bản ghi là (CALE). Bản của Bảo Tư Duy là (CARI)] CALANI (động)

BHAYA VIGATE (lìa sợ hãi)

BHAYA HĀRAṆI [**trừ sợ hãi**. Đường Bản ghi là: (HAṂRAṆI). Bản của Bảo Tư Duy là (HARAṆI)]

BODHI BODHI (Sỡ giác, sở giác)

BODHAYA BODHAYA (giác ngộ, giác ngộ)

BUDDHILI BUDDHILI

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA (tất cả Như Lai Tâm) JUṢṬAI (tôn, trưởng) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ _ VAJRA-VATI (Kim Cương Cụ) VAJRA PRATIṢṬITE (Kim Cương Trụ) ŚUDDHE (thanh tịnh)

SARVA TATHĀGATA-MUDRĀ (Như Lai Ấn) DHIṢṬANĀDHIṢṬITE (Thần Lực sở gia trì) MAHĀ-MUDRE (Đại Ấn) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIM CƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN:

OṂ MUNI MUNI (tịch, tịch) MUNI-VARE (tịch nguyện. Lại là Thắng Tịch)

ABHIṢIṂCA TUMĀṂ (quán đỉnh tôi)

SARVA TATHĀGATA (tất cả Như Lai) SARVA VIDYĀ (tất cả Minh) BHIṢEKAI (nơi quán đỉnh) MAHĀ-VAJRA-KAVACA (áo giáp Kim Cương)

MUDRĀ MUDRITEḤ (Ấn ấn lên)

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYĀ (tất cả Như Lai Tâm) DHIṢṬITA (gia trì) VAJRE (như Kim Cương) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ_AMṚTA (Cam Lộ**)** VARE (thắng nguyện) VARA VARA (thắng, thắng) PRAVARA (**Nghĩa Thích** ghi là: Thù Thắng. **Quyển Sách Kinh** ghi là: Tối Thắng) VIŚUDDHE (thanh tịnh) HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ_ AMṚTA VILOKINI GARBHA SAṂRAKṢAṆI [Chữ (SAṂ) Đường Bản và bản của Bảo Tư Duy không có] AKARṢAṆI (tổng trì) HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ_ VIMALE (vô cấu, không có dơ bẩn) JAYA VARE AMṚTE (Cam Lộ) _ HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ_ BHARA BHARA _ SAṂBHARA SAṂBHARA _ **I** [Đường Bản ghi chữ (I), cho nên là **I** ngắn. Bản của Bảo Tư Duy là (I)] NDRIYA (căn) VIŚODHANI (tĩnh trừ) HŪṂ HŪṂ _ RURU CALE (Bản của Bảo Tư Duy thì ở đây tiếp có câu (KARU CALE). Phàm Câu này trong mọi Bản thì không có gì chẳng định) SVĀHĀ

_Bản Phạn của Bảo Tư Duy có Nội Đề này là: (ARYA:Thánh Giả) (MAHĀ: Đại) (PRATISARĀ: Tùy Cầu) (NAMA: Danh, tên gọi) (DHĀDHĀRAṆĪ: tổng trì ?DHĀRAṆĪ) (SAMĀPTA:chấm dứt, hết).

Hết

23/03/2009

BUDDHA ABHIṢINĀṂ SAMANTA-JVALA-MĀLĀ VIŚUDDHE-SPHURIKṚTA-CINTĀMAṆI-MUDRA-HṚDAYA APĀRAJITA-PRATISĀRA MAHĀ-VIDYA-RĀJA DHĀRAṆĪ

PHẬT THUYẾT PHỔ BIẾN QUANG DIỄM MAN THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO CHÂU ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG TÙY CẦU ĐẠI MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ: Kính lễ tất cả chư Như Lai

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ: Kính lễ tất cả Phật Bồ Tát Đẳng.

NAMO BUDDHĀ DHARMA SAṂGHEBHYAḤ: Quy mệnh Phật Pháp Tăng Đẳng.

(Đoạn này minh họa về lý quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo)

TADYATHĀ: Liền nói Chú là

OṂ: Ba Thân quy mệnh

VIPULA GARBHE: Quảng bác Tạng

VIPULA VIMALA GARBHE: Quảng bác ly cấu Tạng

VIPULA VIMALE JAYA GARBHE: Quảng bác ly cấu Thắng Tạng

VAJRA JVALA GARBHE : Kim Cương quang diễm Tạng

GATI GAHANE : Rừng đông đúc của 6 nẻo luân hồi

GAGANA VIŚODHANE : Tĩnh trừ như hư không

SARVA PĀPA VIŚODHANE: Tĩnh trừ tất cả tội

OṂ: Nhiếp triệu

GUṆA-VATI: Cụ Đức , đầy đủ công đức

GAGARIṆI GAGARIṆI: Cuốn xoáy gom tụ

GIRIṆI GIRIṆI: Cao dầy như núi non

GAMĀRI GAMĀRI: Thâu tóm kết hợp

GAHA GAHA: Tạo dựng thành nhà thất đuổi trừ ma quỷ

GARGĀRI GARGĀRI: Âm thanh gầm thét như tiếng sấm

GAGARI GAGARI: Âm thanh cuốn xoáy

GAMBHARI GAMBHARI: Thậm thâm, thâm sâu

GATI GATI: Hành xứ, nơi đi đến

GAMANI GAMANI GARE: Nhóm tụ tôn kính

GURU GURU GURUNE: Tôn trọng, tôn trọng, tôn trọng

CALE ACALE MUCALE: Lay động, bất động, trạng thái xảy ra

JAYE VIJAYE: Thắng, tối thắng

SARVA BHAYA VIGATE: Xa lìa tất cả sự sợ hãi

GARBHA SAṂBHARAṆI: ràng buộc giữ gìn bào thai một cách chính đúng (che chở bảo dưỡng như gìn giữ thai nhi)

SIRI SIRI: Phước Đức thù thắng cát tường

MIRI MIRI: Trở thành sự mềm dịu nhu thuận

GHIRI GHIRI: Uống vào, thọ nhận (vững vàng chẳng động)

SAMANTA AKARṢAṆI: Thỉnh triệu khắp cả

SARVA ŚATRŪ PRAMATHANI: Tồi phục tất cả oan gia

RAKṢA RAKṢA: Ủng hộ, ủng hộ

MAMA (Tôi, Xưng họ tên người thọ trì hoặc có thể xưng tên người khác)

SARVA-SATVĀNĀṂCA: cùng với tất cả các chúng sinh

*)

VIRI VIRI: Dũng mãnh, dũng mãnh

VIGATA: Xa lìa

ĀVARAṆA BHAYA NĀŚANI: Trừ diệt chướng ngại sợ hãi

SURI SURI: Tuôn ra nước Trí Tuệ

CILI CILI: Trường cửu lâu dài

KAMALE VIMALE JAYE: Tôn thắng ly cấu như hoa sen

JAYĀVAHE: hay sinh ra sự thù thắng

JAYA-VATI BHAGAVATI: Đại Thắng Thế Tôn

RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRAṆĪ: Bảo quan man tổng trì (nắm giữ chung tràng hoa, mão báu)

BAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRAṆĪ: Đa chủng chủng đoan nghiêm, hình sắc tổng trì (nắm giữ chung đủ mọi loại hình sắc đoan nghiêm)

BHAGAVATI MAHĀ-VIDYA-DEVĪ: Thế Tôn Đại Minh Thiên Nữ

RAKṢA RAKṢA MAMA (.....) SARVA-SATVĀNĀṂCA: Ủng hộ cho tôi (.....) với tất cả các chúng sinh

*)

SAMANTA SARVATRĀ SARVA PĀPA VIŚODHANE: Tĩnh trừ tất cả tội trong khắp cả mọi nơi

HURU HURU: Tốc tật, nhanh chóng

NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRAṆĪ: nắm giữ chung chuỗi Tinh Tú

RAKṢA RAKṢA MĀṂ: Ủng hộ, ủng hộ tôi

MAMA: Tôi (họ tên.....) xin thọ trì

*)

ANĀTHASYA_ ATRĀṆA PARĀYĀNASYA _ PARIMOCA _ YĀME: Nay tôi giải thoát, vượt thoát nhóm Vô Tôn (không có Đấng đáng tôn trọng) nhóm không có ba thừa thắng thượng

SARVA DUḤKHEBHYAḤ: Tất cả nhóm khổ não

CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI: Bạo ác, cực ác

VEGA VATI: đầy đủ sức mau chóng

SARVA ŚATRŪ NIVĀRAṆI: Chướng nạn của tất cả oan gia

ŚATRŪ-PAKṢA: Bè nhóm của oan gia

PRAMATHANI: Phá nát, tồi phục

VIJAYA VĀHINI: sản sinh sự tối thắng

HURU HURU: Nhanh chóng, nhanh chóng

MURU MURU: Phóng tán, phóng tán

CURU CURU: Lay động lay động

ĀYUḤ PĀLANI SURA: Thiên Thần hộ mệnh

VARA MATHANI: Có thệ nguyện giáng phục phá huỷ

SARVA DEVATĀ: Tất cả Thiên Thần

PŪJITE: Cúng dường

DHIRI DHIRI: Trì giữ, gìn giữ

SAMANTA AVALOKITE PRABHE: Ánh sáng chiếu soi khắp nơi

SUPRABHE: Ánh sáng màu nhiệm

VIŚUDDHE: Thanh tĩnh

SARVA PĀPA VIŚODHANE: Tĩnh trừ tất cả tội

DHARA DHARA DHARAṆI: Trì giữ, gìn giữ đất đai

DHARA DHARE: Cầm nắm như sự giữ gìn của đất

SUMU SUMU: Ưa thích, hài lòng

RURU CALE: Lay động nội trần và ngoại trần

CALĀYA DUṢṬA : Điều ác trong nhóm lay động

ME PŪRAYA ĀŚĀṂ ŚRĪ:Tôi được mãn túc điều tốt lành an vui trong sự nguyện cầu

VAPUDHANĀṂ: Ban bố gieo trồng

JAYA KAMALE: Hoa sen tôn thắng

KṢIṆI KṢIṆI: Nâng đỡ như đại địa

VARADE VARADA AṂKUŚE: Ban cho sự câu móc với điều ban cho

OṂ: Ba thân quy mệnh

PADMA VIŚUDDHE: Sự thanh tĩnh của hoa sen

ŚODHAYA ŚODHAYA: Tĩnh trừ, tĩnh trừ

ŚUDDHE ŚUDDHE: Thanh tĩnh, thanh tĩnh

BHARA BHARA: Đảm nhận, chuyên chở, thể chất, duy trì

BHIRI BHIRI: Giúp đỡ hỗ trợ

BHURU BHURU: Xem xét trợ giúp

MAṂGALA VIŚUDDHE: Cát khánh (vui mừng an lạc) thanh tĩnh

PAVITRA MUKHE: Xảo diệu môn (cánh cửa màu nhiệm khéo léo)

KHARGAṆI KHARGAṆI: Hủy phá, làm hư hoại

KHARA KHARA: Tính bền chắc, sắc bén, khổ nạn

JVALITA ŚIRE: Sự trong mát của ánh quang minh

SAMANTA PRASARITA AVABHĀṢITA ŚUDDHE: Sự thanh tĩnh của khắp mọi loại ánh sáng chiếu diệu

JVALA JVALA: Phóng quang, tỏa ra ánh hào quang

SARVA DEVA-GAṆA SAMA AKARṢAṆI: Bình đẳng thỉnh triệu tất cả Thiên chúng

SATYA-VATI: Đầy đủ sự chân thật

TĀRA TĀRA TĀRĀYA MĀṂ: Cứu độ, cứu tế, cứu giúp cho tôi

NĀGA VILOKITE: Long quán Thế (Loài Rồng xem xét nhìn ngó Thế gian)

LAHU LAHU: Làm cho nhẹ nhàng

HUNU HUNU: Dứt trừ sự tự mãn

KṢIṆI KṢIṆI: Nâng đỡ như đại địa

SARVA GRAHA BHAKṢAṆI: Tàn hại tất cả Chấp Diệu

PIṂGALI PIṂGALI: Soi sáng, soi sáng

CUMU CUMU: Đặc biệt lạ lùng

SUMU SUMU: xinh đẹp dịu dàng đáng ưa thích

CUVI CARE: Lay động trải qua

TĀRA TĀRA: Cứu độ, cứu giúp

NĀGA-VILOKITE TĀRĀYA TUMĀṂ: Xin hàng Long Quán Thế cứu giúp cho tôi

BHAGAVATI: Thế Tôn

AṢṬA: Bát, con số tám

MAHĀ-DĀRUṆA: Cành nhánh của cái cây to lớn

BHAYEBHYAḤ: Nhóm đáng sợ

AṢṬA-MAHĀ-DĀRUṆA-BHAYEBHYAḤ: sự đáng sợ của tám nhánh lớn

SAMUDRA: Biển cả

SĀGARA: Biển lớn

PRATYANTĀṂ PĀTĀLA GAGANA TALAṂ: Duyên theo sự biểu tượng cứu độ như hư không

SARVATRĀ:Tất cả xứ

SAMANTENA: Phổ biến, khắp mọi nơi

DIŚĀ BANDHENA: Kết 10 lực

VAJRA PRAKĀRA: Bức tường Kim Cương

VAJRA-PĀŚA BANDHANE: Kết buộc sợi dây Kim Cương

VAJRA-JVALA ŚUDDHE: Sự thanh tĩnh của ánh lửa Kim Cương

BHURI BHURI: Xem xét giúp đỡ

GARBHA-VATI: Cụ tạng, đầy đủ sự cất chứa

GARBHA VIŚODHANE: Tĩnh trừ sự cất chứa

KUKṢI SAṂPŪRAṆI: Đầy đủ chính đúng sự phú qúy

JVALA JVALA: Phóng quang, tỏa ra ánh lửa

CALA CALA: Lay động, lay động

JVALANI PRAVAṢATU DEVA: Quang minh Thắng Phổ Bình Chính Thiên

SAMANTENA: Phổ biến, tràn đầy khắp cả

DIDHYODAKENA: Thiên vạn thủy (ngàn vạn dòng nước)

AMṚTA VARṢAṆI: Cơn mưa Cam Lộ (Cam Lộ vũ)

DEVATĀ DEVATĀ: Thiên Thần, Thiên Thần

DHĀRAṆĪ: Tổng trì

ABHIṢIṂCA TUME: Quán đỉnh cho tôi

SUGATA: Đấng Thiện Thệ

VARA VACANA AMṚTA: Ban cho lời nói Bất Tử

VARA VAPUṢPE : Ban cho nước Mật Hoa

RAKṢA RAKṢA MAMA (....) SARVA-SATVĀNĀṂCA: Ủng hộ ủng hộ cho tôi với tất cả các chúng sinh

*)

SARVATRĀ: Tất cả xứ

SARVADĀ: Tất cả cõi đất

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖥𑖧𑖸𑖥𑖿𑖧𑖾

SARVA BHAYEBHYAḤ: Tất cả nhóm đáng sợ

𑖭𑖨𑖿𑖪𑖺𑖢𑖟𑖿𑖨𑖪𑖸𑖥𑖿𑖧𑖾

SARVA UPADRAVEBHYAḤ: Tất cả nhóm phiền não

𑖭𑖨𑖿𑖪𑖺𑖢𑖭𑖨𑖿𑖐𑖸𑖥𑖿𑖧𑖾

SARVA UPASARGEBHYAḤ: Tất cả nhóm tai hoạnh (sự bất hạnh, tai họa bất ngờ)

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖲𑖬𑖿𑖘 𑖥𑖧 𑖥𑖱𑖝𑖭𑖿𑖧

SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTASYA: Tất cả nhóm có tính chất độc ác đáng sợ

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖎𑖯𑖩𑖰

SARVA KĀLI: Tất cả Hắc Ám Mẫu

𑖎𑖩𑖮 𑖪𑖰𑖐𑖿𑖨𑖮

KALAHA VIGRAHA: Đấu tranh phá trừ sự chấp chướng

𑖪𑖰𑖪𑖯𑖟

VIVĀDA: Chủng chủng, mọi loại

𑖟𑖲𑖾𑖭𑖿𑖪𑖢𑖿𑖡

DUḤSVAPNĀṂ: các giấc mộng ác

𑖟𑖲𑖨𑖿𑖡𑖰 𑖦𑖰𑖝

DURNI MINTA: Tướng ác

𑖀𑖦𑖽𑖐𑖩𑖿𑖩𑖿𑖧

AMAṂGALLYA: Bất cát tường, chẳng an lành

𑖢𑖯𑖢

PĀPA: Tội

𑖪𑖰𑖡𑖯𑖫𑖡𑖰

VINĀŚANI: Diệt trừ

𑖭𑖨𑖿𑖪

SARVA: Tất cả

𑖧𑖎𑖿𑖬

YAKṢA: Dạ xoa, Dược Xoa

𑖨𑖯𑖎𑖿𑖬𑖭

RĀKṢASA: La Sát

𑖡𑖯𑖐

NĀGA: Long, loài Rồng

𑖡𑖰𑖪𑖯𑖨𑖜𑖰

NIVĀRAṆI: Chướng ngại

𑖭𑖨𑖜𑖰 𑖭𑖨𑖸

SARAṆI SARE: Kiên cố bền chắc

𑖤𑖩 𑖤𑖩 𑖤𑖩𑖪𑖝𑖰

BALA BALA BALA-VATI: Lực, sức mạnh, đầy đủ sức mạnh

𑖕𑖧 𑖕𑖧

JAYA JAYA: Thắng, tôn thắng

𑖕𑖧 𑖝𑖲𑖦𑖯𑖽

JAYA TUMĀṂ: Khiến cho tôi thắng

𑖭𑖨𑖿𑖪𑖯 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖎𑖯𑖨𑖿𑖧 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖿𑖧𑖡𑖿𑖝𑖲 𑖦

SARVATRĀ SARVA KĀRAṂ SIDDHYANTU ME: Khiến cho tôi thành tựu tất cả hành động trong tất cả xứ

IMĀṂ MAHĀ-VIDYAṂ SĀDHAYAT SĀDHAYAT SARVA MAṆḌALA-SĀDHANI: **Đại Minh** này mỗi mỗi dựng lập nên Nghi Quỹ của tất cả Đàn Trường.

GHĀTAYA SARVA VIGHNAṂ: chinh phạt phá hoại tất cả chướng nạn

JAYA JAYA: Thắng, tôn thắng

SIDDHE SIDDHE: Thành tựu, thành tựu

SUSIDDHE SUSIDDHE: Diệu thành tựu, thành tựu mầu nhiệm

SIDDHYA SIDDHYA: Sở thành, sở thành

BUDDHYA BUDDHYA: Sở giác, sở giác

BODHAYA BODHAYA: Khiến cho giác ngộ, khiến cho kẻ khác giác ngộ

PŪRAYA PŪRAYA: Mãn túc, mãn túc

PŪRAṆI PŪRAṆI: Viên mãn, viên mãn

PŪRAYA ME ĀŚĀṂ:Viên mãn sự nguyện cầu của tôi

SARVA VIDYA: Tất cả Minh

ADHIGATA: Hiện hành xứ, nơi đang đi

MŪRTTE: Đỉnh đầu

JAYOTTARI: Thắng thượng

JAYA-VATI: Cụ thắng, đại thắng

TIṢṬA TIṢṬA: Trụ, an trú

SAMAYAṂ: Bản thệ

ANUPĀLAYA: Tùy hộ

TATHĀGATA-HṚDAYA: Như Lai Tâm

ŚUDDHE: Thanh tĩnh

VYĀVALOKAYA TUMĀṂ: Xem xét cho tôi

*)

AṢṬA BHIRI MAHĀ-DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ: Bát tương ưng đại thụ phiền não đẳng (tám sự ủng hộ cho nhóm phiền não căn bản như cành nhánh của cái cây to lớn)

SARA SARA: Kiên cố, bền chắc

PRASARA PRASARA: Cực kiên cố, rất bền chắc

SARVA AVARAṆA VIŚODHANE: Tĩnh trừ tất cả chướng

SAMANTA AKĀRA MAṆḌALA VIŚUDDHE: Thanh tĩnh khắp tất cả hình tướng đàn trường

VIGATE VIGATE VIGATA: Xa lìa, xa lìa, xa lìa

MALA VIGATE VIŚUDDHE: Thanh tĩnh xa lìa sự nhơ bẩn

KṢIṆI KṢIṆI: Nâng đỡ như đại địa

SARVA PĀPA VIŚUDDHE : Tất cả tội thanh tĩnh

MĀRA VIGATE: Xa lìa Ma chướng

TEJA VATI: Đầy đủ uy quang

VAJRA-VATI : Đầy đủ sự kiên cố bất hoại (Kim Cương)

(Đoạn này minh họa về công đức của* Tùy Cầu Bồ Tát *là bạt tế hết thảy tội chướng, sự sợ hãi, bệnh tật của tất cả chúng sinh khiến cho thân tâm an lạc và viên mãn mọi sự mong cầu)

TRAILOKYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi gia trì của ba đời

SARVA TATHĀGATA BUDDHA ABHIṢIKTE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi Quán Đỉnh của tất cả Như Lai Phật

SARVA BODHI-SATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi Quán Đỉnh của tất cả Bồ Tát

SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi Quán Đỉnh của tất cả Thiên Thần

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA ADHIṢṬITA-HṚDAYE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Tâm gia trì của tất cả Như Lai Tâm

SARVA TATHĀGATA-SAMAYA-SIDDHE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Tam Ma Gia Tất Địa** của tất cả Như Lai

INDRE INDRA-VATI INDRA VYĀVALOKITE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi xem xét của Trời Đế Thích, Thiên Đế , vua chúa

BRAHME BRAHMA ADHYUṢITE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nơi tăng trưởng Phạm Hạnh của hàng Phạm Thiên

VIṢṆU NAMASKṚTE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành sự tác lễ Trời Tỳ Nữu

MAHEŚVARA VANDITA PŪJITAYAṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành sự lễ bái cúng dường Trời Đại Tự Tại

VAJRA-DHĀRA_ VAJRA-PĀṆI BALA VĪRYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành lực tinh tiến gia trì của Kim Cương Thủ và Kim Cương Trì

DHṚTA-RĀṢṬRĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Trì Quốc Thiên Vương

VIRŪḌHAKĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Tăng Trưởng Thiên Vương

VIRŪPĀKṢĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Quảng Mục Thiên Vương

VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Tỳ Sa Môn Thiên Vương

CATUR-MAHĀ-RĀJA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành sự tác lễ bốn vị Đại Thiên Vương

YAMĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Trời Diêm Ma

YAMA PŪJITA NAMASKṚTĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành sự tác lễ cúng dường Trời Diêm Ma

VARUṆĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Thủy Thiên

MARŪTĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Phong Thiên

MAHĀ-MARŪTĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Đại Phong Thiên

AGNAYE SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng Hỏa Thiên

NĀGA VILOKITĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành sự xem xét của hàng Rồng

DEVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Thiên chúng đẳng

NĀGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Long chúng đẳng

YAKṢA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Dạ Xoa chúng đẳng

RĀKṢASA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành La Sát chúng đẳng

ASURA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **A Tu La** (Phi Thiên) chúng đẳng

GANDHARVA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Càn Thát Bà** (Hương thực Thần) chúng đẳng

GARUḌA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Ca Lâu La** (Kim Xí Điểu) chúng đẳng

KIṂNARA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Khẩn Na La** (Nghi Thần, Thần ca múa tấu nhạc cho Trời Đế Thích) chúng đẳng

MAHORAGA-GAṆEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Ma Hầu La Già** (Đại Phúc Hành Thần, loài di chuyển bằng bụng, Thần Rắn) chúng đẳng

MANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Nhân chúng đẳng

AMANUṢYEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Phi Nhân chúng đẳng

SARVA GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Chấp** (sao Diệu) đẳng

SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Tinh Tú đẳng

SARVA BHŪTEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả **Bộ Đa** (Hóa Sinh Quỷ) đẳng

SARVA PRETEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả **Ngạ Quỷ** (quỷ đói) đẳng

SARVA PIŚĀCEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả Thực Nhục Quỷ (Quỷ ăn thịt) đẳng

SARVA APASMĀREBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả Dương Đầu Quỷ đẳng

SARVA KUMBHĀṆḌEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả Ung Hình Quỷ đẳng

SARVA PŪTANEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả Xú Quỷ (Quỷ hôi thối) đẳng

SARVA KAṬAPŪTANEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả Kỳ Xú Quỷ đẳng

*)

OṂ_ DHURU DHURU SVĀHĀ: **Nhiếp triệu** bảo giữ, ôm giữ tiêu đề thành tựu tốt lành

OṂ_ TURU TURU SVĀHĀ: **Nhiếp triệu** nhanh chóng nhanh chóng thành tựu tốt lành

OṂ_ KURU KURU SVĀHĀ: **Nhiếp triệu** tạo tác tạo tác thành tựu tốt lành

OṂ_ CURU CURU SVĀHĀ: **Nhiếp triệu** lay động lay động thành tựu tốt lành

OṂ_ MURU MURU SVĀHĀ: **Nhiếp triệu** phóng tán phóng tán thành tựu tốt lành

HANA HANA SARVA ŚATRŪṆĀṂ SVĀHĀ: Đánh đập đánh đập tất cả oan gia, thành tựu tốt lành

DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thiêu đốt thiêu đốt tất cả điều ác, điều cực ác, thành tựu tốt lành

PACA PACA: Nấu thổi, nấu thổi

SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRĀṆĀṂ SVĀHĀ: Tất cả Duyên thuận, Duyên nghịch đều thành tựu tốt lành

YE MAMA (....) : Nay tôi (...)

AHITEṢINA: Tập trung suy tư

TEṢĀṂ SARVEṢĀṂ ŚARĪRAṂ JVALĀYA SVĀHĀ: Như vậy tất cả thân thể tỏa ra ánh sáng, thành tựu tốt lành

SARVA ADUṢṬA-CITTĀNĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành tất cả các Tâm không độc ác

JVALITĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nhóm Uy Quang

PRAJVALITĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nhóm Uy Quang thắng thượng

DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nhóm Uy Quang của lửa rực sáng

SAMANTA JVALĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nhóm Phổ Diễm Quang

VAJRA-JVALĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành nhóm Uy Quang của Kim Cương

MAṆI-BHADRĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng **Bảo Hiền**

PŪRṆA-BHADRĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng **Mãn Hiền**

MAHĀ-KĀLĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng **Đại Hắc Thiên Thần**

MĀTṚ-GAṆĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành hàng **Mẫu Chúng**

YAKṢAṆĪṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu chư Dạ Xoa Nữ

RĀKṢASĪṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư La Sát Nữ

ĀKĀŚA-MĀTṚṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư **Hư Không Mẫu**

SAMUDRA VĀSINĪṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư Hải Xứ

RĀTṚ-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư Dạ Hành (Đi ban đêm)

DIVASA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư Trú Hành (Đi ban ngày)

TRISANTYA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư **Tam Thời Hành** (Đi trong 3 thời)

VELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư **Thời Hành** (Đi có thời hạn)

AVELA-CARĀṆĀṂ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành chư **Vô Thời Hành** (Đi không có thời hạn)

GARBHĀHĀREBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Thực Thai đẳng** (nhóm ăn bào thai)

GARBHA SANDHĀRAṆĪ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành **Thai kiên trì đẳng** (nhóm giữ gìn bào thai bền chắc)

HULU HULU SVĀHĀ: Nhanh chóng nhanh chóng thành tựu tốt lành

CULU CULU SVĀHĀ: Lay động lay động thành tựu tốt lành

OṂ SVĀHĀ: Sự sáng tạo thành tựu tốt lành

SVAḤ SVĀHĀ: Bầu trời thành tựu tốt lành

BHŪḤ SVĀHĀ: Mặt đất thành tựu tốt lành

BHŪVAḤ SVĀHĀ: Không khí không gian thành tựu tốt lành

OṂ BHŪR-BHŪVAḤ SVAḤ SVĀHĀ: Sự sáng tạo ra mặt đất, không gian, bầu trời thành tựu tốt lành

CIṬI CIṬI SVĀHĀ: Hiểu biết, hiểu biết thành tựu tốt lành

VIṬI VIṬI SVĀHĀ: Mau chóng lìa phiền não thành tựu tốt lành

DHĀRAṆĪ SVĀHĀ: Tổng trì thành tựu tốt lành

DHARAṆI SVĀHĀ: Đất thành tựu tốt lành

AGNI SVĀHĀ: Lửa thành tựu tốt lành

TEJO VĀYU SVĀHĀ: Uy quang, gió thành tựu tốt lành

CILI CILI SVĀHĀ: Trường cửu lâu dài thành tựu tốt lành

SILI SILI SVĀHĀ: Dũng mãnh thù thắng thành tựu tốt lành

BUDDHYA BUDDHYA SVĀHĀ: Sở giác, sở giác thành tựu tốt lành

SIDDHYA SIDDHYA SVĀHĀ: Sở thành, sở thành thành tựu tốt lành

MAṆḌALA SIDDHE SVĀHĀ: Thành tựu Đạo Trường thành tựu tốt lành

MAṆḌALA BANDHE SVĀHĀ: Kết Đàn thành tựu tốt lành

SĪMĀ BANDHANI SVĀHĀ: Kết Giới thành tựu tốt lành

SARVA ŚATRŪNĀṂ BHAÑJAYA SVĀHĀ: Đập nát tất cả các Oan Gia thành tựu tốt lành

JAMBHA JAMBHA SVĀHĀ: Tồi phá đập nát thành tựu tốt lành

STAMBHĀYA STAMBHĀYA SVĀHĀ: Trấn hộ, trấn hộ thành tựu tốt lành

CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ: Cắt đứt cắt đứt thành tựu tốt lành



BHINDA BHINDA SVĀHĀ: Xuyên thấu xuyên thấu thành tựu tốt lành



BHAÑJA BHAÑJA SVĀHĀ: Đập nát, đập nát thành tựu cát tường



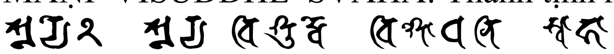
BANDHA BANDHA SVĀHĀ: Cột buộc, trói buộc thành tựu tốt lành



MOHAYA MOHAYA SVĀHĀ: Mê hoặc , mê hoặc thành tựu tốt lành



MAṆI VIŚUDDHE SVĀHĀ: Thanh tịnh như ngọc báu thành tựu tốt lành



SŪRYE SŪRYE SŪRYA-VIŚUDDHE VIŚODHANE SVĀHĀ: như mặt trời, như mặt trời, như mặt trời thanh tĩnh, tĩnh trừ thành tựu tốt lành



CANDRE SUCANDRE PŪRṆA-CANDRE SVĀHĀ: Như mặt trăng, như mặt trăng mầu nhiệm, như mặt trăng tròn đầy thành tựu tốt lành



GRAHEBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Diệu Chấp đẳng



NAKṢATREBHYAḤ SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành Tinh Tú đẳng



ŚIVE SVĀHĀ: Kính ái thành tựu tốt lành



ŚĀNTI SVĀHĀ: Tịch tĩnh thành tựu tốt lành



SVASTYA YANE SVĀHĀ: Cát tường thành tựu tốt lành



ŚIVAṂ KĀRI, ŚĀNTI KĀRI, PUṢṬI KĀRI, BALA VARDHANI SVĀHĀ: Tác kính ái, tác tịch tĩnh, tác tăng ích, tăng sức lực thành tựu tốt lành



ŚRĪ KĀRI SVĀHĀ: Tác cát tường thành tựu tốt lành



ŚRĪYA VARDHANI SVĀHĀ: Tăng trưởng nhóm Cát Tường thành tựu tốt lành



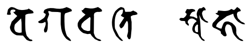
ŚRĪYA JVALANI SVĀHĀ: Lửa Uy Quang của nhóm Cát Tường thành tựu tốt lành



NAMUCI SVĀHĀ: Không có sự mê loạn thành tựu tốt lành



MARUCI SVĀHĀ: Thọ nhận sự an lạc thành tựu tốt lành



VEGA VATI SVĀHĀ: Nhanh chóng đầy đủ thành tựu tốt lành

(Đoạn này diễn nói rằng: người thọ trì Đà La Ni này có thể được các hàng Trời, Rồng, Thần, Quỷ, Chấp Diệu, Tinh Tú … thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai)

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

SARVA TATHĀGATA-MŪRTTE: Tất cả Như Lai Đỉnh

PRAVARA VIGATI: Xa lìa sở thuyết

BHAYE ŚAMAYA: Trừ bỏ sự sợ hãi

SVAME: Nơi tôi

BHAGAVATI: Thế Tôn

SARVA PĀPEBHYAḤ SVASTIR-BHAVATU: Tất cả nhóm tội đều có được sự an lành

MUṆI MUṆI VIMUṆI CARE CALANE: Như sự lay động thực hành tịch tĩnh, tịch tĩnh, vui thích sự tịch tĩnh

BHAYA VIGATE: Xa lìa sự sợ hãi

BHAYA HĀRAṆI: Trừ khử sự sợ hãi

BODHI BODHI: Sở giác, sở giác

BODHIYA BODHIYA: Giác ngộ, giác ngộ

BUDHI-LĪ BUDHI-LĪ: Ổn định Tuệ Giác, ôm trụ Tuệ Giác

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA JUṢṬAI: Tôn trọng tăng trưởng tất cả Như Lai Tâm

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

VAJRA-VATI: Cụ Kim Cương, Đại Kim Cương

VAJRA PRATIṢṬITE : Kim Cương Thiện Trụ

ŚUDDHE: Thanh tĩnh

TATHĀGATA-MUDRA (Như Lai Ấn) ADHIṢṬANA (Thần lực) ADHIṢṬITE (Sở gia trì)

MAHĀ-MUDRE: Như Đại Ấn

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI BỊ GIÁP CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

MUṆI MUṆI MUṆI VARE: Nguyện tịch tĩnh, tịch tĩnh, thắng tịch tĩnh

ABHIṢIṂCA TUMĀṂ: Quán đỉnh cho tôi

SARVA TATHĀGATA SARVA-VIDYA-ABHIṢEKAI: Tất cả **Minh** quán đỉnh của tất cả Như Lai

MAHĀ-VAJRA-KAVACA-MUDRA: Đại Kim Cương Giáp Trụ Ấn

MUDRITEḤ: Sở ấn (nơi đóng ấn)

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA : Tất cả Như Lai Tâm

ADHIṢṬITA: Gia trì

VAJRE: Như Kim Cương

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

AMṚTA-VARE: như **Cam Lộ thắng nguyện**

VARA VARA PRAVARA: Thắng nguyện, thắng nguyện, tối thắng nguyện

VIŚUDDHE: Thanh tĩnh

HŪṂ HŪṂ: Khủng bố nhân NGÃ, PHÁP

PHAṬ PHAṬ: Phá bại nhân NGÃ, PHÁP

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT GIỚI CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

AMṚTA VILOKINI GARBHA: Cam Lộ quán chiếu Tạng

SAṂRAKṢAṆI: Chính thức ủng hộ

ĀKARṢAṆI: Thỉnh triệu

HŪṂ HŪṂ: Khủng bố hai Chướng bên trong bên ngoài

PHAṬ PHAṬ: Phá bại hai Chướng bên trong bên ngoài

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

VIMALE JAYA VARE AMṚTE: Vô cấu thắng nguyện Cam Lộ

HŪṂ HŪṂ HŪṂ HŪṂ: Khủng bố **bốn Ma** (Phiền Não Ma, Uẩn Ma, Tử Ma, Thiên Ma)

PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ: Phá bại **bốn Ma**

SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN:

OṂ: Ba thân quy mệnh

BHARA BHARA: Đảm nhận, chuyên chở, duy trì

SAṂBHARA SAṂBHARA: Chính thức đảm nhận, chính thức duy trì

𑖂𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨𑖰𑖧 𑖪𑖰𑖫𑖺𑖠𑖡𑖸
INDRIYA VIŚODHANE: Tĩnh trừ các căn
𑖮𑖳𑖽𑖮𑖳𑖽
HŪṂ HŪṂ: Khủng bố nhân Nội Trần và Ngoại Trần
𑖨𑖲 𑖨𑖲 𑖓𑖩𑖸
RURU CALE: Lay động nội trần và ngoại trần
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ: Thành tựu tốt lành

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/05/2014

PRATISĀRA MAHĀ-RAKṢA VIDYA-RĀJA MAHĀ-HṚDAYA-DHĀRAṆĪ

TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

NAMO BUDDHĀYA: Quy Y Phật Đẳng

NAMO DHARMĀYA: Quy Y Pháp Đẳng

NAMO SAṂGHĀYA: Quy Y Tăng Đẳng

NAMO BHAGAVATE ŚĀKYAMUṆĀYE-MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA: Quy mệnh Đức Thế Tôn Đại Bi Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác

EṢĀṂ NAMASKṚTVĀ: Như vậy Kính lễ xong

BUDDHA-ŚASANA VṚDDHAYE AHĀ: Giác Tuệ truyền lệnh tiêu diệt sự già cỗi

MIDĀNĀṂ SAṂPRAVA KṢAME: Khiến cho tôi làm hao tổn sự kích động chính của thói hư tật xấu

IMĀṂ VIDYA MAHĀ-TEJE _ MAHĀ-BALA, PARĀKRA MĀṂ: Đại uy quang của bài Minh này làm cho tôi có được năng lực về sức mạnh to lớn

YA SYĀṂ BHAṢITAṂ MĀTRĀYAṂ, VAJRĀSANA MANĪṢITA: Các nguyên tố tỏa sáng chiếu diệu của nhóm căn bản thực tế này thỏa mãn ước muốn đạt được Tòa Kim Cương

GRAHA SARVA VINĀYAKA VATA KṢANA VIRAYAṂ GATA: Là lối nẻo tối thượng gấp rút làm suy yếu tất cả loài Tỳ Na Dạ Ca gây chướng ngại

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

GIRA GIRA, GIRIṆI, GIRI-VATI, GUṆA-VATI, ĀKĀRA-VATI, ĀKĀRA ŚUDDHE, PĀPA VIGATE, ĀKĀŚE GAGANA TALE: Sự ca tụng năng lực của Ngôn Ngữ, có đầy đủ sự khéo léo, đầy đủ Công Đức, đầy đủ sức mạnh trọng yếu, sự

thanh tịnh trọng yếu, khiến cho xa lìa tội lỗi giống như khoảng hư không của Không Gian

ĀKĀŚA VICĀRAṆI JVALITĀ, ŚIRI, MAṆI, MUKTIKA, CITTA MORI DHĀRI: Tính uy quang phản chiếu trong không gian, giữ gìn sự tự hào của Tâm về: Phước Đức, viên ngọc Như Ý, Ngọc Trân Châu

SUKEŚE, SUVAKTRA, SUNETRE, SUVARṆA, MORI: Tự hào về mái tóc đẹp, khuôn mặt đẹp, con mắt đẹp và các thỏi vàng ròng

ATĪTE, ANĀTMAṂ, NIRMĀNA GATE: Lối nẻo không có cái tôi, trừ bỏ sự kiêu mạn trong quá khứ

PRATYUDGAMANA: Rời khỏi địa vị , tiến bộ cao hơn

NAMAḤ SARVA SAṂBUDDHĀNĀṂ: Kính lễ tất cả các Đấng Chính Giác

JVALITA TEJA_ SAṂBUDDHE, SUBUDDHE: Tính uy quang tỏa ánh lửa Chính Giác, Diệu Giác

BHAGAVATE, SURA KṢANI, SUKṢA ME: Đức Thế Tôn gấp rút tỏa sáng, sáng tạo cho tôi

SUPRABHE, SUDĀME, SUMATI CALE: Lay động Diệu Tuệ ban cho nguồn hạnh phúc của ánh sáng màu nhiệm

BHAGAVATE, SUBHADRE, VIMALE, JAYA-BHADRE: Đức Thế Tôn Diệu Hiền, Ly Cấu, Thắng Hiền

PRACAṆḌA, CAṆḌA, VAJRA-CAṆḌA _ MAHĀ-CAṆḌA-GAURI GANDHACELIKĀ, CAṆḌALI MATAṂGI _ PUKKASI ŚAVARI: Dùng tướng Cực Bạo Ác, Bạo ác, Kim Cương Bạo ác, mùi xạ hương của Đại Bạo Ác Huy Tố Nữ , Hương Tượng Bạo ác làm thay đổi cây cối màu chàm

DRĀMIDI RAUDRĪṆI, SARVĀRTHA SĀDHANE, HANA HANA: Thiêu đốt tất cả sự thành tựu lợi ích về thảo quả nhỏ bé và **thiếu nữ còn quá trẻ** (Thiền Định non yếu)

SARVA ŚATRŪ, DAHA DAHA: Đánh đập, vỗ nát tất cả oan gia

SARVA DUṢṬĀNĀṂ, PRETA, PIŚĀCA, ḌĀKIṆĪNĀṂ, MANUṢYA, AMANUṢYA_ PACA PACA: Nấu thổi tinh thục tất cả loài hung ác, quỷ đói, Tỳ Xá Già, loài Hồ Mỵ , người, Phi Nhân)

HṚDAYAṂ VIDHVAṂSAYA JĪMITAṂ: Ăn nuốt sự tồi hoại của nhóm Tâm

SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀṂ, NĀŚAYA NĀŚAYA: Trừ diệt, trừ bỏ tất cả loài hung ác gây chướng ngại

SARVA PĀPAN IME, RAKṢA RAKṢA MĀṂ SARVA SATVĀNĀṂCA: Ủng hộ trợ giúp cho tôi và tất cả chúng sinh dứt trừ tất cả tội lỗi

SARVA BHAYA, UPADRAVEBHYAḤ, SARVA DUṢṬĀNĀṂ BANDHANĀṂ KURU: Tạo tác sự cột trói tất cả sự phiền não đáng sợ với tất cả điều ác

SARVA KLEŚA NĀŚANI: Trừ bỏ tất cả phiền não

MĀTA NANDI MĀNĀNA CALE: Lay động lòng hiếu thảo làm cho mẹ vui vẻ

TITHA TIṬINI TUṬI TUṆḌI, GHORAṆI VĪRAṆI, PRAVARA SAṂMĀLE: Dùng tình yêu gom thảo quả nhỏ bé và rễ cây thuốc trong ngày rằm, kết thành tràng hoa chân chính tốt nhất, dâng hiến các bậc mạnh mẽ đáng kính

CAṆḌALI MATAṂGI, VACASI, SUMURU, PUKASI ŚAVARI, SAṂKĀRI: Hương Tượng bạo ác dùng sự khéo phóng tán của tài hùng biện, chân chính tạo tác làm thay đổi cây cối màu chàm

DRAVIDI DAHANI PACANI MATHANI, SARALA SARALI SARALAṂBHE: Ngay thẳng, thẳng thắn, làm cho ngay thẳng: đập nát, thổi nấu, chận đứng Ngôn Ngữ

HĪNA MADHYO KṚṢṬA , VIDĀRAṆI VIDĀRAṆI: Xa lìa nơi vui giữ của hàng Tiểu Thừa Và Trung Thừa

MAHĪRA MAHĀMAHĀ LINI: Trụ dính vào cái lớn không có gì lớn bằng, là mặt trời Giác Tuệ

GAṆANI GAṆA PACE: Tinh thục giòng tộc quyến thuộc

VATI VATINI JALE CULE ŚAVARI: Thay đổi màu sắc tẩy rửa nguồn nghèo khó

ŚAMARI ŚĀṬHARA, SARVA VYĀDHI HĀRAṆI, COṬI COṬINI, NIMI NIMI NIMIṂ DHĀRI: Gìn giữ sự khép chặt, cắt đứt khỏi tất cả nguyên nhân bệnh tật trong vòng Luân Hồi ô nhiễm

TRILOKA JAHANI, LARA KĀRI, TRAIDHĀTUKA VYĀVALOKINI: Quán chiếu ba Cõi, tạo sự tự do vĩ đại cho tất cả tội lỗi của Hữu Tình trong ba đời

VAJRA (Ngũ Cổ Kim Cương) PARAŚŪ (Cái búa) PĀŚA (Sợi dây) KHAḌGA (Cây Kiếm) CAKRA (Bánh xe) TRIŚŪLA (Tam Cổ Xoa) CINTĀMAṆI (Viên ngọc Như Ý) MAHĀ –VIDYA-DHĀRAṆĪ (Đại Minh Đà La Ni)

RAKṢA RAKṢA MĀṂ SARVA SATVĀNĀṂCA: Ủng hộ trợ giúp cho tôi và tất cả chúng Hữu Tình

SARVATRĀ, SARVA STHANA, GATASYA: Tất cả Xứ, tất cả nơi cư ngụ, tất cả lối nẻo

SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ: Tất cả sự hung ác đáng sợ

SARVA MANUṢYA AMANUṢYA, BHAYEBHYAḤ SARVA VYĀDHIBHYAḤ: Tất cả nhóm bệnh tật, các sự đáng sợ của tất cả loài người với Phi Nhân

VAJRI (Kim Cương Nữ) VAJRA-VATI (Cụ Kim Cương, Đại Kim Cương) VAJRA-PĀṆI (Kim Cương Thủ) DHĀRE HĪRI HĪRI, CILI CILI , SIRI SIRI (Cầm chày Kim Cương phóng tỏa sấm sét, đi qua đi lại , trường cửu lâu dài) VARA VARA VARANI, SARVATRA JAYA LĀBHIṂ SVĀHĀ (Thuận theo y theo **Nhóm bệnh tật hung ác đáng sợ trên** mà trừ khử và giúp cho gặp gỡ sự Tôn Thắng ở khắp mọi nơi)

PĀPA VIDĀRAṆI (Xa lìa sự chấp giữ tội lỗi) SARVA VYĀDHI HĀRAṆI , SVĀHĀ (Làm cho tất cả loài gây ra bệnh tật đều được tốt lành)

SARVATRA BHAYA HĀRAṆI, SVĀHĀ: Làm cho loài gây ra sự đáng sợ ở tất cả nơi đều được tốt lành

PUṢṬI SVĀHĀ: thành tựu tốt lành sự **Tăng Ích**

SVASTIRBHAVATU MAMA SVĀHĀ: Tôi có được sự cát khánh, quyết định thành tựu

ŚĀNTI SVĀHĀ: Quyết định thành tựu pháp **Tức Tai**

PUṢṬI SVĀHĀ: Quyết định thành tựu pháp **Tăng Ích**

JAYA, SUJAYE, JAYA-VATI, VIPULA VIMALE, SVĀHĀ: Quyết định thành tựu pháp: Thắng, Thiện Thắng, Cụ Thắng, Quảng bác ly cấu

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PŪRITA, SVĀHĀ: Làm cho đầy đủ tất cả Thần Lực của Như Lai, quyết định thành tựu

OṂ BHŪRI BHŪRI, VAJRA-VATI: Hỡi Đấng Đại Kim Cương có sức lực mãnh mẽ phi thường



TATHĀGATA-HṚDAYA PŪRAṆI SAṂDHĀRAṆI: Chân chính giữ gìn đầy đủ Tâm của Như Lai



BALA ABALA, JAYA-VIDYA: Bài **Thắng Minh** có sức mạnh không có gì mạnh hơn



HŪṂ HŪṂ: Khủng bố 2 Nhân: Nội Chướng, Ngoại Chướng



PHAṬ PHAṬ: Phá bại 2 Nhân: Nội Chướng, Ngoại Chướng

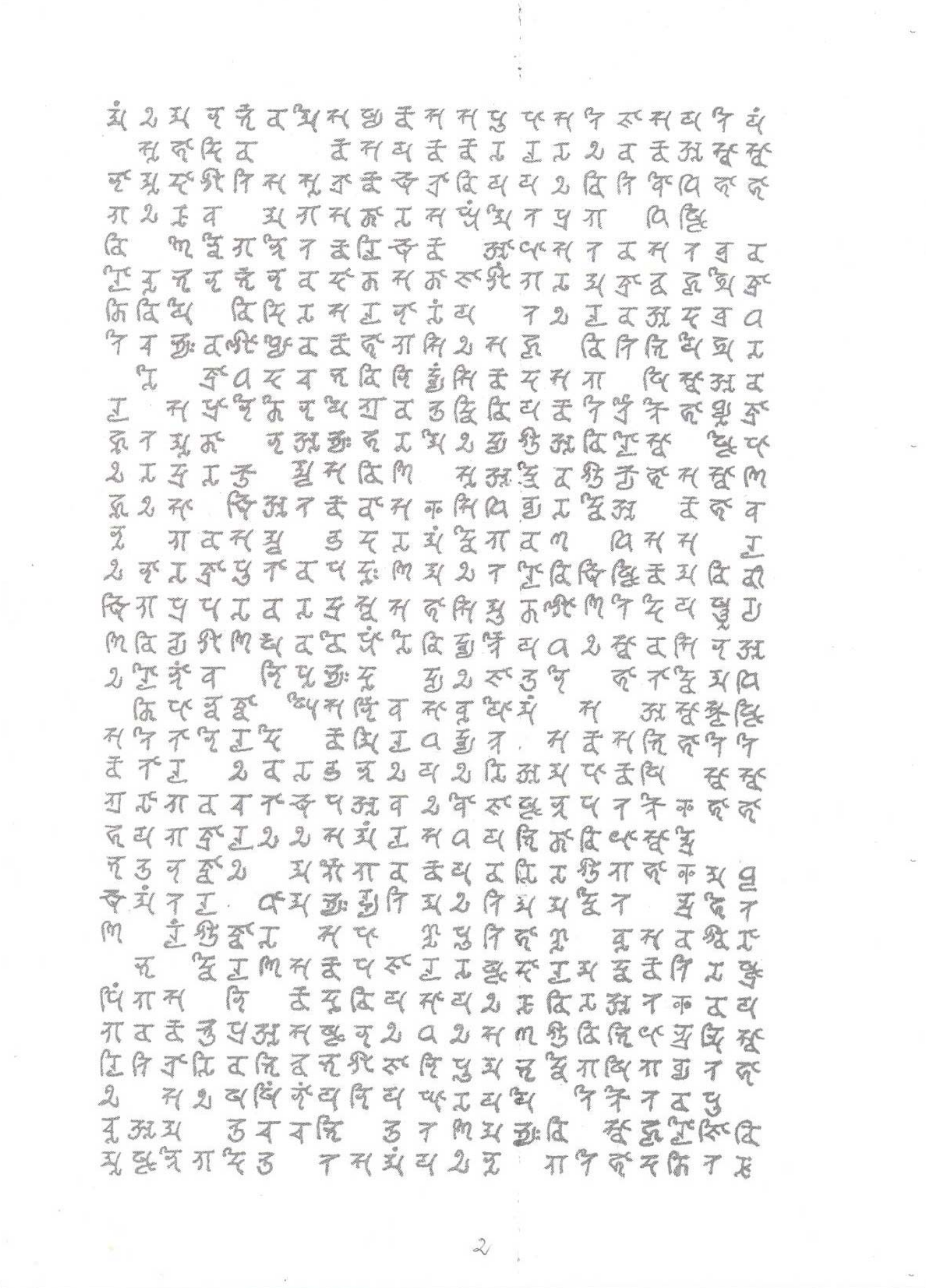


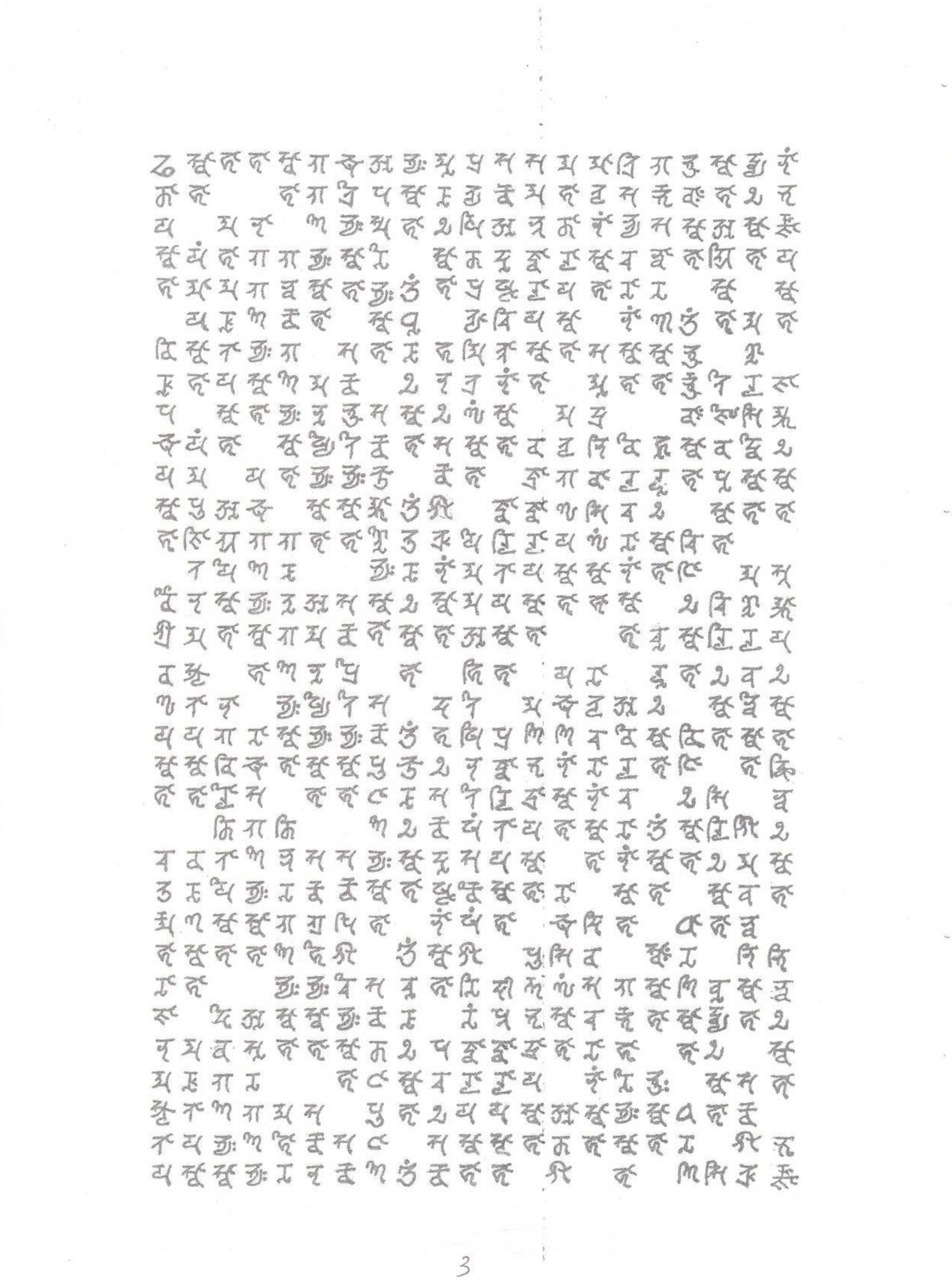
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn cát tường

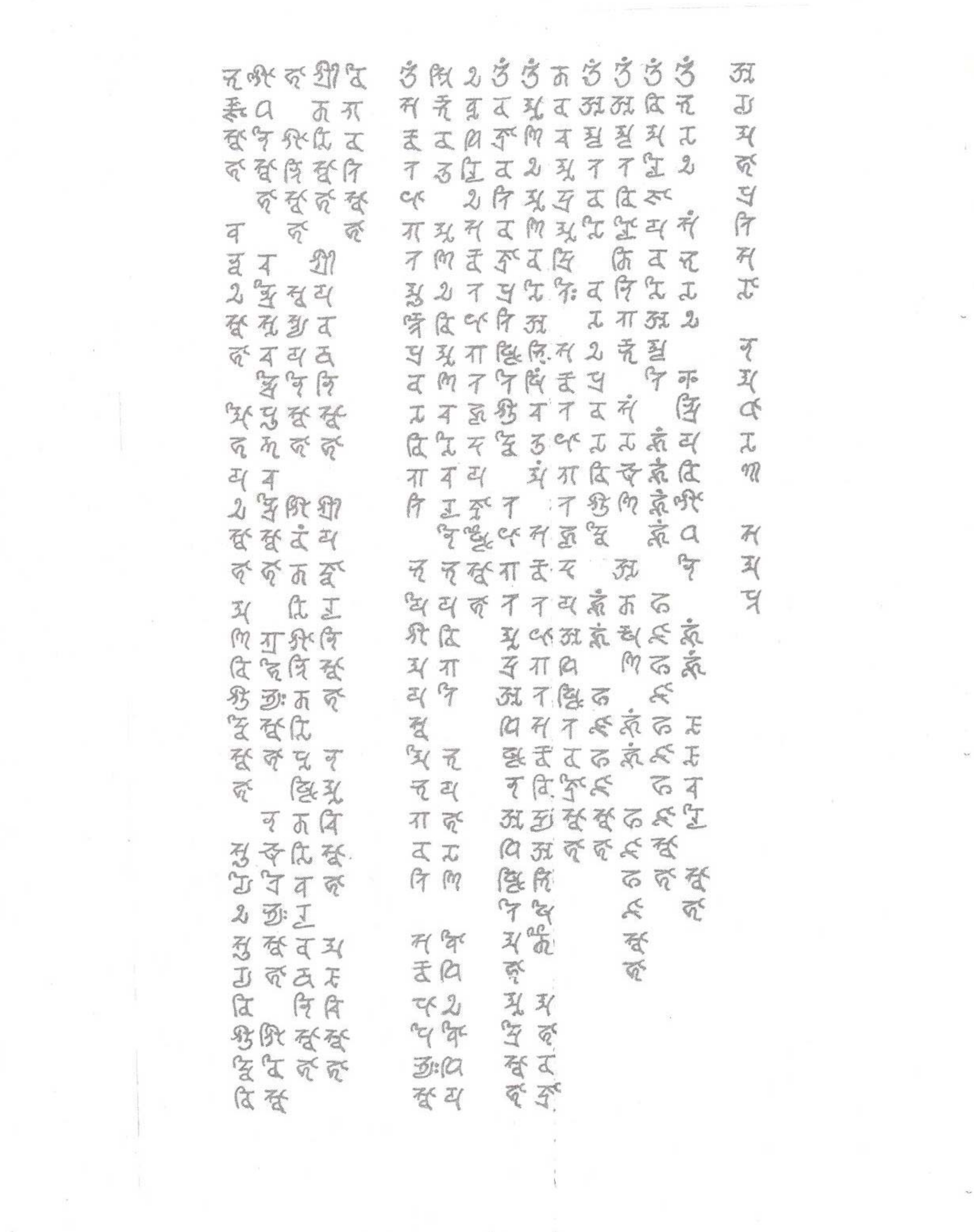
Hiệu chỉnh xong vào ngày 14/05/2014

[illegible]

Đại Tùy Cầu ĐLN







MỤC LỤC


南無護法韋馱尊天菩薩